

10 BÀI HỌC CHO THẾ GIỚI HẬU ĐẠI DỊCH

TEN LESSONS FOR A POST-PANDEMIC WORLD

FAREED
ZAKARIA

TÁC GIẢ SÁCH BÁN CHẠY *THE POST-AMERICAN WORLD*

HUY MINH dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Đại dịch đã chỉ ra rằng cách mạng công nghệ đang tiến xa hơn chúng ta nghĩ. Đối với nhiều người, những thay đổi này sẽ rất đáng sợ. Một số công việc sẽ mất đi, nhưng năng suất tổng thể sẽ tăng lên, tạo ra của cải lớn hơn có lợi cho tất cả mọi người. Chất lượng cuộc sống con người sẽ được cải thiện. Có những lo ngại về quyền riêng tư, xử lý dữ liệu và vai trò của chính phủ trong việc quản lý các công ty và quản lý chính mình trong lĩnh vực này. Nhưng đây không phải là những vấn đề không thể giải quyết; chúng ta có thể hưởng lợi ích của cuộc sống số và vẫn có thể bảo vệ quyền riêng tư của chúng ta. Và nếu chúng ta quan tâm phát triển những quy định xung quanh các cuộc cách mạng về AI và kỹ thuật y sinh, chúng ta sẽ không đánh mất những phẩm chất chỉ có ở con người. Thật ra, chúng ta sẽ càng đề cao con người.

Máy tính càng thông minh hơn trong việc tính toán dữ liệu và đưa ra câu trả lời, thì nó càng buộc ta phải suy nghĩ xem cái gì chỉ có ở con người chúng ta, ngoài khả năng suy luận. Trong phần lớn lịch sử, con người được ca ngợi vì nhiều phẩm chất khác chứ đâu chỉ vì khả năng tính toán — dũng cảm, trung thành, độ lượng, đức tin, tình yêu thương. Chuyển đến cuộc sống kỹ thuật số là sâu rộng, nhanh chóng và là hiện thực. Nhưng có lẽ một trong những hệ quả sâu xa nhất của nó là khiến chúng ta sẽ phải trân trọng những điều con người nhất trong ta.

(Trích “Bài học 5 — Cuộc đời là sống số”)



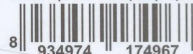
CÀO TEM, QUÉT MÃ, TÍCH ĐIỂM



ISBN 978-604-1-19010-8



10 bài học cho TG hậu đại dịch



Giá: 190.000 đ

10 BÀI HỌC CHO THẾ GIỚI HẬU ĐẠI DỊCH

TEN LESSONS FOR A POST-PANDEMIC WORLD

Copyright © 2020, Fareed Zakaria. All rights reserved.

Bản tiếng Việt © NXB Trẻ, 2021.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Zakaria, Fareed

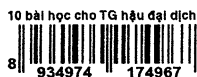
10 bài học cho thế giới hậu đại dịch / Fareed Zakaria ; Huy Minh dịch. - In lần
thứ 1. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021.

336 tr. ; 23 cm.

Nguyên bản : Ten lessons for a post-pandemic world.

1. Lịch sử hiện đại -- Thế kỷ 21. 2. Chính trị thế giới. 3. Tổ chức quốc tế. 4.
Thương mại quốc tế. 5. Dân tộc học. 6. Bình đẳng. 7. Toàn cầu hóa. 8. Âm ảnh xã
hội. 9. Sức khỏe thế giới. I. Huy Minh. II. Ts. III. Ts: Mười bài học cho thế giới hậu
dịch. IV. Ts: Ten lessons for a post-pandemic world. V. Ts: 10 lessons for a post
pandemic world.

303.49 -- ddc 23
Z21



FAREED ZAKARIA

10 BÀI HỌC
CHO THẾ GIỚI
HẬU ĐẠI DỊCH

TEN LESSONS FOR A POST-PANDEMIC WORLD

SÁCH THAM KHẢO

HUY MINH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời nhà xuất bản

Khi Fareed Zakaria hoàn tất bản thảo *10 bài học cho thế giới hậu đại dịch*, thì tình hình Covid-19 diễn biến khôn lường khắp toàn cầu đã được 10 tháng. Cuốn sách ra mắt lần đầu lúc thế giới vẫn chưa tìm ra vaccine, hầu hết các xã hội đóng cửa đã gần một năm với nhiều tổn thất nặng nề: kinh tế toàn cầu đứt gãy, vận chuyển hàng không gần như đứng yên, du lịch ngừng hẳn...

Theo các nghiên cứu, đại dịch phát sinh từ một loại virus mà y học hiện đại chưa từng gặp, những lúng túng và sai lầm trong đối phó và xử lý, nhiều thất bại lớn nhất trong đợt đầu chống dịch lại xảy ra ở nhiều quốc gia có nguồn lực hùng hậu bậc nhất thế giới.

Chính quyền khi đặt sức khỏe của người dân lên hàng đầu sẽ dành mọi nguồn lực chống dịch cho dân. Fareed Zakaria viết, đây là 10 bài học ông chiêm nghiệm trong thời gian giãn cách xã hội của chính mình. Nhưng một thế giới sẽ còn sống chung với nhiều dịch bệnh nữa, thì việc hợp tác quốc tế, cuộc sống số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo... từ đây trở đi sẽ là những vấn đề mỗi ngày mỗi thêm bài học mới.

Đúng với nghĩa bài học, cuốn sách này mang đến rất nhiều kiến thức **tham khảo hữu ích**, đặc biệt với những nhà hoạch định chính sách, với những nhà nghiên cứu, mà còn dành cho những

ai quan tâm, để thấy rõ thế nào là mặt trái của thị trường tự do, không thể có toàn cầu hóa khi nhân loại ở bên bờ vực đại dịch...

“Đây không phải là cuốn sách nói về đại dịch, mà là về thế giới đang hình thành do hậu quả của đại dịch và — quan trọng hơn — phản ứng của chúng ta với cục diện đó.

... Cuốn sách này viết về một thế giới ‘hậu đại dịch’ không phải khi virus corona ở lại phía sau lưng chúng ta, mà là khi chúng ta đã vượt qua ngưỡng cửa tử.

... Cuộc sống hậu đại dịch ở các quốc gia, các công ty và đặc biệt là các cá nhân sẽ mỗi nơi mỗi khác. Kinh tế và chính trị trở lại bình thường nhưng con người thì không. Họ sẽ phải trải qua khó khăn khác thường, và nhạy cảm với cơ hội mới, khó giành được.”

Và rồi, càng hiểu hơn một thể chế mang tinh thần không một ai bị bỏ lại, tinh thần hy sinh quên mình của người thầy thuốc tuyến đầu, những đánh đổi kinh tế để bảo vệ tính mạng người dân của chúng ta. Và giúp chúng ta luôn sẵn sàng lắng nghe, học hỏi khi những chuyển biến bất ngờ có thể ở phía trước.

Đó cũng chính là lý do Nhà xuất bản Trẻ muốn giới thiệu đến bạn đọc *10 bài học cho thế giới hậu đại dịch*.

Nhà xuất bản Trẻ

Vì sự phát triển cân bằng và bền vững

(đọc 10 bài học cho thế giới hậu đại dịch,
Nhà xuất bản Trẻ, 2021)

NGUYỄN TRÍ LÂN

Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Fareed Zakaria, một người Mỹ gốc Ấn, được nhiều người biết đến là một nhà báo, một nhà bình luận chính trị, một biên tập viên và tác giả chương trình *Fareed Zakaria GPS* trên CNN, những chuyên mục trên *The Washington Post*, *Newsweek International* và *Times*, và các khảo luận chính trị xã hội như *Từ thịnh vượng đến quyền lực* (1998), *Tương lai của tự do* (2003), *Thế giới hậu Hoa Kỳ* (2008 và 2011), *Sự bảo vệ của giáo dục tự do* (2015) và tác phẩm *10 bài học cho thế giới hậu đại dịch* (2020, bản dịch tiếng Việt 2021) mà độc giả đang cầm trên tay.

Chủ đề xuyên suốt của cuốn sách khắc họa câu hỏi duy nhất đối với mọi độc giả “Dù tàn khốc thế nào, đại dịch cũng sẽ qua, loài người học được những bài học nào từ đại dịch và sẽ hành xử ra sao sau đại dịch để cuộc sống tích cực có thể phục hồi, để sự phát triển trở nên bền vững và để đáp ứng xã hội trở nên đúng đắn và linh hoạt đối với các đại dịch trong tương lai?”

Một cách khái quát, cuốn sách *10 bài học cho thế giới hậu đại dịch* là một cuốn lược sử văn minh thế giới theo dòng các đại dịch mà qua đó thế giới của loài người đã và đang thay đổi theo cách thức không định sẵn và không thể đảo ngược, giống như cách thức mà những đợt tuyết chủng đã gây ra đối với thế giới sinh học. Với những độc giả đã từng bị cuốn hút bởi các tác phẩm trước của Fareed Zakaria, cuốn sách này mang đến một cảm xúc khác biệt. Bằng cách viết dựa trên so sánh liên tục và tầm nhìn trên các quy mô khác nhau, từ cận cảnh qua trung cảnh đến toàn cảnh và ngược lại, Fareed Zakaria đã giúp độc giả vượt lên tư duy phê phán tiêu cực để thấy một tương lai tích cực, hậu đại dịch, ngay từ những trải nghiệm bản thân và từ những thành công của các quốc gia trên khắp thế giới. Thay vì thảo luận chi tiết về nguồn gốc của đại dịch hay bình luận về các chính sách ứng phó với đại dịch theo phong cách quen thuộc, trong tác phẩm này Fareed Zakaria dẫn dắt độc giả qua những đại dịch được ghi nhận trong lịch sử nhân loại trong bối cảnh đan xen các khía cạnh nhà nước, văn hóa và kinh tế, để chỉ ra những bài học mang tính lịch sử và vẫn giữ nguyên giá trị trong bối cảnh hiện đại, hậu đại dịch COVID-19. Dù thời điểm và những sự kiện cụ thể khác nhau, những bài học lịch sử mang tính phổ quát lặp lại thường xuyên ở mỗi đại dịch.

Phương pháp suy luận lịch sử dựa trên bằng chứng của Fareed Zakaria đã làm nổi bật vai trò của nhà nước, của sự tôn trọng và chia sẻ tri thức, và của công nghệ trong các bài học được đánh số lần lượt hai, bốn, năm và sáu. Một nhà nước có khả năng ra quyết định phù hợp bối cảnh, cân bằng các yếu tố xã hội, văn hóa và kinh tế, dựa trên sự tôn trọng tri thức chia sẻ rộng rãi của chuyên gia và người dân kết hợp với việc ứng dụng công nghệ

số trực tuyến, theo Fareed Zakaria, dường như đang cung cấp một giải pháp thích hợp, linh hoạt và cân bằng đối với hầu hết các quốc gia trong và sau đại dịch.

Thông điệp trung tâm của cuốn sách xuất hiện trong khổ cuối: “Đại dịch đáng ghét này đã mở ra... một con đường đến một thế giới mới.” Nhưng con đường đó là con đường nào và thế giới mới sẽ thế nào lại là những câu hỏi đáng suy ngẫm đọng lại suy nghĩ của mỗi độc giả. Không ai có thể có những câu trả lời chính xác và chắc chắn, cũng như những bài học đã được Fareed Zakaria chỉ ra chỉ mang tính giả định lịch sử. Tuy nhiên, ý tưởng chính nằm đâu đó giữa những bài học, kêu gọi sự hợp tác chặt chẽ và tích cực hơn giữa các cá nhân, các tổ chức, các chính phủ và các tổ chức quốc tế trong việc tăng cường hiệu quả và cải thiện chất lượng của hệ thống dịch vụ công, giảm thiểu các bất bình đẳng xã hội trên quy mô toàn cầu và nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của nhà nước trong sự cân bằng của phát triển và ứng phó với các thảm họa.

Vào thời điểm các tỉnh thành phố trên cả nước chuẩn bị tái mở cửa bắt đầu một cuộc sống “bình thường mới”, bản dịch tiếng Việt của cuốn sách *10 bài học cho thế giới hậu đại dịch* mang đến cho mỗi độc giả những gợi ý về những bài học riêng của chính mình qua những trải nghiệm trong thời gian đại dịch và những bài học chung của xã hội cho những ý tưởng mới về cách thức hành xử đúng đắn hơn vì sự phát triển cân bằng và bền vững trong tương lai của bản thân và của xã hội.

Mùa trung thu 2021

The Future never spoke—
Nor will he like the Dumb
Reveal by sign a Syllable
Of his profound To Come—

But when the News be ripe
Presents it in the Act—
Forestalling Preparation—
Escape—or Substitute

Tạm dịch ý:

Tương Lai đời nào lên tiếng—
Không thì thành Ngốc sao
Chỉ Ra Dấu mà thôi
Thiên Cơ đến tới nơi—

Nhưng khi Thiên Cơ chín muồi
Thì ngài đã Ra Tay—
Chuẩn Bị sẵn Từ Trước—
Thoát thân—hay bị Thay

EMILY DICKINSON

Mục lục

<i>Lời nhà xuất bản</i>	v
<i>Lời tựa</i>	vii
GIỚI THIỆU Hiệu ứng dơi	1
BÀI HỌC 1 Siết dây an toàn	15
BÀI HỌC 2 Vấn đề không phải là số lượng mà là chất lượng của nhà nước	32
BÀI HỌC 3 Thị trường thôi chưa đủ	59
BÀI HỌC 4 Lắng nghe chuyên gia — và lắng nghe người dân	80
BÀI HỌC 5 Cuộc đời là sống số	103
BÀI HỌC 6 Aristotle nói đúng — Chúng ta là động vật xã hội	129
BÀI HỌC 7 Bất bình đẳng sẽ trở nên tồi tệ hơn	156
BÀI HỌC 8 Toàn cầu hóa không chết	177
BÀI HỌC 9 Thế giới đang trở thành lương cực	198
BÀI HỌC 10 Những người theo chủ nghĩa hiện thực vĩ đại nhất lại là những nhà lý tưởng	222
KẾT LUẬN Không có số phận được định sẵn	247
<i>Lời cảm tạ</i>	257
<i>Chú thích</i>	261
<i>Ghi nhận quyền tác giả</i>	318

GIỚI THIỆU

Hiệu ứng dơi

THE NEW YORK TIMES nói “khắp thế giới đi đâu cũng thấy cái đốm gai¹ đó.” Một ngày cuối tháng giêng năm 2020, Alissa Eckert cùng đồng nghiệp Dân Higgins tại Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Mỹ được giao nhiệm vụ sáng tạo minh họa loại virus corona mới. Cần “cái gì đó thu hút sự chú ý của công chúng,” Eckert giải thích với *The New York Times*. Họ đã tạo ra hình ảnh một quả địa cầu màu bạc đầy gai đỏ rực. Hết sức gợi tưởng và đáng sợ, và minh họa đó sớm xuất hiện khắp nơi, trên các tờ báo, tạp chí và trên các bản tin thời sự truyền hình. Nếu ngay lúc này bạn đang hình dung con virus corona trông ra sao, thì rất có thể bạn đang nghĩ đến minh họa của Eckert-Higgins hoặc một phái sinh từ đó. Trong thế giới hơi rùng rợn của các họa sĩ chuyên khoa y tế, minh họa này nổi tiếng là “ảnh chụp cái đẹp”, miêu tả cận cảnh một con virus duy nhất, khiến nó không chỉ trông đáng sợ mà còn rất to. Trên thực tế, virus corona mới có kích thước bằng 1/10.000 dấu chấm hết câu này.²

Chúng ta thường được khuyên hãy nghĩ lớn. Nhưng xem ra chúng ta nên bắt đầu nghĩ nhỏ đi là vừa. Chúng ta rất giỏi tưởng tượng những mối nguy hiểm lớn lao, truyền thống, song không chắc gì xảy ra, chẳng hạn các cuộc tấn công và xâm lược quân sự, và lập kế hoạch đối phó quy mô lớn. Các chính phủ chi hàng nghìn tỉ đôla để xây dựng quân đội bạt ngàn, theo dõi hành động quân sự trên khắp hành tinh, và tiến hành trò chơi chiến tranh chống lại kẻ thù tiềm ẩn. Chỉ riêng Mỹ đã dành gần ba phần tư của một nghìn tỉ đôla cho ngân sách quốc phòng mỗi năm.³ Ấy thế mà, chúng ta đã không chuẩn bị để chống lại một virus bé tí. Không chừng hóa ra đốm virus này lại gây thiệt hại lớn nhất về kinh tế, chính trị và xã hội cho nhân loại kể từ sau Thế chiến II.

Đây không phải là cuốn sách nói về đại dịch, mà là về thế giới đang hình thành do hậu quả của đại dịch và — quan trọng hơn — phản ứng của chúng ta với cục diện đó. Bất kỳ cú sốc lớn nào cũng có thể có những tác động đa dạng, tùy thuộc trạng thái của thế giới vào thời điểm xảy ra cú sốc và tùy vào cách con người phản ứng — sợ hãi hay chối bỏ hay thích ứng. Trong trường hợp của loại virus corona mới này, tác động đang được định hình bởi thực tế rằng thế giới được kết nối sâu sắc với nhau, rằng hầu hết các quốc gia không được chuẩn bị để đối phó đại dịch, và khi gặp đại dịch, nhiều quốc gia trong số đó — kể cả các quốc gia giàu nhất thế giới — đã đóng cửa xã hội và nền kinh tế của họ theo một cung cách hành xử chưa từng có trong lịch sử loài người.

Cuốn sách này viết về một “thế giới hậu đại dịch” không phải khi virus corona ở lại phía sau lưng chúng ta, mà là khi chúng ta đã vượt qua ngưỡng cửa tử. Cho đến nay, hầu như tất cả những ai còn sống đều chưa mắc phải một dịch bệnh nào đó. Nhưng

bây giờ chúng ta đã biết đại dịch trông ra sao rồi. Chúng ta đã chứng kiến những thách thức và chi phí để đối phó với nó. Covid-19 có thể vẫn tồn tại, nhưng kể cả khi nó bị diệt sạch, những đợt bùng phát các bệnh mới khác gần như chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai. Với kiến thức và kinh nghiệm này, giờ đây chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên mới: hậu đại dịch.

Hậu quả của đại dịch này chính xác là gì? Một số người cho rằng nó sẽ là sự kiện bản lề⁴ của lịch sử hiện đại, một khoảnh khắc làm thay đổi vĩnh viễn hướng đi của lịch sử. Những người khác tin rằng sau khi có vaccine, chúng ta sẽ nhanh chóng trở lại làm ăn như bình thường.⁵ Còn những người khác nữa cho rằng đại dịch sẽ không định hình lại lịch sử nhiều bằng làm cho lịch sử tăng tốc.⁶ Xem chừng kịch bản thứ ba có khả năng xảy ra nhất. Lenin được cho là đã từng nói, “Có những thập kỷ trôi qua mà chẳng có điều gì xảy ra. Lại có những tuần lễ mà như hàng thập kỷ diễn ra.” Thế giới hậu đại dịch, ở nhiều khía cạnh, sẽ là phiên bản tăng tốc của thế giới chúng ta từng biết. Nhưng khi bạn đưa cuộc sống tua nhanh tới trước, các sự kiện không còn diễn ra tự nhiên nữa, và hậu quả có thể là phá hủy, thậm chí chết chóc. Trong những năm 1930, nhiều nước đang phát triển đang hiện đại hóa với tốc độ ổn định, chuyển con người từ nông nghiệp sang công nghiệp. Liên Xô quyết định đẩy nhanh quá trình đó một cách quyết liệt. Quyết định này, tập thể hóa nông nghiệp, đã dẫn đến nạn đói, “thanh lý” hàng triệu nông dân, chế độ toàn trị và sự biến dạng của xã hội Xô viết. Một thế giới lạm dụng hormone tăng trưởng có thể có các tác dụng phụ khôn lường.

Cuộc sống hậu đại dịch ở các quốc gia, các công ty và đặc biệt là các cá nhân sẽ mỗi nơi mỗi khác. Kinh tế và chính trị trở lại bình thường nhưng con người thì không. Họ sẽ phải trải qua

khó khăn khác thường, và nhạy cảm với cơ hội mới, khó giành được. Sống sót sau bệnh cúm Tây Ban Nha, một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết năm 1937 của William Maxwell, *They Came Like Swallows*, cảm thấy “điều kỳ diệu đeo bám anh ta⁷ (vì đó là một điều mặc khải: anh ta cũng như bất kỳ ai khác đều không biết rằng cuộc đời mình sẽ như thế này).” Khi những khổ nạn nhất qua đi, chúng ta bước vào “ánh sáng lạnh lẽo chết chóc của ngày mai”, như nhà văn Katherine Anne Porter đã viết trong cuốn tiểu thuyết bán tự truyện năm 1939 của bà, *Pale Horse, Pale Rider*, về việc sống sót sau đại dịch tương tự. Dòng cuối cùng bà viết: “Bây giờ sẽ có thời gian cho mọi sự trên đời.”⁸

DỊCH BỆNH VÀ HẬU QUẢ

Lẽ ra chúng ta phải thấy nó đến.⁹ Virus corona có thể mới nhưng bệnh dịch thì không. Văn học phương Tây bắt đầu bằng một dịch bệnh. Trong những câu mở đầu trường ca *Iliad* của Homer, quân Hy Lạp bị dịch bệnh tàn phá. Hóa ra là sự trừng phạt của thần linh nhằm vào người lãnh đạo của họ, Hoàng đế Agamemnon kiêu ngạo, hám lợi và hay sinh sự. Lịch sử chính quy đầu tiên được viết ở phương Tây xoay quanh một bệnh dịch. *History of the Peloponnesian War* của Thucydides ghi lại xung đột kéo dài giữa hai siêu cường thời đó, Athens và Sparta. Thucydides viết, vào đầu cuộc chiến, một trận dịch hạch khủng khiếp quét qua Athens, giết chết một số lượng lớn công dân khỏe mạnh và, quan trọng nhất là, nhà lãnh đạo vô song của thành bang này, Pericles. Hai phe có hệ thống chính trị rất khác nhau: Athens là dân chủ, Sparta là một xã hội chiến binh được điều hành khắt khe hơn. Sparta cuối cùng đã thắng thế,

và không quá lời mà nói rằng, nếu không có bệnh dịch, không chừng Athens đã thắng, và tiến trình lịch sử phương Tây sẽ khác đi — với một nền dân chủ đầy sức sống trở thành hình mẫu thành công thay vì là một ngọn lửa cháy bùng rực rỡ rồi vụt tắt. Dịch bệnh để lại hậu quả mà.

Hậu quả nặng nề nhất cho đến nay là bệnh dịch hạch, bắt đầu ở Trung Á vào những năm 1330 và lây lan sang châu Âu trong thập kỷ tiếp theo. Một biên niên sử thời Trung cổ cáo buộc¹⁰ người Mông Cổ đã đưa căn bệnh này vào lục địa châu Âu bằng cách dùng máy bắn đá phóng những xác chết nhiễm bệnh dịch¹¹ vào pháo đài của người Genova — một loại vũ khí sinh học sơ khai. Nhưng nhiều khả năng hơn là bệnh dịch hạch lây lan qua thương mại toàn cầu, do các đoàn lữ hành và tàu vận chuyển hàng hóa từ phương Đông đến các cảng lớn như Messina ở Sicily và Marseilles ở Pháp. Còn được gọi là Cái Chết Đen, lây nhiễm qua bọ chết sống trên lưng chuột và tấn công hệ bạch huyết của nạn nhân, gây đau đớn và tử vong trên quy mô chưa từng thấy thời đó. Có tới một nửa dân số châu Âu đã bị xóa sổ.¹² Căn bệnh này, giống như nhiều bệnh khác, không bao giờ loại bỏ được hoàn toàn. Tổ chức Y tế Thế giới vẫn báo cáo vài trăm trường hợp mắc bệnh dịch hạch mỗi năm,¹³ may mắn là bây giờ có thể điều trị được bằng kháng sinh.

Bệnh dịch hạch có tác động địa chấn. Các học giả tin rằng do quá nhiều người chết, nền kinh tế thời đó đã bị đảo lộn. Walter Scheidel giải thích rằng lao động trở nên khan hiếm và đất đai thừa mứa, vì thế tiền công tăng lên và giá thuê đất giảm.¹⁴ Công nhân có lợi thế trong thương lượng hơn và giới quý tộc bị thua thiệt. Chế độ nô lệ đã tàn lụi ở phần lớn Tây Âu. Tất nhiên, tác động ở mỗi quốc gia mỗi khác dựa trên cấu

trúc kinh tế và chính trị của từng nước. Bất bình đẳng gia tăng thực sự ở một số nơi áp dụng các biện pháp đàn áp. Ví dụ, giới địa chủ quý tộc Đông Âu lợi dụng tình trạng khốn cùng và hỗn loạn để siết chặt và áp đặt chế độ nông nô lần đầu tiên. Ngoài những tác động vật chất này, bệnh dịch hạch đã thúc đẩy một cuộc cách mạng tri thức. Nhiều người châu Âu thế kỷ 14 đã hỏi tại sao Chúa lại để cho địa ngục hiện diện trên trần gian và chất vấn hệ thống phân tầng giai cấp thâm căn cố đế¹⁵ — rốt cuộc đã giúp châu Âu thoát khỏi tình trạng bất ổn thời Trung cổ và khởi động thời kỳ Phục hưng,¹⁶ Cải cách và Khai sáng. Từ chết chóc và kinh hoàng đến khoa học, hiện đại và phát triển. Rất may, với Covid-19, chúng ta không gặp phải tình trạng chết hàng loạt như vậy. Nhưng liệu đại dịch của thời đại chúng ta có thể kích thích một tinh thần tự vấn xã hội tương tự, một cú sốc tương đương để thức tỉnh thói tự mãn của chúng ta không?

Nhà sử học William McNeill, người đã viết khảo sát về *Bệnh dịch và các dân tộc* có ảnh hưởng lớn về sau, bị thu hút với dịch tễ học khi tìm cách giải thích một điều khó hiểu: Tại sao số lượng nhỏ binh lính châu Âu lại có thể nhanh chóng chinh phục và cải đạo hàng triệu người ở Mỹ Latinh? Ví dụ, nhà thám hiểm người Tây Ban Nha Hernán Cortés bắt đầu với 600 binh lính đối mặt cả một Đế chế Aztec hàng triệu người.¹⁷ McNeill tìm ra câu trả lời liên quan đến các bệnh dịch. Người Tây Ban Nha không chỉ mang theo vũ khí tối tân mà còn mang theo cả những căn bệnh như bệnh đậu mùa, thứ bệnh mà họ đã có được khả năng miễn dịch nhưng người bản xứ thì không. Ước tính số người chết của các đợt bùng phát đi theo đó thật choáng váng, từ 30% dân số lúc đầu lên đến 60% đến 90% trong suốt thế kỷ 16 — tổng cộng lên đến hàng chục triệu người.¹⁸ McNeill

tưởng tượng “những tác động tâm lý của một căn bệnh chỉ giết chết người da đỏ và khiến người Tây Ban Nha không hề hấn gì.” Ông suy đoán, người bản xứ rút ra kết luận là người nước ngoài thờ các vị thần quyền năng. Điều đó có thể giúp giải thích tại sao rất nhiều người trong số họ đã phục tùng sự kiểm soát của Tây Ban Nha và cải sang đạo Thiên Chúa.

Đại dịch vẫn còn in đậm trong ký ức của chúng ta là dịch cúm Tây Ban Nha, tấn công thế giới vào giữa Thế chiến I và giết chết khoảng 50 triệu người,¹⁹ nhiều hơn gấp hai lần số người chết trận.²⁰ (Được gọi là cúm Tây Ban Nha không phải vì bắt đầu ở Tây Ban Nha,²¹ mà bởi vì đất nước đó, không tham chiến, đã không kiểm duyệt tin tức. Do đó sự bùng phát dịch bệnh được đưa tin từ Tây Ban Nha, khiến mọi người cho rằng nó bắt nguồn từ đây.) Khoa học đã tiến bộ mạnh mẽ kể từ đầu thế kỷ 20. Hồi đó, chưa ai từng thấy virus, càng không biết cách điều trị người nhiễm phải bệnh này.²² Kính hiển vi điện tử chưa được phát minh, cũng chưa có thuốc kháng virus. Tuy nhiên, ba hướng dẫn quan trọng nhất của các cơ quan y tế vào thời đó — giãn cách xã hội, đeo khẩu trang và rửa tay — vẫn là ba trong bốn cơ chế quan trọng nhất được sử dụng ngày nay để kìm hãm sự lây lan của virus corona, cho đến khi phát triển được vaccine. Cơ chế thứ tư, thường xuyên xét nghiệm, là một bổ sung hiện đại.

Trong những thập niên gần đây, dịch SARS, MERS, cúm gia cầm, cúm lợn và Ebola lây lan nhanh chóng và rộng khắp, khiến nhiều chuyên gia cảnh báo có khả năng chúng ta sẽ sớm đối mặt với một đại dịch toàn cầu. Công chúng cũng đã lưu ý. Năm 1994, cuốn sách bán chạy của Richard Preston, *The Hot Zone*, trình bày chi tiết nguồn gốc của virus Ebola. Bộ phim *Contagion*

năm 2011, lấy cảm hứng từ đại dịch SARS năm 2002-2003 và dịch cúm lợn năm 2009, tưởng tượng ra một loại virus cướp đi sinh mạng của 26 triệu người trên khắp thế giới. Năm 2015, Bill Gates đã cảnh báo trên TED Talk²³ rằng “trong vòng vài thập kỷ tới nếu có thứ gì giết chết hơn 10 triệu người, thì rất có thể đó là một loại virus có khả năng lây nhiễm cao.” Vào năm 2017, ông gióng hồi chuông báo động lớn hơn, dự đoán trong một bài phát biểu tại Hội nghị An ninh Munich²⁴ rằng rất có khả năng trong mười đến mười lăm năm tới một đại dịch như thế sẽ bùng phát.

Không cần phải nhìn đâu xa để hình dung một trận đại dịch và tranh luận về việc đầu tư thêm thời gian, nguồn lực, và nỗ lực để ngăn chặn nó. Vào tháng 6 năm 2017, khi Tổng thống Donald Trump đề xuất cắt giảm ngân sách trong các cơ quan then chốt về sức khỏe cộng đồng và bệnh tật, tôi đã dành một phần trong chương trình của tôi trên CNN cho chủ đề này:²⁵

Một trong những mối đe dọa lớn nhất mà Mỹ phải đối mặt không hề lớn chút nào. Trên thực tế, nó rất nhỏ, siêu nhỏ, nhỏ hơn đầu đinh ghim hàng nghìn lần. Các mầm bệnh chết người, nhân tạo hoặc tự nhiên, có thể gây ra một cuộc khủng hoảng sức khỏe toàn cầu và Mỹ hoàn toàn không được chuẩn bị để đối phó.... Người ta chỉ cần tua ngược 100 năm trở về 1918, khi đại dịch cúm Tây Ban Nha giết chết ước tính 50 triệu người trên toàn cầu. Về nhiều phương diện, ngày nay chúng ta thậm chí còn dễ bị tổn thương hơn. Các thành phố đông đúc, chiến tranh, thiên tai và giao thông hàng không quốc tế đồng nghĩa với việc một loại virus chết người lây nhiễm trong một ngôi làng nhỏ ở châu Phi có thể lan truyền hầu khắp mọi nơi trên thế giới, kể cả Mỹ, trong vòng 24 giờ.... An toàn sinh học và đại

dịch toàn cầu vượt qua mọi biên giới quốc gia. Nguồn bệnh, virus, và bệnh tật là những sát thủ bình đẳng về cơ hội. Khi khủng hoảng xảy ra, chúng ta sẽ ước mình có nhiều nguồn quỹ hơn và hợp tác toàn cầu hơn. Nhưng khi đó, sẽ là quá muộn.

Đã quá muộn. Chúng ta đã có rất nhiều cảnh báo để tự bảo vệ mình trước Covid-19. Nhưng ngoài những nguy hiểm đặc thù của một đại dịch, đáng lẽ chúng ta còn phải biết là có khả năng xảy ra cú sốc toàn hệ thống nữa.

Sau Chiến tranh Lạnh, thế giới chuyển sang một hệ thống quốc tế mới có đặc trưng gồm ba thế lực, thế lực địa chính trị, thế lực kinh tế và thế lực công nghệ — sức mạnh của nước Mỹ, thị trường tự do và Cách mạng thông tin. Có vẻ như cả ba thế lực này cùng nhau tạo ra một thế giới mở và thịnh vượng hơn. Nhưng đó vẫn là một thế giới đầy rẫy khủng hoảng — có những khủng hoảng sẽ vượt quá tầm kiểm soát. Cuộc chiến vùng Balkan, sụp đổ tài chính châu Á, vụ tấn công 11 tháng 9, khủng hoảng tài chính toàn cầu và bây giờ là Covid-19. Tuy khác nhau, nhưng chúng có một điểm chung quan trọng. Tất cả đều là những cú sốc *bất đối xứng*²⁶ — những thứ bắt đầu rất nhỏ nhưng cuối cùng lại gửi sóng địa chấn đi khắp thế giới. Điều này đặc biệt đúng với ba vụ việc được đánh giá là có hậu quả dai dẳng nhất — tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9, khủng hoảng tài chính năm 2008, và virus corona.

Vụ tấn công 11 tháng 9 làm rung chuyển toàn cầu, tập trung sự chú ý vào phản ứng cụ thể dữ dội đối với thế giới mới này, mà trước đó nhiều người ở phương Tây đã bỏ qua. Các cuộc tấn công đưa sự thịnh nộ của Hồi giáo cực đoan, căng thẳng ở Trung Đông và mối quan hệ phức tạp của phương Tây với cả

hai, vào trọng tâm. Vụ tấn công đó đã khiến Mỹ phản ứng một cách hung hăng. Nước này mở rộng quy mô bộ máy an ninh nội địa rộng lớn — nhưng cũng phát động các cuộc chiến ở Afghanistan và Iraq và các chiến dịch tìm-diệt ở những nơi khác, ước tính chi tiêu 5,4 nghìn tỉ USD cho “Cuộc chiến chống khủng bố”.²⁷ Chiến dịch đó đã dẫn đến đổ máu, đàn áp và người tị nạn, với hàng triệu thương vong và tro bụi vẫn còn đến tận ngày nay.

Cú sốc thứ hai hoàn toàn khác, một vụ sụp đổ tài chính thuộc loại quen thuộc trong lịch sử. Thời kỳ thuận lợi dẫn đến giá tài sản tăng, dẫn đến đầu cơ, rồi bong bóng, và cuối cùng, chắc chắn là sụp đổ. Mặc dù khủng hoảng bắt đầu ở Mỹ, nhưng nó nhanh chóng lan rộng khắp hành tinh, đẩy thế giới vào suy thoái kinh tế tồi tệ nhất kể từ sau Đại Suy thoái. Nền kinh tế phục hồi chậm nhưng thị trường bùng nổ, đẩy mạnh phân hóa giữa vốn tư bản và lao động. Về chính trị, cuộc khủng hoảng này có những tác động phức tạp và xói mòn. Mặc dù gốc rễ sụp đổ là sự thái quá của khu vực tư nhân, ở nhiều quốc gia, người ta đã không chuyển sang cánh tả vì lý do kinh tế; họ chuyển sang cánh hữu vì lý do văn hóa. Lo lắng về kinh tế làm nảy sinh lo lắng về văn hóa, thù ghét người nhập cư, và nỗi hoài niệm muốn được quay lại với những ngày xưa thân ái. Chủ nghĩa dân túy cánh hữu bùng mạnh khắp phương Tây.²⁸

Cú sốc thứ ba là cú sốc chúng ta đang trải qua. Có thể là lớn nhất trong ba cú sốc, và chắc chắn là toàn cầu nhất. Bắt đầu chỉ là một vấn đề y tế ở Trung Quốc. Cuộc khủng hoảng sức khỏe này dẫn đến việc đóng cửa đồng thời tất cả các hoạt động làm ăn trên toàn cầu, dẫn đến Đại Tê liệt, bản thân nền kinh tế ngừng hoạt động. Theo một số đánh giá,²⁹ thiệt hại kinh tế từ

đại dịch này đã ngang ngửa với Đại Suy thoái.³⁰ Hậu quả chính trị sẽ diễn ra trong thời gian tới theo những cách khác nhau ở các quốc gia khác nhau. Các hậu quả xã hội và tâm lý — sợ hãi, cô lập, sống không mục đích — có thể tồn tại còn lâu hơn nữa. Covid-19 đang có những ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài lên mỗi chúng ta, những tác động mà chúng ta chưa thể nắm bắt hết.

Tuy nhiên, mỗi khủng hoảng trong ba cuộc khủng hoảng lớn toàn cầu này đều khởi động bằng một chuyện nhỏ nhặt, dường như tầm thường. Hãy nghĩ về vụ tấn công ngày 11 tháng 9, do 19 thanh niên phát động, được trang bị những vũ khí đơn giản và thô sơ nhất, những con dao nhỏ, không khác mấy so với những thứ được sử dụng trong Thời đại Đồ đồng 4.000 năm trước. Nhưng 19 con người đó đã làm dấy lên cả một làn sóng chiến tranh, hoạt động tình báo, bạo loạn, và đàn áp trên khắp thế giới. Hoặc xem xét nguồn gốc của khủng hoảng tài chính toàn cầu — một sản phẩm tài chính ít người biết đến, “hoán đổi nợ tín dụng”, một loại chính sách bảo hiểm chủ yếu dành cho các khoản thế chấp, được đóng gói và rã gói, chia nhỏ, bán đi bán lại, cho đến khi nó trở thành 45 nghìn tỉ đôla vốn hóa thị trường,³¹ lớn gấp ba lần nền kinh tế Mỹ, và bằng ba phần tư quy mô của nền kinh tế toàn cầu.³² Và khi thị trường đó sụp đổ, nó kéo theo nền kinh tế thế giới, và tất nhiên, kích hoạt làn sóng chủ nghĩa dân túy. Nếu không có giao dịch hoán đổi nợ tín dụng, có lẽ đã không bao giờ có một Tổng thống Donald Trump.

Và trong trường hợp của đại dịch này, giờ đây tất cả chúng ta đều nhận ra làm sao virus nhỏ xíu trong một con dơi ở tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, lại khiến cả thế giới suy sụp — ví dụ thực tế về hiệu ứng cánh bướm, theo đó tiếng đập cánh của

một con bướm có thể ảnh hưởng đến các kiểu thời tiết ở bên kia thế giới.³³ Những thay đổi nhỏ có thể gây ra hậu quả lớn. Trong lưới điện hoặc mạng máy tính, nếu một phần tử nhỏ bị hỏng và sau đó chuyển sức tải của nó sang phần tử khác, đến lượt phần tử này hỏng, có thể tạo thành phản ứng dây chuyền lớn hơn bao giờ hết, giống như một gợn sóng trở thành cả làn sóng âm ầm. Nó được gọi là “thất bại xếp tầng”. Một trục trặc phần mềm duy nhất hoặc một máy biến áp bị hỏng có thể làm tắt toàn bộ hệ thống. Điều tương tự cũng xảy ra trong sinh học. Một nhiễm trùng nhỏ trong máu có thể dẫn đến một cục máu đông nhỏ, thông qua phản ứng dây chuyền, có thể gây ra một cơn đột quỵ lớn — quá trình được gọi là dòng thác thiếu máu cục bộ.

Thời xưa, dịch bệnh được coi là chuyện nằm ngoài quyền hạn hoặc trách nhiệm của con người. Ví dụ, từ cúm có nguồn gốc từ dân gian Ý cho rằng cảm lạnh và sốt do ảnh hưởng của các vì sao.³⁴ Tuy nhiên, theo thời gian, nhận thức đã thay đổi và con người tập trung nhiều hơn vào các đặc điểm đã thấy rõ của vấn đề, một bước quan trọng để sau đó xem có thể làm được gì. Người Pháp bắt đầu gọi bệnh cúm (*grippe*),³⁵ từ từ “co thắt” (seizure), có lẽ ám chỉ cảm giác căng tức ở cổ họng và ngực. Kể từ năm 1990, các trận cúm bất ngờ, đại trà đã bao trùm khắp thế giới — cứ khoảng mười năm thì có một trận — với các hiệu ứng tầng.* Sẽ có nhiều nữa. Chúng không xảy ra có chủ ý, nhưng cũng không phải hoàn toàn ngẫu nhiên. Dường như

* Cascading effect: Hiệu ứng tầng là một chuỗi các sự kiện không thể tránh khỏi và đôi khi không lường trước được do một hành động ảnh hưởng đến cả hệ thống. (Nxb)

chúng là một yếu tố cố hữu của hệ thống quốc tế mà chúng ta đã xây dựng. Chúng ta cần hiểu hệ thống đó — nói cách khác, hiểu thế giới mà chúng ta đang sống — để nhìn thấy thế giới hậu đại dịch sắp xuất hiện.

BÀI HỌC 1

Siết dây an toàn

C OVID-19 LÀ ĐẠI DỊCH *mới toanh*, làm đảo lộn nhiều mô hình và giả định hàng ngày của chúng ta. Nhưng nó cũng phát lộ những khía cạnh của một thế giới đã rất cũ kỹ. Tình trạng khẩn cấp do dịch bệnh này làm nổi bật lên một trong những sự thật lâu đời nhất về đời sống quốc tế — rằng nói cho cùng, các quốc gia đều phải tự xoay sở. Khi đại dịch ập tới, các quốc gia lâu nay kẻ vai sát cánh — chẳng hạn như ở châu Âu — liền đóng cửa biên giới và tập trung vào sự sống còn của chính mình. Chuyện đó không làm các học giả về quan hệ quốc tế ngạc nhiên, họ đã lưu ý rằng khác biệt quan trọng nhất giữa chính trị trong nước và quốc tế là ở chỗ, không có cơ quan quyền lực tối cao, không có nhà nước thế giới,¹ không có Leviathan duy trì trật tự.* Điều kiện căn bản đó đã gợi lên trong

* *Leviathan hay Vật chất, Hình thức và Quyền lực của một Nhà nước, Giáo hội và Dân sự* (tiếng Anh: *Leviathan or The Matter, Forme and Power of a Common-Wealth, Ecclesiasticall and Civil*), thường được đề cập là *Leviathan*, là tác phẩm tiểu luận của nhà triết học người Anh Thomas Hobbes (1588-1679), xuất bản lần đầu tiên vào năm 1651. Tiêu đề của tác phẩm được lấy từ tên con quái thú Leviathan trong Kinh thánh. Tác phẩm biên niên sử lại những cuộc phiêu lưu về chính trị hiện đại từ trạng thái thời nguyên thủy của con người, mà Hobbes đã miêu tả là trạng thái

tâm trí của nhiều nhà tư tưởng về một thế giới cạnh tranh và xung đột triền miên. Thomas Hobbes miêu tả các quốc gia luôn “ở trong trạng thái và tư thế của các võ sĩ giác đấu;² chia vũ khí ra, và mất họ gườm nhau.” Trên thực tế, lịch sử đầy những giai đoạn chiến tranh và hòa bình. Thế kỷ vừa qua, các quốc gia đã có thời gian hòa bình nhiều hơn chiến tranh. Thương mại, du lịch và đầu tư xuyên biên giới đã tăng vọt. Các quốc gia đã tạo ra nhiều cơ chế và thể chế để hợp tác và giải quyết những vấn đề chung. Nhưng rốt cuộc, trong cơn hoạn nạn khôn cùng thì mạnh ai nấy lo.

Covid-19 tấn công một thế giới đã đạt được cấu trúc thiết yếu trong những năm sau Chiến tranh Lạnh. Cạnh tranh giữa các cường quốc đang lắng xuống và thương mại toàn cầu bùng nổ,³ các quốc gia gắn kết bằng mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau mạnh mẽ. Nhưng hội nhập kinh tế cũng tạo ra những đối trọng, khi các nước cố gắng giành lợi thế và các đối thủ kinh tế mới vươn lên trở thành những thách thức địa chính trị. Cũng trong những năm này, Cách mạng công nghệ thông tin đảm bảo rằng mọi thứ — hàng hóa, dịch vụ, văn hóa và ý tưởng — đều di chuyển với tốc độ chóng mặt. Bệnh tật cũng vậy. Tất cả những dòng chảy hữu hình và vô hình đó chảy qua mọi quốc gia trên hành tinh, nhưng không một quốc gia nào có thể tự định hình chúng. Mọi người đều được kết nối, nhưng không ai có quyền kiểm soát. Nói cách khác, thế giới chúng ta đang sống là mớ

cuộc chiến chống lại tất cả, bị chi phối bởi các thế lực tranh giành cái tốt nhất, mãi cho đến khi con người thành lập xã hội dân sự. Tác phẩm liên quan đến cấu trúc của xã hội và chính phủ hợp pháp, và được coi là một trong những ví dụ sớm nhất và có ảnh hưởng nhất của lý thuyết Khế ước xã hội. *Leviathan* lập luận con người về cơ bản là những sinh vật ích kỷ, sẽ làm bất cứ điều gì để cải thiện hoàn cảnh của họ. (Wikipedia)

toang, tốc độ nhanh — và do đó, theo định nghĩa, hầu như *không ổn định*.

Thật khó mà làm cho bất cứ thứ gì năng động và mở toang thông thống như vậy ổn định được. Nó chỉ ra rằng với bất kỳ hệ thống nào, bạn chỉ có thể có hai trong ba đặc điểm này — mở, nhanh, ổn định. Một hệ thống mở và nhanh chóng, giống như thế giới chúng ta đang sống, vốn dĩ sẽ không ổn định. Nhanh và ổn định thì sẽ có xu hướng đóng, như Trung Quốc. Nếu hệ thống mở và ổn định, nó sẽ chậm chạp chứ không thể năng động. Hãy nghĩ về các đế chế Áo-Hung và Ottoman thế kỷ 19: mệnh mông, mở, đa dạng — và lụi tàn. “Bộ ba nan giải” này phỏng theo ý tưởng của nhà công nghệ Jared Cohen, người đã nhận xét rằng mạng máy tính phải chọn hai trong ba phẩm chất: độ mở, tốc độ và bảo mật. Các nhà kinh tế học có phiên bản riêng về ý tưởng này, “bộ ba chính sách”,⁴ cho là các quốc gia chỉ có thể có hai trong ba yếu tố sau: dòng vốn tự do, ngân hàng trung ương độc lập, và tỷ giá hối đoái cố định. Từ ngữ có vẻ học thuật nhưng thật ra tất cả những bộ ba nan giải này đều có thể hiểu bằng một ý niệm đơn giản — nếu mọi thứ đều mở và chuyển động nhanh, hệ thống có thể mất kiểm soát một cách nguy hiểm.

Hãy xem xét hình thức chủ nghĩa tư bản toàn cầu rất năng động của chúng ta, có thể dẫn đến siêu tăng trưởng nhưng cũng gây ra những vụ sụp đổ tài chính và suy thoái kinh tế. Từ giữa những năm 1930 đến đầu những năm 1980, khi thị trường tài chính được quản lý chặt chẽ hơn, khủng hoảng tài chính nghiêm trọng rất ít xảy ra và khoảng cách giữa các lần xảy ra khá xa. Tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây, khi các chính phủ bãi bỏ kiểm soát tài chính, chúng ta đã chứng kiến hết vụ

sụp đổ này đến vụ sụp đổ khác: khủng hoảng nợ Mỹ Latinh, sụp đổ tiết kiệm và cho vay, khủng hoảng “Tequila” Mexico, khủng hoảng tài chính châu Á, sự vỡ nợ của Nga, LongTerm Capital Management sụp đổ, bong bóng công nghệ nổ tung, và khủng hoảng tài chính toàn cầu. Mở hơn, năng động hơn, không ổn định hơn.

Chúng ta đã tạo ra một thế giới lúc nào cũng nhanh quá sức. Sự phát triển của nhân loại theo mọi nghĩa đã tăng nhanh đáng kể trong hai thế kỷ qua, và trong vài thập kỷ qua tốc độ đó còn nhanh hơn nữa. Con người đang sống lâu hơn, sản xuất và tiêu thụ nhiều hơn, sống trong không gian rộng hơn, sử dụng năng lượng nhiều hơn, và tạo ra nhiều chất thải và khí thải nhà kính hơn. Chỉ một ví dụ: báo cáo của Liên hiệp quốc năm 2019, do 145 chuyên gia đến từ 50 quốc gia viết, đã kết luận rằng “thiên nhiên đang suy giảm trên toàn cầu với tốc độ chưa từng có trong lịch sử loài người.”⁵ Báo cáo lưu ý rằng 75% diện tích đất liền đã bị “thay đổi nghiêm trọng” bởi hoạt động của con người, và 66% diện tích đại dương trên thế giới cũng vậy. Các hệ sinh thái đang sụp đổ, và đa dạng sinh học đang biến mất. Khoảng 1 triệu loài động thực vật (trong tổng số 8 triệu loài) đang bị đe dọa tuyệt chủng, một số loài tuyệt chủng trong vòng vài thập kỷ. Tất cả những sự biến dạng và mất cân bằng này tạo ra nhiều mối nguy hiểm — một số nguy hiểm có thể thấy trước, và một số khác thì không.

HÀNH ĐỘNG VÀ PHẢN ỨNG

Để hiểu mô hình hành động và phản ứng không ngừng này, hãy nghĩ về ba khủng hoảng lớn của thế kỷ 21 — 11 tháng 9, sụp đổ

tài chính, và Covid-19 — một chính trị, một kinh tế và một tự nhiên. Trong khủng hoảng đầu tiên, ngày 11 tháng 9, chúng ta thấy cuộc hành quân được cho là không thể ngăn cản của chủ nghĩa tư bản, dân chủ và bá quyền Mỹ đã tạo ra phản ứng giận dữ và bạo lực ở nhiều nơi trong thế giới Hồi giáo. Phương Tây và các giá trị của nó đang quét khắp hành tinh, nhưng hóa ra không phải ai cũng hài lòng về điều này. Phản ứng dữ dội là của một thiểu số bất mãn — xét cho cùng, khủng bố là vũ khí của kẻ yếu⁶ — nhưng vẫn khiến cả thế giới bất ngờ.

Sụp đổ tài chính năm 2008 là do một nền kinh tế phát triển thái quá trong đó hoạt động tài chính trở nên điên cuồng, đến mức kỹ thuật tài chính thường sinh lợi hơn công việc thực tế. Phố Wall ngày càng phát minh ra nhiều sản phẩm bí truyền, các sản phẩm phái sinh chất chồng trên các công cụ phái sinh, khuyến khích mọi người chấp nhận rủi ro ngày càng nhiều hơn để nhận được phần thưởng nhỏ hơn. Thêm vào đó không ngừng tập trung vào quyền sở hữu nhà, khiến chính phủ và các công ty tư nhân thu hút ngày càng nhiều người mua những ngôi nhà lớn hơn và gánh thêm nợ. Cuối cùng, hệ thống đã trở nên phức tạp đến mức chỉ cần một thay đổi nhỏ về giá nhà ở là bung xòa hết cả. Khủng hoảng tài chính là tương đương khủng hoảng kinh tế toàn hệ thống.

Đại dịch có thể được coi là sự trả thù của tự nhiên. Cách chúng ta đang sống thực sự mời gọi các virus động vật lây nhiễm sang người. Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh ước tính ba phần tư các bệnh mới ở người bắt nguồn từ động vật.⁷ Đó là trường hợp của AIDS, Ebola, SARS, MERS, cúm gia cầm, cúm lợn, và rất có thể virus corona mới cũng thế. Tại sao dịch bệnh dường như đang chuyển từ động vật sang

người với tốc độ nhanh hơn trong những thập kỷ gần đây?⁸ Bởi ở nhiều nơi trên thế giới, con người đang sống gần động vật hoang dã hơn. Các nước đang phát triển hiện đại hóa nhanh chóng đến mức có thể tồn tại nhiều thế kỷ khác nhau cùng một lúc. Ở Vũ Hán và các thành phố khác, Trung Quốc đã xây dựng một nền kinh tế tiên tiến, công nghệ phức tạp — nhưng trong bóng tối của những tòa nhà chọc trời là các chợ động vật hoang dã với đủ loài động vật kỳ lạ, những nơi hoàn hảo để virus từ động vật lây truyền sang người.⁹ Và con người sống ở những nơi như vậy lại di động hơn bao giờ hết, nhanh chóng truyền bá thông tin, hàng hóa, dịch vụ — và dịch bệnh.

Việc chúng ta phá hủy môi trường sống tự nhiên cũng có thể là nguyên nhân. Một số nhà khoa học tin rằng khi con người mở rộng nền văn minh vào tự nhiên — xây dựng đường sá, khai khẩn đất đai, lắp đặt nhà máy, khai thác mỏ — chúng ta đang làm tăng khả năng động vật sẽ truyền bệnh sang chúng ta.¹⁰ Covid-19 dường như có nguồn gốc từ dơi, là vật chủ của nhiều loại virus khác, bao gồm bệnh dại và Ebola. Tại sao là dơi? Chúng có hệ miễn dịch và cơ chế bảo vệ rất tiến hóa, chẳng hạn nhiệt độ cơ thể cao đến phát sốt khi bay, sẽ chọn lọc những loại virus mạnh hơn. Dơi chịu được những loại virus có thể nhanh chóng làm các động vật khác suy nhược,¹¹ khiến những virus đó có cơ hội lây lan nhiều hơn.* Dơi cũng tụ tập thành bầy với số lượng lớn, là mầm mống hoàn hảo cho việc lan truyền virus.¹²

* Đây là lý do tại sao loài dơi, ổ chứa virus (bao gồm nhiều biến thể của virus corona), được nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu virus. Có những người cho rằng virus corona là một sự cố rò rỉ từ phòng thí nghiệm. Cáo buộc này vẫn chưa được chứng minh, nhưng chúng ta nên lưu ý rằng các cơ sở nghiên cứu virus, ngay cả ở cấp độ an toàn sinh học cao nhất, BSL-4, đã từng bị rò rỉ trong quá khứ, giống như với đợt bùng phát bệnh lở mồm long móng từ một phòng thí nghiệm ở Anh Quốc vào năm 2007.¹⁵

Ngay bên ngoài San Antonio, Texas, bạn có thể tìm thấy Khu bảo tồn Hang động Bracken, nơi có đàn dơi lớn nhất thế giới. Từ tháng 3 đến tháng 10, hơn 15 triệu con dơi thuộc loài dơi có đuôi Mexico tụ tập ở đó và lang thang trên bầu trời vào ban đêm, tạo ra cảnh quan và âm thanh ấn tượng đến mức chúng được gọi là “batnado”.¹³

Dơi từng sống xa con người hơn. Nhưng khi chúng ta xâm phạm môi trường sống của chúng, bệnh của chúng ngày càng trở thành bệnh của chúng ta. Ở Malaysia, nhiều thập kỷ nay rừng nhiệt đới đã bị đốn hạ để sản xuất dầu cọ và gỗ xẻ. Theo thời gian, việc phá rừng này đã đẩy dơi ăn quả ngày càng đến gần những nơi chúng có thể duy trì sự sống. Dơi tụ tập xung quanh các trang trại lợn, ăn xoài và các loại cây ăn quả khác mọc ở đó. Và vì vậy vào năm 1998, một loại virus có tên là Nipah,¹⁴ ký sinh ở loài dơi, dường như đã lây nhiễm sang lợn và sau đó lây nhiễm cho nông dân. Chuyện tương tự có lẽ đã xảy ra với loại virus corona mới, có khả năng đã tìm thấy vật chủ trung gian¹⁶ — có lẽ là con tê tê, có vảy được sử dụng trong y học cổ truyền Trung Quốc¹⁷ — trước khi lây nhiễm sang người. Peter Daszak, nhà sinh thái học về dịch bệnh nổi tiếng nói: “Hàng ngày chúng ta đang làm những việc khiến cho đại dịch có khả năng xảy ra cao hơn. Chúng ta cần hiểu rằng, dịch bệnh không hề là tự nhiên.¹⁸ Mà những gì chúng ta đang làm với tự nhiên gây ra dịch bệnh.”

Khi phát triển kinh tế diễn ra nhanh hơn và tiếp cận nhiều người hơn, chúng ta đang chấp nhận những rủi ro ngày càng lớn hơn mà thậm chí không hề nhận ra. Hãy nghĩ về việc tiêu thụ thịt. Khi con người giàu hơn, họ có xu hướng ăn nhiều thịt hơn. Khi điều này xảy ra trên toàn cầu, hậu quả thật sừng

sốt: khoảng 80 tỉ động vật bị giết thịt mỗi năm trên khắp thế giới.¹⁹ (Thậm chí con số đó còn chưa tính đến cá.) Nhưng việc cung ứng cho nhu cầu khổng lồ này đi kèm với cái giá phải trả về môi trường và sức khỏe của chúng ta. Các sản phẩm động vật chỉ cung cấp 18% calo cho toàn thế giới,²⁰ nhưng lại chiếm dụng 80% diện tích đất nông nghiệp trên trái đất. Trong khi đó, thịt hiện được sản xuất trong nhà máy như của thế kỷ 19, với vô số động vật bị nhồi nhét trong những điều kiện khủng khiếp. Hầu hết động vật nuôi — ước tính 99% ở Mỹ,²¹ 74% trên khắp thế giới²² — đến từ các trang trại chăn nuôi công nghiệp. (Thịt động vật được nuôi theo phương pháp hữu cơ, thịt động vật được nuôi bằng cỏ là sản phẩm xa xỉ.) Những hoạt động quy mô lớn này đóng vai trò như đĩa nuôi cấy cho các loại virus mạnh. “Việc chọn các gene cụ thể ở động vật nuôi (cho các tính trạng mong muốn như ức gà lớn) đã khiến những động vật này gần như giống hệt nhau về mặt di truyền,” Sigal Samuel của *Vox* giải thích. “Nghĩa là virus có thể dễ dàng lây lan từ động vật này sang động vật khác mà không gặp phải bất kỳ biến thể di truyền nào có thể ngăn chặn đường đi của nó. Khi nó phát tán trong cả đàn hoặc bầy, virus có thể trở nên độc hơn nữa.”²³ Thiếu đa dạng di truyền sẽ loại bỏ “vành đai miễn dịch học”. Samuel trích lời nhà sinh vật học Rob Wallace: “Các trang trại chăn nuôi công nghiệp là cách tốt nhất để chọn ra những mầm bệnh nguy hiểm nhất có thể có.”²⁴

Đợt bùng phát cúm lợn H1N1 năm 2009 dường như đã phát sinh ở các trang trại lợn Bắc Mỹ,²⁵ trong khi nhiều dịch cúm gia cầm đã được phát hiện từ các trang trại chăn nuôi gia cầm công nghiệp ở Đông Á.²⁶ Các trang trại chăn nuôi công nghiệp cũng là nơi không có vi khuẩn kháng thuốc kháng sinh

mới, vì động vật được tổng thuốc kháng sinh để tiêu diệt hầu hết vi khuẩn nên những vi khuẩn nào tồn tại được thì có sức đề kháng mạnh. Giáo sư Robert Lawrence của Johns Hopkins gọi vi khuẩn kháng thuốc kháng sinh là “hiểm họa lớn nhất của các trang trại chăn nuôi công nghiệp đối với sức khỏe con người.”²⁷ Theo CDC, khoảng 2,8 triệu người Mỹ bị bệnh do vi khuẩn kháng thuốc kháng sinh hằng năm,²⁸ và kết quả là 35.000 người trong số họ tử vong. Tức là cứ mười lăm phút lại có một người.²⁹ Trên toàn cầu, số người chết là 700.000 người mỗi năm.³⁰ Vậy mà, tiêu thụ thịt không ngừng tăng lên mỗi năm.

LIỀU MẠNG

Thật kỳ lạ là ở Mỹ người ta không học được bài học rằng phát triển vội vàng, không có kế hoạch có thể gây phản ứng mạnh. Suy cho cùng, đất nước này đã từng trải qua một số vụ rồi, đáng chú ý nhất là Thập niên 1930 Dơ bẩn, thảm họa sinh thái lớn nhất trong lịch sử Bắc Mỹ. Sự kiện này đã khắc sâu trong trí tưởng tượng của người Mỹ, được miêu tả trong tiểu thuyết và được thể hiện lên phim. Câu chuyện cay đắng về những người di cư trong Cơn Bão Đen tuyệt vọng đã truyền cảm hứng cho *Chùm nho uất hận* của John Steinbeck — miêu tả hoàn cảnh của những người có thể được gọi là người tị nạn khí hậu đầu tiên ở Mỹ. Và đó là câu chuyện về hành động của con người khiến thiên nhiên phản ứng.

Đại Bình nguyên là vùng bán sơn địa ở phía đông dãy núi Rocky và phía tây sông Mississippi. Gió tốc qua những vùng đất này, đôi khi thật đáng sợ. Qua nhiều thế kỷ, có lẽ là hàng thiên niên kỷ, giải pháp của tự nhiên là cỏ mọc giữ lớp đất mặt tại xóp tại chỗ. Nhưng đến cuối thế kỷ 19, khi những người tiên

phong đi về phía tây, cảm dỗ trước triển vọng đất canh tác màu mỡ, họ đã cày xới các thảo nguyên,³¹ biến thảo nguyên thành những cánh đồng lúa mì. Nông dân đồn hạ cây cối chắn gió, và cày xới đất quá kỹ cho đến khi không còn cỏ và lớp đất mặt mỏng chỉ phủ hờ lên lớp đất cứng bên dưới.

Thế rồi thời tiết xấu. Bắt đầu từ năm 1930, vùng này đã hứng chịu bốn đợt hạn hán. Hạn hán kéo theo những cơn gió — những cơn cuồng phong dữ dội chưa từng thấy thổi bay toàn bộ lớp đất mặt và tạo ra những cơn bão bụi đen kịt cả bầu trời. Đến năm 1934, lớp đất mặt bao phủ 100 triệu mẫu đất đã bị thổi bay.³² Nắng nóng càng làm khổ thêm — năm 1934 là năm nóng nhất ở Mỹ được ghi nhận cho đến năm 1998.³³ Hàng nghìn người chết và hàng triệu người bỏ đi.³⁴ Những người nông dân ở lại rơi vào cảnh đói nghèo hàng chục năm.

Chúng ta đang hành động liều mạng như vậy mỗi ngày. Biến đổi khí hậu là một chủ đề rộng lớn đáng viết thành sách và gióng lên cảnh báo. Nhưng chỉ cần nói rằng giờ đây chúng ta đang chứng kiến những tác động của nó đối với hầu như mọi vai trò của môi trường tự nhiên. Nó đang mang khí hậu nhiệt đới đến nhiều nơi trên thế giới, do đó tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho dịch bệnh. Nó cũng đang sa mạc hóa đất đai — 23ha mỗi phút, theo ước tính của Liên hiệp quốc.³⁵ Vào năm 2010, Luc Gnacadja, người đứng đầu nỗ lực chống sa mạc hóa của Liên hiệp quốc, gọi đây là “thách thức môi trường lớn nhất trong thời đại của chúng ta,”³⁶ cảnh báo, “Chúng ta chỉ cách sự tuyệt chủng có 20cm lớp đất mặt mà thôi.” Ba mươi tám phần trăm bề mặt trái đất³⁷ có nguy cơ bị sa mạc hóa và do biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra thì ít, mà phần nhiều là do một thứ dễ ngăn chặn hơn: khai thác nước ngầm quá mức. Một

trong những nguồn nước quan trọng nhất trên thế giới là Tầng chứa nước Ogallala, trải dài qua các vùng đất bán khô hạn Nam Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma và Texas và cung cấp khoảng một phần ba lượng nước ngầm³⁸ được sử dụng để tưới tiêu cho các trang trại ở Mỹ. Cái giếng tưởng chừng như không đáy này trên thực tế bị kinh doanh nông nghiệp quy mô lớn làm cạn kiệt nhanh đến mức đang trên đà thu hẹp 70% trong vòng chưa đầy 50 năm.³⁹ Nếu tầng chứa nước này cạn kiệt, phải cần lượng mưa của 6.000 năm mới nạp đầy lại.⁴⁰

Bạn có thể nói chuyện này không mới. Con người đã và đang thay đổi các quá trình tự nhiên kể từ khi họ biết cách làm ra lửa. Thay đổi đã tăng tốc khi phát minh ra bánh xe, máy cày, và đáng kể nhất là động cơ hơi nước. Nhưng thay đổi đặc biệt tăng tốc mạnh trong thế kỷ 20 và trong vài thập kỷ qua. Dân số trên hành tinh đã tăng gấp năm lần kể từ năm 1900, trong khi tuổi thọ trung bình tăng gấp đôi. Joshua Lederberg, nhà sinh vật học đoạt giải Nobel ở tuổi 33 cho công trình nghiên cứu về di truyền vi khuẩn, giải thích rằng sự gia tăng tuổi thọ vượt ra ngoài phạm vi của những gì đã từng được định hình bởi chọn lọc tự nhiên. Trong bài phát biểu xuất chúng, đầy ám ảnh năm 1989 tại một hội nghị về virus học ở Washington, DC, Lederberg lập luận rằng chúng ta đã thay đổi quỹ đạo sinh học của mình đến mức “con người đương đại là một loài nhân tạo.”⁴¹

Lederberg gọi tiến bộ kinh tế và khoa học liên tục của con người là “mối đe dọa lớn nhất đối với mọi loài động thực vật khác, khi chúng ta dồn chúng vào cuộc tìm kiếm không gian sống *Lebensraum* của riêng mình.” Ông nói thêm, “Bỏ qua một

* *Lebensraum*, có nghĩa là không gian sống, một thuật ngữ địa chính trị được Adolf Hitler điều chỉnh để biện minh cho sự bành trướng của Đức về phía đông. (Nxb)

vài loài sâu bọ, *Homo sapiens* có quyền thống trị miễn bàn.” Nhưng ông chỉ ra rằng chúng ta có một đối thủ cạnh tranh thực sự — virus — và cuối cùng, nó có thể thắng. “Nhiều người cảm thấy khó thích nghi với thực tế rằng Tự Nhiên không hề vô hại; ít nhất nó không ưu ái con người hơn các loài khác.” Lederberg nhắc khán giả nhớ lại số phận đã xảy ra với những con thỏ ở Australia vào thập niên 1950, khi virus myxoma được phát tán vào thỏ để kiểm soát số lượng. Cuối cùng, thỏ đạt được miễn dịch theo bầy đàn, nhưng chỉ sau khi virus đó giết chết hơn 99% những con bị nhiễm trong đợt bùng phát đầu tiên.⁴² Ông kết thúc phát biểu của mình bằng một hình ảnh u ám: “Tôi muốn hỏi... liệu xã hội loài người có thể sống sót ở bờ biển với chỉ vài phần trăm người sống sót hay không. Họ có thể sống sót nhiều hơn thỏ không? Và nếu không đạt tới mức như thỏ, liệu chúng ta có cạnh tranh nổi với chuột túi?”

Nếu bạn chưa đủ lo lắng, hãy nhớ rằng chúng ta chỉ mới xét những mối nguy hiểm do các phản ứng của tự nhiên đối với hoạt động của con người, từ đại dịch đến tình trạng nóng lên toàn cầu. Nhưng con người có sử dụng bệnh tật làm vũ khí? Có một vài ví dụ trong lịch sử. Học giả Toby Ord đã chỉ ra trong cuốn *The Precipice* của ông rằng, vào khoảng năm 1320 trước Công nguyên, những con cừu bị nhiễm vi khuẩn gây bệnh sốt thỏ (tularemia) đã bị lừa từ vương quốc này sang vương quốc khác ở Tiểu Á.⁴³ Trong thời hiện đại, Liên Xô có một chương trình vũ khí sinh học phức tạp, vào thời kỳ đỉnh cao sử dụng 9.000 nhà khoa học,⁴⁴ để vũ khí hóa mọi thứ từ bệnh đậu mùa đến bệnh than. Tiến bộ sinh học và công nghệ có nghĩa là ngày nay, chỉ cần một số nhà khoa học được đào tạo và chỉ cần chút đầu tư là đủ tạo ra các mầm bệnh chết người.

Tôi luôn coi khủng bố sinh học là mối nguy hiểm quan trọng nhất chưa được bàn đến mà chúng ta phải đối mặt. Kể từ ngày 11 tháng 9, Mỹ đã tập trung nhiều sức lực vào việc ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân. Chiến tranh Iraq chủ yếu để ngăn chặn chương trình hạt nhân được cho là đang phát triển ở quốc gia đó, và Mỹ đã đe dọa chiến tranh với Iran và Triều Tiên với cùng lý do. Không phổ biến vũ khí hạt nhân vẫn là hàng đầu trong chương trình nghị sự của Mỹ; một cơ chế rộng lớn các hiệp ước kiểm soát vũ khí điều tiết các loại vũ khí này trên phạm vi quốc tế. Nhưng vũ khí hạt nhân rất khó chế tạo và tương đối dễ phát hiện. Phát triển vũ khí sinh học thì hiệu quả hơn; chúng có thể được làm với giá rẻ và bí mật trong các phòng thí nghiệm nhỏ với ngân sách eo hẹp. Tác động của chúng gần như không thể tưởng tượng nổi: sản xuất các mầm bệnh có thể dễ dàng làm chết hàng triệu người, thậm chí nhiều hơn. Tuy nhiên, mối nguy hiểm này ít được chú ý. Diễn đàn quốc tế chính để ngăn chặn nó, Công ước về vũ khí sinh học, là chuyện đã rồi. Như Ord lưu ý, “công ước toàn cầu bảo vệ nhân loại này chỉ có bốn nhân viên và ngân sách nhỏ hơn một cửa hàng McDonald’s trung bình.”⁴⁵

THẾ GIỚI BÊN BỈ CỦA CHÚNG TA

Đây là một bản tóm tắt đầy u ám về các mối đe dọa. Và với bản chất không ổn định của hệ thống quốc tế hiện tại, có vẻ như thế giới của chúng ta rất mong manh.⁴⁶ Không phải vậy. Một cách khác để hiểu lịch sử loài người là nhận ra chúng ta ngoan cường đến thế nào. Chúng ta đã trải qua nhiều thay đổi phi thường với tốc độ ngoạn mục. Chúng ta đã chứng kiến kỷ băng hà và bệnh

dịch, chiến tranh thế giới và các cuộc cách mạng, nhưng chúng ta vẫn tồn tại và phát triển. Trong phát biểu nhận giải Nobel, Joshua Lederberg thừa nhận rằng thiên nhiên thường tìm kiếm một trạng thái cân bằng tạo điều kiện cho virus và vật chủ cùng tồn tại — suy cho cùng, nếu con người chết hết, thì ký sinh trùng cũng vậy. Con người và xã hội của chúng ta luôn đổi mới và tháo vát một cách đáng kinh ngạc. Hành tinh này kiên cường một cách đáng kinh ngạc. Nhưng phải nhận ra chúng ta đang chấp nhận những rủi ro lớn hơn bao giờ hết và hành động để giảm thiểu chúng. Sự phát triển của con người hiện đại đã diễn ra trên quy mô và tốc độ chưa từng có tiền lệ. Hệ thống toàn cầu mà chúng ta đang sống mở và năng động, nghĩa là không có bộ giảm xóc. Hệ thống đó tạo ra những lợi ích to lớn nhưng cũng có những lỗ hổng. Chúng ta phải thích nghi với thực tế bất ổn gia tăng hơn bao giờ hết — lúc này.

Chúng ta không bị diệt vong. Mục đích của chuông báo động là kêu gọi mọi người hành động. Câu hỏi là, hành động gì? Có những người, từ cánh tả lẫn cánh hữu, muốn ngăn các nước phát triển kinh tế và đóng cửa thế giới mở của chúng ta. Nhưng chúng ta có nên bảo hàng tỉ người nghèo nhất trên thế giới rằng họ không thể thoát nghèo? Chúng ta có nên đóng sập lại với thế giới bên ngoài và tìm kiếm sự ổn định trong các pháo đài quốc gia? Chúng ta có nên cố gắng làm chậm lại công nghệ hay sự dịch chuyển toàn cầu của hàng hóa và dịch vụ? Dù có muốn làm bất cứ điều gì trong số này, chúng ta cũng sẽ không thể hãm được những tác lực hùng mạnh ấy. Chúng ta không thể thuyết phục hàng tỉ người thôi cố gắng nâng cao mức sống của họ. Chúng ta không thể ngăn cản con người kết nối với nhau. Chúng ta không thể ngừng đổi mới công nghệ. Cái chúng ta

có thể làm là ý thức hơn về những rủi ro mà chúng ta phải đối mặt, chuẩn bị sẵn sàng đối phó hiểm họa và trang bị cho xã hội của chúng ta khả năng phục hồi. Con người không những phải chống chọi được các cú sốc và phản ứng dữ dội mà còn phải học hỏi từ đó. Nassim Nicholas Taleb gợi ý rằng chúng ta nên tạo ra các hệ thống “có khả năng cải thiện nghịch cảnh”, vốn còn tốt hơn những hệ thống có khả năng phục hồi. Những hệ thống mà qua hỗn loạn và khủng hoảng thì càng mạnh lên.

Chúng ta biết phải làm gì. Sau Cơn Bão Đen, các nhà khoa học nhanh chóng hiểu được chuyện gì đã xảy ra. Chính quyền của Franklin D. Roosevelt đã sản xuất một bộ phim ngắn để giải thích với cả nước, *The Plow That Broke the Plains*. Các cơ quan chính phủ đã dạy nông dân cách chống xói mòn đất. Chính quyền đã cung cấp viện trợ lớn cho nông dân, thành lập Cơ quan Bảo tồn Đất mặt và đặt 140 triệu mẫu đồng cỏ liên bang dưới sự bảo tồn.⁴⁷ Trong ba phần tư thế kỷ qua, không có Cơn Bão Đen thứ hai, bất chấp khí hậu cực đoan.

Larry Brilliant, bác sĩ người Mỹ, người đã giúp xóa sổ bệnh đậu mùa cách đây 45 năm, cho biết: “Các đợt bùng phát là không thể tránh khỏi nhưng đại dịch là tùy chọn.”⁴⁸ Ý ông muốn nói là chúng ta có thể không thể thay đổi các diễn biến tự nhiên tạo ra bệnh tật ngay từ đầu, nhưng thông qua sự chuẩn bị, hành động sớm và phản ứng thông minh, chúng ta có thể nhanh chóng làm phẳng quỹ đạo của nó. Trên thực tế, việc diệt trừ bệnh đậu mùa là câu chuyện nhờ vào khoa học chỉ một phần còn phần lớn là nhờ có sự hợp tác phi thường giữa các siêu cường đối địch và cách thực hiện ấn tượng trên toàn cầu. Tương tự, biến đổi khí hậu đang diễn ra và chúng ta không thể ngăn chặn được hoàn toàn. Nhưng chúng ta có thể giảm thiểu quy

mô biến đổi và ngăn chặn những tác động có hại nhất thông qua các chính sách tích cực và khôn ngoan. Sẽ không hề rẻ. Để giải quyết vấn đề một cách nghiêm túc, chúng ta cần bắt đầu bằng cách ban hành thuế carbon, loại thuế này sẽ gửi cho thị trường tín hiệu chi phí phù hợp và tăng nguồn thu cần thiết để tài trợ cho các công nghệ mới và đồng thời thích ứng với hành tinh đã thay đổi rồi. Đối với phát triển kinh tế, có hàng trăm cách khác nhau để chúng ta tiếp cận quá trình này, giữ lại các thành phần truyền thống như tăng trưởng, mở và đổi mới trong khi nhấn mạnh vào những thứ khác như an toàn, khả năng phục hồi và khả năng cải thiện nghịch cảnh. Chúng ta có thể thực hiện các đánh đổi khác, từ bỏ tính hiệu quả và năng động trong một số lĩnh vực, và chi nhiều tiền hơn để chuẩn bị cho xã hội của chúng ta. Chi phí cho việc phòng ngừa và chuẩn bị là rất nhỏ so với thiệt hại kinh tế do phản ứng không hiệu quả với khủng hoảng. Căn cơ hơn, xây dựng khả năng phục hồi tạo ra loại ổn định quan trọng nhất, ổn định cảm xúc. Con người sẽ không thể chấp nhận mở và thay đổi lâu dài nếu thường xuyên lo sợ họ sẽ bị xóa sổ trong một thảm họa tiếp theo.

Vậy còn ngăn chặn đại dịch tiếp theo thì sao? Một lần nữa, chúng ta cần cân bằng tính năng động với sự an toàn. Tập trung chú ý vào các khu chợ ẩm ướt, nơi giết mổ động vật sống và bán, chứ không cứ đơn giản là đóng cửa những chợ này. Ở nhiều quốc gia, đặc biệt là châu Phi và châu Á, những chợ đó cung cấp thực phẩm tươi sống cho người không có tủ lạnh. (Ở Trung Quốc, chúng chiếm 73% tổng số rau tươi và thịt được bán).⁴⁹ Tốt hơn là phải quản lý những chợ đó, nhưng sẽ hạn chế được rủi ro khi những chợ đó không bán động vật hoang dã như dơi, cây hương, và tê tê. Phải đặt việc buôn bán động vật

hoang dã ngoài vòng pháp luật.⁵⁰ Tương tự, không thể khiến thế giới ngừng ăn thịt, nhưng thúc đẩy chế độ ăn uống lành mạnh hơn — giảm thịt đi — sẽ tốt cho con người và hành tinh. Và chăn nuôi công nghiệp có thể được thiết kế lại để an toàn hơn nhiều và đỡ tàn nhẫn hơn với động vật. Cấp bách nhất là, các quốc gia cần có hệ thống y tế công mạnh và những hệ thống đó cần giao lưu, học hỏi và hợp tác với nhau. Bạn không thể đánh bại một căn bệnh toàn cầu bằng cách phản ứng cục bộ.

Loài người đã và đang phát triển xã hội của mình với một nhịp độ phi thường, mở rộng trong mọi lĩnh vực ở tốc độ chưa từng có. Như thể chúng ta đã chế tạo ra chiếc xe đua nhanh nhất từng được tưởng tượng và đang lái nó qua những địa hình bất định, không hiểu rõ. Nhưng chúng ta lại chưa bao giờ bận tâm đến việc trang bị túi khí cho chiếc xe. Chúng ta không mua bảo hiểm. Thậm chí chúng ta còn không thắt dây an toàn. Động cơ chạy lồng lên. Các bộ phận quá nóng và đôi khi thậm chí bắt lửa. Đã có một số sự cố, sự cố sau tồi tệ hơn sự cố trước một chút. Nên chúng ta làm mát chiếc xe, bật hệ thống giảm xóc, sửa chữa thân xe, và quyết tâm làm tốt hơn. Nhưng chúng ta vẫn tiếp tục đua, và chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ ngày càng đi nhanh hơn, vào những địa hình mới hơn và gồ ghề hơn. Hết sức nguy hiểm. Đã đến lúc lắp các túi khí và mua bảo hiểm. Và trên hết, đã đến lúc thắt dây an toàn.

BÀI HỌC 2

Vấn đề không phải là số lượng mà là chất lượng của nhà nước

VÀO THÁNG 10 NĂM 2019, chỉ vài tháng trước khi virus corona quét khắp thế giới, Đại học Johns Hopkins lần đầu tiên công bố Chỉ số An sinh Sức khỏe Toàn cầu, một bảng phân tích toàn diện về các quốc gia đã chuẩn bị tốt nhất để đối phó với một bệnh dịch hoặc đại dịch.¹ Nhìn chung Mỹ dẫn đầu, và đứng nhất bốn trong sáu hạng mục — phòng ngừa, phát hiện và báo cáo sớm, hệ thống y tế đủ năng lực và mạnh, và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Nghe có vẻ hợp lý. Xét cho cùng, Mỹ là quốc gia có hầu hết các công ty dược, trường đại học nghiên cứu, phòng thí nghiệm và cơ sở y tế tốt nhất thế giới. Nhưng đến tháng 3 năm 2020, những điểm tiên tiến này dường như chỉ là một trò đùa tàn nhẫn, khi Covid-19 làm toang nước Mỹ và chính phủ liên bang đưa ra phản ứng trì hoãn, yếu ớt và nay thay mai đổi. Đến tháng 7, với dân số chưa đến 5% dân số thế giới, quốc gia này lại chiếm hơn 25% số ca nhiễm được xác

nhận trên toàn thế giới.² Tỷ lệ tử vong hằng ngày bình quân đầu người ở Mỹ cao gấp mười lần so với ở châu Âu.³ Đây có phải là bộ mặt mới của chủ nghĩa ngoại lệ Mỹ?⁴

Rất dễ quy trách nhiệm cho Tổng thống Trump, và ông rất đáng trách vì đã coi thường đại dịch khi nó đến, vẫn bị động khi nó diễn ra, và liên tục bác bỏ hướng dẫn của các cố vấn khoa học của chính ông ấy. Trump không bao giờ điều phối được hành động giữa các cơ quan liên bang và với năm mươi tiểu bang. Nhưng còn nhiều chuyện nữa chứ không chỉ có một Nhà Trắng bất lực. Chính phủ đã có những bước đi sai lầm. Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh đã thất bại khi tung ra bộ xét nghiệm bị lỗi⁵ và ban đầu không khuyến khích công chúng đeo khẩu trang.⁶ Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm ì ạch về quy trình truy dấu nhanh lẽ ra sẽ cho phép các phòng thí nghiệm tư nhân thu hẹp khoảng cách trong việc xét nghiệm. Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh không triển khai được hệ thống xét nghiệm đại trà của riêng mình. Nhiều quốc gia, từ Đức đến Hàn Quốc cho đến New Zealand, đã thoát khỏi tình trạng đóng cửa nhờ hệ thống xét nghiệm và truy dấu hiệu quả. Mỹ thì không.⁷

Về lý thuyết, Mỹ có những sức mạnh đáng gờm. Đây là quốc gia giàu nhất thế giới và tự hào có cơ sở khoa học và công nghệ thiên hạ vô song. Các cơ quan y tế công của Mỹ, như CDC, đã được sao chép trên khắp thế giới, kể cả với người Trung Quốc. Nhưng nhiều năm thống trị đã dẫn đến sự tự mãn. Suốt từng ấy thời gian, Washington đã nhồi cho các cơ quan này bao nhiêu là nhiệm vụ và quy định trong khi cắt giảm ngân sách của họ — một công thức gây rối loạn chức năng. Phối hợp trong một chính phủ liên bang rộng lớn và phức tạp của nước Mỹ luôn là

thách thức quản lý kinh khủng. Thêm vào đó một nội các công khai coi phần lớn chính phủ là kẻ thù, một “nhà nước ngầm” cần phải bị phá bỏ, và kết quả là thất bại toàn diện-rộng khắp.

Vai trò ấn định chương trình nghị sự toàn cầu của Mỹ thường che đậy những điểm yếu của nước này. Người Mỹ và các thể chế của họ cuối cùng trở thành người định tiêu chuẩn và đánh giá thế giới, như Johns Hopkins đã làm với y học toàn cầu. Tất nhiên, có sự thiên vị đội chủ nhà. Người Mỹ dường như tập trung vào các số liệu làm nổi bật điểm mạnh của hệ thống Mỹ trong khi đánh giá thấp những số liệu bộc lộ điểm yếu của nó. Chẳng hạn, trước đại dịch, người Mỹ có thể thấy yên chí với các cơ sở nghiên cứu hoành tráng của đất nước hoặc số tiền khổng lồ dành cho chăm sóc sức khỏe, trong khi quên rằng lãng phí, phức tạp và khả năng tiếp cận không bình đẳng sâu sắc cũng là đặc trưng. Dù lý do là gì, ít người nhận ra nước Mỹ dễ bị tổn thương đến thế nào. Khi Covid-19 tấn công, hệ thống cấp cứu y tế của Mỹ vỡ trận. Một tháng sau khi Trump tuyên bố tổng động viên như thời chiến để chống virus, hệ thống xét nghiệm của nước Mỹ vẫn thất bại, với hàng chục xét nghiệm có chất lượng khác nhau, miễn phí cho tất cả những người nhận xét nghiệm, và thời gian chờ đợi kết quả dài. (Người ta nói Anh đứng thứ hai trong danh sách của Johns Hopkins, là một quốc gia khác có năng lực y tế cao cấp tuyệt vời và cũng là một trong những quốc gia ấn định chương trình nghị sự toàn cầu. Giống như Mỹ, Anh đương cự đại dịch một cách thảm hại, với số người chết bình quân đầu người thuộc hàng cao nhất trên thế giới.)

Ban đầu, thất bại của Mỹ so với thành công ở Trung Quốc, được đóng khung trong một câu chuyện lớn hơn về sự suy tàn của nước Mỹ và sự lên ngôi của Trung Quốc. Mặc dù là quốc

gia đầu tiên đối mặt với virus, Trung Quốc xem ra đã kiểm soát được dịch bệnh với tốc độ chóng mặt. Có phải bởi vì Trung Quốc có một chính phủ mạnh mẽ, kỹ trị hiệu quả? Có thời điểm, chính phủ Trung Quốc đặt gần như cả đất nước này vào tình trạng đóng cửa, đóng hầu hết các hoạt động kinh tế, gồm cả giao thông vận tải, cách ly hiệu quả khoảng 750 triệu người.⁸ Tập đoàn xây dựng công nghiệp nhà nước khổng lồ của Trung Quốc đã xây hai bệnh viện mới trong vòng chưa đầy hai tuần.⁹ Trung Quốc đã cách ly người bệnh, tách họ ra khỏi gia đình và — sử dụng công nghệ và công tác theo dõi — để truy dấu tiếp xúc.

Theo thời gian, rõ ràng là trên thực tế Trung Quốc đã thực hiện được phản ứng sớm với Covid-19. Giới chức trách địa phương ở Hồ Bắc và Vũ Hán đã khống chế được sự bùng phát. Nhưng Trung Quốc không thông báo với Tổ chức Y tế Thế giới và trì hoãn công bố thông tin quan trọng về virus. Nhiều tháng sau khi bùng phát, Bắc Kinh vẫn từ chối khi quốc tế yêu cầu cung cấp thông tin, thậm chí hạn chế xuất bản các bài báo khoa học về Covid-19.¹⁰ Trung Quốc vốn luôn kiểm soát chặt chẽ thông tin.

Xem xét tất cả các vụ dịch được ghi nhận từ năm 1960, *The Economist* nhận thấy các chế độ toàn trị thường xử lý sai các đợt bùng dịch.¹¹ Nói chung, các nền dân chủ đã giải quyết tốt hơn, dẫn đến tỷ lệ tử vong thấp hơn đáng kể so với các nền chuyên quyền có cùng mức thu nhập. Tương tự, nhà kinh tế học từng đoạt giải Nobel Amartya Sen nhận thấy các nền dân chủ có xu hướng ứng phó với nạn đói tốt hơn các chế độ toàn trị,¹² bởi vì chìa khóa để ngăn chặn sự lan tràn là luồng thông tin tự do — và áp lực này đặt lên các quan chức được bầu. Cách tiếp cận mạnh

tay của Trung Quốc trong việc giãn cách nghiêm ngặt và đóng cửa hoàn toàn có phải là con đường duy nhất dẫn đến thành công không thì chưa rõ. Nhiều quốc gia khác đã kiểm soát hiệu quả căn bệnh này bằng các phương pháp ít cường chế hơn.

Về phần mình, Mỹ đã xử lý không tốt một số phần của cuộc khủng hoảng nhưng các phần khác lại tốt. Để cho căn bệnh bùng phát do lơ là và quản lý yếu kém nhưng sau đó đẩy mạnh đòn bẩy kinh tế bằng cứu trợ lớn chưa từng có. Bất chấp bầu không khí đậm tính phe phái nhất kể từ thời Nội chiến, chính quyền và quốc hội đã hợp tác với nhau và đưa ra gói cứu trợ tài chính lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Về phần mình, Cục Dự trữ Liên bang (Fed) đã trở thành người giữ tài sản cuối cùng có thể viện đến, bọc lót cho nền kinh tế nói chung. Tính đến tháng 6 năm 2020, các dự luật của quốc hội, kết hợp với các biện pháp can thiệp của Fed, chi tiêu lên tới hơn 6 nghìn tỉ đôla¹³ — về trị tuyệt đối, đây là chi tiêu phản ứng đại dịch lớn nhất trên thế giới và là một trong những chi tiêu bình quân đầu người lớn nhất¹⁴ (Nhật Bản, Đức và các nước khác cũng ban hành các chương trình lớn, hàng nghìn tỉ). Dưới cấp độ liên bang, một số thị trường và thống đốc đã đẩy mạnh việc xét nghiệm và mở rộng các cơ sở chăm sóc sức khỏe. Khi được yêu cầu, các công ty lớn của Mỹ đã khéo léo điều chỉnh dây chuyền sản xuất ô tô thành nhà máy sản xuất máy thở.¹⁵ Các công ty công nghệ lớn của Thung lũng Silicon đã trở thành phao cứu sinh cho những người buộc phải làm việc từ nhà. Và các công ty dược phẩm và công nghệ sinh học của Mỹ chạy đua tìm kiếm phương pháp điều trị và vaccine với tốc độ khiến ngay cả những người lạc quan cũng phải bất ngờ. Đây đâu phải là bức tranh một đất nước đang suy tàn không thể đảo ngược.

Nước Mỹ sẽ luôn làm thất vọng những kẻ gièm pha lẫn những ai ngưỡng mộ họ nhiệt thành nhất. Một đất nước rộng lớn, phức tạp và bạn luôn có thể tìm thấy ở đây những gì mình muốn. Nhưng đại dịch đã tạo ra những khe nứt trần trụi và không ngừng toác rộng thêm. Chúng được nhà kinh tế học John Kenneth Galbraith miêu tả hay nhất cách đây nhiều thập kỷ, đã viết rằng nước Mỹ được định nghĩa bởi “sự sang trọng của tư nhân và sự nghèo khổ của công chúng.”¹⁶ Từ lâu nước Mỹ đã có một khu vực tư nhân rực rỡ, nhưng các tổ chức công của nó, với một vài ngoại lệ — chẳng hạn như Cục Dự trữ Liên bang độc lập, tự cung tự cấp và được đánh giá cao — lại khắp khiếm. Washington có thể ném tiền vào một vấn đề, mà rốt cuộc thường là được việc, nhưng không thể điều hành một chương trình quốc gia phức tạp để phục vụ phúc lợi chung. Cơ quan An sinh Xã hội — có công việc chủ yếu là viết séc — hoạt động, trong khi Cơ quan Quản lý Cựu chiến binh là một thảm họa quan liêu tương phẫn.

Đôi khi ngay cả viết séc chi tiền cũng không xong. Washington đã chi hàng nghìn tỉ đôla cứu trợ đại dịch, nhưng phần lớn trong số đó đã bị các công ty lớn và người giàu giật lấy,¹⁷ những người mà các nhà vận động hành lang khéo léo viết các điều khoản luật để tiền vào tay họ.¹⁸ Tiền đến tay từng người Mỹ mất nhiều thời gian hơn mức cần thiết, với những cuộc gọi quan liêu cộng với sự khăng khăng vào phút cuối rằng phải in tên Donald Trump lên tờ séc cho bằng được.¹⁹ Vào cuối tháng 4, ít nhất 50 triệu người Mỹ đang ngồi chờ tiền của họ đến²⁰ trong khi Bộ Tài chính gửi đi một triệu tấm séc cho những người đã chết.²¹ Trong khi đó, chi cứu trợ của Canada rất đơn giản và không vướng bộ máy quan liêu hay chính trị — tiền

được chuyển đến tay công dân bằng cách gửi trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của họ trong vòng hai tuần đầu tiên của cuộc khủng hoảng.²² Tương tự, ngay từ đầu Đức đã mở rộng chương trình đảm bảo cho công nhân phải tạm nghỉ việc hưởng 60% số lương bị mất,²³ và 67% đối với công nhân có con, để tránh tình cảnh các công ty sa thải hàng loạt. Tốc độ và năng lực của các biện pháp này đóng một vai trò lớn trong sự thành công của các nước đó, vì mục tiêu là giảm bớt nỗi lo tài chính và tâm lý cho người dân.

Những tệ nạn của chính phủ là căn bệnh của người Mỹ, chứ không phải của nền dân chủ. Nhiều nền dân chủ khác đã xử lý đại dịch này một cách hiệu quả. Danh sách đó bao gồm các quốc gia được điều hành bởi nhiều đảng phái chính trị. Phản ứng tích cực nhất có lẽ là của các chính phủ trung tả ở Hàn Quốc, New Zealand và chính quyền Đài Loan thực hiện, nhưng các liên minh trung hữu đang nắm quyền ở Đức, Áo và Australia cũng bám sát gót. Những chính phủ có thái độ thoải mái nhất — và cũng không hiệu quả nhất — là các quốc gia như Brazil và Mexico, được điều hành bởi những người theo chủ nghĩa dân túy hăng máu, nhưng cũng có Thụy Điển, được điều hành bởi các nhà lãnh đạo trung tả. Hỗn hợp này có cho chúng ta biết điều gì không? Chủ yếu là các hệ tư tưởng cũ đã lỗi thời. Nhiều thế kỷ nay nền chính trị chia thành cánh tả và cánh hữu. Cánh tả ủng hộ vai trò lớn hơn của nhà nước trong nền kinh tế. Cánh hữu kiên quyết bảo vệ thị trường tự do. Trong thế kỷ 20, cuộc tranh luận chính trị lớn là về quy mô và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế — định lượng của nhà nước. Nhưng xem ra trong cuộc khủng hoảng này thì *chất lượng* của nhà nước mới là quan trọng nhất.

Hãy xem những nơi phản ứng sớm với đại dịch, xét nghiệm rộng, truy dấu tiếp xúc với người bị nhiễm, hạn chế lây lan, và làm tất cả những điều đó trong giãn cách xã hội chừng mực. Đứng đầu danh sách là Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông và Singapore — mà điều đáng chú ý là tất cả những nơi này đều đón hàng triệu du khách Trung Quốc mỗi năm. Những nơi này không có các tiểu bang rộng lớn. Chi tiêu của chính phủ tính theo phần trăm nền kinh tế là tương đối thấp. Hồng Kông từ lâu đã được giới bảo thủ Mỹ chào hàng là một nền kinh tế thị trường tự do lý tưởng, thường xuyên đứng đầu danh sách Chỉ số Tự do Kinh tế của Tổ chức Di sản.²⁴ Chi tiêu công trong nền kinh tế Hồng Kông thấp đáng kinh ngạc — chỉ 18%,²⁵ bằng một phần ba chi tiêu của Pháp.²⁶ Tuy nhiên, Hồng Kông đã ghi nhận chỉ có 18 ca tử vong vào cuối tháng 7 năm 2020.²⁷ Cùng thời điểm này, Đài Loan, với 23 triệu người, chỉ có bảy tử vong. Đảo này chỉ dành 6% GDP cho chăm sóc sức khỏe, bằng một phần ba con số của Mỹ.²⁸ Đức, Đan Mạch và Phần Lan cũng xử lý đại dịch cực kỳ hiệu quả, và họ cũng có nhiều bang rộng lớn xét theo mọi phép đo. Canada cũng thế. Nói cách khác, một số quốc gia tiêu diệt được virus có nhà nước lớn, một số khác có nhà nước nhỏ. Yếu tố chung là gì? Một nhà nước có thẩm quyền, vận hành tốt, đáng tin cậy — *chất lượng* của nhà nước.

LƯỢC SỬ VỀ NHÀ NƯỚC TỐT

Tại sao một số quốc gia có nhà nước hoạt động tốt số khác thì không? Đó là một thắc mắc mà các học giả đã nghiên cứu trong nhiều thế kỷ. Để trả lời, hãy bắt đầu ngay từ đầu. Tất cả các xã hội từ thuở sơ khai đều bắt đầu với hệ thống chính trị mà Max

Weber miêu tả một cách nổi tiếng là “chủ nghĩa gia trưởng”,²⁹ đơn giản nghĩa là một kẻ mạnh cai trị. Hệ thống cai trị là người nhà, bạn bè và đồng minh của kẻ mạnh đó. Quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế được hợp nhất, tạo ra một hệ thống phi đại nghị sâu sắc nhưng hiệu quả. Francis Fukuyama miêu tả sức mạnh của các hệ thống thân hữu: “Chúng được xây dựng bằng cách sử dụng các khối kiến tạo của tính bầy đàn ở con người,³⁰ nghĩa là, xu hướng sinh học của con người là ủng hộ người nhà và bạn bè mà họ đã trao đổi ân huệ qua lại.” Chủ nghĩa gia trưởng có nguồn gốc sâu xa trong xã hội loài người và kéo dài qua nhiều thiên niên kỷ. Mafia vẫn hoạt động theo cách này, và nhiều chế độ hiện đại vẫn duy trì một số tính năng cơ bản của nó. Brazil, Hy Lạp và Ấn Độ đều áp dụng các thể chế chính trị hiện đại chính quy, nhưng đi sâu hơn, và bạn sẽ thấy nền tảng thâm căn cố đế của chủ nghĩa gia trưởng, với quan hệ thân hữu là thành phần quan trọng của quyền lực chính trị.

Ngay cả Mỹ mà còn vẫn giữ các yếu tố của một hệ thống tiên chỉ cũ kỹ, nếu không nói là gia trưởng, vận hành về cơ bản là tham nhũng được hợp pháp hóa. Tôi đã từng hỏi một quan chức cấp cao trong Bộ Ngân khố rằng liệu các ngân hàng được giám sát bởi năm hoặc sáu ủy ban quốc hội khác nhau, ngoài đủ thứ cơ quan quản lý nhà nước nữa, có hợp lý không. Nó làm tăng thêm phức tạp và xung đột bất tận cho việc giám sát thường xuyên. Tất nhiên, câu trả lời của ông là không, nhưng hệ thống giám sát đó sẽ không bao giờ thay đổi: “Mỗi ủy ban này, cộng với các chính trị gia ở các bang, đều gây quỹ cho chiến dịch bầu cử của họ bằng cách yêu cầu chính các ngân hàng này cung cấp tiền. Không giám sát thì họ lấy đâu ra tiền mà gây quỹ.” Kể từ khi có phán quyết của Tòa án Tối cao năm 1976, vụ án *Buckley*

kiện *Valeo*, chính phủ Mỹ đã chuẩn y quan điểm rằng tiêu tiền là một hành vi tự do ngôn luận và do đó không thể bị quản lý theo bất kỳ cách nghiêm khắc nào. Quan điểm tự do ngôn luận này, sau đó được khẳng định và mở rộng trong án lệ *Citizens United* khét tiếng năm 2010, không có ở bất cứ nền dân chủ tiên tiến nào khác trên hành tinh, hầu hết trong số đó thường xuyên kiểm soát cách các chính trị gia huy động tiền và tiêu tiền³¹ — mà không ảnh hưởng xấu đến chất lượng tự do ngôn luận của họ hoặc nền dân chủ. Kết quả là, ở cốt lõi của chính phủ Mỹ, có một dây chuyền có đi có lại không ngừng — quyền góp đôi lấy ưu đãi. Mã số thuế của Mỹ là một trong những mã dài nhất thế giới là có lý do. Hàng nghìn sửa đổi trong đó là những thứ mà các chính trị gia bán được khi họ gây quỹ tranh cử.

Giới trí thức luôn tưởng tượng ra một hệ thống tốt hơn do kiểu chuyên gia nào đó điều hành — những người mà ngày nay chúng ta gọi là nhà kỹ trị. Trong *The Republic*, Plato miêu tả năm loại thể chế cơ bản: thể chế quý tộc (aristocracy), thể chế giá trị (timocracy), chính phủ đầu sỏ (oligarchy), dân chủ và chuyên chế. Ông tin rằng thể chế tốt nhất là thể chế quý tộc do các vị minh quân-hiền triết lãnh đạo. Giai cấp thống trị sẽ được giáo dục đủ nghiêm khắc để đánh giá cao những mục tiêu lớn nhất cho một xã hội — lý tưởng của Plato về “Cái Thiện”. Họ không sở hữu tài sản để không làm họ theo đuổi những lợi ích cá nhân, vụn vặt. Họ được khuyến khích chỉ nghĩ về lợi ích chung tốt nhất cho toàn xã hội. Thể chế giá trị, trong đó chỉ những ai có của cải tài sản mới có quyền bầu cử, là điều đã xảy ra khi một tầng lớp quý tộc suy thoái và đàn ông — ngày xưa luôn là đàn ông — có phẩm giá và trình độ học vấn trở thành kẻ thống trị. Họ sẽ tham lam và thèm khát quyền lực,

sớm đưa thể chế này trở thành chính phủ đầu sỏ thuần túy, sự cai trị thô thiển của kẻ giàu với mục đích duy nhất là bảo toàn lợi thế của họ. Đối với Plato, chế độ dân chủ — sự cai trị của quần chúng — và chế độ đầu sỏ — sự cai trị của kẻ giàu — là nguy hiểm vì đây là những hình thức chính phủ được thúc đẩy bởi tư lợi, thiếu mục đích cao cả hơn. Hai thể chế này lại còn không ổn định, hầu như luôn luôn suy thoái thành một loại tồi tệ nhất, chuyên chế.

Thuở sơ khai, những nỗ lực tạo ra bộ máy hành chính có năng lực rõ ràng là hỗn tạp. Ý niệm về một giai cấp thống trị được đào tạo để cai trị đã xuất hiện sớm nhất ở phương Tây trong Đế chế La Mã, vốn được điều hành thông qua một mạng lưới hành chính đồ sộ gồm các nguyên lão, chủ yếu là quân đội. Những cải cách nổi tiếng nhất diễn ra dưới thời hoàng đế Diocletian, trị vì vào thế kỷ thứ ba. Ông đã phi tập trung hóa đế chế và giao quyền lực cho ba chỉ huy khác, tạo ra một chế độ được gọi là “chế độ tứ quyền”, tức là bốn người cai trị. Cải cách này không tạo ra thành công quân sự hay kinh tế nào lớn lao và thường được coi là một thất bại. Sau sự sụp đổ của La Mã trước man di xâm lược vào thế kỷ thứ năm, Đế chế Đông La Mã, cai trị từ Byzantium (đổi tên thành Constantinople và sau này là Istanbul) đã trở thành huyền thoại vì bộ luật và các tầng cấp quản lý ngày càng mở rộng của nó — nhiều đến mức cho đến ngày nay bất kỳ hệ thống quá phức tạp nào sẽ được dán nhãn “byzantine”.³²

Khác xa với phương Tây và một thế kỷ trước Plato, Khổng Tử đã ca ngợi những nhà cai trị không cai trị bằng vũ lực mà bằng tinh thần đạo đức và mục tiêu của họ là khắc sâu vào người dân chuẩn mực vinh-nhục. Chịu ảnh hưởng tư duy của Khổng

Từ, Trung Quốc đã thiết lập một trong những kỳ thi đầu tiên để tuyển dụng quan chức. Có tiền thân từ triều đại nhà Hán nhưng được thiết lập quy củ vào thời nhà Đường, từ năm 618 đến năm 907. Sĩ tử được kiểm tra kiến thức Tứ thư Ngũ kinh^{*} cũng như lịch sử và chiến lược quân sự. Các triều đại kế tiếp đã mở rộng các kỳ thi, ngoài việc bổ sung nhân sự cho triều đình, chế độ khoa cử còn là cách để tập trung quyền lực vào tay vua và hạn chế quyền hành của quan lại địa phương. Ý tưởng khoa cử và một số loại quy trình dựa trên thành tích đã lan rộng khắp Đông Á đến Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam, mỗi nước đã tạo ra phiên bản bộ máy quan liêu học thuật riêng. Trong triều đại nhà Minh, du khách Bồ Đào Nha đến đây bắt đầu gọi viên chức cấp cao của Trung Quốc là “quan” (“mandarine”),³³ và cho đến ngày nay từ đó được dùng để miêu tả quan chức quyền lực ở bất cứ đâu.

Những chế độ kỹ trị này không phải lúc nào cũng thành công trong việc tạo ra các quốc gia có năng lực cao phần lớn là do các nhà chuyên môn không thực sự nắm quyền. Các nhà lãnh đạo chính trị và tay chân của họ luôn nắm quyền. Quan chức đã vượt qua các kỳ thi thường dưới quyền người thân và cận thần của người cai trị. Các cơ quan hành chính nghe thì có vẻ ấn tượng nhưng phạm vi hạn chế và thường thiếu thẩm quyền. Nhưng ở những nơi khác biệt hẳn như Trung Quốc và Đức, họ đã đặt nền móng cho sự phát triển chính trị trong tương lai.

Điều thực sự khiến các nhà nước ngày càng trở nên quyền lực và hiệu quả là một thứ khác: xung đột. Học giả Charles

* Nguyên văn “Confucian canon”: Nho học, bao gồm Tứ thư: *Đại học*, *Trung dung*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*; Ngũ kinh: Kinh thi, Kinh thư, Kinh lễ, Kinh dịch, và Kinh Xuân Thu. (Nxb)

Tilly nổi tiếng lưu ý rằng “chiến tranh làm nên nhà nước và nhà nước làm ra chiến tranh”,³⁴ bạn có thể thấy quy mô và phạm vi của nhà nước mở rộng như thế nào khi các nước tham gia vào cuộc cạnh tranh quân sự. Chiến tranh hầu như luôn đồng nghĩa với việc đánh thuế, điều này cuối cùng gây áp lực buộc nhà nước phải cung cấp nhiều dịch vụ hơn cho người dân. Một trong những lý do khiến nước Anh nhỏ bé trở thành quốc gia hiện đại đáng gờm và sau đó xây dựng một đế chế toàn cầu là do nhiều cuộc xung đột trong thế kỷ 17 và 18 đã giúp nước này phát triển không chỉ lực lượng hải quân siêu việt mà còn cả một bộ máy tài chính ấn tượng. Vào cuối những năm 1700, trung bình một công dân Anh nộp thuế cao hơn gần gấp ba lần so với người Pháp.³⁵ Như nhà sử học John Brewer đã nói, những khoản thuế này là “rường cột quyền lực” — mà, thậm chí còn hơn cả hải quân, giúp Anh liên tục đánh bại Pháp và đoạt ngôi bá chủ toàn cầu. Đôi khi thứ áp lực khiến cho hệ thống bù đắp bù đắp kích động không phải là quân sự mà là tự nhiên. Nhà sử học Frank Snowden cho rằng bệnh dịch hạch thời trung cổ góp phần vào sự hình thành nhà nước³⁶ vì nó đòi hỏi một nhà nước quyền lực thực thi các biện pháp kiểm dịch.

Nhưng thảm họa không phải là lực duy nhất thúc đẩy thay đổi. Nhà nước cũng phát triển hiệu quả hơn nhờ các nhà cải cách từ cao đến thấp. Động cơ của họ rất đa dạng. Machiavelli và Hobbes muốn nhà nước cứ ấn định luật lệ trật tự. Đến thế kỷ 18, Frederick Đại đế nước Phổ tìm cách đưa chủ nghĩa duy lý Khai sáng lên chính trường. Vào thế kỷ 19, Napoléon quyết tâm thống nhất châu Âu theo một bộ luật hiện đại. Các cải cách Northcote-Trevelyan của Anh đã tạo ra nền công vụ phi chính trị lâu dài của Anh được sao chép trên toàn thế giới.

Phong trào Hiến chương, chủ nghĩa xã hội, và chủ nghĩa tự do đều kích động chính trị mở theo nhiều cách khác nhau nhưng tất cả đều với hy vọng trao quyền cho con người không dựa trên vị trí của họ trong trật tự xã hội mà theo tài năng hoặc nhu cầu của họ. Những nơi bắt đầu dạng cải cách này sớm và kết thúc thành công, chủ yếu ở Bắc Âu, đã duy trì truyền thống nhà nước hiệu quả lâu dài xuyên suốt các hệ thống chính trị và hệ tư tưởng khác nhau qua nhiều thế kỷ. Ngay cả dưới thời cộng sản, Đông Đức vẫn luôn hoạt động hiệu quả hơn phần còn lại của Đông Âu.

Các nước không thuộc thế giới phương Tây hiện đại hóa không nhanh chóng bằng, mặc dù một số, đặc biệt là ở châu Á, bắt đầu làm như vậy vào cuối thế kỷ 19. Hầu hết sao chép các thể chế và những cách làm nhất định của phương Tây và — kết hợp với truyền thống khoa cử và quan lại lâu đời của họ — đã tạo ra các nhà nước hiệu quả. Ở Nhật Bản, Hàn Quốc, và, Trung Quốc nhiều thập kỷ sau, đúng là vậy. Nhật Bản sao chép một cách có ý thức bộ máy quan lại của Phổ³⁷ trong quá trình hiện đại hóa vào thế kỷ 19 và là nhà nước hiệu quả nhất ở châu Á trong nhiều thế hệ. Ở Mỹ Latinh, Chilê nổi bật so với các quốc gia khác trong khu vực nhờ nhà nước hoạt động tốt, được ủng hộ mạnh mẽ, mà sau này đã giúp tạo ra tăng trưởng kinh tế bền vững. (Các nguyên nhân cho “chủ nghĩa ngoại lệ Chilê” này được tranh luận nhiều, có lẽ là sự pha trộn giữa văn hóa, khả năng lãnh đạo, và may mắn.) Singapore là ví dụ điển hình của hiện tượng này — dựa trên cội nguồn văn hóa để gắn kết xã hội, truyền thống quan lại của một bộ máy quan chức ưu tú, và di sản của Anh với các hệ thống mở và minh bạch hơn (mặc dù vẫn còn trong khuôn khổ hơi độc đoán). Nó cũng được hưởng lợi

từ sự lãnh đạo có kỷ luật và tập trung cao. Ngày nay Singapore thường được xếp hạng là nhà nước hoạt động hiệu quả nhất trên thế giới.

MỸ, NGOẠI LỆ

Và rồi có nước Mỹ, quốc gia từ lâu đã tự vạch ra lộ trình riêng. Chủ nghĩa ngoại lệ này có phải là nguyên nhân khiến Mỹ không đối phó được Covid-19? Liệu thất bại đó có làm sáng tỏ những điểm yếu bao quát hơn của quốc gia hùng mạnh nhất thế giới không? Chắc chắn nó làm nổi bật một lỗ hổng cụ thể của Mỹ. Nước Mỹ có truyền thống chống chủ nghĩa quân phiệt sâu sắc, bắt đầu từ tư tưởng và thực hành của những người Anh định cư đầu tiên. Cách ly với các cuộc xung đột của châu Âu, mười ba thuộc địa chưa bao giờ đối mặt áp lực phải củng cố các bang của họ vì chiến tranh. Họ đấu tranh giành độc lập thoát khỏi một đế chế có vẻ là vì vấn đề quyền lực của nhà nước trong việc đánh thuế. Kết quả là, Mỹ bắt đầu thử nghiệm quốc gia của mình với một nhà nước trung ương yếu đến mức mới mười năm đã sụp đổ. Hiến pháp mới, được thông qua vào năm 1789, trao nhiều quyền hạn hơn cho nhà nước liên bang nhưng vẫn hạn chế nó theo nhiều cách. Thậm chí một thế kỷ sau, khi nước Mỹ đang bùng nổ với tốc độ tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hóa, nó vẫn có nhà nước yếu. Tổng thống yếu kém, quốc hội hiếm khi hành động đồng bộ, thuế thu nhập liên bang là vi hiến, và quân đội quá tệ so với các đối thủ châu Âu.

Các nhà cải cách thấy rằng cách duy nhất để hiện đại hóa nước Mỹ là tạo ra một nhà nước mạnh mẽ và hiệu quả. Nhưng cho đến Nội chiến, những nỗ lực này còn hạn chế: đất nước bị

tê liệt bởi vấn đề nô lệ và tiềm năng bành trướng của vấn đề này. Sau chiến tranh, một nền kinh tế quốc gia nổi lên và cùng với nó là nhu cầu có nhà nước quốc gia, và là một nhà nước chuyên nghiệp hơn về bản chất. Năm 1883, quốc hội yêu cầu nhiều vị trí trong nhà nước liên bang phải được trao trên cơ sở thành tích, loại bỏ hệ thống ban phát đã thống trị hệ thống chính trị xưa nay. Một nhà cải cách, học giả trẻ, Woodrow Wilson, đã dẫn thêm một bước, lập luận rằng khi nước Mỹ công nghiệp hóa, các bang sẽ nhường quyền lực cho Washington và ở thành phố đó, tổng thống chắc chắn phải trở thành nhánh quyền lực nhất. Ông bày tỏ sự thất vọng với những hành động chèo kéo, đấu đá nội bộ và “những ông trùm đầu óc thiên cận”³⁸ của quốc hội, than thở rằng cấu trúc hiến pháp Mỹ “không có một người đứng đầu tối cao, tốt bậc”³⁹... có thể quyết định ngay lập tức và có thẩm quyền quyết định chuyện gì sẽ được thực hiện.” Nhiều thập kỷ sau, với tư cách là tổng thống, Wilson đã mở rộng quyền lực của nhà nước liên bang, vốn đang phá bỏ chế độ tín thác, đánh thuế thu nhập và can thiệp vào các tranh chấp lao động. (Phải nói rằng Wilson cũng là một người phân biệt chủng tộc không nao núng, và rõ ràng ông không sử dụng quyền lực để cải thiện hoàn cảnh của người da đen.) Tiền nhiệm của ông, Theodore Roosevelt cũng ủng hộ một nhà nước mạnh hơn có thể điều tiết sự thái quá của các doanh nghiệp lớn. Tuy nhiên, với bao nhiêu là cải cách như vậy, Mỹ vẫn bước vào thế giới công nghiệp trong tình trạng tiền công nghiệp.

Thay đổi địa chấn đến với Franklin Roosevelt (FDR). Tiền nhiệm của Roosevelt, Herbert Hoover, đã vô cùng nghi ngờ về sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế và do đó, dẫn đến phản ứng thụ động trước Đại Suy thoái. Chiến lược của

Roosevelt thì khác: Hãy thử mọi cách. Một trong những cố vấn chính của ông, Rex Tugwell, đã định hình phương pháp này bằng các thuật ngữ mang tính ý thức hệ hơn. Ông nói, mục tiêu của chính sách Kinh tế Mới là thay thế châm ngôn tự do kinh tế “cạnh tranh và xung đột” bằng châm ngôn “điều phối và kiểm soát”. Dưới thời Roosevelt, tổng thống trở thành người đứng đầu nhà nước miễn tranh cãi — và, hơn bất kỳ tổng thống nào khác, FDR trở thành kiến trúc sư của nước Mỹ hiện đại. Hầu như mọi nhiệm vụ mà chính phủ Mỹ xử lý ngày nay đều bắt nguồn từ thời Roosevelt.⁴⁰ Nhưng ngay cả trong thời gian điều hành của ông, vẫn có sự phản kháng. Các bang miền Nam luôn chống lại sự xâm phạm của Washington, vì sợ rằng điều đó có nghĩa là kết thúc của luật Jim Crow.* Họ đã đúng, vì quyền lực của nhà nước liên bang cuối cùng đã loại bỏ sự phân chia Nam-Bắc ở nước Mỹ.

Thử nghiệm nhà nước của Mỹ tương đối ngắn gọn, khoảng năm mươi năm — cần lưu ý phần lớn thời gian đó được đánh dấu bằng tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, năng suất tăng và mức độ khởi nghiệp cao. Cuộc cách mạng Roosevelt kết thúc dưới thời Tổng thống Ronald Reagan, người đã nói câu nói nổi tiếng, “Nhà nước không phải là giải pháp cho vấn đề của chúng ta. Chính nhà nước mới là vấn đề.” Và ông đã nói điều đó vào năm 1981, giữa thời kỳ suy thoái kinh tế tồi tệ nhất kể từ những năm 1930. Nói cách khác, Reagan đang gạt bỏ vai trò mà lẽ ra nhà nước phải giữ ngay trong một khủng hoảng thảm họa. Dù thực sự ông đã tăng chi tiêu liên bang, nhưng những con số này

* Luật Jim Crow thi hành sự phân biệt chủng tộc ở miền Nam Mỹ tại tất cả các cơ sở công cộng ở các bang thuộc Liên minh miền Nam Mỹ cũ và các tiểu bang khác, bắt đầu từ những năm 1870 và 1880. (Nxb)

là lừa dối. Bộ Quốc phòng và các chương trình có quyền hành lớn như An sinh xã hội và Medicare vẫn ổn định hoặc tăng trưởng trong nhiệm kỳ của ông, nhưng hầu hết mọi thứ khác đều thu hẹp lại. Trong những năm 1950, nhân viên dân sự liên bang chiếm hơn 5% tổng số việc làm. Con số đó hiện đã giảm xuống dưới 2%,⁴¹ mặc dù dân số tăng gấp đôi⁴² và GDP được điều chỉnh theo lạm phát lớn gấp bảy lần.⁴³ Đầu tư nhà nước cho khoa học, công nghệ và cơ sở hạ tầng đã giảm mạnh so với mức đầu tư trong những năm 1950. Nước Mỹ của thế kỷ 21 đang sống nhờ vào số vốn cũ đó.

Ngày nay, Mỹ có ít quan chức chính phủ tính trên đầu người hơn hầu hết các nền dân chủ tiên tiến khác.⁴⁴ Dịch vụ công không còn là sự nghiệp danh giá như xưa nữa. Việc đóng băng tuyển dụng và cắt giảm ngân sách đã có tác động. Như một phân tích của Brookings đã chỉ ra, “một phần ba [lực lượng lao động liên bang] sẽ đủ điều kiện nghỉ hưu từ nay đến năm 2025 và chỉ có 6% nhân viên liên bang dưới 30 tuổi.”⁴⁵ Từ Reagan trở đi, người ta có xu hướng cho rằng nhà nước gây ra nhiều vấn đề hơn là giải quyết, rằng tất cả các cơ quan liên bang đều công kênh và hầu hết các nhiệm vụ được giải quyết tốt nhất bởi khu vực tư nhân. Các chính trị gia cánh hữu thường sử dụng cụm từ “bỏ đói con quái vật” để miêu tả chiến lược của họ đối với nhà nước. Nhà thập tự chinh chống thuế Grover Norquist đưa ra những lời lẽ còn cay độc hơn: “Tôi không muốn giải tán nhà nước. Tôi chỉ muốn giảm kích cỡ của nó xuống để có thể lúi nó vào phòng tắm và dim nó trong bồn tắm.”⁴⁶ Steve Bannon, nhà tư tưởng học của cuộc cách mạng Trump, nói rõ một trong những mục tiêu trọng tâm của ông là “giải cấu trúc nhà nước hành chính”.⁴⁷ Trong bốn thập kỷ, nước Mỹ phần lớn được điều

hành bởi những người công khai cam kết phá hủy chính cái nhà nước mà họ lãnh đạo. Có gì ngạc nhiên khi họ đã thành công?

Phải thêm những yếu tố này nữa vào chủ nghĩa liên bang Mỹ thì mới đủ. Nhiều rối loạn chức năng của nước Mỹ bị nhân lên vì chúng được nhân rộng ở cấp tiểu bang và địa phương. Ví dụ, việc tạo ra một chiến lược quốc gia cho đại dịch rất phức tạp bởi sự tồn tại của 2.684 sở y tế của bang, địa phương, và bộ lạc,⁴⁸ mỗi cơ quan đều đổ kỵ nhau để bảo vệ sự độc lập của mình. Để làm cho vấn đề trở nên lộn xộn hơn, nước Mỹ có 90.126 đơn vị chính quyền cấp bang và địa phương,⁴⁹ nhiều đơn vị trong số đó được giao nhiệm vụ đưa ra các quy tắc riêng về đeo khẩu trang và tụ tập nơi công cộng. Các khoản bồi thường thất nghiệp cũng bị trì hoãn tương tự do đủ loại yêu cầu của tiểu bang. Chúng ta thích ngợi ca chủ nghĩa liên bang của Mỹ. Và nó cho phép các thử nghiệm hữu ích và quan trọng; cái mà Louis Brandeis gọi là “phòng thí nghiệm của nền dân chủ”. Các bang cạnh tranh nhau về đầu tư và lao động, điều đó có thể thúc đẩy tăng trưởng. Nhưng kiểu quyền hành chấp vả này là cơn ác mộng khi giải quyết một căn bệnh không biết biên giới. Sự manh mún của các tiêu chuẩn xử lý xét nghiệm Covid-19 hết sức nghiêm trọng. Các kết quả được báo cáo qua một mớ hỗn độn khó hiểu giữa công nghệ cũ và mới — qua điện thoại, nguồn cấp dữ liệu (data feed), email, thư gửi qua bưu điện, và thậm chí cả fax,⁵⁰ tạo ra hàng núi giấy tờ loại bỏ mất những dữ liệu cần thiết về bệnh nhân. (Nó khác xa so với hệ thống “thẻ y tế”⁵¹ của Đài Loan, liên kết một cơ sở dữ liệu duy nhất cho tất cả thông tin y tế liên quan.) Ngoài đại dịch, hệ thống liên bang đã cản trở nỗ lực tạo ra quyền tiếp cận chăm sóc sức khỏe đồng đều và bỏ phiếu ở Mỹ. Nó đã tạo ra cái chuyện như cải cách

cảnh sát phụ thuộc vào hành động của 18.000 sở cảnh sát riêng rẽ trên khắp đất nước.⁵² Nó đã góp phần vào sự tê liệt và bế tắc trong nhà nước. Một số quốc gia có truyền thống sâu sắc về nhà nước đồng thuận và vốn xã hội mạnh — nổi bật nhất là Đức, Thụy Sĩ và Hà Lan — đã quản lý tốt nhà nước phi tập trung. Ở Mỹ, điều đó hiếm khi đạt được.

LÀM THẾ NÀO XÂY DỰNG BỘ MÁY HÀNH CHÍNH TỐT HƠN

Để hiểu làm thế nào mà sự ngờ vực nhà nước vô hại lại có thể biến thành chỉ trích độc hại, hãy nhìn qua bên kia Đại Tây Dương. Trong lịch sử, Anh có nhà nước mạnh, hiệu quả và mở ở mọi cấp độ, mặc dù có truyền thống kiên quyết chống tập quyền. Về đại thể, Anh có chung phần lớn phát triển lịch sử và thể mạnh của Hà Lan và các nước Bắc Âu, với các thể chế chính trị mạnh mẽ và thị trường được quản lý tốt. Hệ thống hành chính và luật pháp đế quốc của Anh khiến các cường quốc châu Âu khác phải ghen tị. Các học giả thường lưu ý rằng phần lớn các nền dân chủ ổn định về chính trị trong thế giới đang phát triển là thuộc địa cũ của Anh,⁵³ là di sản của các thể chế và văn hóa Anh. Cha đẻ đất nước Singapore, Lý Quang Diệu, coi truyền thống hành chính hiệu quả, minh bạch của Anh là một trong những lý do chính dẫn đến thành công của thành phố-nhà nước của ông, bất chấp những khía cạnh tồi tệ khác của chế độ thuộc địa. Chưa hết, Anh đã áp dụng tư tưởng chống-nhà nước áp đặt giống Mỹ từ những năm 1980. Họ cũng đã bỏ đi các cơ quan trong nước nhân danh tính hiệu quả và, ở Boris Johnson, được điều hành bởi một nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa

dân túy, coi thường chuyên môn khoa học và cực kỳ soi bộ quan liêu. Chính phủ của ông, chủ trì một quốc gia rộng không bởi chính sách thất lung buộc bụng, tỏ ra kém cỏi một cách lạ thường trong trận đấu chống Covid-19, tệ hơn nhiều so với Bắc Âu. Ngược lại, Hy Lạp, một nền dân chủ trẻ và vẫn đang phát triển, có bộ máy hành chính rối loạn chức năng khắp thiên hạ ai cũng biết, đã xử lý đại dịch một cách xuất sắc. Tại sao? Vì nó được dẫn dắt bởi một nhà lãnh đạo có năng lực, kỷ trị, tin vào khoa học và quản lý tốt. Có những hoàn cảnh mà tông điệu từ trên xuống làm nên sự khác biệt hoàn toàn.

Cuộc tấn công vào nhà nước tốt không chỉ đến từ cánh hữu. Trong những năm qua, các chính trị gia cánh tả đã thêm hết tầng nấc này đến tầng nấc khác vào hệ thống quan liêu và luật lệ. Một học giả nghiên cứu chủ đề này từ lâu, Paul Light, lưu ý rằng dưới thời Tổng thống John F. Kennedy, các bộ trong nội các có 17 “tầng” bổ nhiệm⁵⁴ trong hệ thống phân cấp của họ. Vào thời điểm Trump nhậm chức, lên đến con số đáng kinh ngạc là 71. Hầu hết các nhiệm vụ can thiệp này được thiết kế cho một số mục đích đáng giá. Các quy tắc rườm rà của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm cũng như các biện pháp kiểm tra quan liêu đều có ý định tốt đằng sau. Nhưng chúng tích tụ thành hàng trăm yêu cầu, thường có mục đích chồng chéo nhau, khiến tốc độ và hiệu quả là giấc mơ không bao giờ thành sự thật. Mỗi lần phát hiện ra lạm quyền, một bộ quy tắc mới, bổ sung được đưa ra. Thường thì có những bộ quy tắc riêng biệt ở cấp liên bang, tiểu bang và địa phương, tất cả đều phải được tuân thủ nghiêm túc. Các cơ quan chính phủ phải thông qua mọi dự án theo các đánh giá nghiêm ngặt về môi trường và lao động, và tất cả các loại mục tiêu khác phải được giải quyết.

Các quan chức không có quyền quyết định; ví dụ, họ thường bị áp lực phải có được giá thầu thấp nhất, bất kể họ có nghĩ rằng công việc sẽ kém chất lượng và bị trì hoãn hay không. Quốc hội thích quản lý vi mô và hiếm khi muốn trao cho các cơ quan này sự độc lập và linh hoạt vốn thường thấy ở những nơi như Đức, Nhật Bản và Hàn Quốc. Trên thực tế, những người nào từng sinh sống và làm việc qua nhiều nước phương Tây chung hững trước sự thật rằng ở một nước Mỹ tự do kinh tế lại hành chính quan liêu hơn nhiều so với các quốc gia cũng nhiều bang hợp thành như Canada, Đan Mạch và Đức. Dù các bang có quy mô thế nào, những quốc gia này đều tin tưởng vào việc tạo ra các cơ quan độc lập, trao cho các nhà kỹ trị quyền lực và quyền tự chủ, và đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả. Có niềm tự hào về nhà nước tốt.

Doanh nhân công nghệ Marc Andreessen đã phản ứng với đại dịch năm 2020 bằng một bài blog dài⁵⁵ tuyên bố: “Đã đến lúc phải xây dựng.” Ông bắt đầu với sự thất bại của chính phủ Mỹ trong đại dịch nhưng còn đi xa hơn, đặt câu hỏi tại sao nước Mỹ không còn có thể hình dung và thực hiện các dự án lớn nữa — xây dựng nhiều nhà ở và cơ sở hạ tầng tốt hơn, khôi phục sản xuất trong nước, mở rộng giáo dục đại học cho hàng triệu người, và v.v... Ông đưa ra một số giả thuyết: sức ỳ, thiếu trí tưởng tượng, và ảnh hưởng của những người đương nhiệm dè chừng cạnh tranh. Nhưng lý do thực sự thì sâu xa hơn thế nhiều. Nước Mỹ đã trở thành cái mà Francis Fukuyama gọi là “chế độ phủ quyết”. Hệ thống kiểm tra và cân bằng, được nhân rộng ở mọi cấp chính quyền, đảm bảo rằng ai đó, ở đâu đó luôn có thể chặn đứng bất kỳ hành động chủ động nào. Mỹ đã trở thành quốc gia của những người phản đối.

Marc Dunkelman, một nhà nghiên cứu kiên trì, đã dành nhiều năm tìm hiểu lịch sử những nỗ lực cải tạo và xây dựng lại Nhà ga Pennsylvania của Manhattan.⁵⁶ Sự cần thiết là hiển nhiên. Ga Penn là trung tâm trung chuyển đông đúc thứ hai trên hành tinh, xử lý nhiều hành khách mỗi ngày hơn cả ba sân bay ở New York cộng lại. Nó cũng là một cơ sở xấu xí, được thiết kế kém, được bảo trì tồi tệ đến mức đáng xấu hổ nếu nó là một cơ sở địa phương ở một quốc gia nghèo, chứ đừng nói là trung tâm giao thông chính cho đô thị hàng đầu của Mỹ. Trong 30 năm qua, các chính trị gia quyền lực đã ủng hộ một loạt nỗ lực để xây dựng lại nhà ga này nhưng không có gì đáng kể xảy ra. Dunkelman giải thích rằng cứ mỗi nỗ lực lại mọc ra một nhóm tập thể nào đó tìm cách khiến dự án bị đình lại. Ông viết: “Trong trạng thái đối kháng mà rất nhiều người chơi có thể phủ quyết, thì việc đưa một dự án tiến lên là gần như vô phương. Ngày nay không ai có đủ tầm ảnh hưởng để làm cái gì có vẻ là tốt nhất cho cả New York nói chung. Và cuối cùng, nhà nước bị bất hoạt.” Vấn đề như thế này vượt ra ngoài Ga Penn. Một phiên bản của chế độ phủ quyết, Chủ nghĩa NIMBY — được đặt tên theo tiếng la ó của những người phản đối các công trình xây dựng địa phương, “not in my backyard: không phải ở sân sau nhà tôi” — làm què quặt những dự án đáng giá trên khắp đất nước. Ở California, nó đã cản trở việc xây dựng nhà ở mới trong nhiều thập kỷ và làm trầm trọng thêm chi phí sinh hoạt ngày càng tăng của tiểu bang này, khiến hàng trăm nghìn lao động phải mất hàng nhiều giờ di chuyển để đi làm.

Trong mã di truyền, nước Mỹ là quốc gia chống-tập quyền. Cánh hữu làm điều này bằng cách không cấp ngân sách cho nhà nước hoạt động. Cánh tả làm bằng cách nhồi nhét rất nhiều quy

tắc và yêu cầu đến mức có tác động gây rối loạn chức năng cũng tương tự. Như nhà lý luận chính trị Samuel Huntington đã từng giải thích, ở Mỹ quyền lực không là phân chia, như người ta thường nói, mà là chia sẻ và tranh giành, vì vậy bạn cần có sự thỏa thuận và thỏa hiệp rộng rãi để hoàn thành bất cứ điều gì. Có thể vượt qua lưỡng nan này, nhưng cần có sự lãnh đạo khéo léo và kiên trì, ở tầm vóc của một Roosevelt hoặc một Johnson. Cũng cần một đảng duy nhất kiểm soát, gần như là vậy. Nhà văn Ezra Klein đã quan sát⁵⁷ thấy rằng trong những năm mà nhà nước có vẻ hoạt động và làm được việc — chẳng hạn những năm 1930 đến những năm 1960 — một đảng thường nắm giữ Nhà Trắng và lưỡng viện của quốc hội, và nhiều đảng thì nhiều hệ tư tưởng. Ngày nay, không đảng nào có toàn quyền về chính trị và cả hai chấp nhận ít bất đồng nội bộ hơn, nghĩa là mọi thứ đều trở thành đảng phái và hầu hết các nỗ lực đều rơi vào bế tắc. Điều đó, đến lượt nó, củng cố quan điểm chống-tập quyền sâu sắc ở trung tâm của văn hóa chính trị Mỹ. Sau khi bỏ phiếu theo những cách đảm bảo gây ùn tắc, người Mỹ chỉ vào chính sự ùn tắc đó và tuyệt vọng rằng không chuyện gì hay ho có thể đến từ Washington.

Covid-19 đã làm thay đổi một số điều này, làm tăng tốc các xu hướng đã bắt đầu. Trump không có cam kết ý thức hệ đối với nền kinh tế tự do và háo hức ký vào một gói kích thích trị giá 2 nghìn tỉ đôla. Đảng của ông ủng hộ thuế quan, chủ nghĩa trọng thương, hạn chế nhập cư và chi tiêu liên bang ồ ạt để chống đỡ cú đánh của suy thoái kinh tế. Điều này sẽ đánh dấu khởi đầu một thái độ mới đối với nhà nước? Thượng nghị sĩ Josh Hawley của bang Missouri theo phong cách bảo thủ đã đề xuất một kế hoạch theo kiểu Đan Mạch để hoàn lại 80% chi trả

lương cho người sử dụng lao động, một bước ngoặt đáng chú ý mà theo lời nhà văn James Traub, “đã xóa bỏ dấu ấn tà đạo⁵⁸ cho mô hình Bắc Âu.” Không có gì ngạc nhiên khi Hawley, mặc dù rất đúng đắn trong các vấn đề xã hội, thoải mái trong vấn đề chi tiêu. Xét cho cùng, người hùng của ông, và là chủ đề cuốn tiểu sử năm 2008 ông viết, là nhà lãnh đạo Đảng Cộng hòa của Kỷ nguyên Tiến bộ: Theodore Roosevelt. Nhưng trong phần lớn Đảng Cộng hòa, chủ nghĩa chống-tập quyền vẫn mạnh mẽ và thâm độc, và theo một số cách đã trở nên xấu xa hơn và mang tính âm mưu hơn. Những người biểu tình có vũ trang ở Michigan, những người đã chán ngán với những hạn chế để bảo vệ sức khỏe cộng đồng đã chiếm Tòa nhà Quốc hội và buộc cơ quan lập pháp này phải ngừng buổi họp. Các nhóm tương tự ở Ohio đã buộc giám đốc y tế bang từ chức. Đây rầy các thuyết âm mưu về “nhà nước ngầm” (deep state), thường được Tổng thống Trump khuyến khích. Ở một số khu vực bên cánh hữu, kiện tụng chống lại chính phủ đã trở thành một nỗ lực giận dữ và tuyệt vọng điên cuồng chống lại các làn sóng nhân khẩu học và văn hóa, chống lại chính bản thân sự hiện đại.

Ngay từ đầu, Mỹ đã đặt nền móng cho một xã hội hùng mạnh độc đáo và nền kinh tế năng động bằng một nhà nước hạn chế, nhưng là một nhà nước, có nguồn gốc từ Anh, hoạt động hiệu quả. Nó đảm bảo quyền tự do được phát triển mạnh mẽ. Trong thế kỷ 20, những nhà cải cách tiến bộ đã tạo ra một nhà nước hiện đại giúp Mỹ vượt qua cuộc Đại Suy thoái và chiến đấu trong Thế chiến II và Chiến tranh Lạnh, đồng thời vươn lên vị thế tối thượng về kinh tế. Nhưng nhà nước đó, bị rệu rã và ọp ẹp, cần được cải tạo và nâng cấp trong thế kỷ 21. Hãy nhìn xung quanh đi. Hiện nay có nhiều nền dân chủ tự do

cũng tự do như Mỹ nhưng nhà nước có năng lực hơn nhiều. Để giải quyết những thách thức cấp bách của thời đại chúng ta — cơ sở hạ tầng, đào tạo việc làm, biến đổi khí hậu, sức khỏe cộng đồng — có rất nhiều bằng chứng cho thấy nhà nước Mỹ đã thất bại ở thế hệ này. Covid-19 chỉ là cảnh báo mới nhất, mặc dù có lẽ là nghiêm trọng nhất, trong số nhiều cảnh báo.

Tôi không phải là fan của nhà nước lớn. Tôi lớn lên ở Ấn Độ, một đất nước có nhà nước rộng lớn, đầy tham vọng, là hình mẫu của sự bất tài và kém hiệu quả. Nhà nước đó đã hủy hoại triển vọng của Ấn Độ trong nhiều thập kỷ và kìm hãm đất nước. Chỉ đơn giản mở rộng quy mô nhà nước thì không giải quyết được các vấn đề xã hội. Nhà nước tốt có quyền lực hạn chế nhưng quyền hành rõ ràng. Đó là việc trao cho các quan chức quyền tự chủ, quyền quyết định và khả năng thực hiện phán quyết của họ. Nó đòi hỏi phải tuyển dụng những con người sáng chói, tận tâm, những con người được truyền cảm hứng từ cơ hội phục vụ đất nước và được kính trọng khi làm điều đó. Đây không phải là chuyện có thể làm được trong một sớm một chiều. Đài Loan và Hàn Quốc không tự nhiên mà kỹ trị tốt. Ngược lại, họ bắt đầu từ những chế độ độc tài thối nát nhưng đã phát triển mô hình của riêng mình trong nhiều thập kỷ, học hỏi từ những người khác. Trên thực tế, đây là đặc điểm chung của hầu hết các quốc gia đã xử lý tốt đại dịch — họ đã học được từ lịch sử. Họ thấy rằng chủ nghĩa tư bản có hiệu quả và điều chỉnh nó cho phù hợp với xã hội của họ. Nhiều trong số đó dung nạp công nghệ mới nhất để có thể bỏ qua các giai đoạn phát triển. Gần đây nhất, một số đã trải qua SARS và MERS, rút kinh nghiệm từ những vụ dịch đó, chuẩn bị tốt cho đợt bùng phát tiếp theo. Nhưng nhìn chung, suy nghĩ của họ là quan sát xung quanh và

tim ra cách làm hay nhất để sao chép. Trong lịch sử, những nơi này thường học hỏi từ Mỹ.

Trong vài thập kỷ qua, vị thế quyền lực phi thường của Mỹ đã bảo vệ nước này tránh được những hậu quả do có nhà nước liên tục thực thi tội. Rất nhiều nỗ lực gần đây của Mỹ — từ chiếm đóng Iraq đến mở rộng các tuyến tàu điện ngầm đơn giản — đều là những thảm họa tốn kém. Trong nhiều thập kỷ nay, so với công dân của các nước tiên tiến khác, người Mỹ có một nhà nước hạng hai ở tất cả các cấp độ. Đất nước này có cách bù lại. Washington có đồng tiền dự trữ của thế giới và có thể in ra hàng nghìn tỉ đôla. Nó vẫn tự hào có quân đội lớn nhất hành tinh. Mỹ có ngành công nghệ khổng lồ, thống trị thế giới kỹ thuật số. Thị trường nội địa rộng lớn của Mỹ nghĩa là quốc gia này có thể bỏ qua nhiều áp lực thương mại và cạnh tranh bên ngoài. Nhưng đây là những cọc chống đỡ. Chúng chống đỡ đất nước, cho phép đất nước thoát khỏi sự trừng phạt, chưa bao giờ thực sự phải trả cái giá đúng cho những sai lầm của mình — cho đến bây giờ.

Nước Mỹ đủ thành công để không bao giờ sụp đổ, nhưng nó có thể từ từ đi xuống, loay hoay trong mớ hỗn tạp kinh tế năng động và chính trị rối ren. Trong khi sức mạnh quân sự của Mỹ có thể vẫn vượt xa tất cả những nước khác, đời sống của người dân Mỹ trung bình sẽ tiếp tục tụt lại phía sau, mù tịt với những tiến bộ bên ngoài. Đất nước này có thể trở nên thiển cận hơn và kém toàn cầu hơn, mất đi sức ảnh hưởng và sự cách tân, mà suốt lượt cứ tự an ủi mình bằng tưởng tượng rằng nó hoàn toàn ngoại lệ. Bao thập kỷ nay, thế giới cần học hỏi từ Mỹ. Nhưng bây giờ Mỹ cần học hỏi từ thế giới. Và điều nó cần học nhất là nhà nước — không phải lớn hay nhỏ mà là nhà nước tốt.

BÀI HỌC 3

Thị trường thôi chưa đủ

THE FINANCIAL TIMES (FT) là tờ báo dành cho giới tinh hoa. Được thành lập tại London năm 1888, số báo đầu tiên hứa hẹn nó sẽ trở thành bạn của “nhà tài chính trung thực,¹ nhà đầu tư ngay thẳng, nhà môi giới đáng kính, giám đốc chân chính, [và] nhà đầu cơ hợp pháp.” Trải qua các cuộc chiến tranh thế giới và suy thoái, tờ báo nhất quán ủng hộ chủ nghĩa tư bản. Nó ủng hộ những cải cách thị trường tự do của Margaret Thatcher và Ronald Reagan nhờ đó mở ra kỷ nguyên kinh tế mà chúng ta đang sống ngày nay, cũng như sự mở rộng bao trùm của thương mại tự do đã đưa hầu hết mọi quốc gia trên hành tinh trở thành một nền kinh tế thế giới duy nhất. Cốt lõi bản sắc của tờ báo là niềm tin rằng hầu hết các vấn đề trên thế giới đều có thể giải quyết được bằng thị trường mở hơn và tự do hóa nhiều hơn.

Vì vậy, ngày 3 tháng 4 năm 2020, độc giả của FT hẳn đã phải giật mình khi họ mở tờ báo ra thấy bài xã luận chủ đạo đã phá vỡ phần lớn tính chính thống của tờ báo. Bài luận ngắn đó bắt đầu bằng cách lưu ý rằng đại dịch virus corona sẽ kêu gọi con

người hy sinh vì cái chung và rằng “để yêu cầu hy sinh vì cái chung,² bạn phải đưa ra một khế ước xã hội có lợi cho tất cả mọi người.” Tuy nhiên, bài xã luận tiếp tục, “cuộc khủng hoảng ngày nay đang bóc trần cho thấy nhiều xã hội giàu có lại thiếu hụt lý tưởng đó thế nào.” Bài viết tuyên bố nhu cầu “cải cách triệt để — đảo ngược hướng chính sách phổ biến trong bốn thập kỷ qua.... Nhà nước sẽ phải chấp nhận một vai trò tích cực hơn trong nền kinh tế. Họ phải coi các dịch vụ công là đầu tư chứ không phải là nghĩa vụ nợ, và tìm cách làm cho thị trường lao động đỡ bất an hơn. Tái phân phối sẽ trở lại các chương trình nghị sự; phúc lợi cho người già phải được xem xét lại và đặc quyền của người giàu phải bị chất vấn. Các chính sách cho đến nay bị coi là lập dị, chẳng hạn như thuế thu nhập cơ bản và thuế tài sản, sẽ phải có mặt trong hỗn hợp nghị sự đó.”

Những câu chữ mạnh mẽ này đến từ một nơi bất ngờ. Nhưng nhiều người ở thế giới phương Tây đang đón nhận những ý tưởng còn cấp tiến hơn. Ví dụ: ở Mỹ, 43% những người được khảo sát trong cuộc thăm dò của Viện Gallup vào tháng 5 năm 2019 đã đồng ý “một hình thức chủ nghĩa xã hội”³ sẽ tốt cho đất nước. Năm 1942, chỉ có 25%. Đường như có một cuộc cách mạng âm thầm đang diễn ra. Một đất nước xác định mình bằng chủ trương ủng hộ chủ nghĩa tư bản vô điều kiện giờ đây dường như đang ngày càng chấp nhận một hệ tư tưởng mà nó đã chống lại trong phần lớn thế kỷ 20. Xem ra Covid-19 chỉ càng đẩy nhanh xu thế này.

Cuộc thăm dò của Viện Gallup đánh dấu một sự thay đổi mạnh mẽ so với bốn thập kỷ trước — đặc biệt là trong thế giới Anh-Mỹ, vốn thường xác định bối cảnh hệ tư tưởng của thế giới. Những năm 1980 do Reagan và Thatcher thống lĩnh,

những người đã dẫn đầu làn sóng cải cách thị trường tự do ở các quốc gia của họ được mô phỏng theo kiểu nào đó trên khắp thế giới, ngay cả bởi các đối thủ ý thức hệ của họ. Ví dụ, vào năm 1981, Tổng thống Pháp François Mitterrand đặc cử là một người cam kết với chủ nghĩa xã hội — nhưng nhanh chóng từ bỏ hầu hết các chương trình nghị sự cánh tả cũ của mình để ủng hộ chính sách thắt lưng buộc bụng và thắt chặt tiền tệ. Trong những năm 1990, sự nổi lên của Bill Clinton và Tony Blair thể hiện sự chấp nhận của cánh tả đối với đồng thuận mới của chủ nghĩa tư bản. Gerhard Schroeder, một nhà lãnh đạo cánh tả khác, nhậm chức vào năm 1998 và chủ trì những cải cách thị trường triệt để nhất của nền kinh tế Đức trong nhiều thập kỷ. Năm 1991, Ấn Độ, vốn từ lâu đã thực hành chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa bảo hộ,⁴ đối mặt với một cuộc khủng hoảng kinh tế buộc nước này phải tự do hóa. Năm tiếp theo, với chuyến “Nam tuần” của Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc hồi sinh những cải cách tư bản đã bị đình lại của họ.

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 khởi động quá trình đánh giá lại — cả cánh tả lẫn cánh hữu. Steve Bannon lập luận rằng việc Trump tiếp quản đảng Cộng hòa đã được gieo mầm từ vụ sụp đổ đó. Kể từ bấy đến nay, cánh hữu lãng tránh việc tận tụy với thị trường, thay vào đó tán thành chủ nghĩa bảo hộ, trợ cấp, kiểm soát nhập cư và chủ nghĩa dân tộc văn hóa — những ý tưởng được Trump ủng hộ ở Mỹ, Boris Johnson ở Anh và những người theo chủ nghĩa dân túy khác trên thế giới. Trong khi đó, bên cánh hữu, hai người định hướng xu thế là Bernie Sanders và Jeremy Corbyn, cả hai đều tự nhận mình là “người theo chủ nghĩa xã hội”. Họ đã được những nhân vật mới đầy năng lượng trên chính trường hưởng ứng, chẳng hạn nữ dân biểu New York

Alexandria Ocasio-Cortez, có vẻ cũng thoải mái với nhãn hiệu này. Và trong một số cuộc thăm dò, người Mỹ độ tuổi từ 18 đến 29 thể hiện sự ủng hộ chủ nghĩa xã hội cao hơn đáng kể so với những người lớn tuổi.⁵ Thực tế, trong một số cuộc khảo sát, chưa đến một nửa số người tham gia khảo sát bày tỏ ủng hộ chủ nghĩa tư bản. Liệu tất cả những điều này có tạo nên sự chuyển hướng sang chủ nghĩa xã hội không?

Khi xem xét kỹ hơn, bức tranh rối hơn. Nhiều thập kỷ nay, những người thăm dò ý kiến thường không đặt ra các câu hỏi so sánh chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội, vì vậy đường xu hướng không rõ ràng. Đúng là trong Chiến tranh Lạnh, người ta bày tỏ sự thù địch lớn hơn đối với chủ nghĩa xã hội — nhưng có thể giải thích chuyện này là do cách định nghĩa thuật ngữ. Thời đó, thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” thường được sử dụng thay thế cho “chủ nghĩa cộng sản” và thường dùng để miêu tả hệ thống của Liên Xô, đối thủ truyền kiếp của phương Tây. Trên thực tế, nhiều người tuyên bố ủng hộ chủ nghĩa xã hội ngày nay nghĩ đến cái gì đó khác hẳn với ý nghĩa của thuật ngữ này trong nguồn gốc lịch sử của nó.

Định nghĩa trong sách giáo khoa về chủ nghĩa xã hội là sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất — nhà máy, nông trường, và doanh nghiệp. Đó là kế hoạch được các chính trị gia xã hội chủ nghĩa thế kỷ 20 theo đuổi, từ Jawaharlal Nehru của Ấn Độ đến David Ben-Gurion của Israel đến Clement Attlee của Anh. Ở những nước này, nhà nước thường sở hữu và điều hành dịch vụ điện, điện thoại, nước và khí đốt; các hãng hàng không, xe lửa và dịch vụ xe buýt; các công ty than, dầu và thép. Những nhà lãnh đạo này đã thực hiện các phiên bản dân chủ theo tầm nhìn của Lênin về một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, một

phiên bản trong đó nhà nước đứng trên “đỉnh cao chỉ huy” nền kinh tế.

Nhưng khi bạn hỏi người ta ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội bây giờ, nó không hề là hệ thống đó. Các nhà xã hội tự xưng ngày nay muốn chính phủ đầu tư nhiều hơn, mạng lưới an sinh mới và mở rộng, “Kinh tế mới xanh” để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và đánh thuế cao hơn lên người giàu. Bản thân Bernie Sanders cũng nói rõ đất nước mơ ước của ông không phải là Cuba mà là Đan Mạch. Bạn có thể thấy cái nhãn này vô định hình thế nào bởi thực tế là Elizabeth Warren ủng hộ nhiều chính sách tương tự Sanders, nhưng cũng tự gọi mình là “nhà tư bản tận xương tủy”.⁶ Bất kỳ chương trình nào có thể được miêu tả là vừa tư bản chủ nghĩa vừa xã hội chủ nghĩa có lẽ nằm đâu đó ở giữa. Tuy nhiên, nó nói lên rằng Sanders sẽ vận động công khai với tư cách là một nhà xã hội chủ nghĩa và những người trẻ tuổi không bỏ chạy trước nhãn hiệu đó. Trong khi đó, bên cánh hữu, các chính trị gia hàng đầu không nghĩ gì đến việc đề xuất các chương trình cứu trợ lớn của chính phủ. Các doanh nhân công nghệ tự nhận mình theo chủ nghĩa tự do gây áp lực về thu nhập cơ bản phổ quát để đảm bảo rằng ngay cả khi robot và phần mềm khiến hầu hết mọi người thất nghiệp, họ sẽ không bị phá sản. Nhiều điều cấm kỵ đã bị phá vỡ — và chúng đã bị phá vỡ vì bản thân chủ nghĩa tư bản của Mỹ đã bị phá vỡ.

SỰ DAO ĐỘNG CỦA CÔNG CHÚNG

Chúng ta thường mắc sai lầm khi nghĩ rằng mọi người ủng hộ một đảng phái chính trị vì nhất trí sâu sắc với các nguyên tắc, giá trị và logic cơ bản của đảng đó. Trên thực tế, hầu hết các

học giả nghiên cứu hiện tượng này đều kết luận rằng người ta có xu hướng chọn nhiều đảng vì con người là một câu lạc bộ xã hội. Họ ủng hộ đảng họ chọn vì nhiều lý do — chủ yếu là cảm giác thân thuộc, mối quan hệ và bản sắc với những người khác trong đó, một số lý do dựa trên giai cấp và sắc tộc. Kết quả là, cam kết về ý thức hệ của họ thường kém thuần chất hơn người ta tưởng.⁷ Hãy xem các đảng viên Cộng hòa, những người cách đây vài năm được coi là trung thành với thị trường tự do, giờ đây nhiệt tình ủng hộ chủ nghĩa bảo hộ và đóng cửa biên giới. Tucker Carlson, người dẫn chương trình Fox News, phù hợp nhất với sự thay đổi này, đã tuyên bố trong một độc thoại nổi bật hồi năm 2019, “Các nhà lãnh đạo đảng Cộng hòa sẽ phải thừa nhận rằng chủ nghĩa tư bản thị trường không phải là một tôn giáo.⁸... Chỉ có kẻ ngốc mới tôn thờ nó. Hệ thống của chúng ta được con người tạo ra vì lợi ích của con người. Chúng ta không tồn tại để phục vụ thị trường. Ngược lại mới đúng. Bất kỳ hệ thống kinh tế nào làm suy yếu và hủy hoại các gia đình đều không đáng có. Một hệ thống như thế là kẻ thù của xã hội lành mạnh.” Bernie Sanders không còn có thể nói hay hơn.

Các hệ tư tưởng có sức hấp dẫn bởi vì dường như chúng giải quyết được những vấn đề quan trọng tức thời. Vào thập niên 1930, chủ nghĩa tư bản đã mắc cạn, gây hoảng loạn tài chính, sụp đổ và thất nghiệp hàng loạt — và xem chừng không thể sớm ổn định lại được. Cùng với đó xuất hiện Franklin Roosevelt, đã cho nhà nước bước vào chỗ mà thị trường đang thất bại và đưa đất nước phát triển trở lại. Trong những năm 1970, khi lạm phát bùng phát và tăng trưởng chậm, các xã hội phương Tây dường như trở thành nạn nhân của việc nhà nước can thiệp quá

mức vào nền kinh tế, áp dụng biện pháp kiểm soát tiền lương và giá cả và các biện pháp khắc phục được cho là chỉ khiến tình hình tồi tệ hơn. Kết quả là, nhu cầu có một cách tiếp cận mới để mở cửa nền kinh tế và khai thác tiềm năng của khu vực tư nhân. Tương tự, ở nhiều nước thuộc Thế giới thứ ba, chủ nghĩa xã hội nhà nước đã gây ra tình trạng đình trệ hoàn toàn, và đến thập niên 1980, những cải cách của Reagan-Thatcher dường như là lối thoát. Giờ đây, con lắc đã văng ngược trở lại, và có một cảm giác lan tỏa rằng chỉ thị trường thôi thì không thể giải quyết được tình trạng bất bình đẳng ngày càng gia tăng và tình trạng mất an toàn việc làm tràn lan bởi sự thay đổi không ngừng về công nghệ và cạnh tranh nước ngoài. Những vấn đề này đòi hỏi các giải pháp nhà nước.

Đại dịch có làm tâm trạng của xã hội thay đổi theo những cách mà trước đây không thể xảy ra không? Những cú sốc hệ thống trước đây thỉnh thoảng tạo ra ý nghĩa dự báo và dự đoán sự thay đổi toàn diện — để rồi chỉ được đáp ứng bằng những thay đổi giả tạo trong chính sách. Hồi khủng hoảng tài chính châu Á vào cuối những năm 1990, nhà kinh tế học Paul Krugman đã cảnh báo trong một tiểu luận trên tạp chí *Fortune* rằng nếu các quốc gia châu Á không thực hiện các biện pháp quyết liệt (như kiểm soát tiền tệ), “chúng ta sẽ chứng kiến một kịch bản Suy thoái thực sự — loại suy thoái⁹ mà 60 năm trước, các nền kinh tế bị tàn phá, các chính phủ mất kiểm soát, và cuối cùng dẫn đến chiến tranh.” Khi bong bóng dot-com nổ tung vào năm 2000, quét sạch khối tài sản trị giá 5 nghìn tỉ USD,¹⁰ nhiều người dự đoán sự kết thúc của nổi ám ảnh công nghệ và Internet.¹¹ Trong cơn khủng hoảng tài chính toàn cầu, Martin Wolf, trưởng ban bình luận kinh tế của *FT*, tuyên bố, “Một vị

thần hệ tư tưởng nữa đã thất bại,”¹² và Tim Geithner, bộ trưởng tài chính, hứa hẹn, “Chủ nghĩa tư bản sẽ khác.”¹³ Nhưng sau mỗi cuộc khủng hoảng, nền kinh tế được vá vúi và chúng ta cho qua. Chúng ta có thể làm vậy lần nữa?¹⁴

Chắc chắn là có thể. Nhưng đại dịch này đã xảy ra vào một thời điểm lịch sử có sự bất mãn lớn hơn nhiều đối với hệ thống kinh tế. Krugman, Wolf và Geithner đều đang miêu tả chính xác sự mong manh của hệ thống đó, chỉ ra những vết nứt và lo lắng rằng một trong số những vết nứt đó sẽ khiến toàn bộ kiến trúc sụp đổ. Nhưng bất chấp những lo ngại của họ, chưa có sửa chữa cấu trúc nào được thực hiện. Có một ý thức bao trùm rằng, trong cụm từ nổi tiếng mà Margaret Thatcher sử dụng để dập tắt các cuộc tranh luận về kinh tế thị trường tự do, “không có lựa chọn nào khác.” Bà sử dụng khẩu hiệu này nhiều đến mức một số đồng nghiệp trong nội các của bà bắt đầu gọi bà là “TINA”.*

Cụm từ đó thể hiện tinh thần của thời đại, một ý tưởng gần như là chủ nghĩa Mác về tính tất yếu của lịch sử — khác chẳng chủ nghĩa tư bản, chứ không phải chủ nghĩa xã hội, là hệ tư tưởng nằm ở “giai đoạn cuối của lịch sử”.¹⁵ Và không chỉ Thatcher. Gần như mọi nhà lãnh đạo phương Tây đều tin rằng chủ nghĩa tư bản toàn cầu đã trở nên phổ biến, giống như không khí chúng ta hít thở. Bạn không thể chống lại nó, bạn nhất định phải thích ứng với nó. Sự tan rã của khối các nước xã hội chủ nghĩa càng củng cố lập luận này. “Chúng ta không thể ngăn cản sự thay đổi toàn cầu,” Tổng thống Bill Clinton giải thích với người dân Mỹ khi ký Hiệp định Thương mại Tự

* Nguyên văn tiếng Anh câu nói của Thủ tướng Thatcher: “There is no alternative.” TINA là viết tắt các chữ cái đầu của câu nói này. (Nxb)

do Bắc Mỹ thành luật năm 1993. “Chúng ta không thể bãi bỏ cạnh tranh kinh tế quốc tế đang diễn ra khắp nơi. Chúng ta chỉ có thể khai thác¹⁶ năng lượng đó làm lợi cho chúng ta mà thôi.”

Khi cuốn sách *Chiếc Lexus và cây ôliu* của Thomas Friedman được xuất bản vào năm 1999, chủ nghĩa tư bản đang lên cao. Đây là thời kỳ bùng nổ dot-com và Đồng thuận Washington, một tập hợp các cải cách thị trường tự do mà các nước giàu kê toa cho các nước nghèo hơn làm theo. Friedman giải thích rằng hầu hết các nước đang phát triển coi công thức mới cho sự thịnh vượng kinh tế là “chiếc áo bó bằng vàng”.¹⁷ Các cải cách được suy tính cẩn thận này không có chỗ cho sai lầm, nhưng nếu các quốc gia tuân thủ các quy tắc và thực hiện những gì được yêu cầu, họ sẽ gặt hái phần thưởng lớn. Theo công thức của Friedman, với chiếc áo bó đó, “nền kinh tế của bạn phát triển và nền chính trị của bạn thu hẹp.” Nhưng qua năm tháng, người ta phát cáu với chiếc áo bó đó. Quan trọng hơn, họ nhận thấy một số quốc gia đã làm khác mà vẫn vượt lên được đấng thôi.

Hãy xem Trung Quốc, nền kinh tế phát triển nhanh nhất hành tinh trong 20 năm qua — thực ra là nền kinh tế lớn phát triển nhanh nhất trong lịch sử.¹⁸ Quốc gia đó đi theo sự pha trộn riêng gồm chủ nghĩa tư bản, kế hoạch nhà nước, sự cởi mở và chế độ toàn trị. Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng, nhưng kiểm soát chính trị cũng tăng. (Nicholas Kristof của *The New York Times* đã miêu tả là “Chủ nghĩa Lênin-thị trường”¹⁹). Và trong việc vạch ra con đường riêng, Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, không chỉ thống trị các ngành công nghiệp truyền thống như thép²⁰ và xi măng²¹ mà còn trở thành đầu thủ hàng đầu thế giới về máy tính, viễn thông, mạng xã hội và thậm chí cả trí tuệ nhân tạo. Quan sát

sự trỗi dậy của Bắc Kinh, có thể dễ dàng hiểu tại sao nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới lại nghĩ Margaret Thatcher đã sai. Có lựa chọn khác.

Trong khi Trung Quốc có những thành tựu quan trọng thì Mỹ lại có những thất bại tai hại. Việc giải phóng thị trường trong những thập kỷ qua đã tạo ra tăng trưởng và đổi mới nhưng cũng tạo ra một khu vực công bản cùng, bất bình đẳng gia tăng, xu hướng độc quyền và một hệ thống chính trị bị người giàu và quyền thế mua chuộc. Và nhiều người Mỹ hiện đã nhìn thấy những thiếu sót này phơi bày trong đại dịch. Một nhà nước yếu kém, trực trặc, khả năng tiếp cận chăm sóc sức khỏe bất bình đẳng cao độ, các cơ chế cứu trợ lại giúp cho những người có vốn và có quan hệ hơn là giúp người làm công ăn lương. Sự vỡ mộng đã bắt đầu với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Hệ thống hư hỏng, và những người bị trừng phạt dường như lại là những người dễ bị tổn thương nhất, chứ không phải những kẻ nặng tội nhất. Những người được thưởng là những người giàu có hoặc có quan hệ với giới chức trọng quyền cao. Hai lần trong những năm gần đây, vào các năm 2008-2009 và 2020, chính phủ liên bang đã chi hàng nghìn tỉ đôla để giải cứu các công ty lớn và yểm trợ cho tài sản của những người Mỹ giàu nhất. Ấy thế mà những lời kêu gọi chi vài tỉ cho trường mầm non hay nhà ở thu nhập thấp liên tục vấp phải những quan ngại về chi phí hay tác hại của việc bố thí cho người dân. (Tại sao không thấy ai quan tâm đến tác hại khi Cục Dự trữ Liên bang cung cấp hỗ trợ cho những người sở hữu cổ phiếu và trái phiếu?) Giờ đây chúng ta đã quen với một chủ nghĩa tư bản của Mỹ bí hiểm đẩy những luật lệ đặc biệt và ngoại lệ khẩn cấp. Tuy nhiên, lâu nay chúng ta vẫn được bảo rằng tất cả đều ổn. Hệ thống hoạt động tốt.

TRẢ TIỀN THÌ MỚI LÀM

Khi bắt đầu đại dịch, Đại học Khoa học và Công nghệ Na Uy đã đăng bài trên Facebook kêu gọi bất kỳ sinh viên nào đang du học ở nước ngoài trở về nước, nói thêm, “đặc biệt nếu bạn đang ở một quốc gia có cơ sở hạ tầng và dịch vụ y tế và/hoặc cơ sở hạ tầng công kém phát triển, chẳng hạn như Mỹ.” Sau đó, trường đại học này xóa ví dụ về nước Mỹ vì nhận ra đã nói hớ — như một trò đùa, nhưng vô tình lại nói ra sự thật.²²

Vào cuối tháng 3 năm 2020, khi người Mỹ nhận ra virus đã tấn công mạnh, đáng lẽ đảm bảo sao cho mọi người Mỹ sẽ được xét nghiệm ngay lập tức thì có phải dễ không. Suy cho cùng, Mỹ chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe bình quân đầu người cao hơn gần gấp đôi²³ so với hầu hết các nước tiên tiến khác. Nhưng Mỹ lại vô cùng thiếu xét nghiệm, và bởi vì chăm sóc sức khỏe của Mỹ được tổ chức thành một doanh nghiệp vì lợi nhuận, nhiều người đã phải đối mặt với chi phí quá cao ngay cả khi có xét nghiệm. Nếu bạn giàu có và quyền thế, bạn không gặp vấn đề như vậy. Vào giữa tháng 3, tất cả các cầu thủ của tám đội NBA đã được xét nghiệm.²⁴ Những người nổi tiếng và chính trị gia không có triệu chứng đều được xét nghiệm, trong khi nhân viên y tế phải chờ hàng tuần, đôi khi lâu hơn. Việc không xét nghiệm được số lượng lớn những người dễ bị tổn thương khiến mọi người không an toàn.

Hệ thống chăm sóc sức khỏe ở Mỹ là một hệ thống rộng lớn, phức tạp và đắt đỏ, nhưng đáp ứng các ưu tiên của thị trường. Các cơ sở xét nghiệm và điều trị tập trung ở những khu vực giàu có, buộc người sống ở nơi khác phải tìm đến những cơ sở kém chất lượng. Các bác sĩ phải dành một lượng lớn thời gian để làm

kinh doanh hơn là làm nghề, ưu tiên cho các biện pháp y tế tạo ra nhiều doanh thu nhất. Các bệnh viện được điều hành giống như khách sạn, mục tiêu là lấp đầy giường bệnh và chẳng có chỗ dự phòng. Bill Budinger, một doanh nhân rất thành công hiện đã ngoài tám mươi, đã phản ánh sự thay đổi trong tâm lý. “Tôi lớn lên khi mọi thứ không như vậy, thời mà lợi nhuận phải ở mức hợp lý chứ không phải tối đa,” ông nhớ lại. “Đối với các bệnh viện, tỷ lệ lấp đầy cao là một lời kêu gọi hành động. Người ta sẽ cần thêm giường để trang trải các trường hợp khẩn cấp có thể xảy ra. Bây giờ mục tiêu là cắt giảm số giường để đảm bảo công suất sử dụng cao.” Cung ứng vật tư y tế dự trữ, giường trống, tăng cường nhân viên — toàn là những yếu tố kém hiệu quả đã bị loại bỏ theo thời gian.

Khả năng tiếp cận chăm sóc sức khỏe cực kỳ bất bình đẳng là một phần trong mâu thuẫn đối kháng lớn hơn của cái xã hội “trả tiền-mới-làm”, trong đó mọi thứ đều bị thị trường chi phối. Điều hành bệnh viện và hiệu trưởng trường đại học không được coi là nhà lãnh đạo xã hội mà là những giám đốc điều hành doanh nghiệp, và cũng được trả tiền để hành xử như mọi CEO. Các ngành nghề như luật, ngân hàng và kế toán từng được hướng dẫn bởi nguyên tắc yêu cầu họ không được tối đa hóa lợi nhuận nếu phải trả giá bằng việc hy sinh tính độc lập và liêm chính của họ. Ngày xưa ngày xưa, những người này bảo thân chủ của mình *đừng* giao dịch chỗ có đầu lại háo hức nhảy vào kinh doanh đủ thứ. Các hiệp hội nhà nghề từng đóng vai trò là người gác cổng và hòa giải trong xã hội²⁵ và nền kinh tế đã trở thành những doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận bán con dấu dịch vụ giữ nhà của họ cho bất kỳ ai chịu trả tiền — bất chấp xung đột lợi ích hay nguy hại lớn hơn. Trước khủng hoảng tài

chính năm 2008, các cơ quan xếp hạng — được cho là độc lập và không thiên vị — háo hức dán tem chứng nhận của họ cho các sản phẩm tài chính kém chất lượng, đầy rủi ro vì họ được trả tiền hậu hĩ để làm vậy.

Có lẽ quan trọng hơn cả, bản thân chính trị cũng bị thị trường tiếp quản luôn. Trong một bài tiểu luận năm 1993,²⁶ nhà khoa học chính trị Robert A. Dahl giải thích lý do tại sao hầu hết các quốc gia dân chủ không chọn tổ chức theo định hướng thị trường thuần túy mà thay vào đó để lại vai trò lớn cho nhà nước. Ông chỉ ra rằng có nhiều điều trong xã hội mà người ta muốn tách rời ra khỏi lực thị trường — chẳng hạn lá phiếu của các chính trị gia và công dân. Nhưng ngay cả những thứ đó giờ cũng đã trở thành hàng hóa có thể giao dịch, tiền bạc thống trị chính trị đến mức kẻ giàu — công ty và cá nhân — có thể mua được phiếu bầu, viết ra và viết lại quy tắc cho phù hợp với họ.

Thomas Philippon, một nhà kinh tế học người Pháp, đến Mỹ vào những năm 1980, ngạc nhiên trước mức độ cạnh tranh của nền kinh tế, cung cấp một loạt các lựa chọn sản phẩm — từ vé máy bay đến dịch vụ ngân hàng đến điện thoại — với giá thấp. Tuy nhiên, ngày nay, chính châu Âu mới có hàng hóa và dịch vụ rẻ hơn và đa dạng hơn. Trong 20 năm qua, châu Âu đã mở rộng cung cấp của họ trong khi Mỹ thu hẹp. Nghiên cứu của Philippon cho thấy một số tác lực đằng sau sự thay đổi này có tính cấu trúc — trong nền kinh tế kỹ thuật số, bất kỳ thị trường nhất định nào cũng có xu hướng bị chi phối bởi một hoặc hai tay chơi, sau đó có khả năng tăng giá. Nhưng một nguyên nhân quan trọng, mà học thuật của ông tiết lộ, là quyền lực chính trị của các ngành công nghiệp. Các công ty có thể viết luật nhằm ngăn chặn cạnh tranh và giữ lợi nhuận cao cho họ.

Tôi luôn đánh giá cao sức mạnh của thị trường, có lẽ vì tôi lớn lên ở Ấn Độ xã hội chủ nghĩa, trì trệ. Lực thị trường năng động phi thường và có thể chuyển hóa những xã hội trì trệ. Ở Ấn Độ và Trung Quốc, chúng đã giúp hàng trăm triệu người thoát nghèo. Chúng tạo ra những đổi mới vượt bậc và mang đến cơ hội cải thiện cuộc sống cho mọi người từ mọi hoàn cảnh. Nhưng thị trường tự do cũng có khuyết điểm. Bởi vì thị trường tự do cung cấp khả năng tạo ra quá nhiều của cải và bất bình đẳng, con người tìm cách lật đổ chúng. Đây có thể là một hệ quả tất yếu của hoạt động chủ nghĩa tư bản. Thị trường luôn tạo ra lợi nhuận không cân bằng. Và như Peter Thiel, nhà đầu tư mạo hiểm ở Thung lũng Silicon, đã thừa nhận, mục tiêu của mọi công ty là trở thành độc quyền. Tiếp sau đó, các công ty thành công sẽ cố gắng sử dụng các nguồn lực của họ để loại bỏ cạnh tranh. Chỉ có thể ngăn chặn chuyện này nếu hệ thống chính trị có thể giám sát họ, và để làm được như vậy, có một số việc phải cách ly với giới kinh doanh. Nghĩa là hạn chế tư nhân chi tiền cho các cuộc bầu cử và một bộ máy hành chính thực sự độc lập. Kết hợp đó — thị trường thực sự mở và nhà nước mạnh — là một cân bằng khó khăn. Có lẽ không ngạc nhiên khi Philippon cho thấy, Liên minh châu Âu làm tốt việc thực thi cạnh tranh mở hơn Mỹ. Các “quan chức EU” ở Brussels có thể kiêu ngạo và nhiều sự, nhưng họ không bán miễn trừ với các quy định để đổi lấy đóng góp cho chiến dịch tranh cử.

Tuy nhiên, có một phê phán về thị trường vượt ra ngoài kinh tế học. Tư duy lấy thị trường làm trung tâm đã xâm chiếm mọi lĩnh vực đời sống con người, không còn chỗ cho các giá trị khác như công bằng, bình đẳng hoặc giá trị thực chất. Con người trên khắp thế giới thức tỉnh trước đại dịch này và nhận ra đáng

lẽ họ phải vỡ vạc từ lâu rồi mới phải — rằng người ta nên được tôn vinh vì công việc họ làm, ngay cả khi công việc đó không mang lại phần thưởng vật chất lớn. Chúng ta đã chứng kiến các nhân viên y tế dấn thân vào nguy hiểm để hoàn thành sứ mệnh cơ bản của họ là chữa bệnh cho người khác. Chúng ta đã thấy người ta dôn lên xe buýt và xe lửa để giữ cho công việc làm ăn đó được tiếp tục, rác được thu gom và các cửa hàng nhu yếu phẩm dự trữ hàng hóa — tất cả để những người khác có thể làm việc từ nhà. Điều này nhắc nhở chúng ta trân trọng những người có công việc không tạo ra thu nhập lớn nhưng quan trọng, thiết yếu, thậm chí cao quý — từ các học giả, giáo viên đến lao công và quét dọn đường phố. Thị trường có thể không thưởng cho họ, nhưng chúng ta nên kính trọng họ.

ĐAN MẠCH TUYỆT VỜI

Người Mỹ, không có các chương trình lớn của nhà nước hỗ trợ và làm đệm đỡ, luôn được dạy phải dựa vào bản thân để đạt được “Giấc mơ Mỹ”. Nếu có ý niệm nào mang tính biểu tượng trung tâm về đất nước này, thì đó là nước Mỹ là nơi bất cứ ai cũng có thể thành công, nơi mà những đứa trẻ lớn lên với kỳ vọng làm tốt hơn cha mẹ của chúng, nơi một người từ bất kỳ hoàn cảnh nào cũng có thể trở thành tổng thống, hoặc thậm chí, tốt hơn nữa, một tỉ phú. Nước Mỹ vẫn có rất nhiều ví dụ điển hình về những câu chuyện thành công như vậy, từ Barack Obama đến Steve Jobs. Nhưng hóa ra họ là những trường hợp ngoại lệ xuất sắc, chứ không đại diện cho số phận của hầu hết người Mỹ. Các nghiên cứu về chủ đề này rất nhiều và thuyết phục đến nỗi ngay cả tờ *National Review* vốn nhất mực bảo

thủ mà còn xuất bản một bài tiểu luận kết luận: “Rõ ràng xét về một khía cạnh nào đó thì khả năng thay đổi của người Mỹ là đặc biệt... chúng ta nổi bật là hạn chế từ dưới đáy đi lên.”²⁷ Một nghiên cứu của Stanford nhằm định lượng Giấc mơ Mỹ, định nghĩa nó là “xác suất mà một đứa trẻ có cha mẹ thuộc mức dưới cùng trong phổ phân phối thu nhập thực hiện bước nhảy vọt lên được mức trên cùng.” Dữ liệu tổng hợp cho thấy người Mỹ thu nhập thấp có 7,5% cơ hội²⁸ tiến xa hơn trên nấc thang kinh tế, so với 11,7% ở người Đan Mạch thu nhập thấp, và 13,5% đối với người Canada — gần gấp đôi cơ hội của người Mỹ.

Phản ứng truyền thống của người Mỹ trước những so sánh này là nói rằng nước Mỹ phải đối mặt với thách thức có một không hai vì thu hút một lượng lớn người nhập cư nghèo. Nhưng ở khía cạnh đó, nước Mỹ cũng không còn là duy nhất. Nhiều quốc gia châu Âu có số lượng lớn người nhập cư và Canada có tỷ lệ dân số là người sinh ra ở nước ngoài thậm chí còn cao hơn — 22%,²⁹ so với 14% ở Mỹ.³⁰ Và trong khi các quốc gia khác này đều đã phải vật lộn để hội nhập người nhập cư, họ vẫn có thể tiếp tục cho cư dân của họ — thuộc mọi nguồn gốc và tín ngưỡng — con đường để tăng cơ hội và thu nhập.

Nói cách khác, Giấc mơ Mỹ vẫn tồn tại và tốt đẹp,³¹ chỉ là không ở nước Mỹ thôi. Trong tác phẩm hai tập đầy tham vọng của mình, *Political Order and Political Decay* (tạm dịch: *Trật tự chính trị và Sự suy tàn chính trị*), Francis Fukuyama viết rằng câu hỏi cơ bản với mọi xã hội loài người rất đơn giản: Làm cách nào đến được Đan Mạch?³² “Về điều này, ý tôi không phải là đất nước Đan Mạch thực tế,” ông viết, “mà là một xã hội tượng tượng thịnh vượng, dân chủ, an ninh và được quản lý tốt, và mức độ tham nhũng thấp.” Fukuyama đang nói đến một hệ thống

chính trị hơn là một hệ thống kinh tế, nhưng hai hệ thống này có mối liên hệ sâu sắc với nhau. Thật vậy, cái này củng cố cái kia. Đan Mạch thành công về chính trị bởi vì họ thành công về kinh tế — và ngược lại.

Đan Mạch có phần khác với những gì mà người ngưỡng mộ lẫn kẻ gièm pha tưởng tượng. Bernie Sanders coi đây là một thiên đường xã hội chủ nghĩa, nhiều lần nhắc đến Đan Mạch như là ví dụ về kiểu hệ thống mà ông muốn sao chép. Điều đó khiến thủ tướng Đan Mạch công khai phản bác Sanders. “Đan Mạch khác xa với một nền kinh tế kế hoạch, xã hội chủ nghĩa. Đan Mạch là nền kinh tế thị trường,”³³ Lars Løkke Rasmussen giải thích vào năm 2015. Sự thật xác minh lời của ông. Đan Mạch xếp hạng cao hơn Mỹ trong Chỉ số Tự do Kinh tế của Tổ chức Di sản thị trường tự do (Đan Mạch đứng thứ tám, Mỹ thứ 17).³⁴ Nhìn chung, Đan Mạch, giống như hầu hết các nước Bắc Âu, có nền kinh tế mở, thuế quan thấp và cạnh tranh. Về nhiều mặt, họ khuyến khích tích lũy vốn tốt hơn Mỹ, với mức thuế thu nhập từ vốn và thừa kế thấp hơn (thuế bất động sản ở Đan Mạch là 15%³⁵ còn ở Thụy Điển³⁶ và Na Uy³⁷ là 0). Nhiều năm trước, tôi gặp Poul Nyrup Rasmussen, người đã ban hành nhiều cải cách ở Đan Mạch với tư cách là thủ tướng đất nước này vào những năm 1990, tạo ra cái mà ngày nay được gọi là mô hình “hệ thống an sinh linh hoạt” (flexicurity). Ông nhấn mạnh rằng nửa vế đầu là then chốt: đảm bảo người sử dụng lao động có thể linh hoạt trong việc thuê và sa thải lao động một cách dễ dàng, không có quy định quá mức hoặc kiện tụng, trong một nền kinh tế mở cửa với thế giới và cạnh tranh — nhưng tất cả đều nằm trong vòng an toàn của một hệ thống cung cấp lưới an sinh hào phóng.

Điều khác biệt giữa các nước Bắc Âu với Mỹ là mức độ đánh thuế nói chung và tái phân phối cao. Nói cách khác, hệ thống được thiết kế để giúp dễ dàng tạo ra của cải thông qua thị trường tự do và thương mại tự do. Sau đó, nhà nước thu thập phần lớn của cải đó và chi vào việc đảm bảo cho công dân của mình có cơ hội bình đẳng và phong phú. Thuế của Đan Mạch chiếm tới 45% GDP nước này,³⁸ trong khi ở Mỹ là 24%. Và Đan Mạch không chỉ đánh thuế người giàu. Giống như các nước châu Âu khác, phần lớn thu nhập của Đan Mạch là từ thuế thương vụ (sales tax) quốc gia. Thuế suất 25%, theo mức trung bình chung của Liên minh châu Âu là 20%.³⁹ Ở Mỹ, thuế thương vụ của các bang trung bình chỉ 7%.⁴⁰ Thuế tiêu dùng của Đan Mạch đối với mọi thứ, từ bia, trứng đến điện thoại thông minh⁴¹ đương nhiên giảm mạnh cho người nghèo, những người chi phần lớn thu nhập của họ để mua hàng tiêu dùng. Tuy nhiên, đâu chỉ có hệ thống thuế lũy thoái, các khoản chi tiêu và chương trình chính phủ thiên về giúp người nghèo và tầng lớp trung lưu bậc thấp còn bù đắp thêm. Lợi thế gia tăng của gánh nặng thuế được chia sẻ chung là tinh thần đoàn kết hơn: mọi người đều ủng hộ các chương trình của nhà nước vì họ cảm thấy ai cũng đóng góp vào đó.

Hãy tưởng tượng bạn là một gia đình trung bình. Bạn và vợ/chồng bạn có một đứa con, và thu nhập hộ gia đình trung bình. Bạn có thể chọn sống ở Mỹ hoặc Đan Mạch. Ở Đan Mạch thuế cao, thu nhập khả dụng của bạn sau thuế và chi phí đi lại sẽ thấp hơn khoảng 15.000 đôla⁴² so với ở Mỹ. Nhưng đổi lại việc phải đóng thuế cao hơn là bạn sẽ được chăm sóc sức khỏe phổ quát (một dịch vụ hiệu quả hơn ở Mỹ), giáo dục miễn phí đến tận sau đại học ở những trường tốt nhất, các chương trình

đào tạo lại công nhân mà nhà nước chỉ một mức tỷ lệ phần trăm GDP cao hơn mười bảy lần⁴⁴ mức chi của Mỹ, cũng như cơ sở hạ tầng chất lượng cao, phương tiện giao thông công cộng và nhiều công viên và không gian công cộng khác đẹp hơn. Người Đan Mạch cũng có thời gian giải trí một năm nhiều hơn người Mỹ 550 giờ.⁴⁵ Nếu lựa chọn theo kiểu có thể có thêm 15.000 đôla nhưng phải làm việc nhiều giờ hơn, nghỉ ít ngày hơn và tự trang trải về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo lại và di chuyển, tôi nghĩ hầu hết người Mỹ sẽ chọn mô hình của Đan Mạch. Không chỉ nền giáo dục miễn phí và những chuyến tàu đẹp, lợi thế vượt trội của hệ thống an sinh linh hoạt Bắc Âu là nó tính đến những tác lực vốn là cốt lõi của thế giới hiện đại, toàn cầu hóa mà vẫn làm dịu đi những lo lắng mà thế giới đó tạo ra. Và những lo lắng này, tất nhiên, đã lên đến tầm cao mới trong bối cảnh đại dịch.

Dễ hiểu tại sao ngày nay con người ta dễ bị kích động. Một thế giới mở của thị trường chuyển động nhanh và thay đổi công nghệ thật đáng sợ. Một giải pháp là đóng nó lại. Những người theo chủ nghĩa dân túy như Donald Trump muốn ngăn chặn người nhập cư, hạn chế dòng chảy của hàng hóa và dịch vụ, và bằng cách nào đó giữ gìn nền văn hóa hiện có của quốc gia mình. Họ tìm cách quay lại một số nẻo đường của quá khứ — vốn dĩ luôn là thời kỳ được tưởng tượng là hay tuyệt. Thực tế là, không bao giờ có Vườn Địa Đàng, và những thời kỳ được hoài niệm thực ra khó khăn hơn nhiều so với những gì người ta nhớ lại. Hãy nghĩ về cuộc sống trong những năm 1950 nếu bạn là phụ nữ hoặc một người thiểu số hoặc người đồng tính. (Và cuộc sống thời đó không dễ chịu gì ngay cả đối với đàn ông da trắng làm công nhân luyện thép và khai thác than.) Con đường làm

cho nước Mỹ — hay bất kỳ quốc gia nào — vĩ đại trở lại là tiến tới, chứ không phải quay lui.

Chúng ta không thể đóng thế giới lại. Chúng ta không thể — cũng như không nên — ngăn các cường quốc mới nổi phát triển cũng như ngăn cản tiến bộ công nghệ. Chúng ta chỉ có thể lèo lái qua thời thế và những xu hướng mà chúng ta phải đối mặt và thành công hoặc thất bại. Chúng ta sẽ phải đối mặt với những khó khăn kinh tế trong tương lai. Các xu hướng mới — nỗi sợ đại dịch và chủ nghĩa bảo hộ — sẽ tạo ra những chuyển dịch cơ cấu sâu sắc hơn như suy giảm nhân khẩu học và “sự trì trệ muôn thuở”, do đó, tăng trưởng, ít nhất là ở các nước phát triển, có thể sẽ chậm lại trong tương lai gần. Nhưng có nhiều cách để khuyến khích sự năng động và cũng có thể phát tán cơ hội đến nhiều người hơn.

Các quy định, được điều chỉnh cho phù hợp, có thể đảm bảo cạnh tranh là tự do và công bằng. Các chính sách thuế có thể được điều hướng để giúp đỡ người lao động và người ít vốn hơn. Nhà nước phải trở lại đầu tư lớn vào khoa học và công nghệ. Giáo dục và đào tạo lại cũng cần thêm ngân sách, đi đôi với tái cơ cấu các chương trình này của nhà nước để giảm thiểu tình trạng quan liêu và tập trung vào mục tiêu — cung cấp nền giáo dục tốt nhất. Thách thức là làm cho công dân có thể đương đầu với môi trường cạnh tranh toàn cầu đó và *được trang bị*⁴⁵ sự năng động công nghệ — các công cụ, đào tạo và lưới an toàn sẽ cho phép họ vẫy vùng. Để luôn mở cửa với thế giới và trang bị vũ khí cho người dân, các nước Bắc Âu, chẳng hạn như Đan Mạch, đã tìm ra một con đường năng động, dân chủ, an toàn và công bằng. Họ hiểu rằng thị trường có sức mạnh đáng kinh ngạc, nhưng chưa đủ; rằng cần có những sự

hỗ trợ, đệm giảm xóc, và phúc lợi xã hội. Nên điều chỉnh các phương pháp hay nhất của thiên hạ cho phù hợp với thực tế của nước Mỹ. Thực sự là phải làm như vậy thôi, không có lựa chọn nào khác.

BÀI HỌC 4

Lắng nghe chuyên gia — và lắng nghe người dân

THÁNG 3 NĂM 2016, khi Donald Trump ở vào vị thế đảm bảo có sự đề cử của Đảng Cộng hòa, ông đã được hỏi rằng ông đang tham khảo ý kiến của các chuyên gia chính sách đối ngoại nào. “Tôi đang nói với chính mình, số một, bởi vì tôi có bộ não rất tốt,”¹ ông trả lời. “Nhà tư vấn chính của tôi là chính tôi, và tôi có bản năng giỏi chuyện này.” Sau đó, ông giải thích lý do tại sao ông không dựa vào chuyên gia. “Các chuyên gia thật tồi tệ,”² ông nói. “Hãy nhìn mớ hỗn độn chúng ta đang gặp phải với tất cả những chuyên gia mà chúng ta có.” Vài tháng sau, chính trị gia người Anh Michael Gove được hỏi về sự ủng hộ của ông với Brexit và yêu cầu nêu tên một số nhà kinh tế ủng hộ quan điểm của ông rằng rời khỏi Liên minh châu Âu sẽ tốt cho việc kinh doanh. Ông trả lời: “Người dân ở đất nước này đã có đủ các chuyên gia rồi.”³

Giờ đây, thế giới trải qua một trận đại dịch toàn cầu, đáng lẽ người ta cần phải lắng nghe các chuyên gia là chuyện rõ ràng

một cách đau đớn. Nhưng không hẳn ở đâu cũng vậy. Chắc chắn ở nhiều nước, đặc biệt là Đông Á, theo bản năng người ta hết sức coi trọng thẩm quyền chuyên môn, đặc biệt là chuyên môn khoa học. Phản ứng gần như không sai sót của Đài Loan do một nhà dịch tễ học được đào tạo tại Johns Hopkins,⁴ trước đây đã dẫn dắt Đài Loan vượt qua đại dịch SARS với tư cách là người đứng đầu cơ quan y tế. Ở Đức, với Angela Merkel vốn là nhà khoa học trong vai trò lãnh đạo, cách tiếp cận đặc biệt tinh táo và dựa trên sự kiện. Thủ tướng Hy Lạp, khi được hỏi giải thích gì về thành công của đất nước ông trong việc xử lý ổ dịch, đã trả lời: “Chúng tôi lắng nghe các chuyên gia.”⁵

Nhưng cũng có nơi, sau một thời gian thờ ơ ban đầu, người ta chất vấn các khuyến nghị của chuyên gia y tế và, trong một số trường hợp, họ đã từ chối tuân thủ. Ở Brazil, thái độ này được khuyến khích bởi tổng thống của đất nước, Jair Bolsonaro, đã nói Covid-19 chỉ là “cúm sởi” và phản đối lời khuyên của các chuyên gia y tế về cách kìm hãm đại dịch. Ông đã sa thải một bộ trưởng y tế và khiến người thay thế ông này phải từ chức. Bất chấp các quy định của chính phủ, ông từ chối đeo khẩu trang, khiến thẩm phán Brazil phải ra lệnh bắt buộc ông đeo. Bolsonaro cuối cùng trở thành nạn nhân của chính thái độ bất cẩn của mình:⁶ tháng 7 năm 2020, ông tuyên bố có kết quả xét nghiệm dương tính virus corona. Thủ tướng Anh Boris Johnson rõ ràng không giãn cách xã hội trong giai đoạn đầu bùng phát dịch, và kết thúc ở phòng chăm sóc tích cực Covid-19. Tại Mexico, Tổng thống Andrés Manuel López Obrador khuyến khích mọi người ra ngoài, tham dự các cuộc mít-tinh, bắt tay và ôm — ngược hẳn với các quan chức về y tế công của chính ông. López Obrador kêu gọi người Mexico tiếp tục cuộc sống của

họ,⁷ vui vẻ và lạc quan, như thể suy nghĩ tích cực có thể chữa khỏi virus. Một số thống đốc bang ở Mỹ nhất quyết mở cửa lại hoàn toàn bang của họ bất chấp cảnh báo của các chuyên gia rằng nếu không có quy trình xét nghiệm tốt và đeo khẩu trang bắt buộc, virus sẽ lây lan nhanh chóng — sau đó quả nhiên đã xảy ra.

Về phần mình, Trump đã tweet ủng hộ các phong trào cánh hữu đòi “GIẢI PHÓNG” các tiểu bang⁸ đang chịu đựng sự chuyên chế rõ ràng của các thống đốc thuộc đảng Dân chủ, những người đang thực thi đúng các biện pháp đóng cửa mà chính quyền Trump khuyến nghị. Trên thực tế, Donald Trump trước sau luôn phá hoại sự hướng dẫn của các chuyên gia của chính mình. Trong nhiều tháng liền, ông từ chối đeo khẩu trang trước công chúng,⁹ thể hiện rằng theo quan điểm của ông, việc che mặt là dành cho những người theo chủ nghĩa tự do yếu đuối. Ông đã đề xuất các phương pháp điều trị và chữa bệnh theo ý kiến riêng của ông mà rất đáng ngờ, hầu hết đều mâu thuẫn hoàn toàn với các quan chức về y tế công của chính phủ Mỹ. Ông thậm chí còn đi xa đến mức nêu khả năng tiêm thuốc tẩy vào người, khiến các nhà sản xuất sản phẩm Lysol phải cảnh báo khách hàng không được uống thuốc tẩy.¹⁰ Trump chào hàng loại thuốc sốt rét hydroxychloroquine, mà ông gọi là “kẻ thay đổi cuộc chơi”¹¹ và tuyên bố vào tháng 5 năm 2020 là ông đã dùng nó hơn một tuần, bất chấp cảnh báo của FDA¹² rằng nó có thể làm rối loạn nhịp tim gây tử vong. “Tôi cảm thấy hài lòng,” ông nói. “Chỉ cần thể thôi. Chỉ là cảm giác.”¹³ Quý vị biết đấy, tôi là một gã thông minh. Tôi cảm thấy thuốc đó tốt.” Đó là nghệ thuật bắt chước cuộc sống, phản chiếu cái mà diễn viên hài Stephen Colbert gọi là “tính chân thật”¹⁴ trong tập đầu

tiên của *The Colbert Report*. “*Britannica* của ai bảo tôi là Kênh đào Panama được hoàn thành vào năm 1914?” nhân vật của Colbert hỏi. “Nếu tôi muốn nói nó hoàn thành vào năm 1941, đó là quyền của tôi. Tôi không tin sách — toàn sự kiện, không có trái tim... Đối mặt đi, các bạn, chúng ta là một quốc gia bị chia rẽ... chia rẽ giữa những người suy nghĩ bằng đầu và những người biết bằng trái tim... Bởi vì đó là nơi xuất phát của chân lý, thừa quý vị — phần cốt lõi.”

CÁCH KHOA HỌC HOẠT ĐỘNG

Đối với những ai trong chúng ta kinh hoàng trước những màn phô diễn ngu dốt đáng kinh ngạc này, giải pháp dường như hiển nhiên: Cứ làm theo khoa học. Nhưng khoa học cho chúng ta biết điều gì? Tiến sĩ Anthony Fauci, chuyên gia hàng đầu về bệnh truyền nhiễm của chính phủ Mỹ, ban đầu đánh giá thấp sự nguy hiểm của loại virus corona mới, nói hồi cuối tháng 1 năm 2020, “Đó là một nguy cơ rất, rất thấp đối với nước Mỹ.¹⁵... Công chúng Mỹ không cần phải lo lắng hay sợ hãi.” Vài ngày sau, Alex Azar, bộ trưởng bộ y tế và dịch vụ nhân sinh, cũng phản ánh quan điểm phổ biến trong giới chức y tế công của chính phủ khi ông nói, “Nguy cơ lây nhiễm cho người Mỹ vẫn ở mức thấp.”¹⁶ Điều này phản ánh kết luận của Tổ chức Y tế Thế giới, cho đến cuối tháng giêng WHO vẫn hạ thấp khả năng bùng phát đại dịch. Ban đầu, Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Mỹ khuyến cáo mọi người nên ở trong nhà và không sử dụng khẩu trang và rồi, nhiều tháng sau, chính cơ quan đó đã tự quay ngoắt và thúc giục điều ngược lại. Một số quốc gia đã đóng cửa hoàn toàn, trong khi những quốc gia khác — sử dụng các nhà

dịch tễ học và mô hình của riêng họ — thì không. Với tất cả những điều này ta nên làm gì?

Thực tế khoa học không đưa ra câu trả lời đơn giản, đặc biệt là với một hiện tượng mới như virus corona. Fauci, người đứng đầu Viện Dị ứng và Bệnh truyền nhiễm quốc gia, đã đưa ra một kết luận hợp lý với những bằng chứng ban đầu. Thoạt tiên, nhiều nhà khoa học tin rằng virus corona không phải là mối nguy hiểm đáng kể — nhưng mọi người đều đưa ra phán đoán vội vã không có dữ liệu. Virus corona mới là vậy, chỉ mới thôi. Tốc độ lây nhiễm và khả năng gây tử vong của nó vẫn chưa rõ ràng. Khi bằng chứng thay đổi, Fauci và những người khác đã thay đổi suy nghĩ của họ. Chuyện này là bình thường. Đâu có chuyên gia nào là không thể sai lầm. Một số dự báo của các mô hình ban đầu về tỷ lệ nhập viện liên quan đến Covid là quá cao, khiến các bệnh viện ngừng thực hiện dịch vụ chăm sóc không khẩn cấp¹⁷ để dành giường bệnh. Xem ra chuyện này đã ngăn cản nhiều bệnh nhân không nhiễm Covid đến phòng cấp cứu do quan niệm sai lầm rằng họ sẽ không được chăm sóc — chưa kể nỗi lo bị lây nhiễm virus tại một bệnh viện quá tải. Một số hệ thống bệnh viện chứng kiến tỷ lệ bệnh nhân đau tim giảm 50%,¹⁸ nghĩa là nhiều người có thể đã chết ở nhà, một cách không đáng. Các ước tính sau đó về tỷ lệ nhập viện chính xác hơn.

Chúng ta có xu hướng cho rằng khoa học cung cấp một câu trả lời dứt khoát, duy nhất, nhưng khoa học không hoạt động như vậy. Trên hết, khoa học là một phương pháp tìm hiểu, một quá trình đặt ra các câu hỏi và kiểm tra một cách nghiêm ngặt các giả thuyết. Với dữ liệu mới và tốt hơn, chúng ta đi đến kết luận mới và đúng hơn. Các nhà khoa học vẫn còn nhiều câu hỏi

quan trọng về Covid-19 và chúng sẽ được giải đáp — nhưng trong vài năm tới, chứ không phải vài tháng. Có một số lĩnh vực nghiên cứu nhất định (chẳng hạn như biến đổi khí hậu), trong đó các chuyên gia đã nghiên cứu vấn đề trong nhiều thập kỷ, thu thập hàng núi dữ liệu, xuất bản nhiều nghiên cứu đã được đồng nghiệp nghiệm chứng, và đi đến nhất trí — mặc dù hầu như luôn là một sự nhất trí tạm thời có thể sửa đổi hoặc thậm chí lật ngược. Hầu hết các môn khoa học chúng ta đã học ở trường đều hoạt động như thế cả.

Covid-19 hoàn toàn khác. Khi các quan chức y tế công như Fauci phải đưa ra đánh giá ngay lập tức về mức độ nghiêm trọng để xử lý thì virus mới tồn tại chưa đầy hai tháng và chỉ xuất hiện ở một vài quốc gia. Trong vòng vài tuần, nhiều thông tin hơn đã có và giờ đây có một cơ quan nghiên cứu hẳn hoi về vấn đề đang phát triển theo tháng. Nhưng trong giai đoạn đầu của một trận dịch, các bác sĩ và nhà khoa học giống như những vị tướng đắm chìm trong chiến trận. Họ có thông tin không đầy đủ và thường sai sót. Thậm chí tệ hơn, *họ biết là vậy*. Ấy thế nhưng họ vẫn đưa ra những phán đoán đao to búa lớn — mà còn lâu nữa mới rõ nguồn cơn.

Đi trong sương mù của đại dịch tạo ra một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Trong giai đoạn đầu của cuộc khủng hoảng, một số nhà khoa học cảm thấy cần phải mạnh dạn lên tiếng hơn là chờ có bằng chứng chắc chắn. Đôi khi cách này được dùng đến để khuyến khích người ta nghiêm túc thực hiện các hướng dẫn của họ. Cách tiếp cận đó có thể có lợi trước mắt, nhưng cái hại lâu dài thì nguy hiểm. Nếu các dự đoán hóa ra là sai lầm hoặc nếu dữ liệu mới làm thay đổi bức tranh, sẽ hủy hoại uy tín chuyên môn và tính chính trực của các chuyên gia này và của khoa học

nói chung. Chúng ta đã thấy ở các vụ dịch trước đây. Ví dụ, Neil Ferguson — nhà dịch tễ học có nghiên cứu định hình việc đóng cửa nước Anh — vào năm 2009 đã dự đoán rằng dịch cúm lợn có thể giết chết 65.000 người ở Anh,¹⁹ khiến các chính trị gia như Boris Johnson, khi đó đang giữ chức thị trưởng London, hoảng sợ. Cuối cùng, khoảng 450 người Anh chết vì H1N1. Nhưng mô hình bị lỗi đó đã gây hại. Một thập kỷ sau, với Johnson trong văn phòng thủ tướng, ký ức về nỗi hoảng sợ bị thổi phồng này²⁰ có thể đã góp phần vào sự trì hoãn phản ứng trước Covid-19 và thất bại của ông. Giờ đây, các chính trị gia khác không muốn nghe chuyên gia chỉ vào tuyên bố này tuyên bố nọ, hoặc đưa ra “chuyên gia” riêng để minh chứng cho tiến trình hành động mà họ muốn theo đuổi.

Vậy thì đường đi nước bước tốt nhất cho các chuyên gia thực thụ là gì? Hãy giúp công chúng hiểu cách hoạt động của lĩnh vực này, đặc biệt là cách khoa học làm việc. Hầu hết người Mỹ nghĩ về khoa học theo đích đến của nó — một khám phá hoặc đột phá hoặc phát minh. Họ xem hình ảnh các thiên hà rực rỡ và đọc về các loại thuốc thần kỳ. Nhưng khoa học thực sự là quá trình học hỏi và khám phá, với nhiều thất bại và thất vọng. Học giả Harvard Steven Pinker đã cảnh báo trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 4 năm 2020²¹ rằng “uy tín có được” của các nhà khoa học có thể đang suy giảm, đến độ không chừng phần lớn công chúng “nghĩ rằng những người mặc áo choàng trắng đó chỉ là một chức tư tế khác thôi.” Pinker kêu gọi những người ủng hộ khoa học bắt đầu “nâng nắp capô lên và chỉ ra cách nó hoạt động,” thông qua một quá trình “tranh luận cởi mở và nỗ lực phản biện.” Khi công bố kế hoạch mở cửa trở lại nước Đức, Angela Merkel đã lên truyền hình quốc gia để giảng một bài

học khoa học.²² Bà giải thích rằng virus đang sinh sôi ở tốc độ 1, nghĩa là một người bị nhiễm sẽ lây cho một người khác trước khi bình phục — và do đó không làm tăng số lượng thực nhiễm. Điều này cho bà lạc quan thận trọng về việc mở cửa trở lại. Nhưng đất nước đang ở trên “lớp băng mỏng”. Nếu tỷ lệ sinh sôi đó tăng lên thậm chí 1,1 hoặc 1,2, hệ thống chăm sóc sức khỏe của Đức sẽ sớm bị quá tải và sẽ phải khôi phục việc đóng cửa. Merkel để công chúng hiểu rằng đánh giá tỷ lệ sinh sôi là then chốt cho các quyết định của bà. Không phải cứ áp đặt các biện pháp đóng cửa nghiêm ngặt nhất là có thể tạo ra kết quả tốt nhất. Nhiều nơi xử lý thành công Covid-19, như Đức, Hàn Quốc và Đài Loan, đã làm được bằng cách đóng cửa tương đối ngắn hoặc đóng cửa một phần, kết hợp với xét nghiệm rộng rãi và truy dấu tiếp xúc.

Công chúng có thể nắm bắt được sắc thái nếu nó được trình bày một cách trung thực. Nhưng quá thường xuyên là giới tinh hoa học thuật có thái độ kẻ cả đối với dân thường. Các chuyên gia phương Tây lúc đầu đã bỏ qua bằng chứng rõ ràng rằng ở các nước Đông Á “phổ biến khẩu trang”²³ là một thành phần quan trọng trong phản ứng thành công của họ. Ngay cả khi dữ liệu về hiệu quả của chúng không hoàn toàn rõ ràng, thì cách chính phủ Mỹ truyền đạt với công chúng về việc đeo khẩu trang căn bản là không trung thực.²⁴ Các quan chức chủ động không khuyến khích sử dụng khẩu trang, cho rằng chúng không hiệu quả trong việc bảo vệ người dân và chúng nên được dành cho các bác sĩ và y tá. Nhưng nếu mục đích thực sự là để tránh tích trữ khẩu trang phẫu thuật, thì chẳng lẽ ít nhất chính phủ không thể khuyến khích người dân tự làm khẩu trang vải đơn giản, khi đầu cần nguyên liệu gì nhiều hơn một chiếc áo thun và một cây

kéo? Các quan chức như Tổng Y sĩ Mỹ sau này thừa nhận²⁵ họ sợ công chúng sẽ hoảng loạn đi mua và tích trữ khẩu trang, làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu khẩu trang cho bác sĩ và y tá — rõ ràng là họ thấy quá phức tạp để giải thích cho mọi người hiểu rằng một số loại khẩu trang nhất định sẽ được dành cho nhân viên y tế trong khi các loại khẩu trang khác vẫn tốt.

Truyền thống này có từ nhiều thập kỷ trước. Trong hồi ký của mình, Ngoại trưởng Dean Acheson giải thích lý do tại sao trong những ngày đầu của Chiến tranh Lạnh, ông đã làm công chúng Mỹ sợ hãi về sự bành trướng của Liên Xô trên toàn thế giới. Lời biện minh của ông chiếu lệ một cách trích thượng:

Trình độ chuyên môn phải nhường chỗ²⁶ cho sự đơn giản trong tuyên bố, sự chính xác và chi tiết nhường chỗ cho sự thẳng thừng, gần như thô bạo, khi đem về nhà một quan điểm.... Ở Bộ Ngoại giao, chúng tôi từng thảo luận về lượng thời gian hoang đường mà “thường dân Mỹ” dành ra mỗi ngày để nghe, đọc và tranh luận về thế giới bên ngoài đất nước mình. Giả sử một người đàn ông hay phụ nữ có trình độ học vấn tốt, có gia đình và có công việc ở nhà hoặc bên ngoài, theo chúng tôi dường như mười phút mỗi ngày là mức trung bình cao. Nếu lượng thời gian này mà là gần đúng, thì người ta đã hiểu rõ các quan điểm họ cần phải hiểu rồi.

Acheson hiểu sự phức tạp của cuộc đấu tranh chống Liên Xô. Nhưng khi chứng minh với công chúng quan điểm của ông “rõ hơn cả sự thật”, như cách nói của ông, ông và các quan chức khác lại tác động họ bằng một mối nguy hiểm hiện hữu và toàn cầu mà khắp nơi đều phải chống lại, từ Mỹ Latinh đến Đông Dương, và bằng bất cứ cách nào, từ đảo chính đến chiến tranh

bí mật. Nếu giải thích chi tiết hơn không chừng đã ngăn chặn được bao nhiêu là đổ máu.

Sẽ có ích nếu các chuyên gia giải thích kỹ hơn — và như vậy sẽ đỡ đạo đức giả hơn. Nước Anh cung cấp hai ví dụ nổi bật. Vào tháng 5 năm 2020, Neil Ferguson buộc phải từ chức sau khi bị phát hiện ông vẫn gặp gỡ người yêu, vi phạm các quy tắc giãn cách xã hội của chính mình. Làn sóng tức giận của công chúng thậm chí còn lớn hơn vào cuối tháng đó, với việc phát hiện cố vấn hàng đầu của Boris Johnson là Dominic Cummings đã coi thường lệnh ở-yên-trong-nhà bằng cách lái xe hàng trăm dặm đi khắp nước Anh thăm gia đình, trong khi vợ ông bị ốm vì Covid-19. Được sự hậu thuẫn của thủ tướng, ông này đã biện hộ rằng những hành động của ông là cần thiết để đảm bảo cậu con trai nhỏ được chăm sóc trẻ em. Cummings từ chối từ chức. Người dân Anh, những người được yêu cầu hy sinh rất nhiều cuộc sống gia đình của họ — lễ đám cưới, sinh con và đám tang — giận điên. Sau những vụ bê bối này, niềm tin vào chính phủ Bảo thủ giảm mạnh,²⁷ và các vụ vi phạm lệnh cấm tăng vọt.²⁸

Bên kia Đại Tây Dương, uy tín chuyên môn thậm chí còn bị phá hoại có mục đích hơn. Nhưng thái độ ngu ngốc của Trump đối với các chuyên gia và sự kém cỏi của bản thân ông ta không thay đổi được thực tế rằng không một lĩnh vực chuyên môn nào có thể giải quyết câu hỏi làm sao xử lý được một thách thức quốc gia rộng lớn. Điều này đặc biệt đúng khi xem xét một chuyện quá lớn như đóng cửa nền kinh tế, khiến hàng triệu người rơi vào cảnh thất nghiệp, khiến các công ty ngừng làm ăn, rồi sau đó cố gắng khởi động lại tất cả. Dữ liệu khoa học là rất quan trọng, nhưng phân tích kinh tế cũng vậy. Các quan chức y tế công không thể biết được lợi và hại của các giải pháp đóng

cửa nền kinh tế. Các nhà quy hoạch thành phố nên được tham khảo ý kiến khi nào đóng và mở các khu vực tàu điện ngầm mênh mông. Nhà lý thuyết vĩ đại nhất về chiến tranh, Carl von Clausewitz, đã nhận xét rằng “chiến tranh không chỉ là một hành động chính sách mà còn là một công cụ chính trị thực sự.” Ý của ông là không thể chỉ sử dụng chuyên môn quân sự để chiến đấu; phải tích hợp các quan điểm khác. Điều này đặc biệt đúng với chiến tranh hiện đại, về bản chất là “tổng lực”, liên quan đến toàn bộ xã hội. Trong những loại xung đột này, học giả Eliot Cohen đã chỉ ra,²⁹ những nhà lãnh đạo thành công — Lincoln, Churchill, Georges Clemenceau, David Ben-Gurion (và, tôi sẽ nói thêm, Franklin Roosevelt) — là những người đặt câu hỏi và bác bỏ các tướng lĩnh của họ, tính đến các quan điểm và nguyên tắc khác, và xây dựng một chiến lược quân sự-chính trị toàn diện.

Lãnh đạo quốc gia vượt qua đại dịch có nhiều điểm tương đồng với lãnh đạo quốc gia vượt qua chiến tranh. Cả hai đều có tác động rất lớn đến kinh tế và xã hội. Thường là phải thực hiện những đánh đổi khủng khiếp, loại bỏ được một tập hợp các rủi ro này thì phải chấp nhận một tập hợp các rủi ro khác. Có lẽ đó là lý do tại sao một trong những nhà lãnh đạo huyền thoại thời chiến, Clemenceau, đã từng nhận xét, “chiến tranh quá quan trọng không thể chỉ giao cho các tướng lĩnh.”³⁰ Ý của ông ấy không phải là người ta có thể thắng một cuộc chiến bằng cách bãi miễn các tướng lĩnh, mà là bạn phải bổ sung cho họ những chuyên gia đủ loại để có được hiểu biết rộng rãi nhất có thể. Theo tinh thần đó, người ta có thể nói đại dịch là quá quan trọng không thể phó mặc cho các nhà khoa học. Họ là cốt lõi — nhưng chuyên gia trong các lĩnh vực khác cũng vậy.

KHỦNG HOẢNG KIẾN THỨC

Tuy nhiên, lý do cơ bản mà nhiều người từ chối nghe theo lời khuyên của chuyên gia về Covid-19 có thể chẳng liên quan gì đến sự phức tạp của khoa học hoặc dữ liệu ban đầu hạn chế. Có nhiều người không tin tưởng chuyên gia, cho dù uy tín cao đến đâu, ngay cả trong vấn đề sức khỏe của họ. Trong một nghiên cứu được thực hiện một tuần sau khi Donald Trump tuyên bố đại dịch là tình trạng khẩn cấp quốc gia, ba nhà khoa học chính trị đã khảo sát một nhóm đại diện người Mỹ về hành vi của họ trong khủng hoảng này. Phát hiện của nhóm nghiên cứu đó rất ấn tượng. Họ phát hiện rằng yếu tố dự đoán tốt nhất về việc bạn có rửa tay, tránh tiếp xúc với người khác hay tự cách ly không phải là bạn sống ở đâu hay bạn bao nhiêu tuổi mà là *bạn theo đảng nào*. Họ kết luận: “Đảng Cộng hòa ít có khả năng báo cáo hưởng ứng hành vi được CDC khuyến nghị và ít lo lắng về đại dịch hơn.” Báo cáo tiếp tục: “Tư cách đảng phái là yếu tố dự đoán nhất quán³¹ về hành vi, thái độ và sở thích hơn bất kỳ thứ gì khác mà chúng tôi đo lường được.” Kể từ đó, một loạt các nghiên cứu khác đã đưa ra kết luận tương tự. Sử dụng dữ liệu điện thoại di động và thẻ tín dụng, một số nghiên cứu xác định rằng những người ở các hạt bỏ phiếu cho Donald Trump ít có khả năng ở trong nhà³² hơn so với những người đã bỏ phiếu cho Hillary Clinton, ngay cả sau khi điều chỉnh khác biệt về địa lý trong số ca nhiễm Covid-19. Tệ hơn nữa, không chỉ coi thường các biện pháp y tế cộng đồng một cách trở l, các quan chức còn gặp phải sự thù địch dữ dội. Trên Internet, các thuyết âm mưu ngày càng lan rộng, quy cho căn bệnh này đủ thứ chuyện, từ âm mưu thống trị thế giới của Trung Quốc đến Bill Gates đến công nghệ không dây 5G. Chỉ trong vòng mười ngày xảy ra đại

dịch, nước Anh đã chứng kiến hơn 30 vụ phóng hỏa hoặc phá hoại³³ các thiết bị viễn thông như tháp phát sóng di động.

Chọc ngoáy những phát hiện này thì dễ rồi. Ngay cả vấn đề sinh tử do virus mà người ta còn xem xét lời khuyên của các chuyên gia qua lăng kính chính trị của họ kia mà. Họ tin tưởng lãnh đạo đảng của họ (Trump) và các nguồn tin tức và phân tích đảng phái của họ (Fox News), hơn là các quan chức y tế công như Fauci, người đã dành nhiều thập kỷ nghiên cứu các bệnh truyền nhiễm. Điều này khiến một số nhà phê bình nổi đóa về “những cử tri chẳng hiểu biết gì”, nhưng vấn đề không phải là thiếu hiểu biết. Nhà tâm lý học xã hội Jonathan Haidt và những người khác đã nhấn mạnh sức mạnh của “lý giải có động cơ” (motivated reasoning),³⁴ theo đó người ta xây dựng lập luận của họ để đi đến một kết luận ưa thích. Một số nghiên cứu đã phát hiện rằng “những cử tri có hiểu biết cao”, những người đọc nhiều và theo dõi tin tức cẩn thận, thực ra lại phạm cái lỗi tư duy đảng phái nhiều hơn. Như hai nhà khoa học chính trị nghiên cứu hiện tượng này, Christopher H. Achen và Larry M. Bartels, đã lập luận, có lẽ thuật ngữ thích hợp hơn là “cử tri hợp lý hóa”³⁶ — những người thông minh đọc sự kiện và theo dõi các cuộc tranh luận, nhưng sử dụng kiến thức của họ để biện minh và ủng hộ những định kiến sẵn có của họ.

Nghiên cứu này cộng hưởng luận cứ sâu sắc từ nhà triết học thời Khai sáng David Hume, đã gọi lý trí là “nô lệ của những đam mê”.³⁷ Chúng ta sử dụng tính hợp lý làm cứu cánh để biện minh cho phương tiện — nhưng trực giác cho chúng ta biết ngay từ đầu chỗ ta muốn đi. Và như vậy, nước Mỹ phải đối mặt với cái mà cây bút David Roberts của *Vox* gọi là “khủng hoảng nhận thức”.³⁸ Roberts giải thích, “Nhận thức luận là nhánh của

triết học liên quan đến kiến thức và cách chúng ta hiểu vạn vật; khủng hoảng là ở chỗ, với tư cách một xã hội có tổ chức, chúng ta lại không có khả năng học hoặc hiểu cùng một chuyện, và do đó, không có khả năng hành động cùng nhau một cách thống nhất.” Ngày nay, việc lắng nghe các chuyên gia, đọc tin tức và tìm hiểu sự thật không còn là những hành động trung lập nữa mà đây ý nghĩa chính trị.

Đây không chỉ là câu chuyện của nước Mỹ. Ở nhiều quốc gia, bạn có thể thấy những động thái tương tự đang diễn ra, với những người nghi ngờ giới chuyên môn, dựa vào nguồn tin của chính họ, nghi ngờ các cơ quan có thẩm quyền và đặt đảng phái lên trên sự thật. Cuộc tranh luận Brexit đặc trưng ý nghĩa phe cánh. Hiện tượng này mở rộng đến Brazil, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ, tất cả những nơi mà một phe của sự chia rẽ chính trị đã tự coi mình là đại diện cho các chuyên gia trong khi phe bên kia hoàn toàn không tin tưởng cơ sở đó. Sự thù địch ngày càng tăng giữa hai phe là một phần của xu hướng chính trị quan trọng nhất trong thập kỷ qua — sự trở dậy của chủ nghĩa dân túy trên toàn thế giới.

Cốt lõi của chủ nghĩa dân túy mới là ác cảm sâu sắc giới chuyên môn. Bạn có thể tìm thấy các phiên bản cánh tả, từ phe của Bernie Sanders trong Đảng Dân chủ đến đảng chính trị Syriza của Hy Lạp, tất cả đều đòi hỏi nhà nước can thiệp và chi tiêu nhiều hơn. Các phiên bản cánh hữu, từ Trump đến Boris Johnson đến Matteo Salvini của Ý, chủ yếu bận tâm vấn đề nhập cư. Và sau đó là những nhà dân túy của thế giới đang phát triển: Jair Bolsonaro của Brazil, Narendra Modi của Ấn Độ, Recep Tayyip Erdoğan của Thổ Nhĩ Kỳ và Rodrigo Duterte của Philippines. Nhập cư không phải là trọng tâm trong thông

điệp của họ, nhưng sức hút của họ còn dựa trên sự pha trộn giữa chủ nghĩa sô-vanh văn hóa và chủ nghĩa dân tộc tôn giáo. Hầu như lúc nào họ cũng ác hóa “người ta” nào đó, từ các nhóm thiểu số đến những kẻ theo chủ nghĩa tự do ở thành thị. Tất cả các phong trào bất đồng chính kiến này đều có chung thái độ thù địch dân túy đối với giới tinh hoa học thuật. Đại dịch đã đẩy xu hướng thù địch này lên cơn sốt.

Cas Mudde, một nhà khoa học chính trị người Hà Lan, đưa ra định nghĩa hữu ích nhất về chủ nghĩa dân túy: một hệ tư tưởng “coi xã hội cuối cùng bị phân tách thành hai nhóm đồng nhất và đối kháng: ‘một dân tộc thuần chủng’ và ‘tầng lớp tinh hoa mục nát’,³⁹ và lập luận rằng chính trị phải là biểu hiện của *volonté générale* (ý chí chung) của nhân dân.” Như để chứng minh quan điểm của mình, Donald Trump đã tuyên bố trong chiến dịch tranh cử năm 2016, “Thuốc giải độc duy nhất cho nhiều thập kỷ cai trị tàn khốc của một thiểu số tinh hoa là tiêm một liều mạnh ý chí bình dân.”⁴⁰ Hiệu quả thực tế của việc tiêm một “liều mạnh” của Trump là hoàn toàn coi thường giới chuyên môn. Tường thuật gây ớn lạnh của Michael Lewis về hành vi sai trái dưới thời Trump — *The Fifth Risk* (*Rủi ro thứ năm*)⁴¹ — đã cảnh báo về việc cố ý gạt ra rìa các chuyên gia trong các cơ quan chính phủ ít người biết đến nhưng quan trọng như Cục Quản lý Đại dương và Khí quyển Quốc gia (NOAA). Cơ quan chịu trách nhiệm về dự báo thời tiết khắc nghiệt, đã đi đầu trong các cuộc chiến về chuyên môn và sự thật trong cơn bão Dorian vào năm 2019. Thái độ của Trump đối với các chuyên gia được thể hiện rõ ràng khi ông tuyên bố sai rằng cơn bão sẽ đổ bộ vào Alabama. Khi các chuyên gia của NOAA công bố đính chính, Trump cho hiển thị một bản đồ đã được sửa đổi.⁴² Ai đó —

hầu hết đều tin chính là Trump — đã vẽ lại đường đi của cơn bão bằng bút đánh dấu màu đen, để cho thấy quỹ đạo của nó tiến vào tiểu bang đó. Đỉnh điểm của trò hề phá hoại công việc của giới chuyên môn, các nhà khí tượng học của chính phủ, là những người đã mâu thuẫn với tuyên bố sai lầm của Trump lại bị khiển trách.⁴³

GIAI CẤP THỐNG TRỊ MỚI

Đối với nhiều người trong chúng ta, chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau được xem là chuyên gia, đúng thế. Thông qua học hành, làm việc gian khổ, và kinh nghiệm, họ trở nên thành thạo một chủ đề cụ thể. Họ đã chứng tỏ tài năng của mình bằng các bài kiểm tra xuất sắc, tốt nghiệp từ các trường đại học tốt nhất và làm việc ở những nơi đánh giá cao sự xuất sắc. Chắc chắn khi họ nói về những vấn đề mà họ biết rõ, họ mong đợi được tin tưởng. Nhưng không phải vậy, học giả Michael Lind viết trong cuốn *The New Class War* của ông. Trích dẫn những nhà cấp tiến thập niên 1960, ông giải thích: “Vấn đề không phải là vấn đề,” nghĩa là xung đột thực sự không nằm ở bất kỳ vấn đề hay tranh chấp cụ thể nào. “Vấn đề là quyền lực.”⁴⁴ Ông lập luận, trong bất kỳ xã hội nào, quyền lực tồn tại trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa. “Cả ba lĩnh vực của xã hội phương Tây ngày nay đều là mặt trận trong cuộc chiến tranh giai cấp mới.” Đối với nhiều người, “lời khuyên từ các chuyên gia” là một phần trong chiến lược mở rộng sự thống trị của giai cấp thống trị mới — những nhân tài.

Tất cả các quốc gia tiên tiến hiện nay đều được vận hành bằng chế độ nhân tài. Trường học nhận học sinh ứng tuyển

chủ yếu dựa trên điểm thi của họ, và các công ty tuyển dụng và thăng chức chủ yếu dựa trên những thành tích này khác. Hầu hết các nhà lãnh đạo trong chính phủ, kinh doanh, nghệ thuật và văn hóa đều có bằng đại học và nhiều người còn có bằng sau đại học. Một số xã hội đưa điều này lên đến mức cực đoan, như ở Đông Á. Vào cuối những năm 1990, Đài Loan tự hào có một nội các với khoảng 70% nhân sự có bằng sau đại học — 60% trong số đó là từ các trường đại học Mỹ.⁴⁵ Tuy nhiên, hãy xem sự độc quyền trong giáo dục đại học ra sao. Ở Mỹ và Liên minh châu Âu, khoảng một phần ba dân chúng có trình độ đại học.⁴⁶ Một tỷ lệ thậm chí còn nhỏ hơn được đào tạo sau đại học, chỉ 13% ở Mỹ.⁴⁷ Tuy nhiên, hầu hết vị trí lãnh đạo trong các xã hội phương Tây đều do những người có trình độ đại học và sau đại học nắm giữ. Nói cách khác, khoảng hai phần ba số người đứng nhìn và một phần ba còn lại điều hành mọi thứ. (Tại các quốc gia lớn ở châu Á, có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học ít hơn, sự phân hóa còn lớn hơn nữa. Chỉ 10% dân số Trung Quốc⁴⁸ học đại học và hầu như mọi thành viên của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đều có trình độ đại học — 99%⁴⁹ vào năm 2016. Trớ trêu thay, điều này làm cho Đảng Cộng sản Trung Quốc trở thành tổ chức tinh hoa nhất thế giới.)

Nhân tài tạo thành một giai cấp xuất chúng, tách biệt với xã hội. Có điều, họ kiếm được nhiều tiền hơn: theo Điều tra dân số Mỹ, thu nhập của người Mỹ có trình độ sau đại học cao gấp 3,7 lần⁵⁰ so với thu nhập của những người bỏ học trung học. Những người Mỹ có trình độ học vấn cao này thường sống ở thành phố, nắm giữ các công việc chuyên môn và có xu hướng tự do xã hội. Ngược lại, dân không có trình độ đại học sống ở

những vùng nhà quê hơn, ít có nghề nghiệp chuyên môn hơn và thường bảo thủ hơn về mặt xã hội. Năm 2016, Hillary Clinton đã thắng phần lớn ở nhóm đầu,⁵¹ trong khi Trump thắng phần lớn ở nhóm sau. Phân hóa thành thị-nông thôn, đang tăng lên hàng năm, có thể là đường đứt gãy quan trọng nhất ở Mỹ nói về bầu cử — hơn cả chủng tộc hay giới tính. Các cuộc thăm dò cho thấy khoảng hai phần ba người Mỹ nông thôn ủng hộ Trump⁵² và hai phần ba cư dân thành phố ghét ông. Một nghiên cứu năm 2019 lưu ý rằng quá trình phân hóa này “đã tiến triển đến mức về cơ bản không có cái gọi là thành phố của đảng Cộng hòa”⁵³ — đảng viên Cộng hòa hiện chỉ kiểm soát 6% quận “thuần thành thị” trong Hạ viện.

Mô hình này được nhân rộng khắp châu Âu. Ở Anh, những người không tốt nghiệp đại học⁵⁴ nhiều khả năng bỏ phiếu ủng hộ Brexit. Tại Pháp, các cuộc biểu tình “áo gilê vàng” chủ yếu được những người không có trình độ đại học sống ở nông thôn ủng hộ.⁵⁵ Bộ đồ trở thành tên cho phong trào này tự nó là biểu tượng của quan điểm chống thành thị: vì phản đối việc tăng thuế nhiên liệu, các tài xế mặc áo khoác mà họ phải mặc khi tấp vào lề trong trường hợp khẩn cấp, báo hiệu cuộc nổi dậy của những người dân nông thôn phụ thuộc vào ô tô⁵⁶ chống lại một chương trình nghị sự xanh do những người Paris đi tàu điện ngầm vạch ra. Chia rẽ cũng thể hiện trong nền chính trị Đức,⁵⁷ với sự ủng hộ cánh hữu đến từ các vùng nông thôn có dân số già. Và ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhà dân túy-độc tài Recep Tayyip Erdoğan tìm thấy sự ủng hộ cuồng nhiệt nhất ở vùng Anatolia trung tâm của người Thổ Nhĩ Kỳ,⁵⁸ và sự phản đối mạnh mẽ nhất từ vùng bờ biển phía tây đô thị hóa của đất nước và ở các vùng thiểu số.

Đại dịch đã mở rộng những chia rẽ này. Các khu vực nông thôn cho rằng dịch bệnh đến từ các thành phố quốc tế lây lan vào cộng đồng của họ. Tuy nhiên, cư dân thành phố có nhiều cách để hoạt động bất chấp sự tàn phá của dịch bệnh. Bởi vì sự phân hóa Covid cũng chính là sự phân hóa giai cấp. Năm 2019, Cục Thống kê Lao động đã phát hành một báo cáo xem xét mức độ linh hoạt trong công việc ở người lao động Mỹ. Ở những người có bằng cử nhân hoặc cao hơn, gần một nửa cho biết thỉnh thoảng làm việc tại nhà. Chưa đến 10% người tốt nghiệp trung học từng làm việc tại nhà⁵⁹ — còn những người bỏ ngang trung học là 3%. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi Covid-19 tấn công và giãn cách xã hội bắt đầu, chính những người không thể làm việc từ nhà là những người bị tổn thương nhiều nhất. Chỉ có 13% số người trong các hộ gia đình kiếm được trên 100.000 đô-la⁶⁰ bị sa thải hoặc cho tạm nghỉ, so với 39% ở các hộ gia đình kiếm được dưới 40.000 đô-la. Trên khắp thế giới, khi nền kinh tế phục hồi, những người tốt nghiệp đại học và được đào tạo nâng cao có khả năng kiếm tiền tốt hơn những người không có, và các doanh nghiệp lớn sẽ hoạt động tốt hơn các doanh nghiệp nhỏ. Khoảng cách giữa giới tinh hoa có bằng cấp và những người khác sẽ ngày càng mở rộng.

Tại các cuộc tập hợp cử tri, Donald Trump đã tìm thấy sự ủng hộ rầm rộ để tấn công giới tinh hoa nước Mỹ. Sau khi khoe khoang việc học hành và sự giàu có của mình, ông nói với đám đông, “Họ không phải là tinh hoa. Các bạn mới là tinh hoa.” Trump đã đánh vào tâm lý bất bình thực sự của nhiều người Mỹ trước cách mà những đồng bào thành công hơn của họ đã quản lý đất nước sai lầm nhưng vẫn muốn quản lý cuộc sống của họ. Những cử tri chọn Brexit phần nộ với những nhà kỹ trị nói

suông đã cho phép lao động người Ba Lan vào nước Anh “lấy mất công ăn việc làm của họ” — trong suy nghĩ của họ là vậy. Những người biểu tình áo vàng của Pháp tin rằng giới tinh hoa đô thị điều hành đất nước vì lợi ích riêng và khinh thường dân đen. Ở một mức độ nào đó, chủ nghĩa bài tinh hoa này phản ánh cảm giác bất lực yếu thế mà nhiều người phải trải qua khi chen chân trong thế giới hiện đại này — một thế giới mà giới chuyên gia và trí thức dường như nắm giữ chìa khóa kiến thức và quyền lực. Suy ngẫm về thực tế này nhiều thập kỷ trước, sử gia vĩ đại người Mỹ Richard Hofstadter đã viết, “Người trí thức bị chế giễu nhẹ nhàng khi không được cần tới; bây giờ anh ta bị phản nộ dữ dội⁶¹ vì quá được cần đến.”

THẤU CẢM VÀ CHUYÊN MÔN

Chúng ta đã thảo luận việc người ta nghĩ thế nào về giới tinh hoa. Nhưng giới tinh hoa nghĩ thế nào về người thường? Quyền lực có tác động gì trong việc người ta cảm nhận bản thân họ không? Có tác động không hề tốt, giới chuyên môn nói. Henry Kissinger từng tuyên bố, “Quyền lực là liều thuốc kích thích tình dục tối thượng.”⁶² Quyền rũ như quyền lực, các nghiên cứu tâm lý đã chỉ ra rằng quyền lực làm mất đi sự nhạy cảm ở người sử dụng nó. Tóm lại, quyền lực giết chết khả năng thấu cảm. Học giả Dacher Keltner của UC Berkeley đã tiến hành các nghiên cứu⁶³ phát hiện những người tham gia nghiên cứu lớn lên trong giàu có, quyền lực và thanh thế hơn ít có biểu hiện trắc ẩn hơn khi đối diện với những hình ảnh đau khổ, như trẻ em bị ung thư. Ngoài giai cấp xã hội thâm căn cố đế, tác động làm giảm khả năng thấu cảm và làm tăng tính ích kỷ được nhìn

thấy ngay cả với quyền lực mới có được. Trong một thử nghiệm, Keltner đã tự ý chỉ định một thành viên của nhóm ba sinh viên chưa tốt nghiệp làm người giám sát cho một dự án nhóm. Trong vòng ba mươi phút kể từ khi bắt đầu nghiên cứu, vị “sếp” mới được bổ nhiệm này bắt đầu thể hiện quyền hành, thường xuyên lấy gấp đôi bánh quy trên đĩa so với “thuộc hạ”. Trong cuốn *The Power Paradox* [bản tiếng Việt *Nghịch lý quyền lực* của Nxb Trẻ], Keltner đã ví những tác động này của quyền lực là “một dạng tổn thương não, dẫn chúng ta đến hành vi vụ lợi” — theo đó nghịch lý làm xói mòn chính lòng trắc ẩn và sự thấu cảm cần thiết để sử dụng quyền lực một cách hiệu quả. Một trong những nhà nghiên cứu sâu sắc nhất về tâm lý con người đã miêu tả quá trình này bằng tài năng văn chương tuyệt vời. *Macbeth* của Shakespeare là câu chuyện về một người đàn ông, khi nắm quyền, mất đi khả năng thấu cảm, đến mức cuối vở kịch, anh ta thậm chí không thể cảm thấy đau buồn vì cái chết của vợ mình. Vua Lear, đã nắm quyền trong nhiều thập kỷ, không còn nghe thấy gì ngoài những lời tâng bốc, trục xuất chính con gái ruột của mình, Cordelia, người dám nói với ông sự thật.

Tuy nhiên, có rất nhiều ví dụ về những người phát triển khả năng thấu cảm dù ở vị trí quyền cao chức trọng. Hai vị tổng thống Roosevelt xuất thân từ tầng lớp quý tộc Mỹ, nhưng cả hai đều có thể phát triển mối quan hệ với người thường. Khi Theodore đến Dakota Badlands để trốn New York sau cái chết của vợ và mẹ mình, ông đã sống ba năm giữa những gã cao bồi, những tay chăn gia súc, chủ quán rượu và những tên trộm ngựa — và tận hưởng tình bạn của họ và học hỏi từ tất cả họ. Franklin Roosevelt (FDR), có học vấn còn lấp lánh hơn cả người anh em họ xa Theodore, đã trở thành người bệnh vực

không ngờ của những người nghèo khổ và bị tước đoạt. Người ta thường lưu ý rằng cuộc chiến chống lại bệnh bại liệt hẳn đã cho ông hiểu được cảm giác về cuộc sống gian khổ. Nhưng những người viết tiểu sử ông, Jean Edward Smith⁶⁴ và Doris Kearns Goodwin,⁶⁵ đưa ra một nhận xét quan trọng bổ sung. Để giúp mình hồi phục, Franklin thường xuyên đến Warm Springs, Georgia, nơi có các suối khoáng nóng tự nhiên dường như giúp giảm bớt di chứng của căn bệnh này. Mỗi năm ông dành khoảng một tháng ở thị trấn nhỏ đó, bơi lội và đi dã ngoại với các nạn nhân bệnh bại liệt khác, hầu hết đều có xuất thân khiêm tốn, và tìm hiểu những rắc rối của họ. Cho đến hơi thở cuối cùng ông cũng không bao giờ quên những gì ông đã vẽ ra cùng họ ở Warm Springs. FDR hiểu đến tận xương tủy cảm giác bất lực là như thế nào. Một câu chuyện, có lẽ là nguy tác, nắm bắt bản chất quan hệ kết nối giữa nhà quý tộc tinh hoa này, người đàn ông quyền lực nhất trong thời đại của ông, với người bình thường. Trong tang lễ của FDR, một người thương tiếc đã sụm xuống vì đau buồn. Người ta đỡ ông ấy dậy và hỏi tại sao ông lại đau khổ như thế. Ông có quen biết tổng thống không? “Không,” người đàn ông trả lời. “Nhưng ông ấy biết tôi.”⁶⁶

Thế giới đã trở nên hết sức phức tạp. Chúng ta sẽ cần nhiều chuyên gia hơn, chứ không phải ít đi, để quản lý công việc quốc gia đại sự — từ các công ty lớn đến các quận nhỏ — đi qua thời kỳ này. Không tránh khỏi điều đó khiến họ trở thành một nhóm ưu tú kiểu nào đấy, một nhóm người mà kiến thức cho họ quyền hành và thế lực. Không thể tưởng tượng được lựa chọn khác trong thời hiện đại: quản lý nhà nước theo bản năng và tôn vinh sự ngu dốt. Tới mức độ mà gần đây quản lý

nhà nước kiểu đó đã được thử — ở Mỹ, Brazil và những nơi khác — kết quả thật ảm đạm. Tuy nhiên, các chuyên gia và giới tinh hoa nên chịu khó suy nghĩ cách kết nối với người dân và đặt nhu cầu của họ lên tuyến đầu và ở trung tâm. Thất bại lớn nhất về mặt đạo đức của chế độ nhân tài là niềm tin rằng thành công của bạn, vị trí xã hội cao hơn của bạn, khiến bạn trở nên vượt trội theo bất kỳ nghĩa cơ bản nào. Suy cho cùng, ít ra là trong các nền dân chủ, mong muốn của người dân là nguồn quyền lực tối thượng. Vì vậy, hãy làm rõ, khi chúng ta lèo lái qua cơn đại dịch này và các cuộc khủng hoảng trong tương lai, dân chúng cần lắng nghe các chuyên gia. Nhưng các chuyên gia cũng cần lắng nghe người dân.

BÀI HỌC 5

Cuộc đời là sống sót

PHẢI CHĂNG CHÚNG TA ĐANG PHÓNG ĐẠI những hậu quả của đại dịch này? Tác động của Covid có thể không lớn như chúng ta tưởng tượng? Có thể. Con người có khả năng phi thường để thích nghi với đau đớn và mất mát — và bước tiếp. Những sự kiện dường như để lại sẹo vĩnh viễn đôi khi chỉ là tạm thời. Hãy xem xét bệnh cúm Tây Ban Nha. Sau một đại dịch giết chết khoảng 50 triệu người trên toàn thế giới,¹ trong đó có gần 700.000 người Mỹ, nước Mỹ đã bước vào Thập niên 20 Bùng nổ và Kỷ nguyên Jazz. Trong thời Cấm rượu, người ta cho rằng đã có tới 100.000 cửa hàng bán rượu lậu² — quán bar bất hợp pháp — ở New York vào giữa những năm 1920. Có phải đó là nhu cầu bị dồn nén? Hay thái độ bất cần do những mất mát quá lớn từ Thế chiến I và bệnh cúm đó? Bất luận lý do là gì, không có bằng chứng cho thấy con người làm việc khác đi hoặc ít giao thiệp xã hội hơn sau trận dịch bùng phát kinh hoàng đó. Không có bình thường mới, chỉ bình thường thôi. Tổng thống đầu tiên của Mỹ thời hậu đại dịch, Warren G. Harding, thậm chí còn vận động tranh cử với chủ đề “trở lại trạng thái bình thường”.³

Nhưng lịch sử không phải lúc nào cũng lặp lại. Đôi khi cái cũ đều đều diễn ra tác động đến con người chẳng kém gì những cú sốc gián đoạn. Và có thể thấy điều đó khi so sánh bệnh cúm Tây Ban Nha với virus corona mới. Vào những năm 1920, người ta quay lại trang trại, nhà máy và văn phòng của họ vì không có giải pháp thay thế. Để làm việc, bạn phải tới chỗ làm việc. Nếu bạn muốn giải trí, thì ắt phải tìm nơi rạp hát và phòng trà. Nếu muốn mua thực phẩm hoặc quần áo, bạn cần phải đến một cửa hàng truyền thống. Giờ không vậy nữa. Trong hai thập kỷ qua, chúng ta đã chứng kiến sự trỗi dậy của nền kinh tế kỹ thuật số giúp con người làm được hầu hết những việc này mà không cần phải tụ họp lại với nhau, chiến đấu với kẹt xe tắc đường, nhồi nhét lên tàu điện và mất hàng giờ đi lại. Trong những năm gần đây, nhiều thay đổi đã vượt xa chuyện hội nghị truyền hình và thương mại điện tử. Ngày nay, cuộc đời có thể được sống bằng kỹ thuật số.

Chúng ta đã chuyển đổi sang nền kinh tế kỹ thuật số từ lúc nào? Đó là một quá trình, tự nhiên và không có điểm bước ngoặt. Máy tính đầu tiên xuất hiện, ban đầu được phát triển trong Thế chiến II cho quân đội. Phát minh mạch tích hợp đã tạo ra máy tính cá nhân, thường được ghi niên đại là vào năm 1971 (năm sản xuất Kenbak-1).⁴ Internet cũng phát triển từ từ, bắt đầu với ARPANET của Bộ Quốc phòng Mỹ vào những năm 1960, sau đó dần dần mở rộng đến nhiều trường đại học hơn vào những năm 70 và 80. World Wide Web ra đời vào năm 1990. Công ty lớn nhất của nó, Amazon, bắt đầu thành lập năm 1995, chỉ bán sách. Trong những ngày đầu khởi nghiệp, công ty có trụ sở ở Seattle này đã cài đặt chuông trong máy vi tính sẽ kêu lên mỗi khi bán được hàng. Khi chuông kêu lên, như nhà

báo Brad Stone viết, “mọi người trong văn phòng sẽ xúm lại để xem có ai biết khách hàng đó không.”⁵ Khi doanh số bán hàng tăng lên, chuông kêu quá thường xuyên đến độ phải gõ. Tua nhanh đến quý đầu tiên của năm 2020 và Amazon đang làm ra doanh số 10.000 đôla — mỗi giây.⁶ Nếu cái chuông đó mà còn, nó sẽ kêu liên tục, như thể hồi chuông báo một thời đại mới.

Đã có nhiều làn sóng thay đổi công nghệ. Để hiểu làn sóng thay đổi gần đây nhất, bạn phải quay lại tháng 8 năm 2011. Chọn thời điểm này có vẻ kỳ lạ. Đó là một tháng ảm đạm, không lý tưởng cho những người lạc quan về công nghệ. Các nền kinh tế trên khắp thế giới vẫn đang phải hứng chịu dư chấn của khủng hoảng tài chính toàn cầu. Châu Âu lo sợ Tây Ban Nha và Ý sẽ vỡ nợ và châm ngòi cho một cuộc khủng hoảng trên khắp châu lục. Tại Mỹ, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao, trên 9%.⁷ Thị trường chứng khoán ở châu Âu và châu Mỹ đã phản ánh những lo ngại này. Vào ngày 8 tháng 8, “Thứ hai Đen tối”, chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm 635 điểm, mức giảm lớn thứ sáu trong lịch sử của nó cho đến thời điểm đó. Chính trong môi trường không mấy dễ chịu này, Marc Andreessen, người phát minh ra Mosaic, trình duyệt web lớn đầu tiên, đã xuất bản một tiểu luận trên *The Wall Street Journal* có tiêu đề khó hiểu: “Tại sao phần mềm đang ăn tươi thể giới.”⁸

Đến thời điểm này, thực sự có hai nền kinh tế: nền kinh tế kỹ thuật số và nền kinh tế vật chất. Quan điểm của Andreessen là nền kinh tế kỹ thuật số đang trở nên mạnh mẽ đến mức sẽ thống trị — nuốt chửng — nền kinh tế vật chất. Càng ngày, các công ty mới càng nhận ra họ có thể sử dụng phần mềm để làm tăng lợi nhuận đáng kể, mở rộng tầm với, và bán các dịch vụ kỹ thuật số thay vì bán sản phẩm vật chất. Những ai không tham

gia đều bị thay thế tức thì. Kodak đã bỏ lỡ cuộc cách mạng nhiếp ảnh kỹ thuật số, và phải nộp đơn xin phá sản. Các cửa hàng băng đĩa hầu như biến mất khi mọi người bắt đầu thuê bao dịch vụ phát trực tuyến như Spotify. Uber đã chuyển đổi một ngành công nghiệp vật chất — xe taxi — thành một ngành có bản chất là mạng thông tin, được tạo ra và duy trì bằng phần mềm. Andreessen chỉ ra rằng các công ty giải trí phát triển nhanh nhất không phải là hãng phim hay công viên giải trí mà là các công ty phần mềm bán trò chơi điện tử trực tuyến. (Trong vòng chưa tới mười năm, doanh thu của ngành công nghiệp trò chơi điện tử đã vượt doanh thu của cả Hollywood lẫn ngành kinh doanh âm nhạc cộng lại.)⁹ Khi Covid-19 đẩy nhanh xu thế bán lẻ kỹ thuật số vượt qua bán lẻ ngoài đời thực, trong năm năm tới, bằng một ước tính, khoảng 100.000 cửa hàng truyền thống ở Mỹ sẽ đóng cửa¹⁰ — gấp ba lần con số đóng cửa trong thời kỳ suy thoái 2007-2009.

Ngay cả những công ty dường như truyền thống nhất cũng đang tận dụng lợi thế của phần mềm. Giám đốc điều hành Microsoft Satya Nadella đã cho tôi một ví dụ nổi bật về Thyssenkrupp. Công ty này là một trong những gã khổng lồ công nghiệp nặng của Đức, nhà sản xuất thép hàng đầu và nhà sản xuất thang máy lớn thứ tư trên hành tinh. Mặc dù vẫn tiếp tục sản xuất thang máy, nhưng giờ đây họ nhận thấy giá trị gia tăng lớn nhất của họ không nằm ở việc tính giá ngày càng cao hơn bao giờ hết, mà nằm ở việc bán các hợp đồng dịch vụ để bảo trì chúng hoạt động hiệu suất tối đa. Thang máy thông minh, tích hợp phần mềm của hãng, được kết nối đám mây, liên tục gửi dữ liệu hoạt động để công ty phân tích một cách nghiêm ngặt và sau đó sử dụng để “bảo trì dự đoán” — khắc phục sự cố

trước khi thang máy trở nên kém hiệu quả. Phần mềm đó do Microsoft xây dựng, thế nên Nadella mới kể.

Klaus Kleinfeld, khi còn là giám đốc điều hành công ty nhôm Alcoa, đã nói như thế này: “Chúng tôi có những lò luyện kim. Ngày xưa, chúng tôi có thể cải thiện hiệu quả của chúng một chút sau mỗi vài năm khi chúng tôi xây lò mới. Giờ đây, các lò luyện kim được vận hành bằng phần mềm và chúng trở nên hiệu quả hơn không ngừng mỗi năm, như phần mềm.” Cuộc cách mạng phần mềm đã tạo ra một thế giới mới, trong đó ngày càng ít phân biệt giữa nền kinh tế kỹ thuật số và nền kinh tế vật chất. Ngày nay hầu hết mọi thứ đều chạy trên phần mềm, điều này đã thúc đẩy các đột phá khác như điện toán đám mây, từ đó tạo ra động lực hướng tới dữ liệu lớn. Người ta nói về dữ liệu như nói về dầu mỏ mới,¹¹ tài nguyên chính thúc đẩy hoạt động kinh doanh hiện đại, nhưng nếu không có phần mềm có thể tinh chỉnh nó, dữ liệu sẽ vô dụng. Đối với mọi doanh nghiệp, phần mềm đã trở thành chìa khóa để tăng trưởng.

Một cuộc cách mạng song song, cũng do phần mềm kích hoạt, là cách mạng công nghệ di động. iPhone được ra mắt vào năm 2007, và điện thoại thông minh hiện kết nối phần lớn thế giới với Internet.¹² Đối với hầu hết mọi người, điện thoại là máy vi tính của họ. Để hiểu rõ nhất về sự thay đổi này, hãy nhìn Ấn Độ. Giống như công dân của hầu hết các nước nghèo, cho đến gần đây phần lớn người Ấn Độ đã bị tụt hậu với Cách mạng Công nghệ thông tin. Máy tính rất đắt và Wi-Fi rất hiếm. Ravi Agrawal kể trong cuốn sách của ông, *India Connected*: “Năm 2000, chỉ có 20 triệu người Ấn Độ truy cập được Internet.¹³ Mười năm sau, con số đó đã tăng lên 100 triệu.” Ngay cả khi đó, năm 2010, phần lớn của hơn một tỉ người ở Ấn Độ không

thế vào mạng bằng điện thoại của họ, thường là thiết bị cầm tay đơn giản. Rồi 4G ra đời, cho phép một điện thoại thông minh trị giá 30 đôla dễ dàng kết nối Internet. Hiện hơn 550 triệu người ở Ấn Độ có một chiếc máy vi tính mini trong tay.¹⁴ Họ sử dụng nó để mua bán sản phẩm, xem tin tức, giải trí, tham gia nhóm, và làm việc từ xa.

Ấn Độ đã nhảy vọt qua khoảng cách kỹ thuật số với tốc độ đáng kinh ngạc. Năm 2015, nước này đứng thứ 155 trên thế giới¹⁵ về thâm nhập băng thông rộng di động. Năm 2017, Ấn Độ tiêu thụ nhiều dữ liệu di động¹⁶ hơn bất kỳ quốc gia nào trên trái đất. Và đến năm 2025, dự kiến sẽ có thêm hàng trăm triệu người Ấn Độ có máy vi tính cầm tay kết nối Internet.¹⁷ Động thái này được thúc đẩy mạnh mẽ nhờ Mukesh Ambani, chủ tịch Reliance, công ty lớn nhất Ấn Độ, đã đầu tư khoản tiền đáng kinh ngạc là 37 tỉ đôla¹⁸ để tạo ra một mạng không dây mới và cung cấp cho người tiêu dùng với giá rẻ như cho không. Ambani nói với tôi rằng ông tin số hóa sẽ làm biến đổi Ấn Độ mà không điều gì trước đây làm được. “Hai mươi năm nữa, trong một xã hội nối mạng, chúng ta sẽ có nhiều thay đổi hơn những gì chúng ta đã thấy trong 100 năm qua,” ông dự đoán. Cuộc cách mạng công nghệ di động đang diễn ra quá trình hiện đại hóa ở những nơi như Ấn Độ với tốc độ sừng sốt. Không phải tất cả thay đổi đều tích cực. Điện thoại thông minh đã được chứng minh là một cách huy động con người theo sắc tộc hiệu quả nguy hiểm. Những tin đồn vô căn cứ lan truyền trên các nhóm nhắn tin như WhatsApp đã gây ra nhiều vụ giết người¹⁹ ở Ấn Độ trong những năm gần đây. Và đối với nhiều người, điện thoại thông minh cung cấp vô cùng tận nội dung khiêu dâm và bạo lực tàn bạo.

TRỞ LẠI TƯƠNG LAI

Đến năm 2018, bạn có thể nói rằng phần lớn thế giới đã được kết nối. Covid-19 đến đúng vào giai đoạn này và xóa đi nốt một trở ngại còn lại cho tương lai kỹ thuật số — thái độ của con người. Nhiều người cứ kẹt trong những cách cũ kỹ. Một số vẫn còn miễn cưỡng gửi thông tin thẻ tín dụng qua Internet. Những người khác sẽ không bao giờ nghĩ đến việc tham gia một lớp học trực tuyến. Hầu hết sẽ không đồng ý hẹn khám bác sĩ qua trò chuyện video. Đại dịch và việc đóng cửa kéo theo những thay đổi bắt buộc trong hành vi, không chỉ từ người dân mà cả doanh nghiệp. Các hãng phim Hollywood không đời nào mớ ra mắt một bộ phim kinh phí lớn qua dịch vụ phát trực tuyến. Các nhà hàng được trao sao Michelin cho rằng họ vượt trội hơn chuyện bán mang đi và giao hàng. Các câu lạc bộ sức khỏe không muốn tham gia kinh doanh video YouTube. Nhưng tất cả những điều cấm kỵ này đã bị phá vỡ, các rào cản đã ngã rạp, và bây giờ thời kỳ bình thường mới tồn tại. Không có khả năng sẽ có lúc nào chúng ta quay lại hoàn toàn với quá khứ. Đại dịch như một phép thử những sản phẩm đại trà cần thiết cho cuộc sống số — và phần lớn, các công cụ công nghệ của chúng ta đã qua được kỳ sát hạch này.

Một xu thế kinh tế quan trọng nhất duy nhất do khủng hoảng Covid-19 gây ra có lẽ nằm trong bản chất công việc. Một báo cáo của MIT sau khi khủng hoảng xảy ra được vài tuần cho thấy khoảng một phần ba người Mỹ trước đây di chuyển để đi làm đang làm việc từ nhà.²⁰ Cùng thời điểm đó, một trong những công ty lớn nhất của Ấn Độ, Tata Consultancy Services (TCS), thông báo rằng, do khủng hoảng, họ đã quyết định đến năm 2025 có 75% nhân viên làm việc từ xa. “Chúng tôi không

tin chúng tôi cần hơn 25% lực lượng lao động của mình²¹ có mặt ở các cơ sở của chúng tôi để đạt được 100% năng suất,” Giám đốc điều hành của TCS, N. G. Subramaniam cho biết. Khi các phương tiện truyền thông bắt đầu đưa tin rằng chính sách mới này sẽ ảnh hưởng đến khoảng 250.000 trong số 350.000 nhân viên của TCS ở Ấn Độ, công ty đã đưa ra đính chính:²² trên thực tế chính sách sẽ áp dụng cho 450.000 nhân viên trên toàn cầu.²³ Khảo sát các công ty Mỹ và châu Âu cho thấy hầu hết có ý định chuyển hẳn một số công việc ra khỏi văn phòng với niềm tin có thể duy trì năng suất trong khi cho người lao động linh hoạt hơn và cắt giảm chi phí trụ sở.

Ở khía cạnh nào đó, tương lai này khiến chúng ta đội ngược. Văn phòng hiện đại là ứng dụng trực tiếp mô hình nhà máy đầu thế kỷ 20. Người ta đến đó và rời đi cùng một lúc, từ thứ hai đến thứ sáu. Những người làm việc ở các khu trung tâm lớn thường ăn ở nhà ăn chung. Cách vận hành đó có ý nghĩa trong hoạt động công nghiệp, bởi vì mọi người đều trên boong, thực hiện phần việc của họ trên dây chuyền lắp ráp. Nhưng trong nền kinh tế hiện đại, định hướng dịch vụ — nền kinh tế ở hầu hết các nước phát triển hiện nay — người ta làm việc rất khác. Sự cộng tác liên quan đến làm việc nhóm là bằng trí tuệ chứ không phải thể chất, và có thể được thực hiện qua email, trò chuyện nhóm, và hội nghị truyền hình. Mô hình làm việc mới có thể là mô hình trong đó mọi người thực hiện phần lớn công việc hằng ngày của họ từ xa và chỉ đến văn phòng để họp, thuyết trình và các phiên động não. Các cuộc họp nhóm thông thường có thể trở nên ảo, nhưng các hội nghị về mạng lưới làm việc, tăng cường kết nối, cung cấp kích thích trí tuệ, hoặc đơn giản là cung cấp giải trí có thể tiếp tục là những hoạt động trực tiếp

giữa con người. Nhiều khả năng sẽ có những mô hình lai ghép mới. Mô hình mới này sẽ khiến mối quan hệ người với người hoặc các cuộc gặp gỡ bất ngờ trở nên quý báu hơn chứ không mất đi giá trị, vì sẽ ít xảy ra hơn.

Theo nghĩa nào đó, công việc sẽ trở lại giống như trong phần lớn lịch sử, gắn chặt với cuộc sống ở nhà hơn. Người nông dân sống và làm ruộng trên mảnh đất của mình, người thợ thủ công làm việc cạnh nhà, và nhà buôn có cửa hàng ở tầng trệt nhà anh ta. Đời sống cá nhân và chuyên nghiệp đan xen; con cái nhìn thấy cha mẹ không chỉ đơn giản là thành viên trong gia đình mà còn là người lao động. Trong 200 năm qua, với sự phát triển của nhà máy và văn phòng, cuộc sống gia đình và cuộc sống làm việc đã chia hẳn ra hai nhánh. Nếu bạn có công việc, bạn bỏ lại thế giới chuyện nhà của mình vào mỗi buổi sáng khi bước ra khỏi cửa và đi đến một thế giới công việc hoàn toàn khác. Đồng nghiệp của bạn nhìn thấy một khía cạnh của bạn và gia đình bạn nhìn thấy một khía cạnh khác. Đó là thế giới *Mad Men*.^{*} Trong thế kỷ 21, chúng ta có thể tìm cách kết hợp và cho phép cả hai bên nhìn thấy bạn toàn diện.

Công việc mà đại dịch đã làm biến đổi nhanh nhất là trong ngành y. Ích lợi của việc sử dụng công nghệ để chăm sóc sức khỏe là rõ ràng. Bệnh nhân không cần phải đến phòng khám bác sĩ, chờ đợi và quay lại, tất cả chỉ để khám định kỳ hoặc kê đơn. Nhiều triệu chứng có thể được miêu tả qua điện thoại hoặc hiển thị trên cuộc gọi video. Công nghệ này đã có lâu nay rồi — trở ngại là con người và tổ chức. Bệnh nhân không muốn tham

* Phim bộ truyền hình Mỹ *Mad Men* do Matthew Weiner sáng tạo, Lionsgate Television sản xuất, phát sóng trên kênh cáp AMC từ 2007 đến 2015, tổng cộng có bảy mùa với 92 tập. Lấy bối cảnh một công ty quảng cáo hư cấu ở Manhattan, New York, *Mad Men* là phim bộ truyền hình đề tài công sở cực kỳ thành công. (Nxb)

vấn qua Internet. Bác sĩ miễn cưỡng thực hiện thăm khám từ xa vì họ không được trả nhiều tiền. Covid-19 làm thay đổi tất cả điều này. Các tiểu bang của Mỹ đã nói lỏng các yêu cầu cấp phép để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc y tế trên khắp tiểu bang. Không có lựa chọn khác, bệnh nhân chấp nhận tư vấn qua video hơn là không — và sau đó phát hiện là thuận tiện hơn. Đơn vị y tế cũng thấy có lợi. Các bệnh viện tập trung nhiều hơn vào việc chăm sóc và cứu chữa theo mức độ nguy cấp của bệnh nhân khi số lượng ca nhiễm gia tăng. Nhưng ưu tiên thực sự trong hệ thống là việc khám bệnh từ xa cho phép bác sĩ xử lý trực tuyến nhiều vấn đề sức khỏe ít nghiêm trọng hơn, giải phóng thời gian, nguồn lực và nhân sự để xử lý các ca nghiêm trọng hơn, bệnh nhân liên quan đến Covid hay không liên quan thì cũng được chữa trị. Người ta ước tính năm 2020, người Mỹ sẽ có một tỉ tương tác chăm sóc sức khỏe ảo.²⁴

Đại dịch đã mở cánh cửa cho một sự chuyển biến bao trùm. Mỗi khi một nhiệm vụ nào chuyển sang kỹ thuật số, việc sử dụng phần mềm để tự động hóa và tối ưu hóa nhiệm vụ đó trở nên dễ dàng hơn. Lĩnh vực y tế cũng vậy. Máy móc và phần mềm đã và đang giúp chẩn đoán, phẫu thuật, điều trị và trị liệu. Trong khi đó, thiết bị nhỏ đeo trên người có thể liên tục theo dõi các chức năng quan trọng trong cơ thể và truyền dữ liệu lên đám mây, ở đó dữ liệu sẽ được phân tích và nếu phát hiện điều gì bất thường, sẽ được gửi đến các chuyên gia y tế. Tim Cook, Giám đốc điều hành Apple, nói rằng ông tin công ty của ông “đóng góp lớn nhất cho nhân loại²⁵... sẽ là về sức khỏe” — thông qua việc sử dụng các sản phẩm y khoa ngày càng tinh vi như Apple Watch.

Lý tưởng là, việc chuyển sang trực tuyến do đại dịch gây ra sẽ chuyển toàn bộ trọng tâm của y học ra khỏi việc trị bệnh và

hướng tới phòng ngừa, đó là cách hiệu quả hơn nhiều để giữ cho tất cả chúng ta khỏe mạnh. Bất hạnh thay, có một sự thật khó chịu cản trở thay đổi đó: phòng bệnh thì ít tốn kém hơn nhiều so với trị bệnh. Do đó, thử nghiệm mô hình phòng ngừa mới có thể sẽ hiệu quả với các quốc gia có hệ thống y tế do chính phủ quản lý. Ở những nơi mà khu vực tư nhân chiếm ưu thế, như ở Mỹ, bác sĩ và bệnh viện không có động cơ áp dụng mô hình đó. Không có nghĩa họ và các tổ chức này là đáng ghê tởm. Nhưng trong bất kỳ hệ thống thị trường nào, động cơ kinh tế là quan trọng, vì vậy các nguồn lực và công nghệ sẽ được dành cho những lĩnh vực tạo ra nhiều doanh thu nhất.

CÁCH MẠNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Trí tuệ nhân tạo (AI) là công nghệ sẽ làm biến đổi y học nhiều nhất trong dài hạn. Thực tế, đó có thể là thay đổi sâu sắc nhất mà chúng ta đang thực hiện trong thân phận con người. Hậu quả có thể sẽ nghiêm trọng hơn nhiều, chứ đâu chỉ là chuyện phần mềm trở nên thông trị. Trí tuệ nhân tạo có thể ăn thịt cả thế giới lẫn con người.

Trong một số lĩnh vực y học, máy móc đã ngang bằng, hoặc thậm chí vượt trội bác sĩ. Một nghiên cứu xác định rằng các chương trình AI được đào tạo để đọc hình ảnh bệnh lý hiện có thể chẩn đoán một số loại ung thư phổi với độ chính xác 97%.²⁶ Một nghiên cứu khác phát hiện AI xác định dương tính giả khi đọc X quang ít hơn 11%²⁷ so với các chuyên gia con người trong một số tình huống. Trong đại dịch, nhóm IBM và MIT đang sau hệ thống AI Watson đã đưa công nghệ này vào các mục đích sử dụng khác nhau: xác định bệnh nhân Covid-19 có

nguy cơ nhiễm trùng huyết cao, thiết kế các protein ngăn chặn virus²⁸ liên kết với tế bào người, kiểm tra tính hiệu quả của chất liệu khẩu trang, dự đoán liệu các loại thuốc đã được phê duyệt có giúp chống được virus hay không, và lập kế hoạch sản xuất và cung cấp vaccine trên quy mô lớn. Mặc dù nhiều ứng dụng trong số này là thử nghiệm nhưng kết quả rất ấn tượng. Tại sao, trong rất nhiều nhiệm vụ, AI lại hoạt động tốt hơn con người? Bởi vì một quá trình như chẩn đoán về cơ bản là thu thập, tổ chức và phân tích thông tin, vốn dĩ máy tính có thể làm tốt hơn nhiều so với não người. Trong suốt 30 năm sự nghiệp, một bác sĩ dày dặn kinh nghiệm có thể đã khám cho hàng chục ngàn bệnh nhân và đọc hàng trăm bài báo trên tạp chí. Một chương trình AI sẽ phân tích dữ liệu của hàng chục triệu bệnh nhân và hàng trăm nghìn nghiên cứu — trong vài phút nếu không nói là vài giây. Đây là lý do tại sao hiện nay máy tính giúp lái máy bay và giao dịch cổ phiếu. Chúng có thể đánh bại các nhà vô địch cờ vua thế giới, *Jeopardy!*, và trò chơi điện tử. Nói đơn giản, về lý thuyết, AI có thể thực hiện các nhiệm vụ phân tích phức tạp tốt hơn con người — càng phức tạp, máy tính càng có lợi thế hơn.

Ngay lúc này, máy tính có những hạn chế. Khi Covid-19 bắt đầu bùng phát, nhiều nhà quan sát hy vọng AI có thể tìm ra giải pháp mà con người không thể. Các kết quả thật trái chiều.²⁹ Nhiều chương ngại vật cản đường. Vì một lẽ, máy tính cần hàng núi dữ liệu để nhìn ra mô hình, và với loại virus corona mới, có rất ít dữ liệu ban đầu, và trong nhiều tháng sau đó, thông tin tiếp tục không đầy đủ. Dữ liệu lịch sử về các loại virus khác cũng không sử dụng được bao nhiêu vì khác biệt nhiều — về khả năng gây chết người, cách virus biến đổi, v.v... — là rất quan trọng.

Dữ liệu truy dấu vị trí cũng không đáp ứng được hứa hẹn của nó. Mặc dù các quốc gia Đông Á đã thành công nhất định trong việc sử dụng dữ liệu truy dấu vị trí để dự đoán các điểm nóng và xác định siêu lây lan, nhưng công nghệ này còn thiếu sót. Việc cài đặt ứng dụng theo dõi vị trí là tự nguyện,³⁰ và vì không phải ai cũng tự nguyện nên dữ liệu chỉ cung cấp một phần của bức tranh. Ngay cả ở Singapore, nơi sự gắn kết xã hội và niềm tin vào chính phủ là cao, vào tháng 6 năm 2020, chỉ khoảng 30% dân số³¹ đã tải xuống ứng dụng theo dõi Covid-19 của chính phủ. Yêu cầu mọi người cung cấp dữ liệu sức khỏe của họ, như ở Trung Quốc, không phải là một lựa chọn ở hầu hết các nền dân chủ. Đánh giá hiệu quả thì còn phải tranh luận. Nhưng thành công chống Covid-19 của Trung Quốc, Hàn Quốc và Singapore không phải là nhờ vào công nghệ mới. Thay vào đó, điều tạo nên khác biệt là phản ứng đại dịch thích hợp chuẩn mực: xét nghiệm nhanh, rộng rãi và truy dấu tiếp xúc theo cách xưa nay, thông qua phỏng vấn trực tiếp.

Những trở ngại mà AI đã phải đối mặt trong cuộc chiến chống virus corona mới không phản ánh một số lỗ hổng cơ bản của công nghệ; chúng chỉ tiết lộ hạn chế của công nghệ trong một hoàn cảnh đặc thù khi mà nhiều dữ liệu là không rõ ràng và khó có được. Theo thời gian, sẽ ngày càng có nhiều dữ liệu tốt hơn về căn bệnh này và những cách thức sử dụng sáng tạo — từ quét nhiệt hàng loạt để đo thân nhiệt đến nhận diện khuôn mặt, cả hai đều có thể được đưa vào sử dụng để phát hiện nhanh chóng căn bệnh tiềm ẩn giữa đám đông ở không gian công cộng. AI đã có thể dự đoán bệnh nhân nào sẽ trở nên nặng hơn và bệnh nhân nào sẽ khỏe lên dựa trên các mô hình quan sát được. Ngoài ra còn có việc tăng cường sử dụng

AI trong nghiên cứu y học mang tính đột phá — ví dụ lập bản đồ cấu trúc ba chiều của protein — sẽ tiếp tục mang lại những kết quả ấn tượng có thể giúp ích trong phương pháp điều trị và vaccine. Và tất nhiên, khi nghiên cứu về Covid-19 tăng lên vô số, AI sẽ giúp các nhà khoa học hiểu được tất cả, phân tích hàng nghìn nghiên cứu mới được thực hiện mỗi tuần trên khắp thế giới hiệu quả hơn nhiều so với con người. Tuy nhiên, nhìn chung, trải nghiệm đại dịch này không chỉ làm nổi bật những điểm mạnh mà cả những hạn chế của AI — tính đến thời điểm hiện tại.

Có lẽ tác động lâu dài nhất của Covid-19 là tạo ra cú bút phá về AI đưa robot lên ngôi trong lĩnh vực y tế. Và càng đưa robot vào nhiều bối cảnh hơn sẽ cho phép nền kinh tế hoạt động trong khi giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Một nghiên cứu được công bố trên *MIT Technology Review* cho thấy “từ 32 đến 50 triệu việc làm ở Hoa Kỳ³² có thể ngày càng được hỗ trợ bằng công nghệ để giảm thiểu rủi ro sức khỏe do tương tác giữa con người và bảo đảm năng suất trong thời kỳ khủng hoảng.” Một trong số những công việc là ứng viên hiển nhiên để thay thế bằng robot là thu ngân. Những việc khác phức tạp hơn, như đầu bếp,³³ mà cũng đã có robot có thể làm hiệu quả rồi.

Và càng có nhiều robot, chúng càng có thể khai thác trí tuệ nhân tạo để tăng năng suất. Y như một khi bạn gắn phần mềm vào máy, nó sẽ trở thành yếu tố quyết định, một khi bạn đưa trí tuệ nhân tạo vào bất kỳ hệ thống nào, AI cũng dần dần trở thành hiệu ứng số nhân sức mạnh tổng hợp. Chúng ta đang trên đà đưa AI vào hầu hết các tổ chức và cơ quan vì đơn giản là nó làm cho chúng hoạt động tốt hơn. Nhưng vậy chắc chắn có nghĩa là sẽ cần ít con người làm việc bởi vì AI làm hiệu quả

hơn nhiều — cả công việc của cổ cồn xanh lẫn cổ cồn trắng. Bạn không cần nhiều phụ tá luật sư hoặc luật sư trẻ nếu máy có thể quét tài liệu để tìm các vụ án, dữ kiện và khuôn mẫu.

Và chắc chắn bạn không cần nhiều tài xế nếu máy tính có thể điều khiển ô tô, xe buýt và xe tải. Lái xe tự động sẽ là một lợi ích rất lớn cho sự an toàn. Hơn một triệu người trên thế giới³⁴ chết vì tai nạn xe cộ mỗi năm, và theo Bộ Giao thông Vận tải Mỹ, khoảng 94% các vụ tai nạn xảy ra ở Mỹ³⁵ là do lỗi của người lái xe. Nhưng trong một thế giới không người lái xe, điều gì sẽ xảy ra với gần 4 triệu người Mỹ³⁶ — chủ yếu là nam giới, hầu hết không có bằng đại học — làm nghề lái xe? Hiện tại, triển vọng nghề nghiệp của họ đang tăng lên khi Amazon và các nhà bán lẻ kỹ thuật số khác bùng nổ. Hồi tháng 5 năm 2020, Frederick Smith, giám đốc điều hành và chủ tịch FedEx, cho biết công ty của ông đang tuyển dụng “rất dồi dào”, thêm khoảng 4.000 tài xế mỗi tuần.³⁷ Về lâu dài, mặc dù người lái xe có thể không bị mất việc làm, nhưng họ sẽ mất thế thương lượng mức lương sống được — bởi vì công việc của họ trở nên kém giá trị. Máy tính đang nhanh chóng thu hẹp vai trò của con người ở những dặm cuối cùng. Chế độ lái tự động đã từng bay nhiều máy bay thương mại. Vận tải đường dài điều khiển bằng AI đã được thử nghiệm trên các tuyến đường công cộng, dù xe giao hàng địa phương và công nhân vẫn được sử dụng cho chặng cuối cùng của chuyến giao hàng. Ngay cả vai trò hạn chế đó cũng có thể biến mất vì vấn đề “dặm cuối cùng” ngày càng được giải quyết bằng máy bay AI không người lái. Có thể không phải lúc nào AI cũng tạo ra thất nghiệp và có thể còn lâu nữa mới gây ảnh hưởng, nhiều thập kỷ nữa kể từ bây giờ. Nhưng AI sẽ là nhân tố làm thay đổi cuộc sống của chúng ta.

Hãy lấy một nghề chưa bị robot đe dọa để phác thảo tương lai của AI. Trong cuốn tiểu thuyết năm 2019, *Machines Like Me*,³⁸ nhà văn Ian McEwan miêu tả một thế giới mà tự động hóa đang trở thành một phần trong cuộc sống hằng ngày. Ở London, có những cuộc biểu tình phản đối thất nghiệp hàng loạt. Nhân vật chính ghi chép,

Tôi đã tham gia đi bộ tuần hành, rồi bỏ cuộc sau khi tôi đọc tin một nhà máy sản xuất ô tô mới bắt đầu sản xuất bên ngoài Newcastle. Nó chế tạo số lượng ô tô nhiều gấp ba lần nhà máy mà nó thay thế — với lượng lao động chỉ bằng một phần sáu. Hiệu quả hơn mười tám lần, sinh lời nhiều hơn. Không doanh nghiệp nào có thể cưỡng lại. Không chỉ có khu vực sản xuất mới bị mất việc làm vào tay máy móc. Kế toán, nhân viên y tế, tiếp thị, hậu cần, nhân sự, kế hoạch tương lai. Giờ tới cả thi sĩ haiku. Tất cả đều phải lo lắng. Chẳng bao lâu nữa, hầu hết chúng ta sẽ phải nghỉ lại chúng ta sinh ra để làm gì. Không phải là để làm việc rồi.

Những triển vọng như vậy dường như gần hơn bao giờ hết trong bối cảnh đại dịch. (Ngay cả dự đoán của McEwan về nhà thơ cũng trở thành sự thật: các nhà khoa học máy tính đang phát triển thuật toán có thể viết văn.³⁹) Các cuộc thảo luận về “tương lai của công việc” nên nhận ra rằng tương lai đã ở bên chúng ta rồi. Các nhà triết học từng đưa ra lý thuyết về cách giữ cho con người tồn tại một khi công nghệ thay thế số lượng lớn những công việc quan trọng. Giờ đây, Covid-19 đã buộc các quốc gia phải thử nghiệm một số loại thu nhập cơ bản gần như phổ quát. Ở Mỹ, ý tưởng này đã trở thành xu hướng trong vài tháng — không chỉ là nhiệm vụ kỳ quặc của ứng cử viên

tổng thống dưới cơ Andrew Yang mà là một đề xuất, ở dạng tạm thời, đã được quốc hội thông qua để ngăn chặn thảm họa kinh tế. Trong thời gian đại dịch, các chính phủ kết luận rằng, người dân không thể kiếm được tiền không phải do lỗi của họ, và do đó xứng đáng được trả tiền cho việc không làm việc. Vậy xa hơn nữa, liệu nhà nước có sẽ quyết định rằng những người bị AI buộc thôi việc tương tự xứng đáng được bồi thường không?

Trong bài tiểu luận năm 1930, “Khả năng kinh tế cho đời cháu của chúng ta”, nhà kinh tế học John Maynard Keynes đã suy nghĩ đúng ngay câu hỏi này. Ông mong đợi một thế giới tuần làm việc mười lăm giờ có thể thực hiện được bằng công nghệ. Nhưng ngay cả khi một thế giới như vậy trở thành hiện thực, chúng ta sẽ cần phải tìm ra cách để mọi người có việc làm. Có thể là tạo thêm việc làm trong nhiều lĩnh vực, từ giáo dục đến các dự án công trình công cộng để bảo dưỡng công viên và vùng hoang dã — giống như Cục Quản lý Tiến độ Công trình và Quân đoàn Bảo tồn Dân sự nổi tiếng của Tổng thống FDR đã thuê hàng triệu người Mỹ mở rộng cơ sở hạ tầng và làm đẹp đất nước. Một số công việc sẽ chỉ là để người ta có việc làm. Như Keynes đã viết, “chúng ta sẽ cố gắng phết bơ mỏng lên bánh mì⁴⁰ — để chia sẻ rộng rãi nhất có thể những công việc còn phải có con người làm.”

Ví dụ sắc nét về một tương lai như vậy là nhân vật George Jetson của phim bộ hoạt hình thập niên 1960.⁴¹ Công việc của George tại Spacely Space Sprockets, Inc., là nhấn một vài cái nút mỗi ba giờ một ngày, ba ngày một tuần. Mọi thứ khác đều được tự động hóa. Nhưng đó vẫn là một công việc, và mang lại cho anh ta và gia đình những đường nét của cuộc sống gia đình và xã hội mà ai đó ít nhiều nhận ra được trong những năm

1960. Đó là một trong những tương lai kỹ thuật số, tự động hóa của chúng ta — trong đó chính quyền trung tâm nắm giữ hầu hết. Các mô hình cuộc sống được điều chỉnh lại nhưng không bị phá hủy. Bạn sẽ thấy những ví dụ ban đầu về thế giới có khả năng xảy ra này trong lời kêu gọi của thủ tướng Phần Lan về tuần làm việc bốn ngày,⁴² mỗi ngày sáu giờ. Bạn thấy điều đó trong các công việc linh hoạt đặc trưng cho nền kinh tế gig,* chẳng hạn như tài xế Uber hoặc DoorDash, nơi người lao động có thể chọn giờ làm việc tùy ý. Bạn có thể thấy điều đó trong thời gian người ta dành ra ở văn phòng để lướt mạng xã hội ngày càng nhiều hơn trước. Và bạn thấy điều đó trong sự trỗi dậy của cái mà nhà nhân chủng học David Graeber gọi một cách tinh tế là “những công việc vô nghĩa” (bullshit job).⁴³ Ông miêu tả một số kiểu việc, bao gồm “người đánh dấu hộp”, người tạo ra nhiều thủ tục giấy tờ để cho thấy việc đang chạy khi công việc không hề diễn ra và “người quản lý điều hành”, người quản lý những người không cần quản lý.

Keynes nói, vấn đề lớn với các cuộc cách mạng công nghệ là khi rất nhiều công việc ngày càng được thực hiện bằng công nghệ, con người sẽ phải tìm ra ý nghĩa mục đích sống. Đối với con người, đặc biệt là nam giới, trong lịch sử công việc đã mang lại cho họ một danh phận, cảm giác thành đạt và phẩm giá. Đây không phải là những thuộc tính không còn hợp thời. Đó là lý do tại sao tôi luôn thấy ý tưởng thu nhập cơ bản phổ quát không làm thỏa mãn, tôi thích mở rộng một chương trình như Tín thuế lợi tức do lao động (Earned Income Tax Credit), về

* Nền kinh tế gig (Gig Economy) là nền kinh tế mà trong đó mọi người thường làm việc bán thời gian hoặc tạm thời, còn các công ty có xu hướng thuê những người làm việc độc lập và tự do thay vì nhân viên toàn thời gian. (Nxb)

cơ bản là nạp tiền vào lương của người lao động có thu nhập thấp. Nó khuyến khích làm việc nhưng không để xảy ra bất cùng hóa. Đó là một ý tưởng đã thu hút sự ủng hộ từ phe cánh tả cũng như những người theo chủ nghĩa tự do. Tôi tin rằng chương trình này không phổ biến bằng các chính sách khác, kém hiệu quả hơn — như tăng lương tối thiểu — vì khó diễn đạt một cách đơn giản và tượng trưng. Mở rộng chương trình này một cách thực chất, mà chúng ta nên làm, sẽ rất tốn kém. Nhưng nếu chúng ta nhận ra quy mô của vấn đề này — có khả năng thất nghiệp hàng loạt vĩnh viễn hoặc thiếu việc làm — thì xem ra tiền đã được chi dùng khôn ngoan.

Keynes cũng lo rằng với sự giảm sút công việc, tất cả thời gian rảnh rỗi đó sẽ là một vấn đề bởi vì con người không quen nhàn hạ. Ông lưu ý rằng sự lười biếng của phần lớn tầng lớp quý tộc, vốn đã phải đối mặt với vấn đề này, là viễn cảnh u ám có thể đến với tất cả công chúng. Trong cuốn tiểu thuyết của mình, McEwan suy nghĩ về “nạn nhàn rỗi”, miêu tả nhân loại trong một thế giới do AI điều hành:

Chúng ta có thể trở thành nô lệ của thời gian mà không có mục đích.⁴⁴ Rồi sao? Một thời kỳ phục hưng toàn bộ, dẫn thân vào tình yêu, tình bạn và triết học, nghệ thuật và khoa học, tôn thờ thiên nhiên, thể thao và sở thích, phát minh và mưu cầu ý nghĩa? Nhưng những trò giải trí thượng lưu ấy sẽ không dành cho tất cả mọi người. Tội phạm bạo lực cũng có sức hấp dẫn của nó, đánh nhau tay không cũng vậy. Nội dung khiêu dâm VR, cờ bạc, uống rượu và ma túy, thậm chí buồn chán và trầm cảm. Chúng ta sẽ không kiểm soát được các lựa chọn của mình.

Kịch bản này là điểm cuối logic cho sự lên ngôi của robot và AI. Tự động hóa sẽ khiến có ít công việc hơn, nhưng vẫn sẽ có

những công việc mới được tạo ra. Đối với những người không thể tìm được việc làm tốt, hỗ trợ của chính phủ sẽ mở rộng đáng kể. Cũng sẽ có nhiều thời gian hơn và khả năng tiếp cận công nghệ nhiều hơn để tìm kiếm sự thỏa mãn trong giải trí và nhàn rỗi. Con người sẽ tự nhiên thích nghi với thế giới mới này theo cách khác nhau, một số cảm thấy được giải phóng, số khác thấy bị mắc kẹt. Nhưng một tương lai khác còn đen tối hơn là một tương lai trong đó các xu hướng này dần dần trở nên sâu sắc hơn, nhưng chính phủ không phản ứng bằng một chương trình quy mô lớn. Bất bình đẳng trở nên tồi tệ hơn, nhiều việc làm biến mất, lương thực tẻ chững lại, chất lượng cuộc sống của hầu hết mọi người giảm xuống. Đây là một tương lai trong đó của cải chuyển vào tay số ít người giàu, trong khi những người khác bị bỏ lại phía sau, tồi tệ nhất là tê liệt vì nghiện rượu, nghiện ma túy, và tự tử. Nhu cầu chủ nghĩa dân túy tăng lên. Chúng ta hiện đang ở chân đồi của từng kịch bản tương lai này, mà không rõ tương lai nào ở phía trước.

CHỈ CON NGƯỜI

Giảm việc làm là một vấn đề nghiêm trọng, nhưng ngay cả khi chúng ta có thể giải quyết nó, AI sẽ đe dọa chúng ta bằng một vấn đề còn nghiêm trọng hơn: Liệu chúng ta có mất quyền kiểm soát máy móc? Sự dịch chuyển quan trọng đang diễn ra lúc này là từ AI “yếu” hay “hạn chế” sang AI “mạnh” hay “toàn diện”. Đầu tiên, một cỗ máy được lập trình để hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể — chẳng hạn như thắng một ván cờ — sau đó nó thực hiện một cách xuất sắc. Thứ hai là sự phát triển rộng rãi hơn dạng trí thông minh có thể suy nghĩ sáng tạo và đưa

ra phán đoán. Bước nhảy vọt về năng lực nhận thức là khoảnh khắc bước ngoặt đối với AI. Trò chơi cờ vây được coi là phức tạp nhất trên thế giới, có những nước đi tiềm năng nhiều hơn xa số lượng nguyên tử có thể quan sát được trong vũ trụ.⁴⁵ AlphaGo của Google đã học chơi cờ vây và vào tháng 3 năm 2016, liên tục đánh bại kỳ thủ tám lần vô địch thế giới Lee Sedol. (Vào năm 2017, chương trình kế nhiệm nó, AlphaZero, đã tự học chơi cờ vây chỉ trong ba ngày và đánh bại AlphaGo, thua trắng không thắng ván nào.) AlphaGo được các nhà khoa học máy tính coi là dấu hiệu cho thấy máy móc có thể tự học và cũng suy nghĩ theo những cách phi tuyến tính, sáng tạo. Vào tháng 3 năm 2020, các nhà sản xuất nó tiết lộ rằng một chương trình khác của họ chỉ đơn thuần xem màn hình khi một loạt trò chơi điện tử Atari được chơi — và sau đó làm chủ tất cả năm mươi bảy trò chơi,⁴⁶ vượt trội con người trong từng trò chơi.

Dạng AI hiệu quả hơn này bắt chước năng lực tinh thần của con người. Nhưng các chương trình sẽ không dừng lại ở việc đơn thuần bắt chước. Chẳng bao lâu nữa chúng sẽ vượt qua khả năng của chúng ta. Máy móc đã vượt xa con người trong nhiều nhiệm vụ phân tích. Và chúng sẽ ngày càng giỏi hơn với dữ liệu ngày càng nhiều và thông qua các cơ chế học tập mới như mạng neuron. Nhà khoa học máy tính Stuart Russell⁴⁷ của Đại học California, Berkeley, có cách giải thích xu hướng này. Ông chỉ ra rằng máy tính hiện đại đọc mà không thực sự hiểu. Chúng có thể dịch vì chúng xem tài liệu đã dịch trước đó và khớp các từ, cụm từ, và câu. Nhưng bây giờ chúng đang học cách hiểu. Một khi máy tính làm được điều đó, chúng sẽ nhanh chóng đọc và tiếp thu mọi thứ mà con người từng viết về mọi chủ đề. Đến thời điểm đó, chúng sẽ hiểu biết sâu rộng hơn bất kỳ con người nào, thực sự là hơn tất cả loài người trên hành tinh.

Liệu những chiếc máy tính này có ý thức theo nghĩa ý thức của con người không? Liệu chúng có đạo đức không? Russell đưa ra ví dụ về chuyện gì có thể xảy ra nếu bạn yêu cầu một máy tính chấm dứt bệnh ung thư.⁴⁸ Có thể kết luận rằng cách dễ nhất để làm vậy là giết hết con người vì như thế chắc chắn cũng sẽ tiêu diệt căn bệnh. Tôi luôn nghĩ rằng đến cuối cùng, con người vẫn giữ quyền kiểm soát vì có thể rút phích cắm điện của máy móc. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu máy tính biết điều này và tin rằng, để hoàn thành sứ mệnh của nó, nó phải duy trì hoạt động — và tìm cách để duy trì hoạt động? Vấn đề nan giải đó được khám phá cách đây 50 năm trong *2001: A Space Odyssey* của Stanley Kubrick. Bộ phim là sự tiên tri sùng sốt cho việc hiểu được tình thế tiến thoái lưỡng nan lớn nhất do trí tuệ nhân tạo đặt ra. Trong phim, máy tính, HAL, chọn giết chủ nhân để có thể tiếp tục nhiệm vụ của nó. Cuối cùng, con người, David Bowman, đã thông minh hơn máy móc — nhưng trong đời thực dường như điều ngược lại sẽ xảy ra thì đúng hơn. Đó là lý do tại sao Bill Gates, Elon Musk và một loạt nhân vật nổi tiếng khác, thường lạc quan về công nghệ, đã lập lại cảnh báo của nhà triết học Oxford Nick Bostrom:⁴⁹ giờ đây người ta lo rằng sự phát triển của AI nói chung có thể đe dọa chính loài người.

Máy tính tích hợp AI đã là hộp đen. Chúng ta biết rằng chúng có câu trả lời đúng, nhưng chúng ta không biết bằng cách nào hoặc tại sao. Phán xét của con người còn lại vai trò gì? Henry Kissinger đã hỏi liệu sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo có đồng nghĩa với kết thúc của thời kỳ Khai sáng hay không.⁵⁰ Phong trào thế kỷ 18 đó đã nâng lý luận của con người lên trên những mê tín, giáo điều và sùng bái lâu đời. Immanuel Kant gọi thời Khai sáng là “con người trỗi dậy từ sự non nớt tự áp

đặt của mình.”⁵¹ Nhân loại đã phải lớn lên — chúng ta phải tự mình hiểu thế giới. Nhưng nếu AI cho ra các câu trả lời tốt hơn chúng ta có thể có mà không tiết lộ logic của nó, thì chúng ta sẽ quay trở lại thời thơ ấu của giống loài mình và dựa vào đức tin. Chúng ta sẽ tôn thờ trí thông minh nhân tạo, như tôn thờ Chúa, hoạt động theo một cách bí ẩn,⁵² thực hiện phép màu của Ngài. Có lẽ giai đoạn từ Gutenberg đến AlphaGo sẽ là ngoại lệ, một thời kỳ tương đối ngắn trong lịch sử khi con người tin rằng mình đang nắm quyền kiểm soát. Trước đó, hàng thiên niên kỷ, con người coi mình là những bánh răng nhỏ trong một hệ thống rộng lớn mà họ không hiểu hết, tuân theo các quy luật của Thượng Đế và tự nhiên. Thời đại AI có thể đưa chúng ta trở lại vai trò khiêm tốn tương tự. Tuy nhiên, lần này, con người có thể làm việc kề cận với một trí thông minh cao hơn, không phụ thuộc vào nó nhưng cũng không hoàn toàn vượt trội hơn nó. Về phương diện nào đó, điều này phản ánh chính xác hơn vị trí thực tế của chúng ta trong vũ trụ bao la, không thể dò tìm này.

Cần lưu ý rằng cùng với cuộc cách mạng AI, chúng ta đang chứng kiến một cuộc cách mạng khác cũng có khả năng có tác động chuyển hóa — cách mạng kỹ thuật y sinh (bioengineering). Nói đơn giản, chúng ta đang ngày càng giỏi hơn trong việc tạo ra những con người tốt hơn — mạnh mẽ hơn, khỏe hơn và sống lâu hơn. Với chọn lọc gene, các bố mẹ có thể chọn trứng đã thụ tinh không mắc các bệnh di truyền đã biết. (Nhiều người lo sợ rằng chẳng bao lâu nữa họ cũng sẽ chọn lọc đứa con, chẳng hạn như tóc vàng, mắt xanh và nam.) Học giả Yuval Noah Harari lập luận rằng qua bao nhiêu thay đổi về xã hội, chính trị và kinh tế trong nhiều thiên niên kỷ, con người vẫn không thay đổi nhiều về thể chất hoặc tinh thần — cho đến nay. Sự kết hợp

của hai cuộc cách mạng song sinh này — trong sinh học và máy tính — sẽ cho phép con người mở rộng năng lực thể chất và tinh thần. Theo ông, kết quả là sẽ tạo ra một siêu nhân giống như thần: Homo Deus.⁵³

Có lẽ đó là những điều đang chờ đón chúng ta. Tương lai của trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học là chủ đề của cuộc tranh luận lớn và nằm ngoài phạm vi cuốn sách này, và tác giả này. Tôi tin rằng chúng ta còn cả một chặng đường dài trước khi đạt đến trí thông minh thực sự toàn diện trong một cỗ máy — một cỗ máy có thể không chỉ giải quyết một vấn đề khoa học chẳng hạn mà còn nắm bắt được logic cơ bản của sự đổi mới, chính là khái niệm về khoa học. Liệu nó có thể thực sự phát minh ra các phương thức tìm hiểu mới và các lĩnh vực kiến thức mới trong mọi lĩnh vực, như con người đã làm nhiều lần? Dù xảy ra chuyện gì chăng nữa, một điều xem ra đã quá rõ ràng: cho đến nay, cuộc cách mạng công nghệ này không có tác dụng thay thế con người mà khiến con người tái tập trung thì đúng hơn. Khi tôi nói chuyện với người điều hành bệnh viện ở các nước đang phát triển và đã triển khai AI rộng rãi để bù đắp sự thiếu hụt bác sĩ, họ chỉ ra rằng khả năng chẩn đoán vượt trội của máy móc cho phép các bác sĩ và y tá tập trung vào việc chăm sóc bệnh nhân. Các chuyên gia này đang tham gia sâu hơn vào việc giúp bệnh nhân hiểu tình trạng của họ, đảm bảo họ dùng thuốc và thuyết phục họ thay đổi chế độ ăn uống và thói quen. Họ cũng đóng vai trò huấn luyện viên, cung cấp hỗ trợ tinh thần và tâm lý vốn là chìa khóa để phục hồi. Theo nhiều cách, thực chất đây mới chính là những nhiệm vụ của con người chứ không phải những nhiệm vụ thuần túy phân tích như đọc phim X quang hoặc giải thích kết quả trong phòng thí nghiệm. Sự phát

triển này thể hiện phân công lao động mới, với máy móc và con người làm công việc mình giỏi nhất.

Đại dịch đã chỉ ra rằng cách mạng công nghệ đang tiến xa hơn những gì chúng ta có thể nghĩ — nhưng cuộc sống số cũng có thể cảm thấy chật chội, một mô phỏng tồi tệ của thế giới thực. Đối với nhiều người, những thay đổi này sẽ rất đáng sợ. Một số công việc sẽ mất đi, nhưng năng suất tổng thể sẽ tăng lên, tạo ra nhiều của cải hơn làm lợi cho tất cả mọi người. Chất lượng cuộc sống con người sẽ được cải thiện. Có những lo ngại về quyền riêng tư, xử lý dữ liệu và vai trò của chính phủ trong việc quản lý các công ty và quản lý chính mình trong lĩnh vực này. Nhưng đây không phải là những vấn đề không thể giải quyết; chúng ta có thể hưởng lợi ích của cuộc sống số và vẫn có thể bảo vệ quyền riêng tư của chúng ta. Và nếu chúng ta quan tâm phát triển những quy định xung quanh các cuộc cách mạng về AI và kỹ thuật y sinh, chúng ta sẽ không đánh mất những phẩm chất chỉ có ở con người. Thật ra, chúng ta sẽ càng đề cao con người.

Con người lo lắng rằng khi AI trở nên phát triển hơn, chúng ta sẽ dựa vào máy tính của mình nhiều đến mức cuối cùng sẽ coi chúng là bạn và không thể hoạt động nếu không có chúng. Nhưng chuyện đã như vậy rồi mà, điện thoại của tôi có thể cung cấp cho tôi nhiều thông tin hơn bất kỳ con người nào tôi biết. Nó có thể giải quyết các nhiệm vụ phức tạp trong một nano giây. Nó có thể giúp tôi giải trí với nội dung xuyên thời gian và không gian. Vậy nhưng tôi chưa bao giờ nhầm nó là bạn. Máy tính càng thông minh hơn trong việc tính toán dữ liệu và đưa ra câu trả lời, thì nó càng buộc chúng ta phải suy nghĩ xem cái gì chỉ có ở con người chúng ta, ngoài khả năng suy luận. Thực

ra, những cỗ máy thông minh sẽ khiến chúng ta đánh giá cao bạn đồng hành con người nhiều hơn, vì sự sáng tạo, hay thay đổi, không thể đoán trước, ảm áp và gắn gũi của họ. Suy nghĩ này không có gì kỳ lạ. Trong phần lớn lịch sử, con người được ca ngợi vì nhiều phẩm chất khác ngoài khả năng tính toán — dũng cảm, trung thành, độ lượng, đức tin, tình yêu thương. Chuyển đến cuộc sống kỹ thuật số là sâu rộng, nhanh chóng và là hiện thực. Nhưng có lẽ một trong những hệ quả sâu xa nhất của nó sẽ là khiến chúng ta phải trân trọng những điều con người nhất trong ta.

BÀI HỌC 6

Aristotle nói đúng — Chúng ta là động vật xã hội

TAI SAO ĐẠI DỊCH không xảy ra thường xuyên hơn mới thực sự là điều khiến người ta thắc mắc. Covid-19, cùng với bệnh dịch hạch, SARS, MERS, Ebola, và một số bệnh khác, được gọi là *zoonosis* — bệnh lây truyền từ động vật sang người. (*Zoonosis* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ nghĩa là “động vật” và “bệnh tật”.) HIV, virus gây bệnh AIDS, được cho là đã nhảy sang người¹ khi một thợ săn ở châu Phi xich đao giết một con tinh tinh bị nhiễm bệnh và phơi nhiễm với máu của con vật qua một vết thương. Nhưng câu hỏi đáng sợ là đây: Có vô số loại virus như vậy ở hàng nghìn loài động vật, tại sao chúng không lây nhiễm sang người thường xuyên hơn? Thực tế, là có. Virus nhảy từ tinh tinh sang người “có thể đã xảy ra nhiều lần trước đây rồi,” Craig Timberg và Daniel Halperin giải thích trong cuốn sách của họ về nguồn gốc của đại dịch AIDS.²

Các kịch bản tương tự ở châu Á, với dơi, cây hương, và tê tê³ gây ra các ca lây nhiễm cục bộ những virus giống-cúm, cách

đây hàng thập kỷ và có thể là hàng thế kỷ. Vậy tại sao không có thêm các vụ dịch và đại dịch? Và không chỉ nhiều hơn, mà càng lúc càng nhiều hơn nữa? Viết về HIV, Timberg và Halperin giải thích: “Để hoàn thành số phận nghiệt ngã của mình, virus cần một nơi chưa từng bị phát hiện ở Trung Phi nhưng giờ đây nó đang trôi dạt ở trung tâm khu vực — một nơi rộng lớn, thịnh vượng, tấp nập người và năng lượng, nơi các quy tắc cũ bị gạt sang một bên giữa sự hỗn loạn của thương mại mới.” Nói tóm lại, cần một thành phố.

“Chúng tôi dự đoán từ 1 [triệu] đến 7 triệu người mỗi năm thực sự bị nhiễm virus corona đời này,” Peter Daszak, “thợ săn virus” mà tôi đã giới thiệu trong bài học một cho biết. Tuy nhiên, Daszak lưu ý, “có điều đôi khi người không may mắn đó⁴ tình cờ đi chợ hoặc con vật đó lây bệnh cho ai đó trong chợ động vật hoang dã, và sau đó virus có thể lây lan và trở thành đại dịch.” Để virus có thể trở thành một đại dịch toàn phát, nó phải tìm đường đến môi trường đô thị. Covid-19 minh họa nguyên tắc ấy một cách hoàn hảo. Khi nghĩ về căn bệnh này, dĩ nhiên là ở Mỹ, chúng ta nhớ thành phố New York, với những con phố đông đúc và những chuyến tàu điện ngầm chật ních người suốt hai mươi bốn giờ, trở thành tâm chấn lớn nhất như thế nào.

Tất nhiên, không chỉ New York. Con người sống xen kẽ nhau trong các thành phố ở khắp mọi nơi luôn khiến các đô thị trở thành địa điểm truyền bệnh. Các kết nối trong thành phố, và giữa các thành phố, luôn là nguồn dễ lây nhiễm. Khi đường sắt và điện tín kết nối các thành phố với nhau vào nửa sau thế kỷ 19, nó báo trước một kỷ nguyên mới cho cả con người và dịch bệnh. Vào cuối năm 1889, khi một đợt bùng phát dịch cúm lần đầu tiên được báo cáo ở Saint Petersburg, Nga, tin tức

này đã lan truyền khắp châu Âu qua điện tín.* Ban đầu, các báo cáo gây tò mò hơn là lo ngại. Người dân London đọc trên tờ *The Times* rằng sự tái xuất hiện rõ ràng của căn bệnh sau nhiều thập kỷ mà không bùng phát thành dịch thì khác nào là bất thường phi thực tế. Bài báo giải thích rằng các ca bệnh mới có thể mang lại cho các nhà nghiên cứu bệnh học “mối quan tâm sống động nhất”,⁵ giống như cảm giác hồi hộp khi một vận động viên săn tìm trận đấu hiếm có hoặc một nhà khảo cổ khám phá xác ướp Ai Cập. Nhưng ngay sau đó, cư dân thành phố đọc báo với nỗi sợ hãi ngày càng tăng khi dịch bệnh gây chết người càn quét qua các đô thị trên lục địa châu Âu và cuối cùng đến London và xa hơn nữa. Trong một thế giới các thành phố được kết nối — thông qua các tuyến đường sắt và tàu hàng chạy hơi nước — virus đã lan khắp thế giới chỉ trong bốn tháng.⁶ Ngày nay, việc di chuyển bằng đường hàng không rộng khắp, kết hợp với mật độ đô thị gia tăng, xem ra các thành phố càng trở thành nam châm hút dịch bệnh. Những điểm nóng Covid-19 ban đầu đều là các thành phố lớn. Lúc đầu, tâm chấn là những thành phố lớn mà hầu hết người phương Tây không biết — Vũ Hán, Daegu, Qom — nhưng chẳng bao lâu sau, virus tiến sát nhà hơn, tràn ngập Milan, London và New York.

Đến tháng 4 năm 2020, nhiều thành phố quỵ rũ nhất trên thế giới đã trở thành lớp vỏ rỗng của chính mình trước đó. Paris,

* Đáng lưu ý là có bằng chứng cho thấy đại dịch năm 1889, được người đương thời xem là bệnh cúm, không chừng thực ra là virus corona zoonotic — có thể là một chủng virus ở loài bò nhảy từ các con bò sang con người. Xem Leen Vijgen và cộng sự, “Complete Genomic Sequence of Human Coronavirus OC43”, *Journal of Virology* 79(3): 1595–1604, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC544107/>.

với những quán cà phê xinh xắn nằm dọc hai bên phố không người, trông giống như cảnh phim. Ngay cả sau khi đóng cửa, thành phố cứ nhích dần trở về cái vẻ như bình thường. Trước đại dịch, mỗi chuyến tàu đi lại của Paris có thể chở khoảng 2.600 hành khách — sau Covid, con số đó giảm xuống còn 700⁷ do các hướng dẫn giãn cách xã hội mới. Việc cách ly người dân trong các thành phố, đặc biệt là trong giờ cao điểm và trên các phương tiện giao thông công cộng, vô cùng khó khăn. Năng lượng và sự đồng vận của những con người dồn ép lẫn nhau đã biến mất. Tính tự phát của đời sống đô thị cũng thế. London đã mở cửa trở lại một phần vào tháng 7 năm 2020, nhưng phiêu lưu đi uống rượu ở quán hẳn có cảm giác khác, vì trước khi phục vụ bạn một pint, người pha chế đã ghi lại tên và số điện thoại của bạn⁸ — để Dịch vụ Y tế Quốc gia có thể kiểm tra và truy dấu. Một số thành phố lớn của châu Á đã thử nghiệm khả năng giám sát thậm chí còn can thiệp nhiều hơn thông qua theo dõi điện thoại thông minh. Người dùng chọn tham gia sử dụng ứng dụng của chính phủ Singapore⁹ sẽ nhận được cảnh báo nếu dữ liệu Bluetooth hiển thị liên hệ với một cá nhân dương tính Covid và sau đó ứng dụng sẽ nhắc người có thể bị nhiễm đi làm xét nghiệm. Trong khi đó, đại dịch đã làm phá sản nhiều nhà hàng, nhà hát, phòng trưng bày, quán rượu, tụ điểm âm nhạc, và cửa hàng bán lẻ, loại bỏ hầu hết điểm tham quan hàng đầu của các thành phố.

Không biết được khi nào hoặc liệu tình hình có trở lại bình thường không, nhiều cư dân thành phố đã làm chuyện họ vẫn luôn làm trong suốt lịch sử khi đối mặt với bệnh tật — bỏ trốn. Một số đi thăm gia đình và bạn bè dài ngày. Những người khác, đặc biệt là những người có điều kiện, chuyển nhà về nông thôn,

hoặc thuê hoặc thậm chí mua chúng. Một phân tích dữ liệu điện thoại thông minh cho thấy từ ngày 1 tháng 3 đến ngày 1 tháng 5, có tới 420.000 người đã chuyển ra khỏi thành phố New York.¹⁰ Các khu dân cư giàu có như Upper East Side, West Village và SoHo chứng kiến dân số giảm từ 40% trở lên. Làm việc từ xa đã khiến cho tùy chọn này khả thi hơn, nhưng chỉ dành cho giới chuyên gia. Các thành phố của California phải đối mặt với một cuộc di cư tương tự sắp xảy ra: Giám đốc điều hành của Facebook, Mark Zuckerberg, nhận xét rằng, kể từ sau đại dịch, ba trụ sở của ông đã phát tín hiệu quan tâm đến việc rời khỏi Vùng Vịnh (Bay Area).¹¹ Báo cáo từ Pháp cho thấy xu hướng tương tự, với việc người dân Paris chuyển đến các vùng nông thôn¹² mà họ từng coi khinh là “tỉnh lẻ” — trong khi dân địa phương ngỡ vực những vị du khách không mời mà đến có khả năng bị nhiễm bệnh này.

Nhiều thế kỷ nay, dân thành phố đã từng bỏ nhà cửa lúc khó khăn. Vào thế kỷ 14, theo một số ước tính, bệnh dịch hạch đã tấn công mạnh mẽ Florence, giết chết hơn một nửa dân số thành phố. Trong tuyển tập những câu chuyện thời đó, *The Decameron*, Giovanni Boccaccio đưa ra lời khuyên nghe có vẻ thời sự lúc này: hãy trốn khỏi thành phố; ở biệt lập cùng với một vài người bạn; và tụ tập vào buổi tối để ăn uống và kể chuyện (phiên bản Netflix của họ). Tuy nhiên, dòng thác chạy này chỉ là tạm thời. Các thành phố đã trở lại. Sau trận dịch tồi tệ nhất trong lịch sử nhân loại này, các thành phố của Ý, trên hết là Florence, đã khởi động thời kỳ Phục hưng.

Các thành phố vĩ đại thường trỗi dậy mạnh mẽ hơn sau thảm họa. Khảo sát London vào năm 1666, một người quan sát sẽ được tha thứ nếu nghĩ rằng đó thực sự là năm của quỷ — thành

phố đã bị phá hủy hai lần, đầu tiên là do bệnh dịch và sau đó là Đại hỏa hoạn. Hàng chục nghìn người chết vì bệnh tật,¹³ và 80% thành phố¹⁴ bị san bằng thành đồng gạch vụn bốc khói. Như là sự cáo chung. Khỏi phải nói, tin tức về cái chết của London đã bị phóng đại rất nhiều. Năm đó đánh dấu đợt bùng phát dịch hạch cuối cùng ở nước Anh. Và điều quan trọng, người dân London đã chọn — theo cách nói hiện đại — “xây dựng lại tốt hơn”.¹⁵ Thành phố cổ kính đó, hầu hết bằng gỗ, đã từng là môi lửa. Thành phố mới được tái tạo bằng gạch và đá.¹⁶ London như chúng ta biết ngày nay đã vươn lên từ đồng tro tàn.

Nhà báo Clay Jenkinson chỉ ra một ví dụ về xu hướng tuyên bố khai tử các thành phố ở Tân Thế giới. Vào năm 1793, khi Philadelphia là đô thị hàng đầu của Mỹ — thủ đô và thành phố đông dân nhất nước — thì nơi đây đã trải qua một trận dịch sốt vàng khủng khiếp khiến dân số thiệt mạng theo đúng nghĩa đen, giết chết 5.000 trong số 50.000 cư dân của thành phố. Ngoại trưởng Thomas Jefferson, người luôn không thích trung tâm đô thị, sống ở vùng ngoại ô thành phố và tiếp tục đi làm bằng phương tiện giao thông. Sau này, ông viết: “Hầu hết cái xấu là cách để tạo ra cái tốt đẹp nào đó. Cơn sốt vàng sẽ ngăn cản sự phát triển thành phố lớn¹⁷ ở quốc gia của chúng ta.” Chuyện diễn ra không hẳn như vậy.

ĐÔ THỊ HÓA KHÔNG BAO GIỜ KẾT THÚC

Đối với những người ở lại vào năm 2020, cứ như thể đang sống trong một phiên bản kỳ lạ, ma quái của thành phố — tất cả sức

sống đâu mất hết. Lần đầu tiên tôi đến thăm New York vào những năm 1970, khi đó là một nơi thô ráp, bẩn thỉu, nhưng tràn đầy sức sống. Đối với một cậu bé đến từ Ấn Độ, New York là đô thị rực rỡ nhất thế giới. Tôi chuyển đến đó sống vào đầu những năm 1990, khi nó đang say sưa với Thời đại Mạ vàng mới, nhưng vẫn chưa bao giờ mất đi tinh thần hỗn loạn. Trái ngược với tháng 4 năm 2020. Sự giam hãm, những con phố trống không, trung tâm thành phố tĩnh lặng, sự tĩnh lặng chỉ chấm dứt bởi hiệu ứng Doppler* của tiếng còi xe cứu thương đi qua — tất cả đều xa lạ và đáng sợ. Cuốn sách phi hư cấu năm 2007 của Alan Weisman, *The World Without Us*,¹⁸ hình dung các thành phố sẽ sụp đổ và sự hoang dã sẽ quay trở lại nếu con người đột ngột biến mất. Weisman viết, khá nhanh chóng hệ thống cống rãnh sẽ bị tắc nghẽn, ga tàu điện ngầm sẽ ngập lụt và các tòa nhà sẽ đổ sập. Nếu không có con người cung cấp thức ăn và hơi ấm, chuột và gián sẽ chết. Tất cả những gì còn lại sẽ là kỷ vật của nền văn minh hiện đại — những mảnh nhôm của các thiết bị gia dụng, xoong nồi bằng thép không gỉ và bằng nhựa, tất nhiên.

Nếu cư dân thành phố gặp nguy hiểm, đó sẽ là rất nhiều người trong chúng ta. Xu thế con người chuyển đến các thành phố trong vài thập kỷ qua trên toàn thế giới có lẽ là sự thay đổi nhân khẩu học có hậu quả nhất trong cuộc đời chúng ta. Kể từ

* Hiệu ứng Doppler miêu tả hiện tượng tần số và bước sóng của các sóng âm, sóng điện từ hay các sóng nói chung bị thay đổi khi nguồn phát sóng chuyển động tương đối với người quan sát. Ví dụ: khi xe cứu thương (hay cứu hỏa) di chuyển đến càng gần vị trí của bạn, tiếng còi xe sẽ dần có cao độ (pitch) cao hơn so với khi nó di chuyển ra xa. Nhà vật lý và toán học người Australia Christian Johann Doppler đề xuất lý thuyết này vào năm 1842 khi ông tình cờ nhận thấy màu sắc của các ngôi sao thay đổi khi chúng di chuyển. (Nxb)

khi lần đầu tiên con người định cư khoảng 10.000 năm trước, đại đa số sống trong các trang trại và ở vùng nông thôn. Không còn vậy nữa. Vào năm 1950, chưa đến một phần ba dân số thế giới sống ở các thành phố, nhưng đến năm 2020, tỷ lệ này đã vượt quá một nửa. Càng lúc càng tăng — ở tốc độ tương đương với cứ hai tuần lại có thêm một Chicago mới¹⁹ trên hành tinh. Liên hiệp quốc ước tính, đến năm 2050, hơn hai phần ba dân số sẽ sống ở các thành phố. Để đáp ứng dòng chảy này, không chỉ các thành phố mới mọc lên mà những thành phố hiện tại cũng ngày càng lớn hơn. Vào năm 1800, chỉ có hai thành phố có ít nhất một triệu dân,²⁰ London và Bắc Kinh. Vào năm 1900, có khoảng 15. Đến năm 2000, con số đã tăng lên 371.²¹ Và đến năm 2030, được dự đoán sẽ vượt qua con số 700, trong đó 125 thành phố sẽ là ở Trung Quốc. Đến lúc đó, thế giới có thể mong đợi sẽ có hơn 40 siêu đô thị, những siêu đô thị có 10 triệu dân trở lên.

Tất cả những lời tiên tri trong quá khứ về sự suy tàn của các thành phố đã chứng tỏ là sai. Các thành phố sẽ trường tồn. Đô thị hóa, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, có thể sẽ phục hồi và tiếp tục với tốc độ ít nhiều như trước đại dịch. Không có sự thức tỉnh nông thôn nào trong tầm tay. Hầu hết những người rời bỏ thành phố chỉ đơn giản là sẽ chuyển đến một thành phố khác, có lẽ là một thành phố nhỏ hơn. Những người khác sẽ mua nhà ở vùng ngoại ô, vẫn tập trung cuộc sống của họ quanh một thành phố, và nhiều người khác nữa sẽ quyết định ở lại.

Các nhà phê bình cho rằng lần này thì khác. Công nghệ mới giúp con người làm việc từ nhà dễ dàng hơn nhiều và nguy cơ bệnh tật sẽ khiến họ tránh xa thành phố. Và đúng là sẽ có một số thay đổi đáng kể trong bản chất công việc và yêu cầu

cũ là mọi người phải ở văn phòng hết tuần này sang tuần khác. Nhưng các vấn đề đô thị ngày nay dường như đã trở nên thuần hóa so với những thời đại trước. Nhà kinh tế học Harvard Edward Glaeser chỉ ra rằng trong những năm 1970 các thành phố Mỹ phải đối mặt với một tương lai ảm đạm — còn ảm đạm hơn nhiều so với hiện nay. Toàn cầu hóa và tự động hóa đã giết chết nhiều ngành công nghiệp đô thị lớn, từ sản xuất dệt may đến vận chuyển. Ô tô đã được chứng minh là một công nghệ làm thay đổi cuộc sống khi cho phép con người sống xa nơi làm việc hơn — so với Zoom thì ô tô tạo biến đổi hơn nhiều. Dịch vụ điện thoại đã trở nên rẻ và dễ dàng. Thêm vào bạo loạn chủng tộc và tội phạm và bạn có một chai bom xăng (cocktail Molotov) của các yếu tố phá hủy đời sống đô thị.

Vậy nhưng, các thành phố đã trở lại. Chúng tìm thấy cuộc sống kinh tế mới trong các lĩnh vực dịch vụ, từ tài chính đến tư vấn đến chăm sóc sức khỏe. Bất chấp sự lên ngôi của máy fax, email, cuộc gọi điện thoại giá rẻ, và hội nghị truyền hình, các thành phố đã tự đổi mới theo vô số cách khác nhau, dựa trên một tài sản đơn giản: con người thích quần tụ. Glaeser lưu ý rằng²² trong các ngành như tài chính và công nghệ, người ta giành được những lợi thế rất lớn bằng cách theo sát hoạt động, gặp gỡ người mới, học hỏi hằng ngày từ các cố vấn, và so sánh các ghi chép — phần lớn trong số đó xảy ra một cách vô tình. Ông chỉ ra dữ liệu: “Người Mỹ sống ở các khu vực đô thị nào có hơn một triệu cư dân, trung bình, có năng suất cao hơn 50% so với người Mỹ sống ở các khu vực đô thị nhỏ hơn. Những tương quan này vẫn vậy ngay cả khi chúng ta tính đến trình độ học vấn, kinh nghiệm và ngành nghề của người lao động. Chúng thậm chí vẫn thế nếu chúng ta tính đến chỉ số IQ của từng

người lao động.” Trên phạm vi toàn cầu, chúng ta nhận thấy tác động tương tự: 300 khu vực đô thị lớn nhất thế giới tạo ra một nửa GDP toàn cầu²³ và hai phần ba tăng trưởng GDP.

Thành phố là cách lý tưởng để tổ chức con người cho cuộc sống hiện đại — cho phép họ hòa nhập, làm việc và vui chơi, tất cả ở cùng một nơi. Chúng giúp xây dựng kinh tế và vốn xã hội làm chỗ dựa của các cộng đồng lành mạnh. Chúng cũng là những đơn vị địa lý có tính thích nghi cao nhất, có khả năng liên tục đáp ứng sức ép do các xu hướng rộng lớn hơn hoặc do cư dân của chúng. Trong khi đó một số khía cạnh của công nghệ kỹ thuật số cung cấp các lựa chọn thay thế cho cuộc sống thành phố, như hội nghị từ xa, hầu hết các lựa chọn đó — từ dịch vụ xe chia sẻ đến giao thức ăn — thực sự làm cho cuộc sống thành phố trở nên dễ dàng và phong phú hơn. Ngày nay, bạn có thể sử dụng điện thoại thông minh của mình để đi khắp thành phố một cách nhanh chóng và rẻ, đặt hàng từ hàng trăm nhà hàng, nhận thông báo về các sự kiện trong vùng bạn ở và hẹn hò. Công nghệ đã củng cố lý do cốt lõi khiến người ta sống ở thành phố — gặp gỡ những người khác. Thật vậy, các thành phố từ lâu đã hứa hẹn và cung cấp một lối sống hấp dẫn và thú vị hơn — và ít nhất là trong thế kỷ qua, một chất lượng cuộc sống cao hơn có thể đo lường được cho cư dân của chúng.

Các thành phố hiện đại đã mang đến cho người dân cuộc sống khỏe mạnh hơn. Hình dung của chúng ta về ô nhiễm đô thị và bệnh tật bắt nguồn từ hình ảnh các thành phố công nghiệp của thời đại khác. Các nhà nghiên cứu đã miêu tả “án tử” cho những người sống ở những nơi như vậy, một hình phạt trở nên nghiêm trọng với sự khởi đầu của Cách mạng Công nghiệp và đô thị hóa hàng loạt sau đó. Ví dụ, vào năm 1890,

tỷ lệ tử vong ở các khu vực thành thị của Mỹ cao hơn khoảng một phần ba so với các khu vực nông thôn. Những người trẻ bị nặng nhất. Đối với trẻ từ một đến bốn tuổi, tỷ lệ tử vong ở khu vực thành thị cao hơn 94%.²⁴ Nhưng theo thời gian, án tử đó đã biến mất. Đường trải nhựa, cống rãnh, đèn đường, xử lý rác thải, sơ cứu hỏa chuyên nghiệp, quy chuẩn xây dựng, luật vệ sinh, công viên — tất cả đã cải thiện sức khỏe và sự an toàn. Quan niệm không khí hôi hám gây ra bệnh tật là một trong những động lực thúc đẩy phong trào không gian mở cho công viên và sân chơi. Người tạo ra Công viên Trung tâm của New York, Frederick Law Olmsted, đã nắm bắt phương châm đang thịnh hành này, viết vào năm 1870 rằng “không khí được khử trùng bằng ánh sáng mặt trời và tán lá”,²⁵ vì vậy các công viên được coi là “lá phổi của thành phố”.²⁶ Trong thế giới phát triển, sự bẩn thỉu và ô uế tràn lan vào giữa thế kỷ thứ 19, cái ghét ngột ngạt trong tiểu thuyết của Charles Dicken, đã nhường chỗ cho những thành phố sạch hơn, an toàn hơn và đẹp hơn trong thế kỷ 20.

Cây bút Adam Gopnik của tờ *New Yorker* gọi những lợi thế tích lũy được của chủ nghĩa tự do là “một ngàn cái đúng đắn nhỏ”. Miêu tả tương đương cho quá trình đô thị hóa hiện đại có thể là “một ngàn hệ thống vệ sinh nhỏ”, nhưng có lẽ đó là con số quá thấp. Quá trình dọn dẹp bắt đầu ở London thế kỷ 19. Nước bẩn đã trở thành một khủng hoảng chưa từng có ở các thành phố đông dân thời đại công nghiệp. Tác giả Steven Johnson miêu tả London vào năm 1851: “không có cơ sở hạ tầng, hai triệu người đột nhiên bị buộc phải chia nhau chín mươi dặm vuông không gian không chỉ là một thảm họa sắp xảy ra — đó là một kiểu thảm họa đang xảy ra, thường trực.”²⁷ Dịch tả rình

rập đường phố, giết chết hàng chục ngàn người. John Snow, một nhà dịch tễ học tiên phong, đã đưa ra giả thuyết rằng căn bệnh này là do nước, và đã khóa một máy bơm khu vực để chứng minh điều đó. Lạ chưa, dịch bệnh ngừng hoành hành trong khu phố đó. Nhưng thí nghiệm kịch tính này đã không thuyết phục được nhà chức trách²⁸ thực hiện các khuyến nghị của Snow một cách có hệ thống — cho đến khi ý tưởng của ông trở thành sự đồng thuận nhiều thập kỷ sau đó, sau hàng nghìn cái chết không đáng có.

Bên kia Đại Tây Dương, nước Mỹ chuyển giao thế kỷ đã tạo ra con đường riêng của mình để đến với những thành phố khỏe mạnh hơn. Năm 1908, thành phố Jersey lần đầu tiên sử dụng phương pháp khử trùng nước bằng clo trên quy mô lớn. Hiệu quả thật kỳ diệu. Tỷ lệ tử vong do các bệnh như thương hàn sụt giảm ngay,²⁹ và vì vậy các thành phố khác đã áp dụng phương pháp này — trong số đó có Baltimore, Chicago, Cincinnati, Cleveland, Detroit, Philadelphia và Pittsburgh. Các thành phố đã thực hiện những thay đổi khác trong cách cấp nước: họ lọc nước, họ xây dựng các kênh thoát nước để giữ cho nước không bị ô nhiễm, và họ lấy nước từ nguồn nước ngầm thay vì từ các con sông đã bị ô nhiễm. Những tiến bộ này và những tiến bộ đơn giản khác trong vệ sinh đã có hiệu quả đáng kinh ngạc. Hai nhà nghiên cứu David M. Cutler và Grant Miller lưu ý rằng tỷ lệ tử vong ở Mỹ đã giảm 40% từ năm 1900 đến năm 1940 và tuổi thọ trung bình tăng từ 47 lên 63. Họ nói thêm rằng trong thời kỳ đó, chỉ riêng nước sạch đã “chịu trách nhiệm cho gần một nửa tổng mức giảm tỷ lệ tử vong ở các thành phố lớn.” Đối với trẻ em, mức giảm còn cao hơn.³⁰

Hết lần này đến lần khác, các thành phố trên thế giới đã

áp dụng những chính sách có hiệu quả, và các cải tiến được lan truyền và xây dựng dựa trên nhau. Gồm cả những ý tưởng mới mà có thể chúng ta không nghĩ là liên quan tới các thành phố. Ví dụ, Boston và Philadelphia bắt đầu cung cấp bữa trưa ở trường học vào cuối thế kỷ 19. Tất cả các loại phong trào cải cách đã lấy điểm tựa ở các thành phố, và khi một ý tưởng mới thành công, nó sẽ lan truyền sang những thành phố khác. Bằng cách này, cuộc sống đô thị trở nên tốt hơn, an toàn hơn, khỏe mạnh hơn và lâu dài hơn. Các thành phố đã không ngừng thử nghiệm. Các nguyên nhân gây tử vong hàng đầu ngày nay bao gồm những bệnh không lây nhiễm, chẳng hạn bệnh tim và bệnh hô hấp mãn tính, bệnh do chế độ ăn uống không lành mạnh và ít vận động. Để đáp lại, các thành phố hiện đại đã đưa ra đủ loại sáng kiến: xây dựng đường dành riêng cho xe đạp, mở rộng các công viên công cộng và tăng cường tiếp cận các nguồn thực phẩm bổ dưỡng để hạn chế suy dinh dưỡng. Ngay cả thị trưởng New York, Michael Bloomberg, đề xuất đánh thuế nước ngọt có ga³¹ cũng là một phần trong nỗ lực giải quyết vấn nạn bệnh béo phì gia tăng. Vào năm 2011, Bloomberg có thể tự hào rằng cư dân trong thành phố của ông có tuổi thọ cao hơn hai năm so với mức trung bình cả nước. “Nếu bạn muốn sống lâu hơn và khỏe mạnh hơn người Mỹ bình thường,³² hãy đến thành phố New York,” ông thúc giục. “Nếu bạn có bạn bè và người thân mà bạn vô cùng quan tâm³³ và họ sống ở nơi khác, thì trung bình, nếu chuyển đến thành phố New York, họ sẽ sống lâu hơn.”

Các thành phố còn là một cách để sống trên Trái đất bền vững hơn nhiều. Một thành phố thân thiện với môi trường có thể mâu thuẫn với hình ảnh bê tông, hắc ín, rác thải và khói mà chúng ta liên tưởng — nhưng dữ kiện thì khó có thể tranh cãi.

Thứ nhất, cư dân thành phố sử dụng ít không gian hơn. Các khu vực đô thị chiếm chưa đến 3% bề mặt trái đất³⁴ trong khi đó là nơi cư trú của phần lớn cư dân. Cư dân thành phố có ít con hơn và họ tiêu thụ ít hơn hầu hết mọi thứ, từ năng lượng đến thực phẩm. Trên thực tế, ô nhiễm đôi khi còn tồi tệ hơn ở các vùng nông thôn³⁵ do hoạt động công nghiệp hoặc phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch bản³⁶ — hãy nhìn “Hẻm ung thư”³⁷ khét tiếng của Louisiana, khu vực dọc theo sông Mississippi, nơi chủ yếu là người da đen sống giữa các nhà máy hóa dầu rải rác. Giao thông ở các thành phố sạch sẽ hơn vì người thành thị sử dụng xe buýt, xe lửa, tàu điện ngầm và xe đạp. Ngay cả những núi rác trên đường phố New York³⁸ cũng gây hiểu nhầm. Người dân thành thị trung bình tái chế nhiều hơn³⁹ trong khi tiêu thụ nước⁴⁰ và điện⁴¹ ít hơn so với người dân nông thôn và ngoại ô. Các thành phố lớn của châu Âu và châu Á⁴² dẫn đầu thế giới về hiệu quả và tính bền vững.

THÀNH PHỐ HẬU ĐẠI DỊCH

Nhưng liệu một loại virus gây bệnh đường hô hấp có làm thay đổi tất cả những điều này không? Thực tế là không. Một trong những lầm tưởng về đại dịch này là các thành phố rất dễ bị ảnh hưởng. Đúng, dịch bệnh sẽ luôn tấn công các thành phố đầu tiên bởi vì chúng là những nơi toàn cầu hóa nhất của bất kỳ quốc gia nào. Nhưng ở hầu hết các quốc gia, dịch bệnh sớm lây lan ra ngoại ô và nông thôn. Nhiều khu vực nông thôn ở Hoa Kỳ⁴³ và châu Âu⁴⁴ phải đối mặt với tỷ lệ tử vong do Covid-19 tính trên đầu người còn tồi tệ hơn các thành phố lớn. Trong các thành phố, một số khu dân cư dày đặc ít bị nhiễm bệnh

nhất — ở New York, đảo Staten ngoại ô bị ảnh hưởng nhiều hơn Manhattan siêu đông đúc.⁴⁵ Quan trọng hơn hết, chính sách công tốt có thể làm cho cuộc sống ở thành phố an toàn ngay cả khi có dịch cúm. Nếu bạn nhìn ra nước ngoài, các thành phố lớn đã xử lý virus rất tốt. Hồng Kông, Singapore và Đài Bắc đều là những thành phố mật độ dân cư dày đặc có hệ thống giao thông công cộng đông đúc, tuy nhiên số ca tử vong do Covid-19 ở những nơi đó lại thấp đáng kinh ngạc. Vào cuối tháng 7 năm 2020, mặc dù tiếp xúc với hàng triệu du khách đến từ Trung Quốc Đại lục hàng năm, nhưng Hồng Kông có 2.100 ca nhiễm bệnh và chỉ có 18 trường hợp tử vong.⁴⁶ Các thành phố nói trên đã thành công trong việc giải quyết loại virus này vì họ đã chuẩn bị sẵn sàng. Dịch SARS đã dạy cho họ một số bài học đau thương. Họ đầu tư vào chăm sóc sức khỏe và khử trùng và phản ứng với virus corona ngay từ đầu, quyết liệt và thông minh. Bất kỳ thành phố nào có sự lãnh đạo tốt, thì mật độ dân cư không phải là định mệnh.

Nhiều nước đang phát triển có ít tài nguyên hơn và nhiều vấn đề hơn. Tại các thành phố của họ, người nghèo tập trung trong các khu dân cư đông đúc, dịch vụ vệ sinh phòng dịch căng thẳng nghiêm trọng hoặc hoàn toàn quá tải. Cư dân của họ hiếm khi đi khám bác sĩ. Khi đại dịch lan rộng, rõ ràng những thành phố này sẽ là nơi dễ bị tổn thương nhất. Dưới áp lực, một số trở nên sáng tạo. Chẳng hạn, giới chức ở Mumbai đã đưa ra các sáng kiến mới nhằm tích cực truy vết, theo dõi, xét nghiệm và cô lập cư dân ở Dharavi, một trong những khu ổ chuột lớn nhất châu Á, để ngăn chặn sự lây lan. “Các bác sĩ tư nhân đã tham gia trại tập trung,”⁴⁷ Soutik Biswas, phóng viên BBC tại Ấn Độ cho biết. “Đô thị giàu tiền, các chính trị gia và

các tổ chức phi lợi nhuận đã cung cấp hàng chục nghìn bữa ăn và khẩu phần miễn phí. Diễn viên và doanh nhân Bollywood đã quyên góp thiết bị, bình oxy, găng tay, mặt nạ, thuốc men và máy thở.” Trước khi xảy ra khủng hoảng, hầu hết giới thượng lưu của thành phố chưa bao giờ nghĩ nhiều đến — nói gì tới thăm — người nghèo đói ngay giữa nơi họ sinh sống.

Vào cuối thế kỷ 19, dịch tả bùng phát và những tin tức phổ biến về “nửa kia sống thế nào” trong những khu dân cư quá đông đúc đã thúc đẩy các phong trào cải cách đô thị ở châu Âu và Mỹ. Ngày nay, các thành phố đang phát triển của thế giới phải đối mặt với những vấn đề quy mô lớn hơn theo cấp số nhân, nhưng cuối cùng, họ có thể dễ dàng áp dụng một số giải pháp mà các thành phố phương Tây đã làm cách đây một thế kỷ — tập trung vào vệ sinh và nước sạch. Và đại dịch này còn có thể thúc đẩy nhiều biện pháp đối phó các thảm họa khác. Liên hiệp quốc ước tính 59% thành phố trên thế giới với dân số ít nhất nửa triệu người có nguy cơ cao do thiên tai⁴⁸ — từ lở xoáy đến lũ lụt, hạn hán, động đất, lở đất hoặc núi lửa phun trào.

Tất nhiên, các thành phố vẫn có những vấn đề của chúng. Ở các thành phố của Mỹ, khoảng cách tuổi thọ cho thấy bất bình đẳng về chủng tộc và kinh tế thật nản lòng. Trẻ sơ sinh ở khu Streeterville cao cấp, đa số là người da trắng của Chicago có thể kỳ vọng trung bình sống đến 90 tuổi. Con số đó nhiều hơn ba thập kỷ⁴⁹ so với những người sinh ra ở Englewood, khu dân cư chủ yếu là người Mỹ gốc Phi ở phía nam Chicago. Trong khi đó, cảnh sát đối xử với người da đen và da trắng vô cùng bất bình đẳng — và thực tế tàn bạo này đang diễn ra rõ ràng nhất ở các thành phố. Không có giải pháp đơn nhất nào giải quyết được những chênh lệch đó mà cần phải có nhiều cải cách sâu

rộng. Nhưng các thành phố thường làm nổi bật các vấn đề quốc gia và tập trung chúng vào một không gian. Nước Mỹ phải chịu đựng bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc ở khắp mọi nơi — các thành phố càng buộc chúng ta phải đối mặt với những vấn đề này hơn là đóng cổng đặt vệ sĩ riêng ngăn chặn chúng.

Chúng ta biết rằng thành phố luôn là trung tâm của các ý tưởng, của sự đổi mới và hành động. Chúng cũng là suối nguồn của tiến bộ chính trị. Như John Ibbitson và Darrell Bricker giải thích trong nghiên cứu của họ về nhân khẩu học toàn cầu, “Khi một xã hội đô thị hóa,⁵⁰ và phụ nữ có nhiều quyền lực hơn, mối quan hệ họ hàng, quyền lực của tôn giáo có tổ chức và sự thống trị của nam giới giảm, cùng với tỷ lệ sinh sản.” Ở các vùng nông thôn, sinh nhiều con được coi là mong muốn, vì điều đó nghĩa là có thêm lao động. Ở thành phố, gia đình khổng lồ là một gánh nặng, đặc biệt đối với phụ nữ. Thành phố giải phóng phụ nữ ra khỏi cuộc sống làng quê gò bó, mang đến cho họ những cơ hội mới. Các trung tâm đô thị cũng là điểm khởi đầu của hoạt động xã hội. Hầu hết phong trào chính trị, xã hội và kinh tế quan trọng đều bắt đầu ở một thành phố. Thậm chí nhiều nhóm môi trường hiệu quả nhất do những thị dân khôn ngoan thành lập — từ Câu lạc bộ Sierra đến Greenpeace. Và chính tại các thành phố của Mỹ, những người biểu tình đã tụ tập để yêu cầu cải cách chính sách sau vụ sát hại George Floyd.

Đô thị hóa sẽ tiếp tục diễn ra ở các nước đang phát triển. Thực tế, đến năm 2030, khoảng 80% siêu đô thị trên thế giới sẽ nằm ở các nước đang phát triển.⁵¹ Nhưng trong thế giới phát triển, đô thị hóa có lẽ đã đạt đỉnh điểm. Ở Mỹ, tỷ lệ dân số thành thị hiện là 83%. Nó có thể tăng lên 89% vào năm 2050,⁵² nhưng tỷ lệ này dường như đang đạt đến giới hạn tự nhiên. Các nhà

ngiên cứu lưu ý rằng một số thành phố lớn, chẳng hạn New York, Los Angeles và Chicago, gần đây đã chứng kiến sụt giảm dân số,⁵³ và có nỗi lo lặp lại tình hình của những năm 1970, khi New York giảm 10% cư dân.⁵⁴ Các thành phố khác, chẳng hạn Houston, Washington, DC và Miami, cũng có tốc độ tăng trưởng chậm hơn⁵⁵ trong những năm gần đây. Tuy nhiên, phần lớn điều này liên quan đến chi phí sinh hoạt cao ở các thành phố — một triệu chứng của thành công chứ không phải thất bại. Suy cho cùng, các thành phố Mỹ những năm 1970 bị rỗng ruột do “di cư trắng” — các thành phố ngày nay phải đối mặt với quá trình chỉnh trang cho sang trọng, một vấn đề nảy sinh do quá nhiều người giàu có muốn sống ở đó. Bất luận là gì, hầu hết những người rời thành phố không hướng đến các thị trấn nhỏ. Họ chuyển địa điểm trong vòng khu vực thành phố lớn của họ hoặc chuyển đến các thành phố lớn khác,⁵⁶ đôi khi là những thành phố nhỏ hơn. Điều rõ ràng là các thành phố lâu đời đang ngày càng *cạnh tranh nhau* để giữ cư dân.

MÔ HÌNH SIÊU ĐÔ THỊ MỚI

Thành phố của tương lai sẽ như thế nào? Nó sẽ được tái tạo phong cách sống mới một lần nữa. Paris là nơi đáng để theo dõi về mặt này. Vào tháng 1 năm 2020, trước khi hiểu được sức mạnh toàn lực của đại dịch sắp tới, Thị trưởng Anne Hidalgo đã đề xuất một kế hoạch mới táo bạo để có thể đạt được động

* White flight: Cuộc di cư Da Trắng, là thuật ngữ có nguồn gốc từ nước Mỹ, bắt đầu từ thế kỷ 20, nhằm ám chỉ các cuộc di cư lớn của những người có nguồn gốc tổ tiên huyết thống châu Âu từ khu vực đô thị đa chủng tộc đến các vùng ngoại ô đồng nhất về chủng tộc hay đơn chủng tộc. (Wikipedia)

lực trong thế giới hậu đại dịch. Là một phần của chiến dịch tái tranh cử, bà đã công bố mục tiêu biến Paris thành “*ville du quart d’heure*” — thành phố mười lăm phút.⁵⁷ Ý tưởng là làm cho người ta có thể cuộc bộ hoặc đạp xe là đến được hầu hết mọi nơi cần phải đến trong một ngày điển hình. Cửa hàng tạp hóa, cơ quan, công viên, trường học, quán cà phê, phòng tập thể dục, phòng khám bác sĩ, tất cả sẽ có thể tiếp cận được trong vòng một phần tư giờ. Nghe có vẻ hay và hiển nhiên, nhưng ý tưởng này mang tính cách mạng. Samuel Kling,⁵⁸ một chuyên gia về thành phố tại Hội đồng các vấn đề toàn cầu Chicago cho biết: “Ý tưởng bạn muốn tách biệt các chức năng của thành phố thực sự đi ngược lại với chính thống quy hoạch đô thị hàng trăm năm.” Từ lâu, ý tưởng phổ biến là tách bạch giữa khu dân cư, thương mại, giải trí và khu công nghiệp của một thành phố. Không ở đâu mà những nguyên tắc này được thực hiện mạnh mẽ hơn ở Mỹ. Quy hoạch hạn chế đã làm méo mó sự phát triển do mật độ gây hại, xây dựng chen chúc và đẩy giá nhà lên cao. Các hiệp hội chủ nhà có thể lực tìm cách ngăn chặn tất cả những thay đổi mà họ cho là vi phạm trên đất của họ hoặc đe dọa thu hút “sai người” đến khu vực lân cận của họ — thường là mật mã ám chỉ những nhóm thiểu số. Gần đây, chủ nghĩa “không phải trong sân nhà tôi” (not in my back yard – NIMBY) này đã kích động phản đối ở California và nhiều nơi khác nữa. Thay vào đó, những nhà hoạt động xã hội nói YIMBY,⁵⁹ Yes In My Backyard, và ủng hộ cải cách quy hoạch, giao thông công cộng tốt hơn và phát triển hơn để thúc đẩy đô thị sôi động.

Các kế hoạch của Thị trưởng Hidalgo theo cùng tầm nhìn về sự đa dạng này, cả về tiện nghi và trải nghiệm, khi bà cố gắng tích hợp tất cả các chức năng đa dạng của thành phố. Khoảng

cách mới của thành phố 15 phút sẽ khuyến khích đi xe đạp và giảm lưu lượng xe hơi. (Bà đã biến những đường cao tốc nổi tiếng dọc sông Seine thành những con đường dành cho xe đạp và đi bộ.) Bất chấp phản ứng dữ dội của những người ủng hộ xe hơi của phong trào áo khoác vàng, Hidalgo đã tái đắc cử về vàng⁶⁰ trong đại dịch và đang đẩy mạnh chương trình nghị sự của mình. Việc bà được lòng dân là điều dễ hiểu — lái một chiếc Peugeot mới cấu cũng mất đi phần nào sức hấp dẫn nếu mọi thứ bạn cần đều nằm trong khoảng cách đi bộ. Giao thông công cộng cũng có thể trở nên ít đông đúc hơn, một kết quả đáng hoan nghênh trong bối cảnh lo ngại giãn cách xã hội kéo dài. Nếu kế hoạch Paris tiến triển, các thị trường khác sẽ cố gắng làm cho siêu đô thị của họ đem lại cảm giác như những cộng đồng nhỏ, có thể đi bộ. Nhằm tạo sự an toàn cho số lượng lớn người chạy bộ, đi bộ và đi xe đạp để tránh đi tàu điện ngầm, các thành phố như Barcelona và New York đã cấm ô tô trên một số đường phố. Chỗ đậu xe đã được chuyển thành chỗ ngồi ngoài trời cho các bữa ăn giãn cách xã hội. Các động thái này đã trở nên phổ biến đến nỗi ở một số thành phố châu Âu, những khu vực được lấy lại để dành cho người đi bộ có thể sẽ vẫn không có xe hơi⁶¹ sau khi virus khuất bóng.

Rời xa khu thị tứ, các thành phố vẫn là trung tâm, với các vùng ngoại ô và vùng biên xung quanh nó. Một số người thích sự dày đặc của đời sống đô thị, những người khác thích sống xa hơn trong những ngôi nhà lớn hơn, nhưng ra vào thành phố liên tục để làm việc và giải trí. Hoạt động chòm sao như thế này mỗi nơi mỗi khác, nhưng ở đâu thì thành phố cũng là trung tâm của hệ mặt trời xung quanh nó. Tác giả Parag Khanna lưu ý rằng về mặt kinh tế, nước Mỹ đã thực sự biến thành một tập

hợp các khu vực tàu điện ngầm liên kết phụ thuộc lẫn nhau mà ông đặt tên là “Hợp chúng quốc-Thành phố-Hoa Kỳ”.⁶² Các thành phố lớn, phát triển đang bắt đầu nghĩ mình là những diễn viên độc lập trên sân khấu thế giới. Khi các khu vực thành phố lớn chứng kiến nền kinh tế và dân số của chúng phát triển, các thị trường đã tìm cách thể hiện quyền lực chính trị lớn hơn ở cấp quốc gia và thậm chí quốc tế. Khi Tổng thống Trump tuyên bố ý định rút Mỹ ra khỏi Hiệp định khí hậu Paris năm 2017, các lãnh đạo thành phố Atlanta, Pittsburgh, New York, Chicago, Salt Lake City và Los Angeles vẫn cứ thúc đẩy thỏa thuận này.⁶³ Biến đổi khí hậu, chủ nghĩa khủng bố, và, vâng, đại dịch đã khiến người ta quan niệm rằng các thành phố phải đối mặt với những thách thức chung và nên làm việc cùng nhau để giải quyết chúng.

Tuy các thành phố lớn nhất nhận được hầu hết sự chú ý, rất nhiều hành động lại đang diễn ra ở các thành phố nhỏ hơn. Ở Mỹ, các thủ phủ và thành phố của tiểu bang có thể thu hút sinh viên tốt nghiệp của các trường đại học lân cận dường như đặc biệt thích hợp để phát triển mạnh trong nền kinh tế hiện đại. Đó là lý do tại sao Denver, Oklahoma, Austin, Nashville, và Columbus đã chứng kiến gia tăng dân số đáng kể trong những năm gần đây. Khoảng 40% sinh viên của Ohio State University — một trong những trường đại học lớn nhất nước — nói họ dự định ở lại Columbus sau khi tốt nghiệp.⁶⁴ Những người lớn tuổi cũng đang chọn sống ở các thành phố nhỏ hơn, thường là các thị trấn đại học, nơi có sự pha trộn văn hóa và tiếp cận được các cơ sở y tế hàng đầu.

Tất nhiên, việc các thành phố nói chung sẽ phát triển mạnh không có nghĩa là tất cả các thành phố sẽ như vậy. New York và

London đều vỡ trận Covid-19 từ rất sớm, mặc dù có rất nhiều nguồn lực. Những thành phố nào sử dụng đại dịch làm cơ hội để thực hiện các thay đổi đã quá hạn từ lâu sẽ phục hồi. Những ai xử lý khủng hoảng không tốt sẽ sa lầy vào một vòng xoáy đi xuống. Nhưng khi các thành phố suy thoái thì hầu hết là vì cùng một lý do khiến các quốc gia suy thoái — nhà nước tồi và quản lý kém — chứ không phải vì có một xu thế có tính hệ thống bao trùm nào đó chống lại các thành phố.

HIỂM HỌA SINH TỬ CỦA CÁC THÀNH PHỐ LỚN⁶⁵

Tôi yêu thành phố. Tôi lớn lên ở một Mumbai to lớn, náo nhiệt và bẩn thỉu, bị hầu hết cả nước ngừng vực, và ngày nay tôi sống ở một New York cũng tương tự về nhiều mặt. Nhưng tôi cũng thích những thành phố nhỏ hơn, yên tĩnh hơn. Tôi đã dành bảy năm ở Boston, sống trong khu vực cổ kính, duyên dáng nhất thành phố, Đồi Beacon, bị vẻ đẹp xưa cũ của nó hấp hồn. Tôi thích Los Angeles, chắc chắn là một nơi rất khác, với tinh thần hiên ngang, tự tin và bầu không khí thách thức của chủ nghĩa hiện đại. Tôi yêu Paris và London, Vienna và Berlin, Istanbul và Cairo, Singapore và Tokyo. Tôi thích khi chúng náo nhiệt và cả khi chúng trầm lắng. Có lẽ cần sự lắng mạn để nhìn thấy vẻ đẹp trong một thành phố vắng vẻ. William Wordsworth đã bị mê hoặc bởi một London dường như không có người ở vào một buổi sáng sớm tháng 9 năm 1802. “Thành phố này giờ đã tàn,⁶⁶ giống như một chiếc áo, mặc / Vẻ đẹp của buổi sáng; im lặng, trần trụi,” ông viết. “Chúa ơi! những ngôi nhà dường như ngủ yên; / Và cả trái tim dũng mãnh đó đang nằm yên!” Wordsworth

thấy cái yên bình và tràn ngập niềm vui ngay cả trong một đô thị trống trải. Bầu trời quang đãng; dòng sông chảy êm đềm. “Chưa từng thấy, chưa bao giờ cảm nhận, một sự bình yên sâu lắng đến vậy!” ông cảm thán.

Trải nghiệm của tôi về New York luôn gắn với trải nghiệm của nhà văn E. B. White trong cuốn sách năm 1949 của ông, *Here Is New York*.⁶⁷ Đối với White, con người và các hoạt động điên cuồng của họ chính là thứ mang lại sức sống cho thành phố. Điều này đúng ngay cả khi hầu hết người dân New York không hay biết gì về cảnh tượng xảy ra cách đó một dãy nhà. White thấy thích sự san sát gần gũi. Ông đã rất xúc động ngồi cách một diễn viên nổi tiếng “18 inch” tại một nhà hàng vào bữa trưa, và một lần nữa, “18 inch” cách một cặp đôi trẻ trung sinh động vào bữa tối. Than ôi, đại dịch đã tạo ra một khoảng cách mà bây giờ cảm thấy điện còn không nguy hiểm bằng — ít nhất lúc này. Tuy nhiên, đối với White, “Thành phố giống như thơ: nó nén tất cả sự sống, tất cả các chủng tộc và giống nòi vào một hòn đảo nhỏ và thêm âm nhạc và dàn hợp xướng của các động cơ bên trong. Hòn đảo Manhattan chắc chắn là nơi tập trung con người nhiều nhất trên trái đất, bài thơ có phép thuật có thể hiểu được đối với hàng triệu cư dân thường trú nhưng ý nghĩa đầy đủ của nó sẽ luôn khó nắm bắt.”

Điều đó thể hiện bản chất của thứ mà nhà lý thuyết đô thị vĩ đại Jane Jacobs yêu thích về các thành phố — sự đa dạng. Đó là lý do tại sao bà tin rằng kiến trúc của các thành phố nên phát triển hữu cơ theo một cách tình cờ, không có kế hoạch. Như bà đã nói, “Môi trường được xây dựng đa dạng và chân thực⁶⁸ luôn

* Khoảng hơn 45cm. (Nxb)

là sản phẩm của rất nhiều bộ óc khác nhau, và ở mức phong phú nhất còn là sản phẩm của những thời kỳ khác nhau với những mục đích và trường phái khác nhau.” Bà cũng tôn vinh sự đa dạng của dân số thành phố. Điều thu hút rất nhiều người đến các thành phố qua nhiều thế kỷ là họ sẽ gặp những người không giống họ và nhìn thế giới bằng những con mắt khác nhau. Thành phố tốt nhất, Jacobs nghĩ, là một bức tranh khảm, “ý tưởng là mỗi phần của bức tranh khảm giúp tạo nên bức tranh tổng thể,⁶⁹ nhưng mỗi phần lại có bản sắc riêng của nó.”

Thế giới mà chúng ta đang bước vào sẽ trở nên đa dạng hơn bao giờ hết, với nhiều loại ý tưởng, ngành nghề, công việc, công ty và con người. Và con người sẽ thuộc đủ mọi thành phần xuất thân, chủng tộc, màu da, và tín ngưỡng, tin vào tất cả các loại thần thánh hoặc không tin thần thánh nào. Để thành công trong thế giới này, chúng ta sẽ phải học cách quản lý sự đa dạng và lấy được sức mạnh từ đó, thay vì cảm thấy bị đe dọa. Các thành phố làm điều đó tốt hơn bất kỳ nơi nào khác. Chúng được xây dựng để trở thành nhà máy đồng hóa và hợp nhất.

Những lời tiên tri về sự suy tàn không thể tránh khỏi của các thành phố đã chỉ vào Zoom và các công cụ khác cho phép làm việc từ nhà. Tuy ngày càng rõ làm việc từ xa là một công cụ tuyệt vời nhưng là một thay thế không hoàn hảo cho tiếp xúc thực sự giữa con người. Chắc chắn những đồng nghiệp đã thiết lập quan hệ có thể tiếp tục làm việc cùng nhau suôn sẻ bằng cách trò chuyện trực tuyến. Tuy nhiên, việc thu hút đồng nghiệp mới và thiết lập sự tin cậy cũng như tinh thần đồng đội với họ thì cực kỳ khó đạt được qua video. Chưa kể làm việc từ xa loại bỏ tất cả các cuộc trò chuyện tự phát bên máy nước uống⁷⁰ và các cuộc gặp gỡ tình cờ mà cuối cùng lại tạo ra năng suất và đổi mới

lớn hơn từ sự va chạm của các bộ não. Khi họp hành từ xa, bạn đang tiêu xài vốn xã hội thay vì xây dựng nó. Dạy học qua video đã khiến học sinh cạn kiệt và không có hứng thú, khao khát được tiếp xúc thực giữa con người, với thầy cô và bạn bè, đó mới là trọng tâm của việc học. Công nghệ tạo nên biến đổi nhưng rõ ràng mô hình tốt nhất là mô hình kết hợp coi trọng cả sự tiện lợi của tương tác ảo và cộng hưởng lớn hơn của tiếp xúc thực.

Những ai nghĩ rằng cuộc sống số khiến các thành phố trở nên lỗi thời thì chẳng cần nhìn đâu xa hơn câu chuyện khoa học giả tưởng của E. M. Forster, *The Machine Stops*. Được viết vào năm 1909, có vẻ như là dự đoán cho năm 2020. Trong thế giới hậu tận thế của Forster, nhân loại hầu như không bao giờ trải nghiệm thế giới thực. “Hệ thống tụ tập cộng đồng lõi thôi đã bị bỏ từ lâu” — thay vì vậy, mọi người sống trong phòng riêng nhỏ, “hình lục giác, giống như một ô tổ ong”, tất cả thực phẩm, hàng hóa và giải trí được tự động chuyển đến đó cho họ bằng một “ống khí nén” giống như Amazon và mọi người chỉ nói chuyện qua hội nghị truyền hình. Trong thế giới này, các thành phố từ Anh đến Trung Quốc đã được sắp đặt đồng nhất:

Ngày nay, rất ít người đi du lịch, vì nhờ tiến bộ khoa học, ở đâu trên trái đất cũng giống nhau. Giao dịch diễn ra chớp nhoáng, những gì mà nền văn minh trước đây hy vọng, đã thành công mỹ mãn làm chấm dứt cả nền văn minh ấy. Đến Bắc Kinh thì có gì hay khi nó giống y như Shrewsbury? Tại sao phải trở lại Shrewsbury khi nó giống y Bắc Kinh? Con người hiếm khi chịu nhúc nhích⁷¹...

Nhưng ngay cả trong tầm nhìn hư cấu về tương lai này, Forster dự đoán chính xác rằng không có công nghệ nào có

thể thực sự thay thế cho kết nối trực diện. Sự tinh tế bị mất đi trong chuyển dịch kỹ thuật số. Có thời điểm trong câu chuyện, một người con trai đang nói chuyện với mẹ của mình. “Cậu con chia tay người yêu, và bà mẹ hình dung con trai mình rất buồn,” Forster viết. “Bà không thể chắc chắn, vì Máy không truyền đi các sắc thái biểu cảm. Nó chỉ đưa ra một ý tưởng chung về con người — một ý tưởng đủ tốt cho mọi mục đích thiết thực.” Cậu con trai cầu xin mẹ đến thăm mình, phản ánh tinh thần câu nói mang tính biểu tượng nhất của Forster, lời kêu gọi chúng ta xích lại gần nhau hơn: “Phải gặp nhau mới được!”⁷²

Luận cứ này, rằng mối quan hệ giữa các cá nhân trong cuộc sống-thực là nguồn gốc của hạnh phúc và ý nghĩa, đến với chúng ta không chỉ từ những tầm nhìn về tương lai, mà còn từ quá khứ xa xôi. Một trong những tác phẩm đầu tiên của khoa học chính trị, tác phẩm *Politics* của Aristotle, được viết vào khoảng năm 350 trước Công nguyên, tuyên bố ngay những trang đầu tiên rằng con người về bản chất là “động vật xã hội” (social animal). Cụm từ này đôi khi được dịch là “sinh vật có tính chính trị” (political animal). Cả hai đều liên quan đến phần ý nghĩa cốt lõi, và nguyên bản tiếng Hy Lạp chỉ ra bài học. Đó là *zoon politikon*, từ cùng gốc được chuyển tự dành cho động vật thành *zoonosis* — bệnh động vật — và từ khái niệm *polis*, một thành bang Hy Lạp cổ đại và cộng đồng con người của nó.

Aristotle tiếp tục giải thích rằng con người không thể viên mãn ngoại trừ ở trong một thành phố, so sánh họ với những con ong chỉ có thể thực sự phát triển trong tổ ong. Theo ông, con người là loài động vật khác thường ở chỗ chưa được hình thành hoàn chỉnh khi mới sinh ra. Con người phải được định hình bởi môi trường, và môi trường xung quanh tốt nhất để nhào nặn

nó thành người trưởng thành hoàn chỉnh là thành phố. Trên thực tế, mục đích cốt lõi của thành phố là biến chúng ta thành những con người kiểu mẫu và quan trọng là thành những công dân. Đối với Aristotle, về cơ bản các thành phố không phải là tượng đài và công viên; chúng là con người và tính cách.

Con người tạo ra thành phố và thành phố tạo ra con người — đây là hai mặt của một đồng xu. Lý do khiến các thành phố của chúng ta phát triển và trường tồn, ngay cả khi phải đối mặt với thiên tai, là vì hầu hết chúng ta đều tự nhiên bị cuốn vào sự tham gia, hợp tác và cạnh tranh. Có nhiều cơ sở lý luận khác nhau về cuộc sống thành phố — công việc, tình bạn, giải trí, văn hóa, hoặc tất cả những điều đó. Nhưng bên dưới những lý do bề mặt ấy là thôi thúc sâu sắc được tương tác xã hội. Covid-19 sẽ không làm đoạn mạch được lập trình này. Thực tế, sự cô lập của các lần đóng cửa mọi hoạt động xã hội có thể có tác dụng ngược, nhắc người ta nhớ luận cứ đơn giản mà sâu sắc đó — về bản chất, chúng ta là động vật xã hội.

Aristotle nói đúng.

BÀI HỌC 7

Bất bình đẳng sẽ trở nên tồi tệ hơn

ĐẠI DỊCH SẼ LÀ cơ chế cân bằng vĩ đại. Các bệnh truyền nhiễm xem ra thường mù trước quốc tịch, chủng tộc, giai cấp và tín ngưỡng. Nhân loại đã tìm đến các nghệ sĩ để truyền đạt ý tưởng này, từ những năm dịch hạch đến thời dịch tả. “Cái chết là dân chủ,”¹ họa sĩ người Mexico José Guadalupe Posada nhận xét. “Cuối cùng, bất kể bạn là người da trắng, da đen, giàu hay nghèo, tất cả chúng ta rồi cũng thành những bộ xương thôi.” Dựa trên ý tưởng bệnh hoạn đó, tác phẩm nổi tiếng nhất của Posada, tác phẩm khắc có tên *La Catrina*,² miêu tả một bộ xương phụ nữ thanh lịch đội chiếc mũ rộng vành màu mận chín, nhân vật rùng rợn trong nghệ thuật thời Victoria đã trở nên gắn liền với Lễ hội người chết của Mexico. Ông khắc hình ảnh không thể xóa nhòa này trước vào khoảng năm 1910, khi bệnh dịch tả còn đang hoành hành. Đúng vậy, một tác phẩm khác của Posada cùng năm có tên *The Skull of Morbid Cholera*.³ Nhưng với bao nhiêu rung động như nhau, hình ảnh Catrina

còn nói lên rất nhiều về bất bình đẳng. Tò mò cho một bộ xương trong thời trang của giới thượng lưu, *La Catrina* châm biếm phân hóa giai cấp và giàu nghèo không chỉ ở Mexico, mà còn giữa Mexico với các quốc gia Tây Âu giàu hơn — giữa hai thế giới mà chúng ta coi là đang phát triển và phát triển.

Xem ra, bất bình đẳng luôn đi cùng chúng ta, như cái chết và thuế là những thứ duy nhất chắc chắn xảy ra trên đời. Nhưng chúng ta phải lưu ý rằng hiện tượng này trở nên đặc biệt nguy hiểm trong những năm gần đây. Các học giả đã tận tụy viết sách chất đầy kệ về chủ đề này — các nhà báo đã viết hàng trăm trang báo về nó. Một khảo sát của Pew phát hiện bất bình đẳng ở 31 trong số 39 quốc gia, đa số tin rằng đó là “một vấn đề rất lớn”.⁴ Vì vậy, bạn có thể ngạc nhiên khi biết, bằng một số biện pháp quan trọng, bất bình đẳng đã giảm xuống. Bất bình đẳng toàn cầu, tức là khoảng cách thu nhập giữa các nước giàu nhất và nghèo nhất trên thế giới, đã giảm trong nhiều thập kỷ. Khoảng cách thu nhập giữa giàu và nghèo ở khắp mọi nơi — chẳng hạn giữa người Mỹ và người Malaysia — cũng đã thu hẹp trong cùng thời kỳ.⁵ Sự thay đổi trong tham số thứ hai là đáng kể, bởi vì nó từng mở rộng từ năm 1820, khi Cách mạng Công nghiệp thúc đẩy phương Tây bứt lên trước bỏ xa phần còn lại của thế giới. Trong thời kỳ hậu Thế chiến II, một số quốc gia không thuộc phương Tây như Singapore và Hàn Quốc đã gia nhập câu lạc bộ các nước công nghiệp hóa. Nhưng bất chấp những ngoại lệ này, khoảng cách tổng thể giữa người giàu và người nghèo trên thế giới vẫn tiếp tục tăng lên — cho đến gần đây.

Chúng ta hay nói về bất bình đẳng thu nhập với ý nghĩa khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia. Dữ liệu về điều này

hỗn hợp hơn. Loại bất bình đẳng đó đã gia tăng trong nhiều thập kỷ nay nhưng gần đây bắt đầu ổn định. Từ năm 1993 đến năm 2008, trong số 91 quốc gia được Ngân hàng Thế giới phân tích, có 42 quốc gia chứng kiến bất bình đẳng gia tăng⁶ trong khi 39 quốc gia chứng kiến sự suy giảm. Và trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2013, ở những quốc gia đó, tin tức còn trở nên tốt hơn: cứ một quốc gia gia tăng bất bình đẳng thì lại có hai quốc gia giảm bất bình đẳng.⁷ Ở Mỹ Latinh, huyền thoại về các xã hội phân cấp, trong thời kỳ vừa nói, 12 trong số 16 quốc gia⁸ được nghiên cứu cho thấy sự thịnh vượng được chia sẻ rộng rãi hơn.

Cách đo lường bất bình đẳng là một vấn đề gây tranh luận sôi nổi. Tôi đã chọn thước đo tiêu chuẩn, cái gọi là hệ số Gini, đã được Ngân hàng Thế giới, IMF và hầu hết các học giả sử dụng trong nhiều thập kỷ. Nó là thước đo bất bình đẳng tương đối. Nếu tôi kiếm được 100 đôla và bạn đang kiếm được 1.000 đôla, và sau đó thu nhập của cả hai đều tăng 10%, thì bất bình đẳng tương đối giữa chúng ta sẽ không thay đổi. Nhưng vì 10% của 1.000 đôla nhiều hơn rất nhiều so với 10% của 100 đôla, về trị tuyệt đối, bạn sẽ kiếm được nhiều hơn tôi. Ở tầm quốc gia cũng vậy. Nếu Mỹ tăng trưởng ở mức 3,5% một năm và Trung Quốc ở mức 5%, thì Mỹ, quốc gia có nền kinh tế lớn hơn để từ đó mà tính, sẽ thấy sản lượng kinh tế của mình tăng nhiều hơn về trị tuyệt đối so với Trung Quốc, mặc dù Trung Quốc sẽ thu hẹp khoảng cách về số tương đối. Có người sử dụng ống kính khác, tập trung vào thu nhập của 10% hoặc 1% những người có thu nhập cao nhất. Nhìn theo cách đó, khoảng cách đã mở rộng đáng kể,⁹ bởi vì những nhóm này kiếm được nhiều hơn hẳn so với phần còn lại của xã hội. Nói cách khác, có những cách nhìn

chính thống về bất bình đẳng cho thấy nó đã tăng lên, nhưng sử dụng thước đo truyền thống, lịch sử, chúng ta lại thấy rằng sau một thời gian dài tăng lên không ngừng, bất bình đẳng *toàn cầu* gần đây đã giảm xuống.

Các quốc gia giàu nhất và thành công nhất trên thế giới là một ngoại lệ của xu hướng này; bất bình đẳng đã tăng mạnh ở nhiều nước trong số đó. Điều này đặc biệt đúng với Mỹ, nơi hệ số Gini đã trèo lên mức cao nhất kể từ năm 1928,¹⁰ lúc hệ số này tăng vọt sau nhiều năm chủ nghĩa tư bản không được kiểm soát dẫn đến Đại Suy thoái và sau đó là cải cách của Chính sách Kinh tế Mới. Năm 2013, Tổng thống Obama gọi sự gia tăng không ngừng trong bất bình đẳng ở Mỹ là “thách thức định nghĩa thời đại chúng ta.”¹¹ Nhưng thách thức của Mỹ không nên che khuất sự tiến bộ ở hầu hết các quốc gia còn lại trên thế giới. Chúng ta dành phần lớn sự chú ý của mình vào khủng hoảng, bi kịch và thất bại, nhưng chúng ta cũng nên ghi nhận thành công đáng kể và rộng khắp này.

Bất bình đẳng toàn cầu giảm phần lớn là nhờ tiến bộ kinh tế bền vững ở Trung Quốc, Ấn Độ và các nước đang phát triển khác, trong một phần tư thế kỷ qua đã tăng trưởng nhanh hơn nhiều so với các nước phát triển, thu hẹp khoảng cách và đưa hàng trăm triệu người thoát nghèo. Tôi đã thấy sự thay đổi ở nhiều nơi ở Ấn Độ mà tôi đến thăm thường xuyên từ khi còn là một đứa trẻ vào những năm 1960. Làng mạc đã biến thành thị trấn và thị trấn thành thành phố. Nhà cửa lớn hơn, cấu trúc kiên cố hơn và có một hoặc hai nhà vệ sinh tạm. Xe đạp, xe tay ga và ô tô nhan nhản, cho mọi người phương tiện di chuyển cần thiết. Tất cả những điều này đã gây ra nhiều vấn đề, từ không khí ô nhiễm và nước bẩn đến đường sá và tàu hỏa quá đông đúc.

Nhưng đồng thời, nó cũng làm giảm đi cái nghèo đã khiến rất nhiều trẻ em chết vì suy dinh dưỡng. Vào tháng 9 năm 2000, Liên hiệp quốc đã thiết lập Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Một trong số đó là đến năm 2015 giảm một nửa tỷ lệ những người sống trong tình trạng nghèo cùng cực (được định nghĩa là sống dưới 1,25 đôla một ngày). Mục tiêu đó đã đạt được trước thời hạn năm năm.¹² Trên toàn thế giới, tổng số người sống trong tình trạng nghèo cùng cực đã giảm từ 1,9 tỉ người vào năm 1990 xuống còn 650 triệu người vào năm 2018.¹³ Tiến bộ còn đạt được rất lớn ở một chỉ số quan trọng: tỷ lệ tử vong ở trẻ nhỏ giảm 59% so với cùng kỳ.¹⁴

GÃ KHỔNG LỒ GÂY BẤT BÌNH ĐẲNG

Với Covid-19, phần lớn tiến trình này có thể bị đảo ngược. Đại dịch có thể xóa bỏ nhiều thành quả mà các nước đang phát triển đạt được trong một phần tư thế kỷ qua và đưa chúng ta trở lại thế giới bất bình đẳng toàn cầu ngày càng lớn và ngày càng tăng. Thoạt đầu, có vẻ như không phải vậy. Làn sóng virus đầu tiên đã bỏ lỡ hầu hết các nước đang phát triển. Trên thực tế, bản đồ của các đợt bùng phát đã đặt ra một câu hỏi: Tại sao lại có rất ít ca nhiễm ở những nơi nghèo hơn? Vào cuối tháng 4 năm 2020, các quốc gia có thu nhập thấp và thu nhập trung bình, chiếm 84% dân số thế giới, là nơi chỉ có 14% số ca tử vong do Covid-19 được biết đến trên thế giới.¹⁵ Một số tỷ lệ tử vong thấp ở thế giới đang phát triển có thể được giải thích là do thiếu xét nghiệm và không xác định được tử vong là do căn bệnh này. Có thể còn có các yếu tố khác. Ở các nước giàu, căn bệnh này hoành hành khắp các viện dưỡng lão đông đúc, chiếm một tỷ

lệ lớn số ca tử vong; những cơ sở dưỡng lão như vậy rất hiếm ở các nước đang phát triển. Cái nóng có thể có tác dụng nào đó trong việc làm giảm sự lây lan của virus,¹⁶ mặc dù điều này vẫn chưa được chứng minh. Một số chuyên gia y tế đã suy đoán một cách cá nhân rằng có thể người dân ở các nước đang phát triển có hệ miễn dịch mạnh hơn vì họ đã tiếp xúc với nhiều bệnh hơn trong suốt cuộc đời họ (mặc dù có rất ít nghiên cứu đầy đủ về điều này).

Một số giải thích kể trên có thể có giá trị — suy cho cùng, chúng ta vẫn đang tìm hiểu nhiều nữa về căn bệnh này. Tuy nhiên, các nước đang phát triển dường như đã không bị dịch bệnh trong những tháng đầu tiên do ít được kết nối, bằng du lịch và thương mại, với các điểm nóng ban đầu. Virus đã di chuyển từ Trung Quốc sang châu Âu đến châu Mỹ vì đó là nơi người ta qua lại. (Trung Quốc có số lượng khách du lịch và đi lại lớn nhất hành tinh — gần 170 triệu người năm 2019.)¹⁷ Song trong giai đoạn tiếp theo của đại dịch, virus corona lan chậm nhưng đều đặn khắp Nam Á, Mỹ Latinh và sau đó là châu Phi. Mật độ ở nơi làm việc và sinh sống và điều kiện vệ sinh kém ở những nơi này trở thành hỗn hợp dễ bắt lửa. Ở Ấn Độ, tâm chấn ban đầu là Mumbai, nơi có khu ổ chuột Dharavi với khoảng một triệu người và có mật độ dân số gấp 30 lần¹⁸ so với thành phố New York. Tại thành phố lớn nhất châu Phi, Lagos, Nigeria, hai phần ba người dân sống trong các khu ổ chuột đông đúc nhưng nhúc,¹⁹ nhiều người đi xe buýt đông nghẹt để đi làm. Ở các quốc gia thu nhập thấp bệnh viện rất thưa thớt. Ở Bangladesh, 10.000 dân có chưa đến 8 giường bệnh,²⁰ bằng một phần tư năng lực ở Mỹ và một phần tám ở Liên minh châu Âu. Vào thời điểm bắt đầu đại dịch, có

chưa đến 2.000 máy thở²¹ trên khắp 41 quốc gia châu Phi, so với 170.000 máy chỉ riêng ở Mỹ. Từ *New York Times* lưu ý rằng Nam Sudan, dân số 11 triệu người, có số pho tổng thống²² nhiều hơn số máy thở.

Ở nhiều nước đang phát triển, một bộ phận lớn dân số kiếm chi đủ tiền nuôi bản thân và gia đình mỗi ngày. Vì vậy, các chính phủ phải đối mặt với thế lưỡng nan: Nếu đóng cửa nền kinh tế, người dân sẽ chết đói. Nếu cứ để mở, virus sẽ lây lan. Xét rằng các chính phủ này không có tiền để trả cho người dân ở yên trong nhà hoặc trợ cấp cho các doanh nghiệp đóng cửa, cách khôn ngoan nhất, khi nhìn lại, có lẽ là không áp đặt các biện pháp đóng cửa hoàn toàn. Ví dụ, Ấn Độ, một phần là hậu quả của việc đóng cửa, đang trên đà chứng kiến nền kinh tế giảm 5% năm 2020,²³ sánh ngang với thành tích tồi tệ nhất²⁴ trong lịch sử của nước này. Chưa hết, tính đến tháng 7 năm 2020, số ca tử vong được xác nhận là do Covid-19 ở Ấn Độ khoảng 28.000 người, ít hơn con số 60.000 trẻ em chết²⁵ vì suy dinh dưỡng ở đó mỗi tháng. Ngay cả khi giả sử, có vẻ hợp lý, rằng số ca tử vong do Covid-19 đang bị tính rất thấp, con số kinh hoàng này đánh giá đúng tầm quan trọng của dịch bệnh ở thế giới đang phát triển. Mặc dù được đề ra để bảo vệ sinh mạng, việc đóng cửa gần như tất cả các hoạt động đã dẫn đến sụp đổ kinh tế. Sụp đổ kinh tế gây ra không biết bao nhiêu khó khăn và trở trêu thay, làm trầm trọng thêm nhiều vấn đề về sức khỏe, từ đói đến trầm cảm. Có đáng không? Đây là những quyết định khó khăn, nhưng người ta không thể không nghĩ rằng ở nhiều nước đang phát triển, những thảm họa sẽ xảy ra sau khi đóng cửa chưa được cân nhắc đầy đủ. Đây có lẽ là lý do tại sao, khi các ca lây nhiễm tăng đột biến sau dỡ bỏ giãn cách

xã hội, một số nước đang phát triển thậm chí phải cân nhắc tái đóng cửa.

Sau tê liệt là khủng hoảng nợ không thể tránh khỏi. Ở Mỹ, châu Âu, Nhật Bản và Trung Quốc, thiệt hại kinh tế là rất nặng nề, nhưng sẽ được cải thiện bằng chi tiêu lớn của chính phủ để giảm nhẹ tai họa. Những quốc gia này, trên hết là Mỹ, có thể dễ dàng vay hàng nghìn tỉ đôla với lãi suất thấp. Còn các nước nghèo vốn đã lún sâu trong nợ nần thì đâu được vậy. Tư bản là một kẻ hèn nhát, như người ta nói, và trong những tháng đầu tiên của đại dịch, hơn 100 tỉ đôla đã tháo chạy khỏi các thị trường mới nổi.²⁶ Để giữ cho nền kinh tế sống sót, các quốc gia này sẽ phải vay bằng đôla với lãi suất cao, mà họ phải trả bằng đồng tiền mất giá nhanh chóng của chính họ. Tóm lại, nếu không có các chương trình xóa nợ khổng lồ, họ sẽ phải đối mặt với viễn cảnh siêu lạm phát hoặc vỡ nợ thực sự.

Trong vài thập kỷ qua, khi thương mại toàn cầu tăng tốc, thế giới đang phát triển tăng trưởng nhanh hơn thế giới phát triển và mức sống cũng tăng theo. Kể cả sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, các nước nghèo đã hồi phục nhanh hơn các nước giàu.²⁷ Ít tiếp xúc với các sản phẩm tài chính phức tạp, họ đã vượt qua thời kỳ suy thoái tương đối tốt. Sau khi đại dịch xảy ra, công sức của nhiều thập kỷ đã tiêu tan chỉ trong vòng vài tháng. Nhiều nghiên cứu khác nhau ước tính rằng khoảng 70 triệu đến 430 triệu người²⁸ sẽ bị đẩy trở lại tình trạng nghèo cùng cực trong vài năm tới. Bất bình đẳng cơ bản nhất — giữa người giàu nhất và nghèo nhất trên hành tinh — đang tăng trở lại và với tốc độ nhanh chóng.

Khác biệt giữa nước giàu và nước nghèo thấy rõ khi thế giới chia làm hai: nơi có hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt và nơi

không có hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt. Các nước bắt đầu dễ dàng mở cửa biên giới của họ cho những người từ các quốc gia kiểm soát được virus corona và cấm đi lại từ những nơi có nhiều khả năng lây nhiễm — loại thứ hai bao gồm các quốc gia không kiểm soát được virus, như Brazil, Nga, và (đáng buồn và sững sốt thay) Mỹ. Thủ tướng New Zealand, Jacinda Ardern, đưa ra khả năng rằng đất nước của bà và Australia, cả hai quốc gia đều xử lý tốt Covid-19, sẽ tạo một “bong bóng xuyên biển Tasman”²⁹ để cư dân hai bên có thể tự do đi lại. Tuy nhiên, bà nói thêm, “Chúng ta sẽ không mở cửa biên giới³⁰ với phần còn lại của thế giới trong một thời gian dài sắp tới.” Những quốc đảo nghèo ở Thái Bình Dương, cực kỳ phụ thuộc vào các quốc gia này về nguồn thu du lịch, đã phản ứng bằng cách điên cuồng vận động hành lang³¹ để gia nhập khu vực đi lại mới đó.

Nhưng với Tonga và Tuvalu thì hơi ới, trong tương lai, du khách và doanh nhân sẽ miễn cưỡng đến thăm những nơi mà họ có thể thấy mình không được chăm sóc y tế tốt, và những điểm đến du lịch kỳ hoa dị thảo đó sẽ mất đi sức hấp dẫn. Nền kinh tế của nhiều nước đang phát triển sẽ hết sức khó khăn. Ví dụ, Thái Lan, Philippines và Mexico nhận được khoảng 15% đến 25% GDP từ đi lại và du lịch. Đối với các quốc gia nhỏ hơn như Barbados và Bahamas, con số đó là hơn 30%.³² Nỗi sợ hãi là nhân tố phân hóa lớn — và nỗi sợ hãi bệnh tật nói riêng đã từng chia cắt thế giới trong quá khứ. Vào thế kỷ 19, khi bệnh dịch hạch đã biến mất khỏi châu Âu từ lâu nhưng vẫn còn ở một số vùng của châu Á, nó củng cố thêm sự phân hóa giữa thế giới công nghiệp và phi công nghiệp, giữa thực dân và thuộc địa.

NGƯỜI GIÀU CÀNG GIÀU HƠN

Câu chuyện về bất bình đẳng không chỉ ở tầm quốc gia mà còn ở các công ty. Việc rút lui để bảo đảm an toàn sẽ thể hiện trong đời sống doanh nghiệp, nơi mà ông lớn sẽ lớn hơn. Một lần nữa, đây là sự tăng tốc của một xu hướng đang diễn ra. Trong vài năm qua, các học giả đã lưu ý rằng trong từng ngành, ở phương Tây và không chỉ ở phương Tây, các công ty lớn đã giành lợi nhuận và thị phần, cho các đối thủ nhỏ hơn người khò. Hãy nghĩ đến Amazon, Google, Walmart, CVS và Home Depot ở Mỹ — hoặc Volkswagen, Carrefour và Siemens ở châu Âu. Ở Trung Quốc, hầu hết các công ty lớn nhất đều thuộc sở hữu nhà nước và do đó có sẵn lợi thế, nhưng ngay cả vậy, những gã khổng lồ của khu vực tư nhân như Alibaba và Tencent mỗi năm mỗi đuổi sát nút.

Thông thường, đổi mới là công cụ san phẳng sân chơi tuyệt vời, vì các công ty mới thành lập và doanh nhân tìm ra những cách mới để giải quyết vấn đề và tăng năng suất trong khi các công ty lớn sẵn vắn đi theo những con đường đã có. Không thể nữa. Một nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế cho thấy từ năm 2001 đến 2013, trên toàn thế giới công nghiệp hóa, 5% nhà sản xuất có năng suất cao nhất đã tăng năng suất của họ lên 33%.³³ Tốp 5% các công ty dịch vụ hàng đầu đã tăng 44%. Tất cả các nhà sản xuất khác chỉ tăng 7% về năng suất và tất cả các công ty dịch vụ khác tăng 5%. Nghiên cứu khác cho thấy xu hướng này đang tăng tiến trong những thập niên gần đây.³⁴ Tại sao? Trong nền kinh tế ngày nay, lớn là đẹp. Quy mô cho phép các công ty tận dụng hai xu hướng kinh tế thống trị của thời đại chúng ta — toàn cầu hóa và Cách mạng Thông tin. Volkswagen và Ikea thâm nhập thị trường Trung Quốc và

Indonesia dễ dàng hơn các công ty nhỏ. Các ngân hàng lớn có thể tìm thấy khách hàng mới trên toàn cầu, trong khi các ngân hàng địa phương thì không.

Internet được coi là công cụ cân bằng tối hậu, cung cấp cho các công ty khởi nghiệp nhỏ khả năng tiếp cận khách hàng ở khắp mọi nơi. Ý niệm này có phần nào là sự thật. Nhưng sự thật lớn hơn là không phải hạ tầng tạo ra sự cạnh tranh, Internet về bản chất khuyến khích việc tạo ra các công ty độc quyền trên quy mô hiếm thấy trong lịch sử. Một ví dụ: Internet cho phép so sánh giá ngay lập tức, vì vậy khách hàng luôn có thể mua với giá rẻ nhất có thể. Do đó, các công ty lớn, với chi phí cố định rải khắp các nguồn thu mênh mông, có lợi thế hơn các công ty nhỏ. Ngày nay, công ty hàng đầu trong một lĩnh vực nhất định thường chiếm khoảng 50% thị phần. Thật vậy, trong thương mại điện tử và mạng xã hội, người ta thường không thể nghĩ ngay đến người chơi số hai, mà luôn nghĩ đến tay chơi hàng đầu chẳng hạn như Amazon hay Facebook. Khi tìm kiếm, nhiều người biết tên đối thủ gần nhất của Google, Bing, vì đây là dự án con cưng của một khổng lồ công nghệ khác, Microsoft. Nhưng thị phần toàn cầu của Google là gần 90%³⁵ và của Bing là khoảng 5%. Peter Thiel, nhà đầu tư và doanh nhân công nghệ đầy khiêu khích, thừa nhận với sự thành thật đáng kinh ngạc rằng “cạnh tranh chỉ dành cho kẻ thất bại”.³⁶ Ông lưu ý, mục tiêu của mọi công ty phải là tạo ra độc quyền. Trong thế giới công nghệ, những người chiến thắng đã thành công vượt ra ngoài bất kỳ tiêu chuẩn lịch sử nào.

Dữ liệu lớn là thế lực mới để định hình lại công nghệ thông tin — nhân lợi thế quy mô lên nhiều lần. Hầu hết các công ty lớn có thể đầu tư mạnh vào công nghệ, thường tạo ra các

chương trình tùy chỉnh khai thác dữ liệu để hoạt động hiệu quả hơn. Walmart nổi tiếng sử dụng công nghệ để duy trì chuỗi cung ứng chặt chẽ, biết được cái gì đang bán nhanh và nguồn cung ứng ở đâu trong thời gian thực. Máy tính hiện có thể xử lý lượng dữ liệu gần như vô hạn, cho những người đi trước càng nhiều lợi thế hơn. Vào năm 2018, JPMorgan Chase đã xử lý 49 triệu giao dịch thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ mỗi ngày, với tổng trị giá hơn 1 nghìn tỉ đôla.³⁷ Dữ liệu đó, được phân tích đúng cách, là một mỏ vàng, ngoại trừ việc không như vàng, vốn có nguồn cung hữu hạn, các mỏ dữ liệu ngày càng lớn hơn.

Covid-19 sẽ khiến càng lớn càng có lợi hơn. Giữa đại dịch và đóng cửa, các công ty kỹ thuật số lớn đã trở nên quan trọng và chứng kiến bùng nổ kinh doanh. Họ sẽ tiếp tục phát triển khi con người ngày càng thoải mái sống số hơn. Nhưng lợi thế về quy mô không chỉ ở các công ty Internet. Các công ty lớn thường có hạn mức tín dụng mạnh hơn và có thể vượt qua các cơn bão. Họ có các thương hiệu khu vực hoặc toàn cầu và mạng lưới cung cầu rộng hơn. Nếu một số nền kinh tế phục hồi nhanh trong khi những nền kinh tế khác vẫn trì trệ, các công ty lớn có thể tận dụng lợi thế để tập trung vào các lĩnh vực tăng trưởng theo cách mà một doanh nghiệp địa phương nhỏ không thể làm được. Các công ty lớn có đội quân vận động hành lang để đảm bảo rằng khi chính phủ chi tiền trợ cấp hoặc kích thích kinh tế, họ sẽ nhận được lượng tiền mặt lớn nhất. Lợi ích từ sự hỗ trợ của Cục Dự trữ Liên bang và từ dự luật cứu trợ đại dịch của Mỹ, Đạo luật CARES 2020, hầu như chạy hết vào tay các doanh nghiệp lớn và có mối quan hệ tốt hơn.³⁸

Những người vốn đã thiệt thòi trước đây giờ thậm chí còn dễ bị tổn thương hơn. Một báo cáo của McKinsey cho thấy

các doanh nghiệp nhỏ do người thiểu số sở hữu có thể đặc biệt nguy cấp — các doanh nghiệp nhỏ do người Da đen và gốc Tây Ban Nha làm chủ có nguy cơ bị phân loại là “rủi ro”³⁹ hoặc “bị phát mãi” từ trước khi có Covid giờ tăng lên gấp đôi. Số công ty này tập trung đáng kể trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch, chẳng hạn như thực phẩm và bán lẻ. (Không ngạc nhiên khi báo cáo phát hiện các nhóm thiểu số chiếm 37% lực lượng lao động Mỹ vào tháng 2 năm 2020 nhưng lại chiếm 58% số người thất nghiệp mới vào giữa tháng 3.) Tất nhiên, đây là thêm một cách nữa mà đại dịch sẽ làm cho phân hóa xã hội hiện có càng sâu sắc, trở nên càng khó giải quyết hơn.

Nói chung, trong thời kỳ hỗn loạn và thay đổi, người ta sẽ tìm sự an toàn ở các thương hiệu đã có tên tuổi. Bao năm nay, thị trường chứng khoán ủng hộ các công ty lớn nhất, có giá cổ phiếu liên tục tăng. Hành động của Cục Dự trữ Liên bang nhằm đảm bảo một lượng lớn tài sản — để cung cấp “sàn” cho nền kinh tế sau khủng hoảng Covid — phục vụ cho quyền lợi của những đầu thủ lâu năm, kể cả những người liều bạt mạng. Fed đang cung cấp cho các nhà đầu tư lợi thế của một loạt các khoản đầu tư rủi ro,⁴⁰ gồm cả trái phiếu rủi ro cao, đồng thời đảm bảo hầu như sẽ không có bất lợi nào. Đó là tái tạo căn bản của chủ nghĩa tư bản — một chủ nghĩa không bị trừng phạt khi thất bại, không có nguy cơ sụp đổ và không có cơ chế thực sự để định giá tài sản.* Và bởi vì những người có nhiều khả năng sở hữu và giao dịch cổ phiếu nhất cũng có xu hướng là người giàu nhất, chính sách này góp phần siêu tích tụ bất bình đẳng

* Frank Borman, CEO của Eastern Airlines, từng có lần châm biếm, “Chủ nghĩa tư bản không có phá sản”⁴¹ cũng giống như đạo Thiên Chúa không có địa ngục.” (Eastern Airlines đệ đơn phá sản năm 1989.)

giàu nghèo. Đây là ví dụ trong sách giáo khoa về cái mà một số nhà kinh tế học gọi là “Hiệu ứng Matthew”, lấy tên từ một câu trong Phúc âm Matthew: “Vì phàm ai đã có, thì được cho thêm và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi.” Như người ta thường nói, hành động của Fed là chủ nghĩa xã hội cho người giàu và chủ nghĩa tư bản cho người nghèo. Và nó đến vào một thời điểm khó còn có thể tồi tệ hơn được nữa trong lịch sử nước Mỹ.

HAI NƯỚC MỸ

Nhiều học giả đã chỉ ra rằng mức độ bất bình đẳng cao tạo ra nền kinh tế và chính trị tồi tệ. Nó có nghĩa là tăng trưởng kinh tế thấp hơn⁴² — ít người có thể chi tiêu hơn — và mức độ tin tưởng nhau và tin tưởng vào các thể chế chính trị thấp hơn.⁴³ Như chúng ta đã thấy, các ước tính đặt bất bình đẳng ở Mỹ lên mức cao nhất lịch sử kể từ Đại Suy thoái — và các nghiên cứu của chính phủ đã chứng minh điều này trong những thập kỷ gần đây. Cục Điều tra dân số Mỹ đã thu thập dữ liệu về bất bình đẳng từ năm 1967. Hệ số Gini của Mỹ đã tăng 22%⁴⁴ kể từ đó. Nếu chúng ta tập trung vào топ 10% dân số giàu, hoặc thậm chí tệ hơn là 1% siêu giàu, khoảng cách còn tăng mạnh hơn. Các nhóm này đã chứng kiến tỷ trọng trong thu nhập quốc dân của họ tăng lên ở hầu hết mọi nơi trên thế giới — nhưng trong số các quốc gia phát triển, không nơi nào tỷ trọng này tăng đột biến hơn ở Mỹ.⁴⁵ Năm 1970, 1% những người có thu nhập cao nhất chiếm chưa đến 10% tổng thu nhập quốc dân.⁴⁶ Vào năm 2019, con số đó đã vượt 20%. Ngược lại, 50% người có thu nhập thấp nhất đã thấy tỷ trọng thu nhập của họ thụt lùi, từ 22% năm 1970 xuống còn 15% ngày nay.⁴⁷ Và cuối cùng, khi

bạn tính toán bất bình đẳng theo tài sản, thay vì theo thu nhập, kết quả thật không thể tưởng tượng được. 10% dân số giàu của Mỹ sở hữu gần 70% tổng tài sản của đất nước — từ nhà cửa, ô tô đến cổ phiếu và trái phiếu — trong khi 50% nhóm dưới cùng chỉ sở hữu 1,5% tài sản.⁴⁸ Quay trở lại những năm 1980, tầm nhìn nóng vội của Reagan dường như hứa hẹn rằng nước Mỹ có thể phát triển cách riêng để giải quyết tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng. Vào năm 2020, tăng trưởng — ít nhất là ở các nước phát triển như Mỹ — có vẻ sẽ tiếp tục chậm chạp như đã diễn ra trong hai thập kỷ qua. Bất bình đẳng ở Mỹ trở nên tồi tệ hơn bao giờ hết, tồi tệ nhất trong thế giới phương Tây, kể cả sau khi đã tính đến thuế và các khoản chi phúc lợi của chính phủ.⁴⁹ Theo hệ số Gini, Mỹ gần với Brazil hơn là một nước châu Âu như Đan Mạch.⁵⁰

Covid-19 khiến phân hóa xã hội càng khốc liệt. Dịch bệnh này chia nước Mỹ ra làm hai.⁵¹ Theo nhiều góc độ, virus corona đã vẽ ra một bức tranh sống động về tình trạng bất bình đẳng hiện có ở Mỹ. Âm thầm, không nhìn thấy, dịch bệnh này di chuyển khắp xã hội, không phân biệt — về lý thuyết — giàu nghèo hay chủng tộc. Nhưng hãy nhìn vào kết quả. Các khu vực nghèo có tỷ lệ lây nhiễm cao hơn nhiều so với các khu vực giàu có và hậu quả về sức khỏe tồi tệ hơn. Trong thành phố New York, một số khu dân cư nghèo⁵² ở Bronx, Queens và Brooklyn đã chứng kiến tỷ lệ tử vong cao gấp bốn đến sáu lần so với khu Upper East Side và Upper West Side, mặc dù khu này mật độ dân số dày đặc hơn nhiều. Đây là cửa sổ nhìn vào tình trạng bất bình đẳng ở Mỹ, nơi người nghèo có nhiều bệnh nền từ trước như bệnh tim và tiểu đường, được chăm sóc kém hơn, và sợ phải xét nghiệm Covid-19 vì chi phí điều trị có thể đồng nghĩa

với việc phá sản. Nếu chưa bị nhiễm, nhiều khả năng họ sẽ bị nhiễm vì họ phải làm việc — chứ đâu được làm việc từ xa trong sự thoải mái ở nhà họ.

Trong một nhắc nhở buồn về bất bình đẳng lớn nhất của nước Mỹ, khả năng nhiễm Covid ở người da đen cao hơn người da trắng gấp đôi.⁵³ Chưa hết, trên cả nước, người da đen có tỷ lệ tử vong vì Covid cao hơn người da trắng 2,3 lần,⁵⁴ và ở một số bang cao hơn tới bốn lần. (Mỹ không đơn độc trong vấn đề này — những người không phải da trắng ở Anh⁵⁵ cũng có mức tử vong bất bình đẳng tương tự.) Sốc hơn hết thảy có lẽ là tác động tâm lý và tình cảm từ sự chênh lệch đó: một phần ba người Mỹ gốc Phi⁵⁶ nói họ có quen người chết vì Covid-19, so với chỉ 9% ở người da trắng. Đau buồn, tuyệt vọng và ngày càng nhận thức rõ tác động khắc nghiệt của đại dịch giáng lên nước Mỹ Đen có thể đã góp phần vào phong trào sôi sục sau khi George Floyd bị giết.

Phân biệt chủng tộc góp phần vào bất bình đẳng đã có từ nhiều thế kỷ trước, nhưng những thay đổi cơ cấu gần đây đang thúc đẩy nó. Vì một lẽ là lợi ích tài chính của giáo dục đại học đã tăng lên đều đặn khi các nền kinh tế của thế giới công nghiệp trở nên số hóa hơn và theo định hướng dịch vụ. Nước Mỹ không hề tìm cách đưa những đứa trẻ nghèo sáng dạ tiến lên trên bậc thang giáo dục. Một nghiên cứu xem xét việc tuyển sinh đại học từ năm 1999 đến năm 2013 phát hiện một kết quả đáng kinh ngạc — nhóm 1% dân số có thu nhập cao nhất thường có con cái theo học Ivy League* hoặc các trường ưu

* Nhóm tám trường đại học, viện đại học có hệ thống triết lý giáo dục và chất lượng đào tạo hàng đầu nước Mỹ, gồm: Brown, Columbia, Cornell, Dartmouth, Harvard, Pennsylvania, Princeton, và Yale. (Nxb)

tú khác *cao hơn 70 lần*⁵⁷ so với những đứa trẻ nghèo từ các gia đình thuộc nhóm 20% dưới cùng. Trong khi đó, như nhà kinh tế học Thomas Piketty và những người khác đã lưu ý, thu nhập từ đầu tư đang tăng nhanh hơn tiền lương. Và như chúng ta đã thấy, công việc thường ngày — lúc đầu là cổ cồn xanh và bây giờ càng lúc càng là cổ cồn trắng — có thể được ai đó ở một quốc gia có mức lương thấp hoặc một chiếc máy vi tính thực hiện. Mức lương cao mà người lao động từng có thể yêu cầu tuyệt nhiên không tồn tại trong thế giới hậu công nghiệp. Vốn tư bản di chuyển tự do khắp hành tinh, tưởng thưởng cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất. Công nghệ ngày càng thực hiện nhiệm vụ nhanh hơn, rẻ hơn và tốt hơn con người có thể làm — và trí tuệ nhân tạo sẽ chỉ càng khiến cho những thay đổi đó tăng tốc.

Nhưng thay đổi cơ cấu không phải là yếu tố duy nhất góp phần làm gia tăng bất bình đẳng. Chính sách của nhà nước cũng hỗ trợ người giàu. Luật thuế ở nhiều nước phương Tây ưu tiên vốn hơn lao động theo rất nhiều cách. Với vô số rào cản về chính sách như luật “quyền được làm việc” ở nhiều bang của Mỹ, các công đoàn ngày càng khó bám trụ. Các khoản vay học đại học và sở hữu nhà được trợ cấp trong khi học sinh tốt nghiệp trung học và người ở nhà thuê gặp khó khăn. Vì các cuộc bầu cử tốn kém tiền bạc, người giàu có thể mua ảnh hưởng chính trị, định hình các quy tắc, quy định, và thuế ở quốc gia của họ. Không nơi đâu mà những chuyện này đúng hơn ở Mỹ, quốc gia đối mặt với mức độ bất bình đẳng cao nhất trong thế giới công nghiệp hóa, quốc hội đã thông qua các đợt cắt giảm thuế trị giá hàng nghìn tỉ đôla vào các năm 2001, 2003 và 2017, lợi ích của việc đó hầu hết đã về tay nhóm 10% dân số có thu

nhập cao nhất nước. Donald Trump, phần nào được bầu làm tổng thống vì là người theo chủ nghĩa dân túy kinh tế chống lại Phố Wall, vẫn thực hiện những chính sách thắt lưng này. Các nhà khoa học chính trị Jacob Hacker và Paul Pierson gọi hệ tư tưởng hai mặt đó là “chủ nghĩa dân túy tài phiệt”.⁵⁸

Phải có cách tốt hơn. Với sức ép cơ cấu đang đẩy bất bình đẳng ngày càng gia tăng, chúng ta cần phải sáng tạo và tham vọng hơn trong cách giải quyết. Ví dụ, chúng ta cần các chính sách đào tạo và đào tạo lại người lao động trên quy mô như Dự luật GI, vốn đã giáo dục hàng triệu cựu binh sau Thế chiến II. Các biện pháp rộng hơn khác như Tín thuế lợi tức do lao động (Earned Income Tax Credit), mà tôi đã đề cập trước đó, nên được mở rộng đại trà. Đây là những ý tưởng tốn kém — nhưng cái giá của việc không làm gì còn cao hơn. Về mặt lịch sử, bài học rõ ràng là: nếu tình trạng bất bình đẳng ngày càng tăng không được giải quyết bằng cải cách thì dân chúng sẽ nổi dậy.

TIỀN BẠC VÀ ĐẠO ĐỨC

Trong một xã hội dân chủ, chúng ta muốn những khía cạnh quan trọng của cuộc sống là những khía cạnh chung mà mọi người đều trải qua như nhau. Những thứ này đã trở nên hiếm đi nhiều trong thế giới kim tiền. Hầu hết các quốc gia đều theo kinh tế thị trường, chắc chắn tạo ra hiệu quả kinh tế. Nhưng như Michael Sandel, một triết gia của đại học Harvard, đã giải thích trong cuốn sách năm 2012 của ông, *What Money Can't Buy: The Moral Limits of Markets* (Tiền không thể mua được gì?, Nxb Trẻ), chúng ta đã chuyển từ việc chấp nhận một nền kinh tế thị trường sang việc tạo ra một xã hội thị trường, một xã hội

mà ở đó mọi thứ đều được nhìn qua lăng kính giá cả. Hàng hóa và dịch vụ xem xét ở trên giờ đây biến thành những mặt hàng có thể được mua với giá phù hợp. Muốn số điện thoại di động của bác sĩ? Một số bác sĩ sẽ cho bạn với giá 1.500 đôla một năm. Muốn có phòng ký túc xá đẹp hơn cho con bạn với quyền lui tới một quán cà phê đẹp hơn? Dễ dàng thực hiện, với vài nghìn đôla. Có những nhà giam mà tù nhân có thể nâng cấp phòng giam của mình với giá 90 đôla một đêm. Bạn là nhà vận động hành lang muốn ai đó đứng xếp hàng thay bạn để có được chỗ ngồi tại một phiên điều trần của quốc hội chứ gì? Rẻ mà, chỉ 20 đôla một giờ. Ngay cả tài sản thiêng liêng nhất của quốc gia, quyền công dân, cũng được rao bán ở nhiều nơi. Hộ chiếu từ một số hòn đảo vùng Caribê có giá 100.000 đôla,⁵⁹ trong khi thẻ xanh của Mỹ sẽ khiến bạn tốn từ 900.000 đôla đến 1,8 triệu đôla,⁶⁰ và thị thực nhà đầu tư Cấp 1 của Vương quốc Anh khoảng 2,5 triệu đôla.⁶¹ Síp, Malta và Bulgaria⁶² — tất cả thành viên EU không bị hạn chế đi lại trong khối — cũng bán quyền công dân.

Khi cái gì cũng có thể mua được, mọi khía cạnh của cuộc sống đều trở nên bất bình đẳng. Lấy một ví dụ đơn giản. Xem thể thao trực tiếp tại sân vận động từng là một trong những sự kiện lớn của cộng đồng. Nó sẽ không mang tính cộng đồng nữa. Trong lịch sử, các sân vận động thể thao được xây dựng với những chỗ ngồi giống nhau, điểm khác biệt duy nhất là vị trí của chúng. Ngày nay, sân vận động phản ánh xã hội đẳng cấp của chúng ta, với sự phân cấp phức tạp từ những chiếc ghế rẻ tiền cho đại chúng đến những chiếc ghế tốt hơn cho tầng lớp trung lưu đến buồng riêng có máy lạnh với quầy bar và đồ ăn ngon cho nhóm 1%. Những gì đã từng đưa chúng ta đến với

nhau bây giờ nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta đang phân hóa thế nào. Tiền có thể mua được nhà, xe hơi hay thậm chí du thuyền đẹp hơn thì đã đành là một lẽ. Nhưng nếu nó có thể mua quyền công dân, quyền tiếp cận đặc biệt ở các không gian công cộng, được ưu đãi ở trường đại học và sự ưu ái từ các chính trị gia, nó sẽ trở thành một thế lực làm tha hóa và mục ruỗng.

Có lẽ ví dụ sinh động nhất cho thấy bất bình đẳng ảnh hưởng đến xã hội như thế nào trong đại dịch Covid-19 là nghiên cứu những nơi xử lý dịch bệnh tốt nhất. Hầu hết đều là những nước có mức độ niềm tin cao, giữa người dân với nhau và giữa người dân với các định chế lớn hơn. Các cuộc khảo sát hỏi liệu “hầu hết mọi người có thể tin cậy được hay không” cho thấy các xã hội mà phần lớn người dân đồng ý — nói chung là Bắc Âu và Đông Á — đều đối phó đại dịch tốt. Và trong khi có nhiều lý do giải thích cho mức độ tin cậy cao, rõ ràng mức độ bất bình đẳng thấp giúp ích rất nhiều. Chúng ta đã thấy các quốc gia bất bình đẳng thấp hơn, như Đan Mạch, có nhiều “vốn xã hội” hơn,⁶⁵ trong đó niềm tin là một thành phần quan trọng. Khi nước Mỹ ngày càng trở nên bất bình đẳng hơn trong năm thập niên qua, mức độ niềm tin của đất nước này đã giảm mạnh. Người Mỹ gốc Phi cảm thấy, với bằng chứng rất lớn, rằng họ đang sống trong một thế giới tách biệt và bất bình đẳng, một thế giới tuân theo luật pháp, tiêu chuẩn và thái độ khác với thế giới của người Mỹ da trắng. Những người Mỹ nghèo cũng cảm thấy hệ thống này đang chống lại họ. Nếu con người cảm thấy có chung mục đích với đồng bào của mình, họ sẽ tin tưởng nhiều hơn. Nhưng nếu chúng ta sống cuộc sống ngày càng cách biệt, bị ngăn cách bởi những vách ngăn vật chất lẫn vô hình, chúng ta sẽ tự thấy ít muốn chia sẻ. Rồi thì không có lợi ích chung gì cả.

Bất bình đẳng hiển nhiên nhất mà dịch bệnh truyền nhiễm này tạo ra là giữa người khỏe mạnh và người bệnh, cái mà nhà văn Susan Sontag gọi là biên giới giữa “vương quốc của người khỏe” và “vương quốc của người bệnh”.⁶⁶ Sự phân hóa lớn đến nỗi thế giới quan của một người có thể thay đổi vĩnh viễn sau khi vượt qua dịch bệnh — như Franklin Roosevelt đã có khi ông mắc bệnh bại liệt. Tuy bệnh tật đôi khi có thể xóa bỏ bất bình đẳng, phần lớn thời gian nó toàn làm trầm trọng thêm mà thôi. Nếu chúng ta phải đối mặt với một đại dịch khác, khả năng cao là sẽ xảy ra, chúng ta phải nhận ra rằng chúng ta cần giữ cho mọi người được an toàn và khỏe mạnh, dù là người giàu hay người nghèo. Đó phải là một hình thức bình đẳng thiết yếu mà chúng ta nỗ lực hướng tới. Có lẽ virus corona mới này đang buộc chúng ta phải sống theo ngạn ngữ lâu đời, có trong rất nhiều văn bản thiêng liêng và tác phẩm triết học, được tuyên bố hùng hồn trong cách mạng Mỹ và Pháp. Có lẽ không tránh khỏi có bất bình đẳng. Nhưng trong ý nghĩa căn bản nhất, ý nghĩa đạo đức, mọi người sinh ra đều bình đẳng.

BÀI HỌC 8

Toàn cầu hóa không chết

LILIANA DEL CARMEN RUIZ¹ qua đời vì Covid-19 vào sáng sớm ngày 31 tháng 3 năm 2020. Cô là bác sĩ nhi khoa ở tây bắc Argentina, 52 tuổi, có các bệnh nền khiến cô dễ nhiễm Covid hơn. Cô không có đi nước ngoài, và trước khi xét nghiệm xác nhận bị nhiễm virus corona mới, Ruiz được cho là đang bị sốt xuất huyết. Là con gái của một thợ làm bánh và một người giúp việc gia đình, Ruiz đã sống sót sau căn bệnh ung thư, lấy bằng y khoa ở thành phố Córdoba, và trở về làm việc tại tỉnh La Rioja quê hương cô. Ruiz là ca nhiễm Covid-19 đầu tiên được biết đến ở tỉnh đó và là người đầu tiên chết vì nó.

Trong đại dịch đã có hàng trăm nghìn cái chết bi thảm trên toàn cầu, nhưng tôi chọn nêu bật trường hợp này vì một lý do đơn giản. Tỉnh La Rioja, không xa nơi Ruiz qua đời, nằm ở điểm đối chọi² (mặt đối diện chính xác trên hành tinh) với địa điểm đầu tiên mà virus này xuất hiện, chỉ vài tháng trước đó — Vũ Hán, Trung Quốc. Một chốn xa xôi nằm giữa đất liền ở Argentina bị ảnh hưởng bởi chuyện xảy ra trong một

chợ buôn bán động vật hoang dã cách mười hai ngàn dặm. Tất cả chúng ta đều kết nối và không ai kiểm soát.

Có một đặc điểm nghịch lý về các đại dịch: mặc dù chúng được đặt tên theo địa điểm cụ thể, tuyệt nhiên *không* ngăn chặn được chúng bằng các đường biên giới. Đúng là vậy bao thế kỷ nay rồi, kể từ khi các đoàn lữ hành trên Con đường Tơ lụa và tàu hàng của thế giới thời trung cổ, và đặc biệt là hơn 150 năm qua kể từ thời đại của tàu hơi nước và xe lửa. Có “cúm Nga” năm 1889-1990, “cúm Tây Ban Nha” năm 1918-1919, “cúm châu Á” 1957-1958, “cúm Hồng Kông” 1968-1969, “Hội chứng hô hấp Trung Đông” (MERS) của năm 2012 và bây giờ là virus xuất phát từ Vũ Hán của năm 2019-2020. Cách gọi tên như vậy, bộc lộ nỗi ám ảnh gắn nhãn nước ngoài — ngay cả khi không chính xác về nguồn gốc của virus — đánh lộn con đen phạm vi tiếp cận rộng hơn nhiều của căn bệnh. Thôi thúc gán một mầm bệnh đến từ nước ngoài là rất mạnh, nhưng tất nhiên, những căn bệnh ấy hiếm khi được biết đến bằng biệt danh đó ở nơi mà chúng được đặt tên. Ở Tây Ban Nha, “cúm Tây Ban Nha” chỉ là bệnh cúm.

Cũng hơn một trăm năm qua, con người đã lo lắng về mối liên hệ giữa bệnh tật và sự làm phẳng thế giới mà ngày nay chúng ta gọi là toàn cầu hóa. Sau khi dịch cúm hoành hành khắp lục địa châu Âu rồi lan qua Anh, nhà báo Florence Fenwick Miller đã viết trên một nhật báo ở London năm 1890, “Con vi khuẩn bất kể thiên hạ này³ di chuyển tốc độ nhanh.... Chúng ta phải trả giá cho những sự thuận lợi của mình, và những chuyến tàu chở chúng ta và những lá thư nhanh chóng giao tới tay ta cũng có phần, xem ra là vậy, vào việc truyền tải nhanh chóng những vi khuẩn gây căn bệnh hủy diệt.” Khi đại dịch đó tàn phá châu Âu, cậu bé Winston Churchill 15 tuổi đã xúc động sáng tác một bài

thơ⁴ cho tờ báo trường trung học của mình miêu tả cuộc hành quân không ngừng về phía tây của căn bệnh từ châu Á này: “Đỉnh núi Ural bị thu nhỏ lại / Và mọi thanh chắn và hàng rào đều thất bại / Để chặn bước tiến của nó; / Nó đến chậm rãi và chắc chắn, / Được báo trước bởi tiếng tăm khủng khiếp, / Tăng lên từng ngày.”

Ngày nay, mối quan ngại về dịch bệnh và toàn cầu hóa đã nhanh chóng kết tụ thành quan điểm cho rằng đại dịch sẽ làm rã đám cái thế giới liên kết này — rằng, như một nhà báo chuyên trang đã tiên đoán một cách dứt khoát, Covid-19 là “chiếc đỉnh cuối cùng đóng lên cỗ quan tài toàn cầu hóa.”⁵ Nhưng có thực vậy không? Nhiều thập kỷ rồi con người phản đối toàn cầu hóa và cảnh báo về sự sụp đổ của nó. Viết sách để chê bai nó. Các phong trào chính trị phần lớn dựa vào việc cổ vũ ý tưởng đảo ngược dòng thủy triều được cho là gây ra bao đau khổ này. Nhưng đã có ai làm được điều đó chưa? Có ai *có thể* làm được điều đó không? Viết vào những tuần đầu đại dịch, tác giả Zachary Karabell kết luận rằng một khi nghiên cứu dữ liệu kỹ hơn, “có khả năng chúng ta tìm thấy xác nhận mới cho điều mà ta đã biết về toàn cầu hóa: rằng nó rất đáng ghét, dễ dàng trở thành đích ngắm và không thể dừng lại.”⁶

Lập luận chống toàn cầu hóa hiện nay là tất cả chúng ta quá bện xoắn vào nhau, cuộc sống và nền kinh tế của chúng ta xoắn xuýt đến mức chúng ta không kiểm soát được vận mệnh của chính mình. Đặc biệt đáng lo là trong trường hợp khẩn cấp như Covid-19, chuỗi cung ứng toàn cầu khiến chúng ta dễ bị thiếu hụt hàng hóa y tế nghiêm trọng. Hiểu biết thông thường mới là có những thứ phải được sản xuất trong nước. Đây không phải lần đầu tiên⁷ chúng ta thấy lo lắng trở lại về sự mất kiểm

soát đi kèm với một nền kinh tế toàn cầu đang gây hoang mang. Vào cuối những năm 1960, Harold Wilson, với tư cách là thủ tướng Anh, đã phải đối mặt với sức ép từ thị trường quốc tế và thể chống lại “giới chủ ngân hàng Zurich”.⁸ Trong suốt thập niên 1990, chúng ta đã chứng kiến các cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra, từ Mexico đến Đông Á đến Nga, và lần nào lần nấy người ta đều tuyên bố rằng đất nước của họ bị bắn cùng đi vì các nhà tài chính ở những nơi như New York và London đang đánh cuộc thắng chắc một cách nhẵn tâm. Khi thị trường trút mưa tiền mặt, bạn coi đó đúng là phần thưởng của mình, nhưng khi chúng rút lại ơn mưa móc, bạn kêu gào là chơi ăn gian.⁹

Năm 1999, khi thương mại đang mở rộng nhanh chóng và Internet phát triển rầm rộ, một kiểu nạp đạn tự động phản ứng khác bắt đầu — lần này là dạng phản ứng dữ dội của đại chúng. Năm đó, một nông dân tên là José Bové đã tổ chức một nhóm các nhà hoạt động phá hủy một cửa hàng nhượng quyền của McDonald’s đang được xây dựng ở thị trấn nhỏ Millau của Pháp — đối với Bové, nhà hàng thức ăn nhanh là hiện thân của chủ nghĩa tư bản thuần chất, kiểu Mỹ đang lan rộng toàn cầu. Vào tháng 12 năm 1999, hàng chục nghìn người biểu tình giận dữ đã xuống đường phản đối cuộc họp của Tổ chức Thương mại Thế giới ở Seattle. Ngày 11 tháng 9 năm 2001, các cuộc tấn công, theo một nghĩa nào đó, cũng chính là phản ứng dữ dội chống lại thế giới mở. Nhưng những cơn chống đối này đã không làm chậm quá trình tiến lên của thương mại toàn cầu. Để đối phó với sự kiện 11 tháng 9, các quốc gia đã thực hiện một loạt các biện pháp kiểm tra và rào cản đối với việc đi lại và nhập cư, nhưng sau một thời gian ngắn thất bại, người ta lại tiếp tục đi lại với số lượng ngày càng tăng. Từ năm 2001 đến 2018,

lượng khách đi lại bằng đường hàng không đã tăng hơn gấp đôi,¹⁰ từ 1,7 tỉ lượt khách hàng năm lên 4,2 tỉ.

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã giáng một đòn mạnh hơn. Các cú sốc đối với thị trường châu Mỹ và châu Âu đã dội khắp toàn cầu, với dòng vốn, hàng hóa và dịch vụ giảm mạnh trên toàn thế giới,¹¹ từ 9% trở lên. Khi các nền kinh tế phục hồi, các dòng chảy này tăng rất chậm.¹² Thương mại, dòng vốn và đầu tư trực tiếp nước ngoài không bao giờ phục hồi về mức độ của năm 2008.^{13, 14, 15} Người ta bắt đầu quy kết khủng hoảng là do nền kinh tế toàn cầu quá phức tạp và quá liên thông, một nền kinh tế làm lợi cho vốn tư bản¹⁶ mà người lao động thì phải trả giá — chủ ngân hàng và nhà đầu tư hưởng lợi còn người lao động bình thường chịu thiệt. Sau đó là sự phục hồi, được thúc đẩy bởi lãi suất thấp lịch sử và các chính sách tiền tệ tích cực khác, khiến cổ phiếu và các tài sản tài chính khác tăng giá trị, đào sâu thêm khoảng cách giữa vốn tư bản và lao động. Các chính trị gia theo chủ nghĩa dân túy chống “chủ nghĩa toàn cầu” đã được bầu lên ở các quốc gia lớn, gồm cả Anh và Mỹ. Mọi người bắt đầu nói về “đảo ngược toàn cầu hóa”. Thế rồi đại dịch ập đến.

XU THẾ MUỐN ĐỘC LẬP

Covid-19 và sau đó là việc nhiều quốc gia đóng cửa đã khiến các chỉ số kinh tế sụt giảm nghiêm trọng hơn bất kỳ thời điểm nào được ghi nhận. Vào tháng 4 năm 2020, so với một năm trước đó, lưu lượng hàng không toàn cầu giảm 94%,¹⁸ đăng ký ô tô mới ở Liên minh châu Âu giảm 76%,¹⁹ và Mỹ giảm hơn 20 triệu việc làm. Đến tháng 5, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ đạt đỉnh

14,7% — các con số này là ngoại hạng theo đúng nghĩa đen.²⁰ Cùng với những cú sốc kinh tế là việc áp đặt các biện pháp kiểm soát biên giới và hạn chế đi lại, ngay cả giữa các quốc gia nổi tiếng cởi mở với nhau. Khu vực Schengen của châu Âu, trong đó công dân EU thường đi lại mà không có bất kỳ thị thực hoặc hạn chế nào, đã cấm hầu hết du khách nước ngoài, và trong một thời gian, thậm chí đã ngừng tự do đi lại trong nội bộ khu vực.

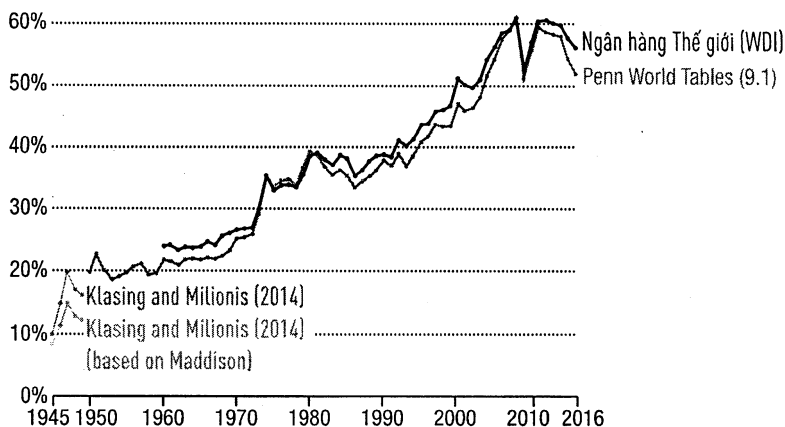
Ngoài ra, người ta trở nên lo ngại sâu sắc về sự phụ thuộc vào nhà sản xuất nước ngoài đối với các nguồn cung y tế quan trọng. Ví dụ, cứ ba viên thuốc mà người Mỹ uống thì có một viên²¹ là thuốc generic được sản xuất ở Ấn Độ, quốc gia này mua hai phần ba thành phần nguyên liệu dược từ Trung Quốc. Vào đỉnh điểm đại dịch giữa tháng 3 năm 2020, các động mạch của thương mại thế giới bị thu hẹp và tắc nghẽn. Với các chuyến bay giảm đi nhiều, chi phí vận chuyển hàng hóa xuyên Thái Bình Dương đã tăng gấp ba lần trên mỗi pound.²² Để đảm bảo an ninh, nhiều chính phủ — từ EU đến Nhật Bản đến Ấn Độ — đã tuyên bố quyết tâm theo đuổi khả năng tự cung tự cấp cao hơn, hoặc ít nhất là làm cho hệ thống chuỗi cung ứng toàn cầu hồi phục mau hơn.²³ Ngay cả những người cam kết theo chủ nghĩa toàn cầu trước đây cũng đột nhiên bắt đầu nói về “quy hồi cố hương” (reshoring). Trong một bài diễn văn quốc gia, Tổng thống Pháp Emmanuel Macron đã than thở về “sự phụ thuộc vào các lục địa khác” của đất nước và tuyên bố mục tiêu mới sau đại dịch của ông là đạt được “nền độc lập của nước Pháp”²⁴ trong lĩnh vực công nghệ và công nghiệp. Vài tuần sau, người theo chủ nghĩa quốc tế suốt đời Joe Biden đã đưa ra kế hoạch “Mua hàng Mỹ” trị giá 400 tỉ đôla.²⁵ Một nhóm thế lực tinh hoa dường như đang tập hợp lại với nhau để đảo ngược

dòng chảy tự do của hàng hóa, dịch vụ, tiền bạc và con người đã làm biến đổi thế giới trong bốn thập kỷ qua.

Sẽ làm được không? Hãy xem xét một số biện pháp, phần lớn cho chúng ta biết tình hình trước đại dịch như thế nào. (Chưa có số liệu gần đây hơn.) Một thước đo phổ biến của toàn cầu hóa là xuất khẩu tính theo tỷ lệ phần trăm của nền kinh tế toàn cầu. Nó đã giảm mạnh sau năm 2008, và mặc dù phục hồi phần nào, nhưng vẫn ở mức 30,1% vào năm 2018, ngay dưới mức cao của năm 2008 là 30,8%.²⁶ Nhưng hai mươi năm trước, vào năm 2000, thước đo này là bao nhiêu? Ở mức 26%. Ba mươi năm trước, vào năm 1990? 19%. Hoặc xem xét đầu tư trực tiếp nước ngoài. Vào năm 2016, dòng chảy vốn đầu tư lên tới 2,7 nghìn tỉ đôla.²⁷ Con số này đã tăng vọt từ năm 2000, khi đó nó ở mức 1,6 nghìn tỉ đôla. Năm 1990, là 240 tỉ đôla. Vận chuyển hàng không và du lịch liên quan vào năm 1998 đã đóng góp 1,4 nghìn tỉ đôla vào GDP toàn cầu, con số này tăng gần gấp đôi ở năm 2016.²⁸ Nói cách khác, qua hầu hết các phép đo kể từ những năm 1990, toàn cầu hóa đã phi nước đại và trong vài năm qua có một vài bước lùi. Đó không phải là quá trình đảo ngược toàn cầu hóa — đó là sự tạm dừng.

Nhìn chung, nền kinh tế toàn cầu vẫn có mối liên hệ phụ thuộc nhau chặt chẽ. Thước đo bao quát nhất, “chỉ số tự do thương mại”, xem xét tất cả xuất khẩu và nhập khẩu là một phần của nền kinh tế toàn thế giới, đã giảm còn 54% vào năm 2016 so với 61% của năm 2007. Nhưng hãy nhìn vào biểu đồ trong lịch sử,²⁹ và kể từ năm 1945, khi tự do thương mại ở mức khoảng 10%, bạn sẽ thấy đường tăng trưởng đi lên của toàn cầu hóa gần như không gián đoạn. Sự sụt giảm kể từ năm 2008 là có thật nhưng rất nhỏ, là một đốm sáng nhấp nháy trên màn hình radar của xu hướng dài hạn.

BẢY THẬP KỶ TOÀN CẦU HÓA



“Chỉ số tự do thương mại” xem xét tất cả xuất khẩu và nhập khẩu là một phần của nền kinh tế toàn thế giới, được biểu thị trên trục hoành dưới dạng phần trăm GDP.

Tất nhiên, tác động ngắn hạn của đại dịch và các đợt đóng cửa là cắt giảm mọi hoạt động kinh tế, trong nước và quốc tế. Sự đảo ngược này có thể sẽ phát triển thành một giai đoạn của quá trình đảo ngược toàn cầu hóa thực sự nhưng không đáng kể. Tuy nhiên các chỉ số kinh tế xấu đi nhanh thì cũng có thể cải thiện nhanh, đặc biệt là khi có phương pháp điều trị hoặc vaccine. Những ảnh hưởng lâu dài hơn thì chưa rõ ràng, nhưng những lời hùng biện khoa trương chống lại toàn cầu hóa vẫn chưa chuyển được thành chính sách cụ thể. Hầu như không có quốc gia nào ban hành các mức thuế quan mới để đối phó với virus này, cũng như không có bất kỳ quốc gia nào có kế hoạch làm như vậy. Việc dựng rào cản sẽ không có ý nghĩa gì, vì hầu hết các quốc gia sẽ tìm kiếm những cách mạnh mẽ nhất để thúc đẩy tăng trưởng, còn đặt chướng ngại vật trước thương mại chắc chắn sẽ cản trở sự phục hồi.

Chính quyền Trump đã chống lại truyền thống lâu đời của Mỹ trong việc thúc đẩy thương mại tự do, khiến những người đóng thuế ở Mỹ phải trả cái giá rất lớn³⁰ — khoảng 1.300 đôla cho mỗi hộ gia đình — và chẳng được lợi ích nào. Nhưng phần còn lại của thế giới đang thúc đẩy đi tới. Vài nam gần đây đã chứng kiến Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sửa đổi (trừ Mỹ), thỏa thuận EU-Canada, EU-Nhật Bản và Khu vực Mậu dịch Tự do Lục địa châu Phi. Đúng vậy, kể từ năm 2008, các quốc gia đã áp dụng hàng trăm biện pháp bảo hộ nhỏ hoặc thuế quan mới. Nhưng hiệu quả ròng của chúng là khiêm tốn. Tỷ lệ thuế quan trung bình trong thế giới công nghiệp hóa những năm 1960, trước khi tiến hành vòng tự do hóa lên đến đỉnh điểm vào năm 1967, là 15%.³¹ Trong năm 2017, mức trung bình toàn cầu — thậm chí bao gồm cả các nước đang phát triển có truyền thống ngò vực thương mại tự do — là dưới 3%.³² Có lẽ nó sẽ tăng lên 4%. Một lần nữa, nhiều sai bước lớn tiến về phía trước và chỉ có một vài bước lùi.

Trong khi giải quyết sự bùng phát Covid-19, một số quốc gia, bao gồm Mỹ, Ấn Độ và Pháp, đã lên tiếng về mối nguy hiểm của việc phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài đối với các sản phẩm y tế quan trọng.³³ Nhưng ít nhất ở phương Tây, nhiều hàng hóa bị thiếu hụt không phải là máy móc phức tạp hay thuốc men; mà là những món đơn giản như khẩu trang và tấm bông, vốn dĩ có xu hướng được sản xuất ở các nước có thu nhập thấp hơn. Đưa việc sản xuất hàng loạt các sản phẩm tiêu dùng cơ bản như thế này “hồi hương” sẽ rất tốn kém. Và trường hợp khẩn cấp tiếp theo không chừng là thảm họa khí hậu, đòi hỏi những nguồn cung khẩn cấp hoàn toàn khác. Thậm chí đại dịch tiếp theo có thể là thứ virus nào đó hoàn

toàn khác với virus đường hô hấp và cần một bộ thiết bị xử lý khủng hoảng riêng. Liệu có phải chính phủ nên lường trước mọi kịch bản có thể hình dung được và trợ cấp cho hàng chục ngành công nghiệp để đảm bảo ngăn ngừa mọi thiếu hụt có thể xảy ra trong cú sốc tiếp theo? Làm vậy thì đúng là sẽ định hình lại bộ mặt của chủ nghĩa tư bản.

Vấn đề cung ứng có thể được giải quyết dễ dàng hơn nhiều nếu đơn giản là các chính phủ chỉ việc mua một lượng lớn các loại vật tư y tế và dự trữ chúng, bổ sung định kỳ những vật tư đã hết hạn sử dụng. Sự thiếu hụt thường là ngắn hạn, ngay khi khủng hoảng xảy ra — sau đó khu vực tư nhân sẽ đẩy mạnh để đáp ứng nhu cầu. Đây chính xác là những gì đã xảy ra trong đại dịch Covid-19. Trong vài tháng, khẩu trang trên toàn thế giới cạn kiệt³⁴ đến mức khiến nhiều chính phủ cấm xuất khẩu thiết bị bảo hộ. Ấn Độ đã làm vậy, và trong những tháng tiếp theo, các nhà sản xuất Ấn Độ đã tăng năng lực sản xuất khẩu trang N95 lên gấp 57 lần³⁵ so với mức trước đại dịch. Đến tháng 7, nhiều nơi phải đối mặt với tình trạng lượng cung quá dư thừa. Tại Trung Quốc, giá bán sỉ khẩu trang giảm 90%.³⁶

Thay vì “quy hồi cổ hương”, mục tiêu nên là tạo ra một loại dự trữ y tế chiến lược tương tự như dự trữ xăng dầu chiến lược. Mỹ có dự trữ như vậy nhưng rất hạn chế và thường bị bỏ bê. Nguồn cung y tế của nước này chưa bao giờ được bổ sung lớn sau đợt bùng phát H1N1 năm 2009.³⁷ Nhiều quốc gia châu Á xử lý tốt Covid-19 trên thực tế đã xây dựng nguồn dự trữ lớn các thiết bị quan trọng, một bài học mà họ rút ra được từ các đợt bùng phát SARS và MERS. Suy nghĩ thấu đáo về các thảm họa tiềm ẩn, nghiên cứu những hàng hóa và thiết bị quan trọng nào là thiết yếu và tạo dự trữ là những việc đầu có khó

khẩn gì cho các quốc gia. Các công ty cũng nên suy nghĩ về việc duy trì khả năng chống chịu trong những trường hợp khẩn cấp như vậy, có lẽ là duy trì kho dự trữ của riêng họ đối với một số nguyên liệu đầu vào. Tất cả những chuyện này sẽ rẻ hơn nhiều so với việc giữ cho toàn bộ các ngành công nghiệp tồn tại lâu dài, vì khả năng cả chục năm mới xảy ra một lần tình trạng các sản phẩm chúng ta cần có thể bị thiếu hụt trong vài tháng.

Song, không chừng nhiều quốc gia chỉ che đậy lấp liếm, lo lắng thì ít mà sợ hãi bao trùm vì phụ thuộc vào nước ngoài mới là cái đáng nói; đặc biệt là sợ phụ thuộc vào Trung Quốc. Trước đại dịch, mối quan ngại này bắt nguồn từ nỗi lo chính đáng về việc tập trung lớn nguồn cung từ một quốc gia đó — 70% đến 80% sản lượng toàn cầu³⁸ cho một số sản phẩm tiêu dùng. Thực tế, chính quyền Trump định lợi dụng Covid-19 để chiếm tiên cơ theo hướng mà họ đã ủng hộ từ lâu: tách khỏi Trung Quốc. Một số chính phủ châu Âu cũng đang làm như vậy. Những nỗ lực này không những được thúc đẩy bởi mong muốn đa dạng hóa chuỗi cung ứng mà còn bởi lo ngại Trung Quốc sử dụng sức mạnh thị trường của họ vào các mục đích địa chính trị. Nhưng cách dễ nhất để đa dạng hóa các nhà cung cấp ngoài Trung Quốc là chuyển nhà máy đến những nơi vẫn còn có thể giữ chi phí sản xuất thấp mà không có nỗi lo siêu cường chính trị, chẳng hạn như Việt Nam, Bangladesh hoặc Romania. Quá trình dịch chuyển này đã và đang được tiến hành, khi Trung Quốc trở thành quốc gia có thu nhập trung bình và chi phí lao động ở nước này tăng lên. Trên thực tế, người hưởng lợi lâu dài nhất từ nỗi lo sợ liên quan đến Covid có lẽ là Mexico, khi các công ty Mỹ chuyển cơ sở của họ ở Trung Quốc về gần nhà hơn mà vẫn tận dụng được nguồn lao động giá rẻ. Bất luận lợi

ích của những động thái này là gì — và một số lợi ích là chính đáng — chúng không báo điểm kết thúc toàn cầu hóa. Chúng chỉ thể hiện tái cấu trúc trong thương mại và đầu tư xuyên biên giới trên thế giới.

Một số nhà máy sẽ trở về nhà. Các chính phủ từ Nhật Bản đến Liên minh châu Âu đã đặt ra những ưu đãi cho các công ty sản xuất trong nước.³⁹ Chính quyền Trump đã khuyến khích các công ty lớn nhất sản xuất nhiều hơn ở Mỹ, một phần bằng cách giảm thuế cho các nhà xuất khẩu Mỹ.⁴⁰ Nhưng kể cả với những ưu đãi như vậy, việc xây dựng lại nền sản xuất trong nước sẽ là một quá trình chậm chạp. Những nỗ lực đó đụng phải một trong những thế lực mạnh nhất hành tinh: lợi thế so sánh. Toàn cầu hóa đã phát triển mạnh mẽ vì thực tế kinh tế đơn giản là các quốc gia khác nhau dễ dàng chuyên môn hóa trong một số lĩnh vực nhất định. Các nước tiên tiến không thích hợp lắm với việc sản xuất hàng tiêu dùng cơ bản, đó là lý do tại sao hầu hết các nước đó chúng kiến công ăn việc làm trong ngành sản xuất giảm mạnh kể từ những năm 1950 và 1960.⁴¹ Quần jeans vải denim dệt biên của Levi's có giá khoảng 130 đôla, trong khi phiên bản "Made in the USA" của cùng chiếc quần đó có giá khoảng 350 đôla.⁴²

Bất chấp những lời hứa với công nhân cổ cồn xanh Mỹ của Donald Trump và việc ông áp thuế rộng rãi nhất kể từ sau Biểu thuế Smoot-Hawley⁴³ khét tiếng năm 1930, tỷ lệ việc làm trong lĩnh vực sản xuất ở Mỹ vẫn không đổi dưới thời của ông,⁴⁴ vẫn giảm hơn một nửa so với năm 1980. Sự trì trệ này có khả năng sẽ kéo dài. Trong đại dịch, Brooks Brothers' thông báo đóng cửa

* Nhà bán lẻ thời trang nam mang tính biểu tượng nhất của Mỹ, có tuổi đời hơn hai thế kỷ, và từng cung cấp trang phục cho 40 đời tổng thống Mỹ. (Nxb)

ba nhà máy ở Mỹ. Giám đốc điều hành giải thích rằng những cơ sở này chưa bao giờ khả thi về mặt tài chính⁴⁵ — chúng là một phần của nỗ lực tiếp thị “Sản xuất tại Mỹ” cho thương hiệu — nhưng trong bối cảnh kinh tế suy thoái, công ty không còn đủ khả năng chịu lỗ để vận hành chúng. (Trên thực tế, công ty đã đệ đơn phá sản và tìm kiếm chủ sở hữu mới khi cuốn sách này đang được viết.)

Apple cũng phải đối mặt với thế lưỡng nan tương tự. Vào năm 2012, giám đốc điều hành công ty, Tim Cook, đã tự hào thông báo trên truyền hình vào khung giờ vàng rằng máy tính mới của họ sẽ được sản xuất tại Mỹ. Đây là sản phẩm đầu tiên của Apple bao năm nay có dòng chữ “Được lắp ráp tại Mỹ”. Nhưng kế hoạch sản xuất máy Mac ở Austin, Texas, hóa ra khó hơn nhiều so với tưởng tượng, và việc bán máy tính này đã bị trì hoãn nhiều tháng. Trở ngại lớn cuối cùng lại là một thứ nhỏ xiu, một chiếc đinh vít tùy chỉnh⁴⁶ mà các nhà sản xuất Mỹ không thể sản xuất đủ và rốt cuộc Apple đành phải đặt hàng từ Trung Quốc. Vấn đề lớn hơn là Trung Quốc đã chuyên sản xuất các sản phẩm kỹ thuật như máy tính trong khi Mỹ thì không. Như Cook đã nói vào năm 2017, “Ở Mỹ, bạn có thể mở cuộc họp các kỹ sư chế tạo máy và tôi không chắc chúng ta có thể lấp đầy phòng. Ở Trung Quốc, bạn có thể lấp đầy nhiều sân bóng đá.”⁴⁷ Giờ đây, trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ-Trung và đại dịch, Apple lần nữa đang tìm cách chuyển một phần sản xuất của mình ra khỏi Trung Quốc — sang Việt Nam⁴⁸ và Ấn Độ.

Toàn bộ thảo luận này đã tập trung vào hàng hóa vật chất, chắc chắn là một phần quan trọng của nhiều nền kinh tế tiên tiến, nhưng là ngành hàng đang suy giảm. Hầu hết các nền

kinh tế hiện đại có việc làm trong ngành dịch vụ nhiều hơn so với việc làm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm vật chất. 70% GDP của Hoa Kỳ⁴⁹ do khu vực dịch vụ tạo ra. Cứ năm công việc của người Mỹ⁵⁰ thì có bốn thuộc lĩnh vực dịch vụ. Người Đức thường được ca tụng là có khả năng phi thường sản xuất ra mọi thứ, nhưng thực tế ngay cả ở Đức, các con số cũng tương tự: khoảng 70% sản lượng kinh tế⁵¹ và việc làm⁵² của họ là trong lĩnh vực dịch vụ. Ở Pháp, sản xuất chiếm chưa đến 10% GDP.⁵³ Gần như theo định nghĩa, các nền kinh tế tiên tiến ngày nay là kinh tế dịch vụ. (Trớ trêu thay, chúng ta vẫn tiếp tục gọi các nền kinh tế tiên tiến nhất thế giới là “các nước công nghiệp hóa”, trong khi thực sự họ đều là những nước *hậu*-công nghiệp.) Dịch vụ thì khó xuất khẩu vì nhiều dịch vụ, chẳng hạn như nhà hàng-khách sạn, vốn là địa phương, còn những dịch vụ khác, như luật và kế toán, thì được điều tiết theo hướng có lợi cho doanh nghiệp trong nước. Dịch vụ phát triển nhanh nhất ở nhiều nơi là chăm sóc sức khỏe, vừa có tính địa phương lẫn được điều tiết cao. Chưa hết, có những ngành dịch vụ từ ngân hàng đến tư vấn đang tìm cách toàn cầu hóa và phát triển.

Nhưng thay đổi lớn nhất trong kinh tế toàn cầu những năm gần đây là sự lên ngôi của nền kinh tế kỹ thuật số, vốn có bản chất toàn cầu. Phát trực tuyến phim ảnh, email và chia sẻ tập tin đều đang tăng trưởng không ngừng. Khi phần mềm tiếp tục “ăn” phần cứng, phân biệt giữa sản phẩm kỹ thuật số và sản phẩm vật chất trở nên khó khăn. Bạn làm sao miêu tả một phim X quang chụp ở New York nhưng được phân tích bằng sự kết hợp giữa máy tính ở Singapore và người ở Mumbai? Nếu bạn đang ở Paris và một tài xế Uber đón bạn bằng xe Prius, thì bạn sẽ trả tiền cho ô tô Nhật Bản, lao động Pháp hay mạng thông

minh của California đưa bạn tới điểm đến? Các công ty trên khắp thế giới đang bán sản phẩm của họ trên các nền tảng như Amazon, Facebook và Alibaba và sử dụng các công cụ kỹ thuật số để thúc đẩy sản xuất, tiếp thị và giao hàng. Kết quả là, nền kinh tế kỹ thuật số đang bùng nổ. Cisco tính toán, từ năm 2005 đến năm 2016, việc sử dụng băng thông xuyên biên giới đã tăng gấp 90 lần,⁵⁴ và dự kiến sẽ tăng thêm gấp 13 lần nữa vào năm 2023. Mặc dù bắt đầu từ cơ sở thấp, sản phẩm kỹ thuật số hiện thống trị nhiều ngành công nghiệp. Hầu hết các dịch vụ trực tuyến băng qua biên giới một cách liên tục và vô hình.* Đó là lý do tại sao các nhà kinh tế Susan Lund và Laura Tyson lập luận rằng toàn cầu hóa trên thực tế không thoái lui; chỉ là thay đổi hình thức.

Ngay cả khi toàn cầu hóa chuyển sang kỹ thuật số, hình thức truyền thống của nó đang tạo ra những bước tiến mới ở các thị trường mới nổi, đặc biệt là ở châu Á. Như Lund và Tyson viết, “hơn một nửa thương mại hàng hóa quốc tế liên quan đến ít nhất một quốc gia đang phát triển và thương mại hàng hóa giữa các quốc gia đang phát triển — cái gọi là thương mại Nam-Nam⁵⁵ — đã tăng từ 7% tổng lượng toàn cầu năm 2000 lên 18% năm 2016.” Các thị trường mới nổi này đang mở cửa thương mại chứ không đóng cửa. Từ năm 1990 đến năm 2016, châu Á đã tăng tỷ trọng trong thương mại thế giới từ 24% lên 34%, trong khi trong cùng thời kỳ, thương mại của châu Á từ dưới 35%⁵⁶ tăng lên hơn 55% GDP. Sáng kiến Vành đai và Con

* Có một ngoại lệ lớn đối với thế giới số không biên giới này và đó là Trung Quốc, đã dựng tường chặn Internet. Nhưng không nước nào khác noi theo Trung Quốc — không nước nào có quy mô cỡ đó mà làm theo — và thế nên, trong một vài lĩnh vực, chúng ta có hai thế giới số, Trung Quốc và các nước khác.

đường của Trung Quốc — chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng rộng lớn cung cấp cho các quốc gia ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh và thậm chí cả châu Âu — có động cơ thúc đẩy của chủ nghĩa trọng thương. Nhưng nó vẫn là sự bành trướng ô ạt của ngoại thương và đầu tư. Chỉ tính riêng từ năm 2014 đến năm 2017, Trung Quốc đã cho vay khoảng 120 tỉ USD⁵⁷ cho các dự án cơ sở hạ tầng ở các nước trong dự án Vành đai và Con đường.

Kể từ năm 1945, Mỹ đã dẫn đầu thế giới về thương mại mở hơn và tự do hơn. Trump đánh dấu một sự cắt đứt phũ phàng với truyền thống này. Nhưng ngay cả khi không có Mỹ, các quốc gia trên thế giới, từ Đông Á đến châu Phi, vẫn tiếp tục tìm nhiều cách để giao thương và kết nối. Nếu muốn nâng cao mức sống của người dân, bạn phải tìm cách mua bán với phần còn lại của nhân loại. Hãy xem xét Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, mà Trump đã từ bỏ vào tháng 1 năm 2017. Mọi quốc gia khác tham gia đều đã tiến lên phía trước và một hiệp ước thương mại kế thừa đang có hiệu lực, bao gồm 495 triệu người⁵⁸ và 15% nền kinh tế thế giới. Đến giờ, Mỹ có một thị trường nội địa đủ lớn để có thể tách biệt với thế giới — mặc dù sẽ phải trả giá bằng chi phí cao hơn và hiệu quả thấp hơn. Nhưng đối với hầu hết phần còn lại của thế giới, không có giải pháp nào khác thay thế cho thương mại mở rộng hơn.

TOÀN CẦU HÓA MÃI VỀ SAU?

Con người không muốn đứng yên. Hàng chục nghìn năm nay di chuyển đã là cách tồn tại của thế giới này. Nếu chúng ta coi toàn cầu hóa là sự di chuyển ngày càng tăng của con người,

hàng hóa và vốn, thì toàn cầu hóa đã vận hành kể từ khi những con người đầu tiên bắt đầu di cư ra khỏi châu Phi⁵⁹ vào khoảng từ 60.000 đến 90.000 năm trước — rất có thể hạn hán và đói kém (và có lẽ bệnh tật) gia tăng buộc họ phải tìm kiếm đồng cỏ mới. Trong các thiên niên kỷ xen kẽ, quá trình dài của toàn cầu hóa⁶⁰ đã tiếp tục diễn ra, thông qua chiến tranh và bệnh dịch. Khi các đế chế nổi lên — Ba Tư, La Mã, Inca, Mali, Mông Cổ và Ottoman — tất cả đều mở rộng các tuyến đường thương mại, khám phá các biên giới mới và tạo sự giao thoa giữa các dân tộc.

Thời điểm mà toàn cầu hóa hiện đại ra đời có thể được xác định niên đại chính xác hơn. Không danh nhân nào khác mà chính là Adam Smith đã đề xướng hai mốc — năm 1492 và năm 1498. Năm 1492, Columbus “khám phá” châu Mỹ; năm 1498, Vasco da Gama đã tìm ra con đường mới đến châu Á bằng cách đi vòng quanh châu Phi. Smith gọi đây là “hai sự kiện lớn nhất và quan trọng nhất được ghi lại trong lịch sử nhân loại.”⁶¹ Tại sao? Chúng có nghĩa là nền kinh tế toàn cầu đã mở rộng ồ ạt, có thêm hàng triệu người tiêu dùng và nhà sản xuất mới. Ông giải thích, “Các thị trấn thương mại của châu Âu, thay vì là nhà sản xuất và vận chuyển cho một phần của thế giới nhưng rất nhỏ (phần châu Âu giáp Đại Tây Dương và các quốc gia nằm quanh biển Baltic và Địa Trung Hải), giờ đây đã trở thành nhà sản xuất cho rất nhiều người trông trọt phát triển mạnh ở Mỹ, và là nhà vận chuyển, và ở một số khía cạnh nào đó các nhà sản xuất cũng vậy, cho hầu hết các quốc gia khác nhau⁶² ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ.” Smith viết vào thời điểm nông nghiệp vẫn thống trị hầu hết nền kinh tế của mọi quốc gia, nhưng ông đã thấy trước cách thị trường toàn cầu mở rộng này sẽ khiến

thương mại và sản xuất phát triển ổn định với cái giá phải trả là nông nghiệp. Ông dự đoán các thành phố và thị trấn sẽ thay thế nông thôn trở thành những nơi tạo ra giá trị kinh tế lớn nhất.

Sau Cách mạng Công nghiệp, thương mại đã phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Đường, rượu, thuốc lá và cá tuyết được vận chuyển khắp thế giới với số lượng ngày càng tăng. (Toàn cầu hóa cũng liên quan đến việc buôn bán nô lệ tàn ác, khủng khiếp trong nhiều thế kỷ cung cấp lao động miễn phí cho các ngành công nghiệp như đường và thuốc lá.) Nhưng việc buôn bán hàng hóa sôi nổi đó về cơ bản không cải thiện mức sống chung cho đến đầu thế kỷ 19. Các nhà sử học Kevin O'Rourke và Jeffrey Williamson cho rằng “vụ nổ lớn”⁶³ của toàn cầu hóa bắt đầu từ những năm 1820 và kéo dài suốt thế kỷ 19. Nó được kích hoạt nhờ chi phí vận tải sụt giảm. Họ lưu ý rằng từ năm 1882 đến năm 1914, chi phí vận chuyển gạo từ Rangoon (ngày nay là Yangon ở Myanmar) đến châu Âu đã giảm ba phần tư. Giá cước vận chuyển than⁶⁴ giữa Thượng Hải và Nagasaki cũng vậy. Chỉ trong ba thập kỷ, trọng tải vận tải biển trên thế giới tăng gần gấp ba lần.⁶⁵ Giá cả các sản phẩm bắt đầu đồng quy trên toàn cầu. Và cùng với quá trình toàn cầu hóa đó, thu nhập của những quốc gia tham gia vào thị trường mới và rộng lớn hơn này đã tăng lên đáng kể.⁶⁶

Có thể tìm thấy những biến đổi mạnh mẽ không kém trong thời đại của chúng ta, đặc biệt là trong sự sụp đổ chi phí truyền thông diễn ra với việc tăng cường kết nối Internet tốc độ nhanh. Hồi tôi học đại học, một cuộc gọi ba phút cho mẹ tôi ở Ấn Độ đắt đến mức tôi phải để dành tiền gọi điện và canh đồng hồ. Hôm nay con gái tôi có thể FaceTime năm tiếng đồng hồ với một người bạn ở Singapore mà không tốn kém gì. Và mặc dù

chúng ta có thể miêu tả sự sụt giảm này là sụt giảm chi phí truyền thông, nhưng thực sự nó là một sự sụt giảm xuống còn zero trong chi phí vận chuyển đối với nhiều hàng hóa và dịch vụ kỹ thuật số. Nó đã tạo ra cú nổ lớn thứ hai của toàn cầu hóa, một vụ nổ mà chúng ta vẫn còn sống.

Dòng chảy toàn cầu hóa tràn ngập ngày nay làm cho nó rất khác so với các phiên bản trước. Dòng vốn đầu tư đi khắp thế giới. Hàng hóa được sản xuất ở một nhóm quốc gia này, sau đó được tiếp thị, bán và bảo dưỡng ở một nhóm quốc gia khác. Đôi khi một sản phẩm di chuyển qua lại năm hoặc sáu lần giữa các quốc gia. Thông tin được nén ngay lập tức trên khắp thế giới. Bên dưới tất cả những điều này là sự di chuyển không ngừng của con người — 5 triệu sinh viên quốc tế,⁶⁷ 270 triệu người di cư,⁶⁸ 1,5 tỉ chuyến du lịch mỗi năm.⁶⁹ Có thể đảo ngược tất cả những điều này được không? Có lẽ tốc độ tăng trưởng thì sẽ chậm lại hoặc giảm đôi chút, nhưng có quá nhiều lực cấu trúc thúc đẩy toàn cầu hóa tiến lên, đến mức một sự đảo ngược ở quy mô toàn diện sẽ đòi hỏi thay đổi hàng loạt với những hậu quả lớn khủng khiếp. Tuy nhiên, điều đáng nhớ là nó đã xảy ra một lần trước đây trong lịch sử hiện đại — và nó có thể xảy ra lần nữa.

Kỷ nguyên lớn cuối cùng của hội nhập toàn cầu là vào những năm đầu của thế kỷ 20. Thế giới đa phần yên ả. Các cuộc cách mạng công nghệ thúc đẩy kỷ nguyên này thật ấn tượng — điện báo, điện thoại, radio, tàu hỏa, tàu hơi nước, ô tô và đèn điện. Thương mại đã tăng lên đạt đến những mức độ chưa từng thấy. Miêu tả về khoảng thời gian hừng hực đó, kinh tế gia John Maynard Keynes nhận xét rằng con người đã quen với những tiện nghi mà trước đó họ không thể tưởng tượng ra

được: “Người dân London⁷⁰ có thể vừa nhâm nhi tách trà buổi sáng trên giường, vừa đặt hàng qua điện thoại đủ thứ sản phẩm khác nhau trên Trái đất, với số lượng mà anh ta có thể thấy phù hợp, và mong đợi hợp lý được sớm giao hàng đến trước cửa nhà mình.” Người ta đi du lịch nước ngoài mà không cần hộ chiếu và giao tiếp xuyên biên giới theo cách trước giờ họ chưa từng có. Hàng chục triệu người nhập cư đã định cư ở những vùng đất mới như Mỹ, Canada và Australia. Từ năm 1870 đến năm 1914, tổng số công nhân cư trú ở nước ngoài đã tăng gấp năm lần.⁷¹ Đến năm 1914, khoảng 15% dân số Mỹ là người nhập cư, một con số mà đất nước này phải mất gần một thế kỷ sau mới bắt kịp.

Học giả đồng hương của Keynes, Lord Bryce, một trong những nhà quan sát nhạy bén nhất của thời đại, đã tuyên bố vào năm 1902 rằng “vì mục đích kinh tế, toàn nhân loại đang nhanh chóng trở thành một dân tộc.”⁷² Cuối thập kỷ đó, cuốn sách bán chạy *The Great Illusion*⁷³ của Norman Angell lập luận rằng các nước lớn ở châu Âu đã trở nên phụ thuộc lẫn nhau đến mức bắt đầu một cuộc chiến tranh mà rõ ràng là sẽ tự chuốc lấy thất bại. Làm gián đoạn thương mại toàn cầu và làm cho kẻ thù (và đối tác thương mại) của bạn nghèo đi sẽ tốn kém hơn bất kỳ lợi ích kinh tế nào có thể có từ thắng trận. “Các quốc gia hiếu chiến không kế thừa trái đất; chúng cho thấy nhân loại đang lụi tàn,” ông viết.

Angell đã nói đúng rằng chiến tranh sẽ gây tổn kém và tác dụng ngược, ấy thế mà châu Âu vẫn quyết định thử nghiệm. Bốn năm đẫm máu sau đó, 20 triệu người chết và nền kinh tế bện chặt vào nhau của châu Âu nằm trong đống đổ nát. Bốn đế chế đa quốc gia rộng lớn — Nga, Áo-Hung, Ottoman và

Đức — sụp đổ. Chiến tranh gây ra những lốc xoáy kinh tế và chính trị, đưa chủ nghĩa cộng sản vào nước Nga và chủ nghĩa phát xít đến Đức và Ý. Sau đó là thời kỳ suy thoái và một cuộc chiến tranh thế giới khác, thậm chí còn đẫm máu hơn. Bằng nhiều biện pháp, phải mất khoảng 60 năm để thương mại và du lịch toàn cầu trở lại đỉnh cao⁷⁴ đã từng đạt được trước Thế chiến I. Cái đã hủy hoại thời đại toàn cầu hóa vĩ đại cuối cùng đó không phải là phản ứng dữ dội về kinh tế hay công nghệ mà là chính trị — thuộc loại lâu đời nhất, chính sách thực dụng.

Lịch sử không lặp lại chính nó nhưng giai điệu lịch sử thì có lặp lại, ngạn ngữ nói. Và trong khi chúng ta đang sống trong kỷ nguyên toàn cầu hóa mới và thay đổi công nghệ, chúng ta cũng đang chứng kiến sự trở lại của một trong những câu chuyện lâu đời nhất trong quan hệ quốc tế — một cường quốc mới trỗi dậy và gây bất an cho vị thế bá chủ hiện tại.⁷⁵ Sự trỗi dậy của Trung Quốc và cuộc cạnh tranh vị thế cường quốc ngày càng căng thẳng giữa nước này và Mỹ — hai nền kinh tế lớn nhất hành tinh — có thể đưa chính sách thực dụng không khoan nhượng quay lại. Có thể tự tin mà nói rằng, với mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa hai quốc gia này, xung đột kéo dài sẽ rất thiệt hại, tốn kém, và cuối cùng — đối với người dân bình thường của cả hai quốc gia — cực kỳ phản tác dụng. Nhưng như Norman Angell đã phát hiện, vậy không có nghĩa là nó sẽ không xảy ra.

Nói tóm lại, toàn cầu hóa không chết. Nhưng nó có thể chết vì bị chúng ta giết.

BÀI HỌC 9

Thế giới đang trở thành lưỡng cực

TRONG NHỮNG TUẦN ĐẦU TIÊN bùng phát Covid-19, nhà văn George Packer tuyên bố: “Mỗi buổi sáng tháng 3 vô tận, người Mỹ thức dậy và thấy mình là công dân của một quốc gia thất bại.”¹ Cảm giác bị sốc bởi đại dịch và phản ứng đầy rủi ro của Mỹ là có thật, nhưng nó lại diễn ra trong bối cảnh nỗi lo lắng ngày càng tăng về tình hình đất nước. Kể từ khủng hoảng tài chính năm 2008 làm ô uế thanh danh của nước Mỹ, nhiều người đã lo sợ rằng đất nước này lún sâu trong rắc rối. Một số nhà kinh tế đã viết về năng suất và tăng trưởng chậm lại — “sự trì trệ muôn thuở”.² Những người khác nhấn mạnh bất bình đẳng đang gia tăng,³ trong khi những người khác nữa nhấn mạnh sự gia tăng đáng kể tỷ lệ tử vong do nghiện rượu, sử dụng ma túy, và tự tử — cái gọi là chết vì tuyệt vọng.⁴ Việc bầu ngôi sao truyền hình thực tế năm 2016 làm tổng thống là dấu hiệu cho thấy sự sụp đổ của nền chính trị. (Ngay cả những người coi Trump như vị cứu tinh cũng tin rằng hệ thống đã bị

hông; có điều họ tưởng ông ấy là giải pháp.) Và rồi đại dịch đến, phơi bày phũ phàng các vấn đề của nước Mỹ — từ nhà nước kém hiệu quả đến hệ thống chăm sóc sức khỏe chắp vá đến vòng luẩn quẩn của sự phân cực. Nhà bình luận người Ireland Fintan O'Toole⁵ viết hồi tháng 4 năm 2020: “Trong hơn hai thế kỷ, nước Mỹ đã kích động rất nhiều cảm xúc ở phần còn lại của thế giới: yêu mến và thù hận, sợ hãi và hy vọng, ghen tị và khinh thường, sùng bái và tức giận. Nhưng có một cảm xúc chưa bao giờ hướng về nước Mỹ cho đến bây giờ: thương hại.”

Covid-19 không chỉ đẩy nhanh cuộc bàn luận về sự suy tàn của nước Mỹ; nó còn làm điều đó trong bối cảnh lo ngại sự trỗi dậy của Trung Quốc. Cũng giống như cơ sở hạ tầng đang xuống cấp của Mỹ thường được so sánh với các thành phố lấp lánh của Trung Quốc, phản ứng đại dịch kém hiệu quả của Washington trái ngược với việc chế ngự dịch bệnh hiệu quả của Bắc Kinh. Mặc dù là tâm chấn ban đầu của virus corona, Trung Quốc không chỉ làm phẳng đường cong của nó mà còn nghiền nát nó — với tốc độ và quy mô đáng kinh ngạc. Có thời điểm chính phủ Trung Quốc áp đặt lệnh cấm cửa một phần hoặc toàn bộ đối với 800 triệu người,⁶ và thời điểm khác, chính phủ đã xét nghiệm 10 triệu người ở Vũ Hán trong vòng chưa đầy ba tuần. Chính quyền Trump đã cố gắng làm chệch hướng chú ý ra khỏi các vấn đề của chính họ bằng cách đổ trách nhiệm cho Trung Quốc, quốc gia này thực sự đã xử lý sai lúc ban đầu và khiến thế giới hiểu sai về virus corona. Nhiều người trên khắp thế giới, đau khổ trước sự bùng phát thông tin của Trung Quốc, nhưng vẫn ấn tượng trước năng lực của họ. Ở Trung Quốc, các nhà bình luận coi lời hùng biện của Washington là dấu hiệu cho thấy một siêu cường đang suy tàn cố gắng kim chân đối thủ đang lên của mình.

Trước đây nước Mỹ đã từng như thế một lần rồi. Trong bài tiểu luận trên tạp chí *Foreign Affairs* năm 1988,⁷ học giả Harvard Samuel Huntington đã tìm thấy rất nhiều trường hợp người ta nói về sự suy tàn của nước Mỹ đến nỗi ông đặt ra một thuật ngữ dành cho họ — “những người theo chủ thuyết suy tàn”. Ông lập luận rằng nước Mỹ khi đó đang chứng kiến làn sóng thứ năm của thuyết suy tàn. Làn sóng đầu tiên được kích hoạt bởi việc Liên Xô phóng Sputnik, lần thứ hai vào cuối những năm 1960 bởi việc Mỹ sa lầy ở Việt Nam, lần thứ ba bởi cú sốc dầu mỏ năm 1973, lần thứ tư bởi sự mệt mỏi từ vụ bê bối Watergate và lạm phát đình đốn vào cuối những năm 1970, và lần thứ năm bởi sự trỗi dậy của Nhật Bản vào cuối những năm 1980 (khi ông đang viết bài tiểu luận ấy). Trong những năm kể từ đó, Mỹ đã chiếm thế áp đảo đến mức khiến nước này trở nên tự tin quá đáng. Nhưng Chiến tranh Iraq, khủng hoảng tài chính năm 2008 và bây giờ là Covid-19 đã tạo ra làn sóng thứ sáu của chủ thuyết suy tàn.

Huntington lưu ý rằng bất kể bao nhiêu dự đoán hùng hồn và mạnh mẽ về sự suy tàn của Mỹ, lần nào cũng như lần này, chúng đều không thành hiện thực. Bao năm qua quan điểm đối lập của ông đã tạo ra lý lẽ đời thường của riêng nó, tạo ra một trường phái cây nhà lá vườn các học giả và nhà báo bạo mồm bác bỏ “ngộ nhận về sự suy tàn của nước Mỹ”. Liệu làn sóng thứ sáu này có được chứng minh là một trường hợp sai lầm nữa của thái độ bi quan yếm thế không? Hay chúng ta đang chứng kiến những nhược điểm tích tụ, nối tiếp nhau, theo cách mà cuối cùng sẽ dẫn đến sự sụp đổ? Trong cuốn *The Collapse of British Power*,⁸ nhà sử học Correlli Barnett lập luận rằng nước Anh, siêu cường trong thời của nó, cũng trải qua mô típ tương

tự. Nó đã chịu đựng nhiều thất bại, nhưng theo thời gian, các vấn đề trở nên mừng mủ, sai lầm chồng chất và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt hơn. Sau nhiều thập kỷ mục ruỗng, đến cuối thập niên 1940, mặc dù giành chiến thắng trong Thế chiến II, đất nước này thực sự phá sản. Đế chế Anh sụp đổ và nó đã dành nửa thế kỷ tiếp theo để điều chỉnh cho phù hợp với vai trò toàn cầu bị giảm sút. Đó có phải là tương lai định sẵn cho nước Mỹ?

Có những lý do để lo lắng. Việc Mỹ xử lý đại dịch kém đã làm nổi bật những điểm yếu mang tính hệ thống trong nước và làm suy yếu hình ảnh là nhà lãnh đạo thế giới của nước này, gây thất vọng với mô hình chủ nghĩa tư bản và dân chủ của Mỹ. Trong hai thập kỷ qua, Internet đã cho con người trên khắp thế giới tiếp xúc rộng rãi hơn với mô hình của Mỹ — và họ đã bật ngửa trước một số khía cạnh tàn bạo hơn của nước Mỹ. Mỹ có bạo lực súng đạn, cảnh sát bắn người và tù nhân nhiều hơn các nước tiên tiến khác, đôi khi ở mức độ trầm trọng hơn.⁹ Bất bình đẳng lớn hơn rõ rệt. Một số lượng lớn người dân thiếu an toàn cơ bản của bảo hiểm y tế. Phân biệt chủng tộc vẫn tồn tại, không thể hàn gắn. Khi tôi lớn lên ở Ấn Độ, mọi người chỉ trích chính sách đối ngoại của Mỹ nhưng vẫn xem mô hình Mỹ là tiên tiến và thành công nhất trên thế giới. Ngày nay, họ nhìn vào mô hình đó với sự hoài nghi lớn hơn nhiều và, vâng, đôi khi thậm chí là thương hại.

Nhưng thực tế là Mỹ, với tất cả những sai sót của mình, vẫn tiếp tục thực hiện rất tốt thước đo cơ bản nhất về sức mạnh toàn cầu: sức mạnh kinh tế. Cho đến nay, nó vẫn là nền kinh tế lớn nhất thế giới, chiếm khoảng một phần tư tổng sản lượng toàn cầu — nhiều hơn cả hai quốc gia kế tiếp là Trung Quốc

và Nhật Bản cộng lại. Tỷ trọng của Mỹ trong GDP toàn cầu đã thực sự mở rộng trong thập kỷ qua¹⁰ khi Mỹ phục hồi từ khủng hoảng tài chính toàn cầu nhanh hơn và mạnh hơn hầu hết các nước cùng đẳng cấp kinh tế. Các ngân hàng Mỹ, vốn là trung tâm của cuộc khủng hoảng đó, đã nổi lên nhờ chiếm ưu thế hơn trên toàn cầu. Trong Chỉ số Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Mỹ đứng thứ hai (sau Singapore nhỏ bé). Trong bảng xếp hạng gần đây nhất của Deloitte về Năng lực cạnh tranh sản xuất toàn cầu, Mỹ gần như so kè với Trung Quốc¹¹ ở vị trí đầu tiên. Mỹ sở hữu phần lớn các công ty lớn nhất và có công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới. Đồng tiền dự trữ của thế giới vẫn là đôla Mỹ, chỉ mới mở rộng phạm vi hoạt động trong những năm gần đây, hiện chiếm gần 90% tất cả các giao dịch tiền tệ.¹² Nhà kinh tế và nhà đầu tư Ruchir Sharma nhận xét rằng nếu Trung Quốc và Mỹ “duy trì tốc độ tăng trưởng GDP danh nghĩa năm 2019 được báo cáo chính thức — tương ứng khoảng 6% và 4% — thì Trung Quốc sẽ không đuổi kịp Mỹ cho đến khoảng năm 2050.”¹³ Và tất nhiên, cho đến nay, Washington có quân đội mạnh nhất thế giới, chi tiêu cho quốc phòng nhiều hơn mười quốc gia tiếp theo cộng lại¹⁴ — một nửa trong số đó, là đồng minh hiệp ước, nằm trong phe của Mỹ.

Mỹ là một đất nước lộn xộn, manh mún, bất bình đẳng có những điểm mạnh phi thường lẫn điểm yếu lạ lùng. Nó có thể được quản lý tốt hơn và công bằng hơn, nhưng nó vẫn cực kỳ mạnh mẽ, ít nhất là được đo bằng các thước đo truyền thống về quyền lực. Điều đã thay đổi đáng chú ý trong những năm gần đây là “quyền lực mềm” của Mỹ¹⁵ — thường được định nghĩa là sức hấp dẫn, hình mẫu, và khả năng ấn định chương trình

ngệ sự của nước này. Joseph Nye, học giả phát minh ra khái niệm quyền lực mềm, và là người luôn hoài nghi về sự suy tàn của nước Mỹ, mấy năm gần đây đã cảnh báo những dấu hiệu không thể nhầm được cho thấy quyền lực mềm của Mỹ bị xói mòn. Nye lưu ý rằng thái độ toàn cầu đối với nước Mỹ đã trở nên tồi tệ.¹⁶ Trong một khảo sát của Pew năm 2018, chỉ 50% số người được thăm dò ý kiến trên 25 quốc gia có cái nhìn thiện cảm về Mỹ, so với 43% không thiện cảm. Chỉ 28% cho rằng Mỹ có tính đến lợi ích của các quốc gia khác. Và chỉ 14% tin rằng Mỹ đang làm nhiều hơn để giúp giải quyết các vấn đề toàn cầu so với vài năm trước đó. Một số kết quả khảo sát chỉ thẳng ra sự ủng hộ tổng thống Mỹ giảm thảm hại, từ 64% dành cho Obama¹⁷ xuống còn 29% với Trump.¹⁸ Tuy nhiên, ngoài tính cách cá nhân, sự tuột dốc ủng hộ này dường như liên quan đến những gì đang diễn ra bên ngoài nước Mỹ nhiều hơn là bên trong. Với “sự trỗi dậy của phần còn lại”,¹⁹ thay đổi thực sự đã xảy ra — và diễn biến nhanh chóng — chính là ở bên ngoài nước Mỹ.

Để hiểu tại sao sức mạnh của Mỹ đang suy yếu, hãy tập trung vào ý niệm cốt lõi về quyền lực: khả năng khiến người khác làm theo ý bạn. So sánh khả năng gây ảnh hưởng của Mỹ ngày nay với, Thổ Nhĩ Kỳ chẳng hạn, ba thập kỷ trước. Trong những năm 1980, Washington có thể yêu cầu Thổ Nhĩ Kỳ làm bất cứ điều gì. Nền kinh tế nước này tê liệt, thường xuyên được Mỹ cứu trợ. Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ chiếm ưu thế về mặt chính trị và vẫn là đồng minh trung thành của Mỹ trong suốt Chiến tranh Lạnh. Ngày nay, Thổ Nhĩ Kỳ hầu như không quan tâm đến quan điểm của Washington, thúc đẩy các ý tưởng và chương trình nghị sự riêng của mình, kiên quyết phản đối sự hỗ trợ

của Mỹ đối với người Kurd ở Syria và mua thiết bị quân sự nhạy cảm từ Nga. Việc Thổ Nhĩ Kỳ ngày càng thiếu tôn trọng Washington có từ trước thời Trump. Năm 2003, chính quyền Bush, đã quên mối quan hệ cũ với Thổ Nhĩ Kỳ, quyết định rằng họ sẽ sử dụng đất nước này làm một trong hai mặt trận cho cuộc xâm lược Iraq. Thật choáng váng khi người Thổ Nhĩ Kỳ từ chối cho phép.

Tôi sử dụng ví dụ về Thổ Nhĩ Kỳ vì nó minh họa lý do chính dẫn đến quyền lực của Mỹ ngày càng hạn chế, không phải nước Mỹ suy tàn mà là phần còn lại của thế giới đã trỗi dậy. Trong những năm 1980, Thổ Nhĩ Kỳ là một đồng minh trung thành vì họ phụ thuộc vào Washington để tồn tại về kinh tế, chính trị và quân sự. Tuy nhiên, Chiến tranh Lạnh đã qua lâu và những lo ngại về an ninh của Thổ Nhĩ Kỳ mang tính địa phương hơn, ít liên quan đến các mối đe dọa toàn cầu như chủ nghĩa cộng sản của Liên Xô mà liên quan đến các nước láng giềng nhiều hơn. Trong khi đó, kể từ năm 1990, sản lượng kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ đã tăng gấp năm lần,²⁰ và GDP bình quân đầu người tăng gấp ba lần.²¹ So ra, hệ thống chính trị của nước này đã ổn định và phát triển hơn rất nhiều. Nhà lãnh đạo Recep Tayyip Erdoğan, liên tục được bầu làm tổng thống, điều hành đất nước với sự tin nhiệm ngày càng tăng. Quân đội giảm ảnh hưởng chính trị đi đáng kể; vào năm 2016, Erdoğan đập tan một âm mưu đảo chính, tránh được số phận đã xảy ra với nhiều nhà lãnh đạo dân cử của Thổ Nhĩ Kỳ. Thổ Nhĩ Kỳ không phải là ngoại lệ. Thay vào ví dụ này bằng Indonesia, Brazil hoặc Kenya, và bạn sẽ thấy một mô hình tăng trưởng kinh tế và chính trị tương tự dẫn đến sự độc lập và quyết đoán. Tất nhiên, ví dụ tốt nhất của mô hình đó là Trung Quốc.

MỘT THẾ GIỚI, HAI CƯỜNG QUỐC

Bất kỳ thảo luận nào về sự trỗi dậy của Trung Quốc đều bắt đầu với xu hướng cơ bản chủ chốt: tăng trưởng kinh tế. Vào đầu thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, quốc gia này chỉ chiếm chưa đến 2% GDP toàn cầu. Bây giờ họ chiếm 16%.²² Trong thập kỷ qua, Trung Quốc là nguồn tăng trưởng toàn cầu lớn nhất. Hiện nay, Trung Quốc là quốc gia buôn bán hàng hóa số một thế giới,²³ thay thế Mỹ, quốc gia đã giữ vị trí đó trong bảy thập kỷ. Trung Quốc là nhà sản xuất lớn nhất thế giới và là nhà nhập khẩu lớn thứ hai, đồng thời nước này có dự trữ ngoại hối lớn nhất thế giới. Họ đứng số một về đóng tàu và sản xuất tấm pin mặt trời và tua-bin gió. Đây là thị trường ô tô, máy tính và điện thoại thông minh lớn nhất thế giới. Nước này có 226 trong số 500 máy tính nhanh nhất thế giới, nhiều gấp đôi Mỹ.

Nói cách khác, thời của Trung Quốc đã đến. Sự trỗi dậy của quốc gia này gây ấn tượng mạnh đến mức giờ đây người ta đã có thể nhìn ra những đường nét của một hệ thống quốc tế lưỡng cực. Mỹ vẫn là quốc gia số một cho đến nay, nhưng đặc trưng của bất kỳ hệ thống lưỡng cực nào cũng là hai cường quốc hàng đầu bứt xa hàng dặm trước tất cả những nước khác, và điều đó chắc chắn là đúng với Mỹ và Trung Quốc. (Khi lý thuyết gia về chính sách đối ngoại Hans Morgenthau miêu tả trật tự hậu-Thế chiến II là trật tự lưỡng cực, lập luận của ông là, với sự sụp đổ quyền lực của nước Anh, Mỹ và Liên Xô vượt cao hơn hẳn tất cả các nước lớn khác.) Năm 2020, tỷ trọng của Trung Quốc trong GDP toàn cầu đứng thứ hai, nhưng gần bằng phần của bốn quốc gia tiếp theo cộng lại. Ngân sách quốc phòng của nước này hiện chỉ đứng sau Mỹ — nhưng ở lĩnh vực đó cũng

thế, chi tiêu quân sự của Trung Quốc lớn hơn chi tiêu của bốn quốc gia tiếp theo cộng lại.

Khi Trung Quốc vươn lên về sức mạnh kinh tế, thì châu Âu, chứ không phải Mỹ, trượt dốc. Tỷ trọng của Mỹ trong GDP toàn cầu gần như không đổi kể từ năm 1980.²⁴ Kể từ năm 1990, các nước hiện là thành viên EU chứng kiến tỷ trọng của họ trong nền kinh tế thế giới giảm từ 30%²⁵ xuống dưới 20%, và về mặt địa chính trị, EU hầu như kém hiệu quả trên tư cách là một thể lực. Quốc gia giàu nhất châu Âu, Đức, có quy mô bằng một phần tư nền kinh tế Trung Quốc. Các quốc gia khác thậm chí không nằm trong cùng hạng cân. Ấn Độ, thường được coi là đối trọng với Trung Quốc, có nền kinh tế thậm chí còn nhỏ hơn, quy mô khoảng một phần năm. Nga có một số thuộc tính chính quy của một cường quốc, chẳng hạn như quyền phủ quyết ở Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc và một kho vũ khí hạt nhân khổng lồ. Nhưng nền kinh tế nước này hiện bằng một phần tám của Trung Quốc và ngân sách quân sự bằng một phần tư.

Không có hai hệ thống lưỡng cực nào giống nhau.²⁶ Liên Xô ngang bằng với Mỹ về sức mạnh quân sự (ít nhất là theo một số thước đo) nhưng trên mọi phương diện khác, lại tụt hậu xa hơn. Ở một khía cạnh nào đó Trung Quốc là tấm gương trái ngược. Quân đội của họ vẫn yếu hơn nhiều so với Mỹ, nhưng trên nhiều lĩnh vực kinh tế và công nghệ, Trung Quốc là một đối thủ ngang hàng. Xuống dưới nữa trong danh sách, các nền kinh tế lớn thứ ba và thứ tư trên thế giới — Nhật Bản và Đức — vì nhiều lý do lịch sử được định đoạt có vai trò phần nào thụ động trong các vấn đề quốc tế. Tất cả những điều này nghĩa là hố sâu cách biệt giữa hai siêu cường và những nước khác ngày càng tăng.

Liệu chúng ta có phải đối mặt với xung đột giữa hai cực này trong hệ thống quốc tế mới đang nổi lên không?²⁷ Các học giả, bắt đầu với Thucydides, từ lâu đã lo lắng về mối nguy hiểm của “quá trình chuyển đổi quyền lực”,²⁸ khi một cường quốc đang lên đối đầu với một cường quốc lâu đời. Ban đầu, Trung Quốc và Mỹ có vẻ không giống là đối thủ của nhau. Đến năm 2006, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa hai nước dường như sâu sắc đến mức các học giả Niall Ferguson và Moritz Schularick đưa ra từ “Chimerica”,²⁹ cho rằng “Trung Quốc và Mỹ đã hợp nhất hiệu quả để trở thành một nền kinh tế duy nhất.” Nhưng mọi thứ bắt đầu vỡ vạc sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, với Tập Cận Bình nắm quyền ở Trung Quốc và sau đó Donald Trump trở thành Tổng thống Mỹ. Đến năm 2020, căng thẳng giữa hai quốc gia ngày càng chống chất, về thương mại, công nghệ và địa chính trị. Đại dịch khiến những căng thẳng đó bùng nổ, với việc Washington tăng cường cả lời lẽ lẫn hành động chống Bắc Kinh. Sau này nhìn lại, liệu các thế hệ tương lai có nói rằng hậu quả sâu xa nhất của Covid-19 là khởi đầu cho Chiến tranh Lạnh thứ hai?

Sự chuyển dịch trong quan hệ Trung-Mỹ đã diễn ra ở cả hai thủ đô. Dưới thời Chủ tịch Tập Cận Bình, lên nắm quyền vào năm 2012,³⁰ Bắc Kinh đã trở nên quyết đoán hơn rất nhiều trên trường quốc tế, từ việc chiếm lãnh thổ Ấn Độ cho đến các yêu sách hàng hải ở Biển Đông. Trung Quốc đã áp đặt quyền kiểm soát lớn hơn đối với Hồng Kông và tìm kiếm sự tuân phục hơn từ các quốc gia nhận viện trợ và cho vay nước ngoài của Trung Quốc — đồng thời gây áp lực buộc các quốc gia, công ty và tổ chức toàn cầu phải chấp nhận lập trường của Trung Quốc đối với Đài Loan và các vấn đề khác. Bộ Ngoại giao Trung Quốc

đã trở nên hiếu chiến hơn với chính sách “Ngoại giao Chiến lang”,³¹ một cách tiếp cận lấy theo tên một chuỗi phim hành động của Trung Quốc để thể hiện rằng Trung Quốc đang sử dụng sức mạnh quân đội của họ trên khắp thế giới.

Về phần mình, chính quyền Trump khi nhậm chức đã quyết tâm cứng rắn với Bắc Kinh. Đặc biệt tìm cách giảm sự phụ thuộc của Mỹ vào Trung Quốc về kinh tế và công nghệ, một nỗ lực đã trở nên quá đao to búa lớn khi đại dịch bắt đầu. Trung Quốc cũng nhìn thấy một cơ hội. Phần lớn kiểm soát được đợt bùng phát virus trong nước và né tránh vấn đề xử lý sai ban đầu, Bắc Kinh đã xoay trục để tìm kiếm lợi thế ở nước ngoài, gửi vật tư y tế và chuyên gia để lấy cảm tình thông qua “ngoại giao khẩu trang”. Sự tương phản giữa cách tiếp cận quan hệ công chúng của hai quốc gia trong đại dịch không còn có thể rõ ràng hơn. Trung Quốc cam kết 2 tỉ USD cho phản ứng toàn cầu đối với Covid-19 trong khi Mỹ quay ra cắt tài trợ cho Tổ chức Y tế Thế giới và rút khỏi cơ quan này hoàn toàn. Trên thực tế, đóng góp của Mỹ cho WHO,³² cho đến nay, vượt xa Trung Quốc, trong khi viện trợ Covid của Mỹ cho các nước khác lên tới 2,4 tỉ đôla. Mỹ vẫn là một trụ cột của trật tự quốc tế, nhưng sự khoa trương khoác lác kích động của Trump đã làm lu mờ thực tế đó. Bắc Kinh đã thắng vòng đấu ngoại giao công chúng này,³³ khiến họ tự tin hơn nhiều để thực hiện những nỗ lực tương tự như vậy trong tương lai.

Nhưng khi đã kích Trung Quốc, Trump phản ánh một sự đồng thuận lưỡng đảng hiếm hoi đã tăng lên trong nhiều năm. Đường lối ngày càng cứng rắn hơn của Washington đối với Trung Quốc bắt nguồn từ niềm tin rằng chính sách “can dự” kéo dài hàng thập kỷ của họ đã thất bại — rằng những nỗ lực

hợp tác đã không biến Trung Quốc thành một quốc gia tự do và dân chủ hơn. Một số thất bại của chính sách can dự nghe như tiếng thở dài chán nản của người yêu đơn phương. Tuy nhiên, trên thực tế, thất vọng lớn này dựa trên một hiểu lầm lớn. Chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc không bao giờ hoàn toàn là can dự; mà luôn kết hợp can dự và răn đe. Chiến lược này đôi khi được miêu tả là “đánh chặn”.

Kể từ những năm 1970, các quan chức Mỹ đã kết luận rằng mời Trung Quốc vào hệ thống kinh tế và chính trị toàn cầu tốt hơn để nước này ngồi ngoài. Washington tiếp tục nỗ lực đưa Trung Quốc hội nhập đi đôi với việc ủng hộ nhất quán các cường quốc châu Á khác, gồm cả việc tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan. Trong những năm của chính quyền Clinton, Mỹ đảm bảo duy trì sự hiện diện quân sự đáng kể ở Đông Á (một kế hoạch được gọi là Sáng kiến Nye). Trong những năm Bush, Washington đã đảo ngược các chính sách kéo dài hàng thập kỷ và coi Ấn Độ là cường quốc hạt nhân, để kiềm chế Bắc Kinh. Chính quyền Obama thực hiện chính sách “xoay trục” nổi tiếng sang châu Á, tăng cường quan hệ quân sự với Nhật Bản và Australia và nuôi dưỡng mối quan hệ bền chặt hơn với Việt Nam. Họ cũng đề xuất Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, một cách để đối trọng với ảnh hưởng của Trung Quốc ở châu Á — nhưng Trump đã rút khỏi hiệp ước này vào ngày đầu tiên tại nhiệm.³⁴

Chiến lược đánh chặn đã hiệu quả. Trước khi Nixon thiết lập lại quan hệ giữa hai nước, Trung Quốc là quốc gia khó giao hảo nhất thế giới. Mao Trạch Đông ám ảnh với ý tưởng đứng ở vị trí tiên phong của một phong trào cách mạng sẽ tiêu diệt chủ nghĩa tư bản phương Tây. Vì mục tiêu đại cuộc đó thì không

có biện pháp nào là quá cực đoan — kể cả tận thế hạt nhân. “Trong trường hợp xấu nhất và một nửa nhân loại chết,” Mao giải thích trong một bài phát biểu ở Mátxcova năm 1957, “nửa còn lại sẽ tồn tại khi chủ nghĩa đế quốc bị tiêu diệt và cả thế giới sẽ trở thành xã hội chủ nghĩa.” Trung Quốc của Mao Trạch Đông đã tài trợ và thúc đẩy các cuộc nổi dậy và các phong trào tư tưởng chống phương Tây trên khắp thế giới, từ Mỹ Latinh đến Đông Nam Á.

Để so sánh, Trung Quốc ngày nay là một quốc gia kiểm chế đáng kể trên mặt trận địa chính trị và quân sự. Nước này đã không tham chiến kể từ năm 1979, khi mở ra chiến tranh biên giới với Việt Nam trong một thời gian ngắn. Trung Quốc cũng không tài trợ hoặc hỗ trợ cho các lực lượng được ủy nhiệm hoặc quân nổi dậy có vũ trang ở bất kỳ đâu trên thế giới kể từ đầu những năm 1980. Kỷ lục về chính sách không xâm lược đó là duy nhất trong số các cường quốc trên thế giới. Tất cả các thành viên thường trực khác của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc đã nhiều lần sử dụng vũ lực ở nhiều nơi trong vài thập kỷ qua — tất nhiên là Mỹ dẫn đầu danh sách này.

Mặc dù không trực tiếp chịu ảnh hưởng chính sách đối ngoại của Trung Quốc, nhưng đối với nhiều người ở Washington, việc Trung Quốc không thể trở thành một nền dân chủ tự do đã gây thất vọng sâu sắc. Có thể hiểu được — nhưng không bất ngờ. Ở cấp cao, không có quan chức Mỹ nào từng tuyên bố rằng mục tiêu là thay đổi căn bản hệ thống chính trị Trung Quốc. Thay vì vậy, họ tin rằng khi Trung Quốc hiện đại hóa, Internet sẽ tạo ra không gian rộng rãi hơn cho tự do theo nhiều cách khác nhau và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế sẽ thu hẹp lại. Nhiều trí thức và quan chức Trung Quốc cũng hy vọng điều

này. Trong một thời gian, thậm chí còn có vẻ khả thi, khi Trung Quốc thử nghiệm cải cách kinh tế ngày càng tăng và thậm chí cả bầu cử địa phương. Nhưng trong những năm gần đây, định hướng của chế độ đã trở nên rõ ràng: nhà nước kiểm soát nhiều hơn. Tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu coi đây là bằng chứng cho thấy chính sách của Mỹ đã thất bại. Sự kiểm soát chặt chẽ hơn của Trung Quốc không phải là kết quả của bất kỳ điều gì xảy ra ở Washington mà là do một điều đã xảy ra ở Bắc Kinh: sự nổi lên của nhà lãnh đạo mới, Tập Cận Bình.

CUỘC CÁCH MẠNG THỨ BA CỦA TRUNG QUỐC

Những thay đổi của ông Tập mang tính triệt để đến mức học giả Elizabeth Economy cho rằng phương pháp của ông đại diện cho “cuộc cách mạng thứ ba” ở Trung Quốc, có thể so sánh với cuộc cách mạng ban đầu của Mao và động thái kinh tế thị trường và hướng tới Mỹ trong những năm 1980 của Đặng Tiểu Bình. Ông Tập đã hành động trên bốn mặt trận: quyền lực lớn hơn cho bản thân, vai trò lớn hơn trong kinh tế và xã hội của Đảng Cộng sản, tăng cường quản lý thông tin và vốn, và một chính sách đối ngoại quyết đoán hơn. Nhà quan sát kỹ cựu chuyên về Trung Quốc Orville Schell, đã chứng kiến sự thăng trầm của chính sách can dự kể từ những năm 1970, miêu tả một cách trần trụi xu hướng gần đây này. Với tất cả những lời hùng biện của ông Tập về chủ nghĩa đa phương³⁵ và về sự tái sinh đất nước, Schell lưu ý, “một mặt tối hơn trong những tham vọng lớn của ông Tập, xuất phát từ sự đình ninh hoang tưởng của ông về ý niệm ‘các thế lực thù địch nước ngoài’³⁶... lâu năm và ngấm

ngâm dần trận chống lại Trung Quốc.” Có lẽ các động thái của ông Tập đánh dấu khởi đầu một sự thay đổi kéo dài hàng thập kỷ, giống như hai cuộc cách mạng đầu tiên đã làm, hoặc có thể chúng sẽ trở thành một trong nhiều điều chỉnh chính sách của Trung Quốc được đảo ngược đúng lúc. Hiện tại, Mỹ và phần còn lại của thế giới đang đối phó với một Trung Quốc mới trong cái mà ông Tập gọi là “kỷ nguyên mới” của ông.³⁷

Trung Quốc giờ đây được dẫn dắt bởi một nhà lãnh đạo làm chậm lại các cải cách kinh tế, thắt chặt sự kiểm soát của Đảng Cộng sản, đồng thời khiến các nước láng giềng nổi giận. (Khi các cuộc đàm phán thương mại kéo dài, Tổng thống Trump đã im lặng rõ rệt đối với vấn đề Tân Cương.³⁸ Âm ảnh mục tiêu tái đắc cử, nghe nói Trump đã cầu xin ông Tập Cận Bình cho Trung Quốc mua thêm đậu nành của vùng Trung Tây để giúp Trump giành chiến thắng — trong khi khẳng định với ông Tập rằng những gì Trung Quốc làm ở Tân Cương là đúng đắn.) Bắc Kinh cũng đã siết chặt Hồng Kông, áp đặt luật “an ninh quốc gia” đối với đặc khu này vào tháng 7 năm 2020.

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc cũng trở nên tham vọng hơn³⁹ dưới thời ông Tập, từ việc theo đuổi vai trò lãnh đạo trong các cơ quan của Liên hiệp quốc — nơi mà họ hiện áp đảo Mỹ ở tỷ lệ 4:1⁴⁰ — đến Sáng kiến Vành đai và Con đường rộng lớn, đến việc xây dựng trên các đảo ở Biển Đông. Sự hiếu chiến ngày càng tăng của đất nước này đánh dấu phá vỡ sự thụ động trước đây, được đúc kết bằng phương châm của Đặng Tiểu Bình “Ẩn mình chờ thời”. Đặc biệt, việc tăng cường quân sự cho thấy Trung Quốc đang thực hiện một kế hoạch dài hạn.

Nhưng có thể chấp nhận được ảnh hưởng của Trung Quốc, dựa vào tầm quan trọng kinh tế của nước này trên thế giới ở

mức nào? Nếu Washington không đặt ra câu hỏi quan trọng này trước, thì không thể đưa ra tuyên bố nghiêm túc về việc Trung Quốc sử dụng sức mạnh nào vượt lần ranh. Vào năm 1990, Đặng Tiểu Bình khuyên các nhà lãnh đạo Trung Quốc nên ẩn mình chờ thời, đất nước này rất nghèo, với một nền kinh tế kém phát triển. Nền kinh tế đó đã mở rộng 800% và bây giờ là khổng lồ. Trung Quốc đã chờ được đến lúc tới thời và triển khai sức mạnh của họ, và ngày nay, nước này đang tìm kiếm vai trò lớn hơn trong khu vực và toàn cầu như tất cả các cường quốc đều làm khi vươn lên nhờ giàu có và thế mạnh. Lớn hơn bao nhiêu là phù hợp và bao nhiêu thì tạo thành chủ nghĩa bành trướng nguy hiểm? Đó là câu hỏi chiến lược cơ bản mà Washington và thế giới chưa bao giờ xem xét nghiêm túc.

Hãy xét trường hợp của một quốc gia đang lên khác, một quốc gia vào thế kỷ 19, mặc dù gần như không bằng quy mô của Trung Quốc ngày nay. Vào năm 1823 Mỹ là một nước đang phát triển⁴¹ theo cách gọi bây giờ — một quốc gia của nông dân, với cơ sở hạ tầng kém, thậm chí không nằm trong số năm nền kinh tế hàng đầu thế giới⁴² — nhưng với Học thuyết Monroe, nó đã tuyên bố các cường quốc châu Âu đừng với tay tới toàn bộ vùng Tây Bán Cầu. Anh miễn cưỡng đồng ý, chấp nhận và đôi khi thậm chí tuân theo quyền bá chủ khu vực của Mỹ. Tuy là phép loại suy không hoàn hảo, nhưng trường hợp của nước Mỹ là lời nhắc nhở rằng khi các quốc gia đạt được sức mạnh kinh tế, họ sẽ tìm kiếm ảnh hưởng lớn hơn ở nước ngoài. Nếu Washington xác định nỗ lực như vậy của Trung Quốc là nguy hiểm, thì Mỹ sẽ đặt mình vào thế chống lại các động lực tự nhiên của đời sống quốc tế và tạo ra một lời tiên tri tự ứng nghiệm.

Với Mỹ, đối phó một đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc

là thách thức mới và chưa từng có. Kể từ năm 1945, các nước lớn trở nên thịnh vượng và nổi bật đều là đồng minh thân cận nhất của Washington, nếu không muốn nói là như thể chư hầu: Đức, Nhật Bản và Hàn Quốc. Thứ thường gây xáo trộn chính trị quốc tế — sự trỗi dậy của các cường quốc mới — lại cực kỳ lành tính với Mỹ. Tuy nhiên, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không chỉ lớn hơn nhiều so với các cường quốc nổi lên trước đó; quốc gia này luôn tồn tại bên ngoài cơ chế liên minh và phạm vi ảnh hưởng của Mỹ.

Giới tinh hoa về chính sách đối ngoại lưỡng đảng ở Mỹ đều trở nên ung dung với một thế giới mà Mỹ là lãnh đạo không thể tranh cãi. Khi còn là ngoại trưởng, Madeleine Albright đã miêu tả lý do tại sao Mỹ có thẩm quyền đạo đức để sử dụng vũ lực quân sự (trong trường hợp này là ném bom Iraq vào năm 1998). “Chúng tôi là nước Mỹ; chúng tôi là quốc gia không thể thiếu,” bà nói. “Chúng tôi đứng ở vị trí cao và chúng tôi nhìn thấy tương lai xa hơn các quốc gia khác.” Ngày nay không chắc nhiều nước khác đồng ý với tuyên bố đó. Vào năm 2019, Ngoại trưởng Mike Pompeo khẳng định — trong một tuyên bố kiểu bề trên chắc chắn sẽ khiến bất kỳ công dân Trung Quốc nào tức giận — rằng Mỹ và các đồng minh của họ phải giữ Trung Quốc ở “vị trí thích hợp”. Theo Pompeo, “tội” của Trung Quốc là họ chi tiêu cho quân sự nhiều hơn mức cần thiết cho mục đích quốc phòng. Tất nhiên, có thể nói Mỹ — và Pháp, Nga, Anh và hầu hết các nước lớn khác — cũng làm vậy thôi. Trên thực tế, định nghĩa cường quốc là một quốc gia quan tâm nhiều điều khác hơn chứ không chỉ là an ninh trước mắt của chính mình là một định nghĩa nhằm sử dụng cho mục đích này. Môi trường chính trị ở Washington luôn thúc đẩy các nhà hoạch định chính

sách theo hướng “cứng rắn” hơn là “mềm mỏng” — đóng khung các vấn đề quốc tế như thế thật là nguy hiểm. Câu hỏi thực sự là, họ khôn ngoan chứ không ngu ngốc?

Đồng thuận mang tính chủ chiến mới của Mỹ về Trung Quốc đi theo thuyết duy ngã một cách kỳ lạ, tránh thảo luận về cách đối phương sẽ phản ứng thế nào. Bắc Kinh có những người chủ chiến, những người bao năm đã cảnh báo rằng Mỹ muốn kìm hãm Trung Quốc và thậm chí tìm cách thay đổi chế độ ở Bắc Kinh. Càng ngày, thái độ của chính quyền Trump càng chứng minh những cảnh báo đó là đúng, cho những người chủ chiến ở Trung Quốc có lý do thúc đẩy chính xác loại hành vi quyết đoán và gây bất ổn mà Mỹ đang cố gắng ngăn chặn. Động thái đó, cùng với việc phe chủ chiến của bên này cùng cố bên kia, làm gia tăng căng thẳng và làm tăng nguy cơ xung đột. Điều quan trọng cần lưu ý là các chiến thuật cứng rắn của Trump đã không đạt được bất kỳ mục tiêu nào — từ chấm dứt thâm hụt thương mại của Mỹ đến giành được sự ủng hộ của Bắc Kinh trong giải quyết vấn đề Triều Tiên và Iran. Trên thực tế, họ đã tạo ra một Trung Quốc hung hăng hơn ở nước ngoài và kiểm soát chặt hơn ở trong nước.

Thái độ điều hâu của Mỹ bắt nguồn từ nỗi sợ rằng một lúc nào đó Trung Quốc có thể chiếm lĩnh toàn cầu. Đây là nỗi sợ hãi nguy hiểm, bởi vì trong lịch sử, khi thế lực thống trị tin rằng họ đang mất vị thế trước kẻ thách đấu, họ thường ra tay trước, hy vọng tiên hạ thủ vi cường chiếm lấy “thời gian lỗ hổng” mà nếu để vượt mất thì sự trỗi dậy của kẻ thách đấu là không còn có thể ngăn chặn. Chính cơ sở lý luận này đã khiến các chính khách châu Âu như những kẻ mộng du đi vào cuộc chiến tranh năm 1914.⁴³ Một thuyết định mệnh kỳ lạ tương tự về sự trỗi

dậy không gì lay chuyển được của Trung Quốc đã tạo động lực cho giới cầm quyền ở Washington. Nhưng có lý do để nghi ngờ viễn cảnh ác mộng này. Cả Liên Xô và Nhật Bản đều không thể chiếm lấy thế giới, bất chấp nỗi sợ hãi dữ dội, đôi khi hoang tưởng ở Washington về sự trỗi dậy của những quốc gia đó. Và Trung Quốc, với tất cả những thành tựu và sức mạnh của mình, đang chịu bủa vây trong một loạt thách thức nội tại, từ suy giảm nhân khẩu học cho đến hàng núi nợ. Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng phải đối mặt với một tương lai bất định. Bất chấp một thập kỷ gia tăng áp đặt ở đại lục, vẫn thấy đúng là sự trỗi dậy của tầng lớp trung lưu tạo ra khát vọng cởi mở hơn về chính trị, đã thể hiện rõ ràng ở hai xã hội Trung Quốc được Bắc Kinh theo dõi sát sao — Hồng Kông và Đài Loan.

Quan trọng nhất, sự trỗi dậy của Trung Quốc kích hoạt lo lắng lớn cho hầu hết các nước láng giềng, từ Nhật Bản, Ấn Độ đến Australia. Chính sách đối ngoại của ông Tập đã làm tăng đáng kể nỗi sợ hãi của các nước này, khiến một vài nước trong số đó phải tư duy lại triệt để chính sách đối ngoại của họ. Kể từ cuộc giao tranh biên giới vào tháng 6 năm 2020⁴⁴ khiến hàng chục người thiệt mạng, Ấn Độ có vẻ đang bắt đầu một chiến lược dài hạn để đối trọng cân bằng Trung Quốc. Bất chấp phụ thuộc sâu sắc vào thị trường Trung Quốc, Australia hiện coi Trung Quốc là đối thủ chính, đặc biệt do Bắc Kinh thực hiện nhiều cuộc tấn công mạng nhằm vào các mục tiêu của Australia, và dẫn đến toàn cầu kêu gọi điều tra việc Bắc Kinh xử lý sai sự cố bùng phát Covid-19 ban đầu. Nhật Bản phục hồi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, đưa các quốc gia khác tham gia và đảm bảo hiệp định có hiệu lực. Ngay cả Việt Nam, đã bắt đầu quan hệ đối tác quân sự, nếu không muốn nói là liên minh,

với Mỹ.⁴⁵ Muốn tránh số phận như Hồng Kông, người dân Đài Loan đã bầu lại một lãnh đạo chống Trung Quốc và đang trở nên đối nghịch hơn với đại lục, khiến các lựa chọn quân sự đối với Bắc Kinh trở nên khó khăn và tốn kém hơn. Điểm yếu địa chiến lược cơ bản của Trung Quốc luôn nằm ở việc các nước lân cận phản đối sự trỗi dậy của họ. Trong khi còn lâu mới cải thiện được khuyết điểm này, các chính sách của ông Tập lại khiến nó trầm trọng thêm. Trung Quốc ngày nay vẫn đang trỗi dậy — nhưng nằm trong một lục địa rộng lớn, bao quanh là các nước láng giềng thù địch ngày càng gia tăng mâu thuẫn.

LƯƠNG CỰC MÀ KHÔNG CÓ CHIẾN TRANH

Căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc là không thể tránh khỏi. Nhưng xung đột thì có thể tránh. Chúng ta hầu như toàn rút từ lịch sử hiện đại của châu Âu để hình dung ra nền chính trị quốc tế. Chính trị quốc tế là chuyện những cường quốc phỉnh phờ để gây ảnh hưởng trong trò chơi quyền lực thực dụng và thường xuyên lâm vào chiến tranh. Hệ thống quốc tế này thường được gọi là “đa cực” — tức là có nhiều cường quốc — và nó vốn không ổn định. Với nhiều quốc gia có sức mạnh tương đương đang cạnh tranh nhau, nước này nhìn nước kia một cách nghi ngờ, tính toán sai lầm, gây hấn, và khả năng xảy ra chiến tranh rất cao, đó là lý do tại sao châu Âu trở thành đấu trường xung đột liên miên trong nhiều thế kỷ. Nhưng hệ thống đa cực chỉ miêu tả một giai đoạn lịch sử thế giới — khoảng từ thế kỷ 16 đến giữa thế kỷ 20. Thường hơn, có những hệ thống đơn cực, do một cường quốc thống trị, từ Đế chế La Mã ở phương Tây đến một loạt triều đại Trung Hoa ở phương Đông.

Trật tự lưỡng cực được đặc trưng bởi sự đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ kéo dài chưa đầy 50 năm. Nó mở ra một thời kỳ hòa bình được duy trì lâu nhất giữa các cường quốc trong vòng 150 năm, và kết thúc một cách sừng sốt, với một bên đầu hàng và sụp đổ — mà không tốn phát súng nào. Nếu hệ thống quốc tế trở lại trật tự lưỡng cực, không có gì phải lo sợ. Có thể lưỡng cực mà không có chiến tranh.⁴⁶

Thậm chí có thể lưỡng cực mà không có chiến tranh *lạnh*. Bởi vì Chiến tranh Lạnh ban đầu được kích hoạt bởi những căng thẳng quốc tế thuộc loại khó hình dung ngày nay. Liên Xô bị Đức Quốc xã xâm lược vào năm 1941 và mất đi khoảng 25 triệu đàn ông, phụ nữ và trẻ em⁴⁷ — hơn 10% toàn bộ dân số của họ. Sau khi gánh chịu những hy sinh để giành chiến thắng trong Thế chiến II, Mátxcova đã tìm cách kiểm soát tất cả các nước láng giềng biên giới phía tây ở Đông Âu và Trung Âu, tạo vùng đệm để không bao giờ bị xâm lược nữa. Sau đó, họ hướng tầm nhìn xuống phía nam, tới Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp, và thậm chí còn mạo hiểm xa hơn nữa để giành đất đai và ảnh hưởng. Chế độ Xô viết được tổ chức xung quanh một hệ tư tưởng về cách mạng vô sản toàn thế giới, chủ trương xung đột với phương Tây. Về phần mình, Mỹ coi chủ nghĩa cộng sản Liên Xô là mối đe dọa nghiêm trọng đến an nguy quốc gia, và coi mọi đồng minh của Liên Xô ở bất cứ đâu là mối nguy hiểm. (Ngay cả những nước trung lập cũng bị nghi ngờ sâu sắc.) Hãy xem xét cách hai siêu cường đã hành động. Mátxcova đặt tên lửa hạt nhân ở Cuba, có nguy cơ xảy ra một cuộc chiến tranh thảm khốc, để mở rộng ảnh hưởng toàn cầu và chống Washington. Để đầu lại, Mỹ đã gửi tổng cộng ba triệu quân vào các khu rừng rậm Việt Nam để chặn tầm ảnh hưởng của Liên Xô ở quốc gia nghèo, nhỏ bé bên kia địa cầu.

Quan hệ giữa Washington và Bắc Kinh đồ căng thẳng hơn nhiều về mọi mặt. “Chủ nghĩa xã hội định hướng thị trường”⁴⁸ của Bắc Kinh không thực sự đại diện một xã hội thay thế khả thi cho phương Tây. Mô hình Trung Quốc là sự kết hợp bất thường giữa kinh tế học theo chủ nghĩa tự do và trọng thương với chính trị kiểm soát, bắt nguồn từ lịch sử đặc thù của Trung Quốc. Đó là một mũi tên mà phải bắn được nhiều con chim chứ không phải là một hệ tư tưởng mạch lạc và hầu như không được sao chép ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Dù bất chấp về quyền con người, Trung Quốc vẫn có vai trò đầy đủ trong trật tự quốc tế hơn Liên Xô từng có trước đây. Mátxcova đã phản đối hầu hết mọi khía cạnh của trật tự đó. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, trao đổi hàng hóa Mỹ-Xô, khi còn tồn tại, hiếm khi vượt quá 2 tỉ USD một năm.⁴⁹ Thương mại hàng hóa Mỹ-Trung đạt gần 2 tỉ USD — *mỗi ngày*.⁵⁰ Các siêu cường thời đại này gắn bó nhau sâu sắc về kinh tế, tạo động lực mạnh mẽ cho sự hợp tác. Đó là lý do tại sao ngay cả chính quyền Trump cũng có chính sách Trung Quốc nóng-và-lạnh, thúc giục đưa công nghệ thoát ly Trung Quốc đồng thời lại cũng tìm kiếm sự phụ thuộc lẫn nhau sâu sắc hơn — bằng cách yêu cầu Bắc Kinh mua nhiều hàng hóa của Mỹ hơn và cung cấp khả năng tiếp cận nhiều hơn cho các công ty Mỹ.

Thay vì Chiến tranh Lạnh nguyên mẫu, tương đồng gần gũi hơn với tình hình hiện tại là sự cạnh tranh giữa một nước Anh lâu đời và một nước Đức đang trỗi dậy bắt đầu vào cuối thế kỷ 19. Khi giải thích về nguồn gốc của Thế chiến I, Tổng thống Woodrow Wilson đã tóm tắt một cách cô đọng động cơ giữa hai cường quốc này: “Anh có trái đất,⁵¹ và Đức muốn lấy nó.” Một số học giả đã khám phá những điểm tương đồng giữa cuộc

đụng độ Anh-Đức với căng thẳng Mỹ-Trung ngày nay. Một phân tích lịch sử xuyên suốt các điểm tương đồng như sau:

Cả hai cuộc cạnh tranh⁵² đều diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế nổi lên và bùng nổ đổi mới công nghệ. Cả hai đều có đặc điểm là chế độ toàn trị đang gia tăng với hệ thống kinh tế được nhà nước bảo hộ thách thức một nền dân chủ lâu đời với hệ thống kinh tế thị trường tự do. Và cả hai đối thủ đều có đặc điểm là những nước luôn phụ thuộc lẫn nhau sâu sắc sử dụng đe dọa bằng thuế quan, thiết lập tiêu chuẩn, đánh cắp công nghệ, sức mạnh tài chính và đầu tư cơ sở hạ tầng làm lợi thế.

Quản lý tồi sự ganh đua đó đã lôi thế giới vào một cuộc chiến tranh tàn phá châu Âu và tạo tiền đề cho một cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

Tuy nhiên, điều đáng nhớ là tất cả những phép loại suy này đến từ một thời đại rất khác. Ngày nay, thế giới được xác định bởi một hệ thống toàn cầu duy nhất. Điều đó trước nay chưa từng có. Để ví dụ về các hệ thống trước đây, hãy nhìn thế giới vào khoảng năm 200. Các khu vực đông dân nhất hành tinh do các đế chế cai trị — La Mã ở châu Âu và xung quanh Địa Trung Hải, và nhà Hán ở Trung Quốc. Đây là những quốc gia hùng mạnh, chủ trì các hệ thống quốc tế đơn cực của riêng họ, nhưng hầu như hoàn toàn không kết nối với nhau. Ngày nay, các khu vực này gắn bó nhau sâu sắc, với con người, hàng hóa và ý tưởng di chuyển liên tục giữa chúng. Và ngày nay, hơn thế nữa, các tương tác toàn cầu diễn ra trong cái được gọi là “trật tự quốc tế tự do”. Khuôn khổ này, do Mỹ thiết lập sau Thế chiến II, được đánh dấu bằng sự cởi mở trong thương mại và kinh

tế, các định chế quốc tế như Liên hiệp quốc, các quy tắc và chuẩn mực điều chỉnh hành vi ứng xử quốc tế và tạo điều kiện có giải pháp hợp tác cho các vấn đề chung. Như học giả John Ikenberry đã lưu ý, mặc dù có nhiều thay đổi và thách thức, trật tự này vẫn bền vững bởi vì nó là quyền lợi của tất cả mọi người, theo cách nói của ông “dễ gia nhập và khó bị lật đổ”.⁵³ Nó cũng đã giúp tạo ra thời kỳ hòa bình dài nhất giữa các cường quốc trong lịch sử hiện đại và cho phép nhiều người thoát nghèo hơn trong toàn bộ lịch sử. Dù tình trạng lưỡng cực giữa Mỹ và Trung Quốc có thể trở nên căng thẳng, nhưng nó vẫn nằm trong thế giới *đa phương* lâu bền, hiệu quả này, mà từ đó chúng ta sẽ chuyển sang thế giới tiếp theo.

Nhìn cục diện chính trị quốc tế trong tương lai, có thể thấy rõ ràng — lưỡng cực là không thể tránh khỏi. Nhưng chiến tranh lạnh là sự lựa chọn.

BÀI HỌC 10

Những người theo chủ nghĩa hiện thực vĩ đại nhất lại là những nhà lý tưởng

COVID-19 LÀ một hiện tượng toàn cầu, nghịch lý thay, đã khiến các quốc gia khắp mọi nơi ai lo nhà nấy. Đau đớn và khổ sở, khó khăn kinh tế và hỗn loạn đã khiến các lãnh đạo thế giới từ bỏ ý tưởng hợp tác quốc tế và thay vào đó là thu mình lại, đóng cửa biên giới và lập kế hoạch cho khả năng chống chịu và phục hồi của riêng mình. Đến tháng 4 năm 2020, chiến lược của Donald Trump về đại dịch đã biến thành lời kêu gọi chủ nghĩa dân tộc của người Mỹ, với việc vị tổng thống này đổ lỗi cho Trung Quốc đã làm lây lan dịch bệnh và công kích Tổ chức Y tế Thế giới là đồng lõa. Về phần mình, Trung Quốc dãi bôi về hợp tác toàn cầu trong khi nhanh chóng đi theo “chủ nghĩa dân tộc vaccine”. Như tờ *Global Times*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã viết trong bài xã luận, “không

có cách nào Trung Quốc dựa vào châu Âu hoặc Mỹ trong việc phát triển vaccine. Trung Quốc phải tự mình¹ vươn lên trong lĩnh vực quan trọng này.” Lãnh đạo Ấn Độ cũng đi đến kết luận tương tự Bắc Kinh trong vấn đề thời sự trọng tâm đó. New Delhi hạn chế xuất khẩu các vật tư y tế quan trọng² và đầu tư hơn 1 tỉ USD để giảm phụ thuộc vào Trung Quốc³ đối với các thành phần nguyên liệu dược. Ấn Độ sẵn sàng tự phát triển thuốc⁴ và tự lực sản xuất các nguồn cung cấp thiết yếu.⁵ Ở khắp mọi nơi, ngay cả châu Âu, xem ra tư lợi và tự lực cánh sinh là những từ khóa mới.

Từ góc độ lịch sử, thật kỳ lạ khi chứng kiến cuộc khủng hoảng này khiến các nhà lãnh đạo trở nên hẹp hòi và dân tộc chủ nghĩa. Nỗi đau đại dịch là có thật và sâu sắc, nhưng đâu là gì so với giai đoạn từ năm 1914 đến năm 1945 — một cuộc chiến tranh khủng khiếp xé nát châu Âu, một đại dịch gây chết chóc nhiều hơn xa so với Covid, một cuộc suy thoái toàn cầu, sự trỗi dậy của chủ nghĩa toàn trị, một đại chiến thế giới tàn phá châu Âu lần nữa và để lại chất thải cho các thành phố của Nhật Bản do vũ khí hạt nhân — tất cả những chuyện đã nói, khiến hơn 150 triệu người chết.⁶ Tuy nhiên, sau những cuộc khủng hoảng địa ngục đó, các nhà lãnh đạo đã thúc đẩy hợp tác quốc tế nhiều hơn. Chứng kiến những cái giá phải trả của chủ nghĩa dân tộc hoành hành và tư lợi hẹp hòi, những chiến binh và chính khách sống sót tin rằng họ có bốn phận tạo ra một thế giới không rơi vào cạnh tranh xóa sổ lẫn nhau.

Chúng ta đã được hưởng thành quả lao động của họ: bảy mươi lăm năm tương đối hòa bình. Nhưng kết quả là, chúng ta trở nên hoài nghi, khinh thường chủ nghĩa lý tưởng đã đưa chúng ta đến chỗ ta đang đứng hiện nay. Bây giờ một thời

thượng là phản đối “chủ nghĩa toàn cầu”, mà không nghĩ đến cái giá của sự thay thế. Người Anh có thể ủng hộ và chấp nhận chủ nghĩa dân tộc thiểu cận Brexit vì họ không còn phải lo lắng về chủ nghĩa dân tộc thực sự và cạnh tranh địa chính trị nữa, thứ đã giết chết gần 20.000 binh lính Anh chỉ trong một ngày — ngày 1 tháng 7 năm 1916 — trong Trận Somme, để chiếm được chỉ ba dặm vuông đất lầy lội.⁷ Các chính khách đã lãnh đạo phe Đồng minh vượt qua chiến tranh và suy thoái hiểu rõ hơn và quyết tâm cho chủ nghĩa lý tưởng một cơ hội.

Franklin Roosevelt là phụ tá bộ trưởng hải quân trong chính quyền của Woodrow Wilson và rất ngưỡng mộ tầm nhìn của Wilson về một thế giới “an toàn cho nền dân chủ”. Ông đã chứng kiến chủ nghĩa lý tưởng đó sụp đổ trong những năm sau Thế chiến I, dẫn đến một cuộc chiến tranh thậm chí còn rộng hơn trong nhiệm kỳ tổng thống của chính ông. Nhưng bài học mà FDR rút ra từ kinh nghiệm của Wilson là thử hợp tác quốc tế một lần nữa, lần này với Mỹ là trung tâm của hệ thống mới — và lần này mang đến cho các cường quốc những động lực thiết thực mạnh mẽ hơn để cam kết hết mình vì hòa bình. Một vài tháng sau khi Mỹ bước vào Thế chiến II, chiến thắng vẫn chưa chắc chắn và còn xa vời, FDR bắt đầu xây dựng kế hoạch tạo ra các thể chế quốc tế và hệ thống an ninh chung để trong tương lai không thể xảy ra chiến tranh thế giới. Ngoại trưởng lâu năm của ông, Cordell Hull, đã chứng kiến những cuộc chiến tranh thương mại thập niên 1930 xoáy lên thành chiến tranh nóng như thế nào, đã quyết tâm đấu tranh cho một cơ chế thương mại tự do quốc tế mới. Những người kế nhiệm ông đã nhận ra tầm nhìn này trong những năm sau 1945 — đầu tiên là thông qua Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại, tiến hóa thành Tổ chức Thương mại Thế giới.

Roosevelt được biết đến là một người theo chủ nghĩa lý tưởng, nhưng người kế nhiệm ông, Harry S. Truman, lại không có danh tiếng như vậy. Truman được cho là người theo chủ nghĩa hiện thực cứng rắn, đã thả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, thành lập NATO, nỗ lực để kiểm chế Liên Xô, và tiến hành chiến tranh ở Triều Tiên. Nhưng Truman cũng là một người có lý tưởng sâu sắc, và ông cũng cuồng chủ nghĩa quốc tế của Wilson. Trong năm cuối trung học ở Independence, Missouri, ông bị mê hoặc bởi một bài thơ cao cả của Alfred, Lord Tennyson, *Locksley Hall*.⁸ Ông đã chép những khổ thơ sau lên một tờ giấy:⁹

Vì tôi đi sâu vào tương lai, xa như mắt người có thể nhìn thấy,
Nhìn thấy tầm nhìn của thế giới, và tất cả những điều kỳ diệu
sẽ có,

Đã thấy bầu trời tràn ngập thương mại, những cánh buồm
ma thuật,

Phi công của hoàng hôn màu tím, thả xuống những kiện hàng
đắt tiền;

Nghe thiên đường reo hò, và có mưa rơi sương mù kinh hoàng
Từ khí trời của các quốc gia Hải quân đang vật lộn trong
màu xanh trung tâm;

Xa xăm theo lời thì thầm khắp thế giới của gió nam hối hả
ấm áp,

Với chuẩn mực của những con người lao mình băng qua
bão giông-sấm sét;

Đến khi trống trận không còn thúc liên hồi, và cờ chiến được
cuộn lại

Trong Nghị viện của loài người, Liên bang của Thế giới.

Cảm nhận chung của hầu hết sẽ giữ một vương quốc cấu kinh
trong sự tôn thờ,

Và trái đất từ tế sẽ ngủ say, chìm trong luật vạn vật.

Nhiều thập kỷ sau, bất cứ khi nào các quan chức hoặc thành viên quốc hội hỏi tổng thống tại sao ông lại nhiệt thành ủng hộ Liên hiệp quốc như vậy, Truman sẽ rút từ ví ra và đọc cho họ nghe những dòng thơ của Tennyson.¹⁰

Người kế nhiệm Truman, Dwight D. Eisenhower, đã chiến đấu với quân Đức và Ý khắp châu Âu với tư cách chỉ huy lực lượng Đồng minh trên lục địa này. Ông đã thấy bản chất con người có thể đen tối và độc ác — Lực lượng Vũ trang Đức (Wehrmacht) chiến đấu dữ dội cho đến cùng kiệt. Và kết luận mà ông rút ra từ kinh nghiệm thời chiến của mình là: phải cố gắng hơn cả kỳ vọng vì hòa bình và hợp tác. Hai mươi năm sau D-Day, Walter Cronkite* phỏng vấn Eisenhower trên băng ghế trong nghĩa trang quân đội Mỹ tại Colleville-sur-Mer ở Normandy, nơi chôn cất 9.000 thi thể quân nhân Mỹ. Nhìn chăm chăm vào các bia mộ, Eisenhower giải thích với Cronkite,¹¹ “Những con người này đã cho chúng ta một cơ hội, và họ đã kéo dài thời gian cho chúng ta, để chúng ta có thể làm

* Nhà báo phát thanh người Mỹ Walter Leland Cronkite Jr. (1916-2009) từng là người dẫn chương trình *CBS Evening News* trong 19 năm (1962-1981). Ông đã đưa tin nhiều sự kiện từ năm 1937 đến 1981, bao gồm các vụ đánh bom trong Thế chiến II; Tòa án Nürnberg; chiến đấu trong chiến tranh Việt Nam; vụ không tặc trên cánh đồng Dawson; vụ bê bối Watergate; khủng hoảng con tin Iran; và các vụ ám sát John F. Kennedy, Martin Luther King Jr., và nhạc sĩ John Lennon của ban nhạc The Beatle. Ông cũng nổi tiếng am hiểu chương trình không gian của Mỹ, từ Chương trình Mercury đến cuộc đổ bộ Mặt trăng đến tàu con thoi. Ông là người duy nhất không thuộc NASA nhận giải thưởng Đại sứ Khám phá. Cronkite được nhiều người biết đến với câu khẩu hiệu khi bắt đầu dẫn, “And that’s the way it is” (“Và chuyện là như vậy”), tiếp theo là chương trình phát sóng. (Wikipedia)

tốt hơn những gì chúng ta đã làm trước đây.... Vì vậy, mỗi khi tôi trở lại bờ biển này, hoặc bất cứ khi nào nghĩ về ngày đó 20 năm trước, tôi lại nói chúng ta phải tìm cách nỗ lực vì hòa bình, và thực sự làm việc để đạt được một nền hòa bình vĩnh cửu cho thế giới này.”

Là tổng thống, Eisenhower đã đưa ra những đề xuất không thể tưởng tượng nổi ngày nay. Năm 1953, giữa lúc Chiến tranh Lạnh và Chiến tranh Triều Tiên vẫn đang diễn ra, ông đã có một bài phát biểu đề xuất tất cả các quốc gia áp dụng hạn chế nghiêm ngặt về số lượng và tính chất của vũ khí, với quy trình giải giáp do Liên hiệp quốc chủ trì. Ông cũng kêu gọi xóa bỏ vũ khí hạt nhân và đề nghị tất cả năng lượng hạt nhân phải được đặt dưới sự kiểm soát của quốc tế và chỉ được sử dụng cho mục đích hòa bình. Eisenhower đã nói bằng những từ ngữ mà ngày nay rất ít nhà phản chiến cánh tả dám sử dụng. Ông nói: “Mọi khẩu súng được chế tạo, mọi tàu chiến được nhổ neo, mọi tên lửa được bắn ra đều đồng nghĩa với hành vi trộm cắp của những người đói và không được cho ăn, những người bị rét và không có quần áo để mặc. Đây hoàn toàn không phải là một cách sống, theo bất kỳ ý nghĩa thực sự nào. Dưới đám mây chiến tranh đe dọa, nhân loại bị treo trên thập tự sắt.”¹²

Không chỉ có người Mỹ rao giảng chủ nghĩa lý tưởng. Winston Churchill là người có tinh thần dân tộc sâu sắc nhất — thậm chí là phân biệt chủng tộc — và là chính khách Đồng minh nhiệt tình nhất trong thời kỳ đó. Và chỉ một năm sau khi Thế chiến II kết thúc, ông đã nói trong một bài phát biểu nổi tiếng, “Chúng ta phải xây dựng một kiểu Hợp chủng quốc châu Âu,”¹³ thêm, “Chúng ta không thể nhắm đến chuyện gì khác hơn là liên minh châu Âu thành một khối, và chúng tôi hy vọng

với sự tự tin về ngày đạt được liên minh đó.” Ông nói, liên bang này sẽ dựa trên cùng những nguyên tắc thúc đẩy Hội Quốc Liên và những người theo chủ nghĩa lý tưởng của những năm 1920 và 1930, những người đã hình dung hợp tác mở rộng sẽ giúp thế giới thoát khỏi chiến tranh. Trong những năm sau phát biểu của Churchill, các chính khách Pháp như Jean Monnet và Robert Schuman đã làm việc với các nhà lãnh đạo Đức như Konrad Adenauer để tạo ra Liên minh châu Âu — một tổ hợp chưa từng có về chủ quyền quốc gia và là ví dụ nổi bật nhất về hợp tác hòa bình trong lịch sử nhân loại.

Bây giờ người ta thường nhìn dạng khát vọng cao cả này bằng con mắt hoài nghi. Ngày nay, nhiều nhà lãnh đạo tự hào ủng hộ tầm nhìn lợi ích quốc gia hạn hẹp. “Tôi sẽ luôn đặt nước Mỹ lên hàng đầu,” Donald Trump tuyên bố tại Đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 2017, “cũng như quý vị, với tư cách là lãnh đạo đất nước của quý vị, sẽ luôn, và nên luôn đặt đất nước của quý vị lên trên hết.”¹⁴ Nhưng thế giới mà chúng ta đang sống đây được xây dựng nhờ những chính khách có tầm nhìn rộng hơn — rằng an ninh chung, và nỗ lực chung, đều nằm trong lợi ích riêng không định kiến của từng quốc gia. Mỹ là cường quốc mạnh nhất thế giới khi xây dựng Liên hiệp quốc và mạng lưới các tổ chức quốc tế kèm theo đó, tất cả đều hạn chế quyền lực đơn phương của Mỹ.¹⁵ Mỹ đã giúp châu Âu và Đông Á phục hồi sau đổ nát của Thế chiến II — thực chất là cung cấp tài chính cho các đối thủ cạnh tranh trong tương lai. Mỹ đồng ý với các công ước và tổ chức mà nó cũng chỉ có một phiếu bầu, ngang với quốc gia nhỏ nhất. Nhưng khi làm được tất cả những điều này, nó đã xây dựng một hệ thống toàn cầu duy trì hòa bình giữa các cường quốc trong ba phần tư thế kỷ, khuyến khích

phát triển dân chủ và tôn trọng nhân quyền, đồng thời tạo điều kiện làm nên sự giảm nghèo lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Châu Âu đã tìm ra cách để vượt qua chủ nghĩa dân tộc và chiến tranh hàng thế kỷ và tạo ra một lục địa hòa bình, thịnh vượng và an ninh bằng cách chia sẻ quyền lực trong Liên minh châu Âu và NATO. Các nước Đông Nam Á, sau nhiều thập niên thuộc địa và chiến tranh, đã tập hợp lại thành Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, và đã có quan hệ hòa bình trong hai thế hệ. Tất cả những thành công này, dù lớn hay nhỏ, đều thể hiện một thành tích đáng kinh ngạc cho chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa toàn cầu.

CÁI CHẾT CỦA CHỦ NGHĨA TOÀN CẦU?

Thế nhưng đến nay, đối mặt với Covid-19, nhiều người đã thoái bộ quay về với sự ích kỷ. Nước Mỹ của Trump dẫn đầu. Tổng thống Mỹ hầu như toàn bác bỏ các cảnh báo quốc tế về căn bệnh này, và khi cuối cùng ông hành động, ông đã hành động đơn phương, thậm chí không thêm thông báo cho các đồng minh châu Âu thân thiết nhất¹⁶ trước khi ban bố lệnh cấm đi lại đối với các nước này. Có thể đoán trước được, Jair Bolsonaro của Brazil và Narendra Modi của Ấn Độ — những người theo chủ nghĩa dân túy như Trump — cũng tiếp cận đại dịch với sự ngờ vực bất kỳ loại nỗ lực toàn cầu hoặc giải pháp đa phương nào. Modi nhắc nhở người dân Ấn Độ về sự nguy hiểm của chuỗi cung ứng toàn cầu và kêu gọi “tiếng nói địa phương” (vocal for local),¹⁷ mua và quảng bá tất cả những thứ Sản xuất tại Ấn Độ. Nhưng xem ra đại dịch đã làm bùng phát chủ nghĩa dân tộc ngay cả ở những nơi mà người ta ít ngờ tới nhất, như châu Âu.¹⁸

Những người theo chủ nghĩa dân tộc chỉ ra rằng hợp tác đa phương không ngăn được đại dịch. Họ khẳng định tổ chức toàn cầu mà nhiều người tin tưởng để xử lý các đợt bùng phát dịch bệnh xuyên biên giới, Tổ chức Y tế Thế giới, đã hoạt động yếu kém. Cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2020, với thông báo về ca nhiễm virus corona đầu tiên bên ngoài Trung Quốc, WHO vẫn chấp nhận một cách cả tin tuyên bố của Bắc Kinh¹⁹ rằng không có bằng chứng cho thấy có lây truyền từ người sang người. Tổ chức này trì hoãn việc tuyên bố virus là một đại dịch cho đến ngày 11 tháng 3,²⁰ khi phần lớn thế giới đã nhận ra mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng và cuống cuống phong tỏa. Những thất bại như vậy đã khiến người ta tranh cãi về khả năng kiểm soát và phục hồi mở rộng ra ngoài một quốc gia.

Nhưng các vấn đề với WHO cho thấy cần chủ nghĩa đa phương nhiều hơn, chứ không phải giảm đi. Tổ chức này có nguồn ngân sách eo hẹp²¹ và dựa vào sự hợp tác tự nguyện từ các quốc gia thành viên. Nó không có thẩm quyền bắt buộc ai làm bất cứ điều gì, và thậm chí thường không dám làm mất mặt những nước tài trợ mạnh hơn để buộc họ hành động.²² Các quy tắc này được viết ra với sự ủng hộ hoàn toàn của Mỹ, quốc gia luôn dị ứng với ý tưởng một tổ chức quốc tế có thể can thiệp vào công việc nội bộ của mình. Tuy nhiên, trong đại dịch này, hợp tác toàn cầu đã mang lại những lợi thế mạnh mẽ. Khả năng tài chính và thiết bị y tế có thể chuyển đi khắp thế giới một cách nhanh chóng đến những người có nhu cầu đã được chứng minh là rất quan trọng. Việc các ý tưởng khoa học và cách làm hay nhất có thể tự do di chuyển thậm chí còn quan trọng hơn. Hàng nghìn sinh mạng đã được cứu sống nhờ sự cởi mở và nhanh chóng của hệ thống quốc tế. Ngay cả Mỹ, quốc gia giàu

nhất thế giới, cũng hăng hái nhận nguồn cung cấp từ Trung Quốc²³ để đáp ứng nhu cầu thiếu hụt tạm thời đối với một số thiết bị. WHO, dẫu có bao nhiêu sai lầm, vào cuối tháng 4 đã cung cấp 1,5 triệu bộ xét nghiệm²⁴ và gửi thiết bị bảo hộ y tế đến 133 quốc gia — một món quà trời cho cho các quốc gia nghèo nhất trên thế giới.

Và lại, hầu hết những sai lầm thực sự xảy ra bên trong các quốc gia, chứ không phải giữa các quốc gia. Những nơi làm tốt nhất, như Đài Loan và Hàn Quốc, cũng phải đối mặt với các vấn đề quốc tế giống như những nơi khác — và thực sự, có lượng khách du lịch đến từ Trung Quốc²⁵ tính trên đầu người nhiều hơn xa so với các nước phương Tây. Những nước không xoay sở để nhanh chóng san phẳng đường cong lây nhiễm, như Anh và Mỹ, đều vỡ trận phần lớn vì các vấn đề đảng phái và năng lực lãnh đạo quốc gia kém, chứ không phải do nhược điểm nào đó trong hệ thống quốc tế. Ấy thế mà, chủ nghĩa đa phương toàn cầu lại bị lên án. Kiểu chỉ tay đổ lỗi này cũng trì độn ngang ngửa lập luận cho rằng những thất bại cá nhân trong điều hành đất nước của Mỹ hoặc Anh Quốc thế nào đó chứng tỏ rằng bản thân các quốc gia-dân tộc đó chết rồi. Động thái rối loạn chức năng đã diễn ra, theo đó nhiều người sử dụng các thể chế đa phương khi có lợi nhưng khi có vấn đề thì quay lưng lại. Khi hàng trăm dặm xa lộ được xây dựng trong một nước châu Âu sử dụng các quỹ của EU, lãnh đạo địa phương nhận công lao và không ai cảm ơn Brussels — nhưng khi ngân sách cần phải cắt giảm, họ liền chỉ vào một số quy tắc của EU và nói, “những quan chức xấu xa ở Brussels đã bắt tôi phải làm vậy.”

Ở cấp độ toàn cầu, chủ nghĩa lý tưởng của thời kỳ hậu Thế chiến II tồn tại dưới dạng một tạo tác nổi bật: trật tự quốc

tế tự do. Nhiều người thừa nhận những thành tựu trong quá khứ của khuôn khổ hợp tác do Mỹ dẫn dắt này, nhưng cũng có người cho rằng giờ đây nó đã đến hồi cáo chung. Covid-19 được cho là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ tức khắc của trật tự đó. Nhưng, người ta nói, nó đã sụp đổ trong một thế giới nổi can qua và được định sẵn số phận là sụp đổ rồi.

CÚ SỐC CHO HỆ THỐNG

Voltaire đã có lưu ý nổi tiếng rằng Đế chế La Mã Thần thánh “không hề thần thánh, cũng không hề La Mã, cũng không là đế chế.”²⁶ Điều tương tự cũng có thể nói về trật tự quốc tế tự do, vốn chưa bao giờ tự do, quốc tế, hay trật tự như giờ đây được miêu tả một cách hoài niệm. Đó là một thực tại hỗn độn, ngay từ đầu đã là sự trộn lẫn chủ nghĩa lý tưởng với chủ nghĩa tư lợi dân tộc. Khởi đầu của trật tự này có thể bắt nguồn từ các nhà tư tưởng như Hugo Grotius²⁷ và Immanuel Kant,²⁸ nhưng lần đầu tiên được một chính khách lớn trên thế giới trình bày là vào cuối thế kỷ 19, khi một siêu cường tự do khác, Anh Quốc, lần đầu làm bùng nổ hợp tác và toàn cầu hóa. Năm 1879, William Gladstone, thủ tướng bốn nhiệm kỳ của Anh và là người khổng lồ của chủ nghĩa tự do thế kỷ 19, đã có một loạt phát biểu về chính sách đối ngoại. Trong đó, ông ủng hộ một kiểu ngoại giao mới nhằm đảm bảo hòa bình giữa các cường quốc, một cách tiếp cận mới dựa trên sự kiềm chế, “mọi quốc gia đều có quyền bình đẳng”,²⁹ và “yêu chuộng tự do”. Mà không chỉ nói. Nước Anh đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ các tuyến đường biển toàn cầu, trong khi đồng bằng Anh đóng vai trò là đồng tiền dự trữ toàn cầu. Quyền bá chủ hải quân của Vương quốc Anh đã duy trì đôi chút ổn định quốc tế.

Chắc chắn, thời đại này vẫn chứng kiến cạnh tranh kinh tế gay gắt, các cường quốc mới trỗi dậy, các cuộc cách mạng trong nước và chủ nghĩa đế quốc hung hãn ở nước ngoài. “Yêu chuộng tự do” của Gladstone đã được áp dụng một cách có chọn lọc: Bản thân nước Anh cũng nhiệt tình theo đuổi chủ nghĩa đế quốc, đàn áp các cuộc nổi dậy từ Ấn Độ đến Ireland. Đôi khi, nó còn hết sức nhẫn tâm.³⁰ Nhưng, nói một cách tương đối, so với bất kỳ thời kỳ nào trước đó của lịch sử nhân loại, đây là thời đại được đánh dấu bằng hòa bình chưa từng có, mở rộng thương mại và mầm mống của hợp tác quốc tế, chẳng hạn các hiệp định kiểm soát vũ khí hiện đại đầu tiên.³¹ Tóm lại, đó là một trật tự quốc tế tự do mới ra đời. Nó đi đến kết thúc đồ vớ với Thế chiến I, một sự gián đoạn kéo dài qua những năm chiến tranh khốc liệt và sau đó là qua Thế chiến II.

Sau năm 1945, khi Mỹ giành quyền lãnh đạo toàn cầu từ tay nước Anh, Washington bắt đầu xây dựng một bộ chuẩn mực và thể chế quốc tế chính thức hơn. Nhưng hệ thống mới nổi này đã vấp phải sự phản đối dữ dội từ Liên Xô, kéo theo hàng loạt đồ vớ trong quan hệ hợp tác giữa các đồng minh (đau đớn nhất là qua vấn đề Kênh đào Suez năm 1956 và chiến tranh Việt Nam một thập kỷ sau đó). Thậm chí còn hứng chịu sự đào ngũ phần nào của Mỹ dưới thời Richard Nixon, vào năm 1971 Washington đã chấm dứt hoạt động bảo lãnh hệ thống tiền tệ quốc tế bằng dự trữ vàng của Mỹ. Vì vậy, bức tranh thực tế hơn về thời đại sau năm 1945 là một trật tự yếu ớt, có tì vết ngay từ đầu bởi những ngoại lệ, bất hòa và dễ hỏng hóc. Trong đó, các cường quốc thường phá luật — và không ai phá luật nhiều hơn Mỹ. Từ năm 1947 đến năm 1989, khi một mặt xây dựng trật tự quốc tế tự do, nước Mỹ đã tìm cách thay đổi chế độ trên khắp

thế giới 72 lần,³² theo thống kê của một học giả, hầu như lần nào cũng không có sự chấp thuận của Liên hiệp quốc.

Nhưng trật tự đó vẫn tiến triển, bất chấp nhiều khuynh hướng đối kháng và những bước thụt lùi. Ngày càng có nhiều quốc gia tham gia, và sau khi Liên Xô tan rã vào năm 1991, gần như mọi quốc gia trên trái đất, theo nghĩa nào đó, đã trở thành một phần của nền kinh tế thế giới mở, đi theo các chuẩn mực ứng xử quốc tế, ít nhất về lý thuyết. Ngay cả bây giờ, trật tự quốc tế tự do phù hợp với nhiều chế độ khác nhau — từ Cuba đến Ả-rập Saudi đến Việt Nam — và vẫn cung cấp một khuôn khổ dựa trên quy tắc khuyến khích hòa bình, ổn định và ứng xử văn minh hơn giữa các quốc gia. Giờ đây, không chỉ ở Washington, nhiều người tranh luận rằng trật tự đó đang đối mặt một mối đe dọa mới và có lẽ là mối đe dọa chết người. Họ cáo buộc sự trỗi dậy của Trung Quốc đã phá vỡ hệ thống bởi vì Bắc Kinh lợi dụng nền kinh tế quốc tế mở để củng cố hệ thống lợi ích của chính họ. Họ chỉ ra rằng Trung Quốc đã tìm cách qua mặt Liên hiệp quốc về nhân quyền. Và cáo buộc Trung Quốc đang tìm cách thiết lập hệ thống quốc tế song song của riêng họ, một khuôn khổ không tương thích với hệ thống hiện có do phương Tây ủng hộ. Vậy sự trỗi dậy của Trung Quốc có ý nghĩa gì đối với trật tự quốc tế?

Hãy xem xét việc Trung Quốc lợi dụng nền kinh tế thế giới mở. Hầu hết các nhà kinh tế đều đồng ý rằng đất nước này có được phần lớn thành công về kinh tế nhờ ba yếu tố cơ bản: chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch sang cách tiếp cận dựa trên thị trường hơn, tỷ lệ tiết kiệm cao cho phép đầu tư vốn lớn, và năng suất tăng. Đi theo kinh tế thị trường còn gồm cả việc mở cửa đáng kể cho đầu tư nước ngoài, nhiều hơn so với hầu hết các

thị trường mới nổi lớn khác. Trung Quốc là quốc gia đang phát triển duy nhất được xếp hạng trong 25 thị trường hàng đầu về đầu tư trực tiếp nước ngoài hàng năm kể từ năm 1998.³³

Trung Quốc ngày nay đang đặt ra một số thách thức mới, đặc biệt Chủ tịch Tập Cận Bình thích sử dụng quyền lực nhà nước để giúp nước này thống trị về kinh tế trong các lĩnh vực quan trọng. Nhưng lợi thế lớn nhất của Trung Quốc trong hệ thống thương mại toàn cầu không phải từ việc sẵn sàng vi phạm các quy tắc, mà hoàn toàn là từ quy mô. Các quốc gia và công ty muốn tiếp cận Trung Quốc và sẵn sàng nhượng bộ để có được điều đó. Điều này cũng đâu có gì là bất thường. Các quốc gia khác có tầm ảnh hưởng cỡ đó cũng làm tương tự hoặc còn xấu xa hơn — Mỹ là nhất hạng. Một báo cáo năm 2015³⁴ của khổng lồ dịch vụ tài chính Credit Suisse đã chỉ ra các rào cản phi thuế quan đối với hàng hóa nước ngoài được các nước lớn đưa ra từ năm 1990 đến năm 2013. Với tổng số gần 450 rào cản phi thuế quan, Mỹ đang một mình một cõi. Tiếp theo là Ấn Độ, khoảng 350, sau đó là Nga, khoảng 250. Trung Quốc đứng thứ năm, với chưa đến 150 rào cản phi thuế quan. Chiến tranh thương mại của Trump với Trung Quốc và châu Âu là ví dụ mới nhất và nghiêm trọng nhất về tính hám lợi của nước Mỹ.

Hỗ trợ của chính phủ dành cho các doanh nghiệp nhà nước nhiều hơn so với vài năm trước, nhưng Bắc Kinh đã từ bỏ điều từng là trọng tâm của chiến lược trọng thương: sử dụng đồng tiền được định giá thấp để thúc đẩy xuất khẩu. Nhà kinh tế học Nicholas Lardy đã tính toán rằng sự kết thúc của chủ nghĩa trọng thương tiền tệ, và kết quả là thặng dư thương mại của Trung Quốc giảm, gây ra “khoảng một nửa mức tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc³⁵ kể từ sau khủng hoảng tài chính

toàn cầu”. Tất nhiên, những cải cách như thế này thường chỉ được thực hiện khi đối mặt với áp lực của phương Tây, và dù vậy đi nữa thì cũng là vì chúng phục vụ lợi ích cạnh tranh của Trung Quốc. Nhưng cũng đúng là Bắc Kinh phải đối mặt với áp lực ngày càng tăng để tiến hành nhiều cải cách hơn nữa. Nhiều nhà kinh tế và hoạch định chính sách cấp cao của Trung Quốc đã cho rằng đó là cách duy nhất để nước này hiện đại hóa và tăng trưởng kinh tế. Họ đã cảnh báo rằng né tránh cải cách sẽ khiến đất nước rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” — số phận chung mà các quốc gia thoát khỏi đói nghèo để rồi đưng phải bức tường GDP bình quân đầu người đầu đó khoảng 10.000 đôla, vì từ chối hiện đại hóa nền kinh tế, hệ thống quản lý và luật pháp. Trung Quốc đã vượt qua cột mốc 10.000 đôla vào năm 2019,³⁶ nhưng có thể sẽ tắc lại ở mức này. Ngay cả trước khi đại dịch làm giảm tốc độ tăng trưởng, Trung Quốc đã chống lại cải cách hơn nữa. Các quốc gia khác đã làm tương tự cuối cùng thấy họ có nghĩa vụ phải tiếp tục con đường cải cách hoặc sa vào vết xe đổ trì trệ. Đại dịch có thể tạo động lực cho việc mở cửa hơn nữa — hoặc khiến Bắc Kinh phải tăng gấp đôi chương trình nghị sự theo chủ nghĩa dân tộc hướng nội. Ngay cả khi Trung Quốc chọn cái thứ hai, vẫn còn lâu mới lật đổ được trật tự đa phương và thay thế bằng Trung Quốc độc tôn.

Sự thật về trật tự quốc tế tự do là chưa bao giờ thực sự có một thời kỳ vàng son, mà trật tự này cũng chưa suy tàn nhiều như người ta vẫn thường tuyên bố. Các thuộc tính cốt lõi của trật tự này — hòa bình và ổn định giữa các nước lớn — vẫn được duy trì vững chắc, với việc giảm rõ rệt chiến tranh và thôn tính kể từ năm 1945.³⁷ (Xung đột Nga-Ukraine là một ngoại lệ chứng minh quy luật.) Chủ nghĩa trọng thương kinh tế của

Trung Quốc phải được giải quyết, và chính quyền Trump xứng đáng được ghi nhận vì đã nêu bật vấn đề. Nhưng Trump đáng bị chỉ trích mạnh mẽ vì đơn phương tiếp cận vấn đề, sẽ hiệu quả hơn nhiều nếu trình bày với Bắc Kinh một loạt yêu cầu của Mỹ và các đồng minh — chẳng hạn EU, Anh, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Australia, một nhóm cùng với Mỹ chiếm 58% nền kinh tế toàn cầu.³⁸ Một thế giới liên kết như vậy sẽ cho Washington lợi thế trước Trung Quốc. Tách riêng làm giảm sức mạnh đòn bẩy đó. Đúng vậy, đúng là Mỹ chưa bao giờ phải đối mặt với một đối thủ đáng gờm như Trung Quốc. Nhưng Trung Quốc có những rào cản riêng: trong lịch sử chưa từng có cường quốc mới nổi nào phải cố gắng vươn lên trong một thế giới đan xen phức tạp các kênh hợp tác và quốc phòng đa phương. Bất kỳ nỗ lực nào của Trung Quốc nhằm “đột phá” hoàn toàn³⁹ vượt ra khỏi tất cả các quy tắc và chuẩn mực toàn cầu sẽ thu hút sự phản đối mạnh mẽ từ các nước láng giềng và xa hơn nữa. Có lẽ quan trọng nhất, cách tốt nhất để đối phó Trung Quốc là củng cố hệ thống kiểm chế chính Trung Quốc. Tất nhiên, điều đó sẽ đòi hỏi Mỹ phải tham gia và hỗ trợ các cơ quan như Công ước về Luật Biển và Tòa án Hình sự Quốc tế. Nếu Mỹ bỏ qua các quy tắc và chuẩn mực, nước này sẽ không có tư cách chỉ trích Trung Quốc đã làm điều tương tự.

Đóng góp quan trọng nhất của Mỹ vào đời sống quốc tế là, không giống như mọi cường quốc chiến thắng khác trong lịch sử, sau khi chiến thắng một cách dứt khoát — trong cuộc xung đột đẫm máu nhất thế giới — nước này đã chọn tha thứ, xây dựng lại và phục hồi những kẻ thua trận. Nó tưởng tượng ra một con đường mới cho các quốc gia trên thế giới. Nó thường hành động theo những cách được truyền cảm hứng bởi lợi ích

chung chứ không chỉ vì lợi ích quốc gia hạn hẹp. Những người nhìn vào thách thức ở thời điểm này — sự trỗi dậy của Trung Quốc, và bây giờ là đại dịch Covid-19 — rồi kết luận rằng Mỹ nên từ bỏ di sản phong phú đó và chỉ việc hành xử như bất kỳ cường quốc nào khác, trở thành một phiên bản nói tiếng Anh của Đế quốc Đức, là mù về lịch sử và thành tựu của Mỹ.

Điều làm gia tăng mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với trật tự quốc tế tự do không phải là chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc — mà là sự thoái vị của Mỹ.⁴⁰ Kiến trúc sư của hệ thống này đang nhanh chóng mất hứng thú với công việc sáng tạo của mình. Như học giả Walter Russell Mead đã chỉ ra, bản năng của Trump là chủ nghĩa Jackson,⁴¹ ở chỗ ông không quan tâm đến thế giới đến độ tin rằng hầu hết các quốc gia luôn lừa bịp Mỹ, bao gồm và đặc biệt là các đồng minh của Mỹ. Trump là người theo chủ nghĩa dân tộc, theo chủ nghĩa bảo hộ và theo chủ nghĩa dân túy, quyết tâm đặt “Nước Mỹ lên trên hết”. Nhưng sự thật, hơn hết thảy, ông ta là người theo chủ nghĩa biệt lập và ông ta đã đào ngũ.⁴² Trump rút Mỹ ra khỏi nhiều tổ chức, hiệp ước và hiệp định hơn bất kỳ tổng thống nào trong lịch sử Mỹ. Trump không chỉ cố tình trì hoãn thỏa thuận thương mại với Liên minh châu Âu mà còn bắt đầu cuộc chiến thương mại chống lại khối này và đi nước cờ rút quân ra khỏi các căn cứ ở châu Âu⁴³ — dường như báo hiệu kết thúc mối quan hệ đối tác Đại Tây Dương kéo dài 70 năm.⁴⁴ Trump đã đối phó với Mỹ Latinh thông qua lăng kính hoặc tổng khứ

* Tướng Andrew Jackson, thắng cử năm 1828, được coi là ‘tổng thống dân túy’ đầu tiên của Mỹ. Trang history.com giải thích: “Chủ nghĩa Jackson có động cơ chính trị nhằm duy trì chế độ nô lệ, khuất phục thổ dân châu Mỹ (Native Americans), và tôn thờ tính thượng đẳng của người da trắng.” (Nxb)

người nhập cư hoặc giành được phiếu bầu ở Florida. Thậm chí ông còn tìm cánh xa lánh Canada (chẳng phải công trạng lớn lao gì). Và ông khoán chính sách về Trung Đông cho Israel và Ả-rập Saudi, phần lớn để Mỹ có thể rút lui. Với một vài ngoại lệ bốc đồng — chẳng hạn như ham muốn tự tôn giành giải Nobel bằng cách cố gắng tạo hòa bình với Bắc Triều Tiên — điều đáng chú ý nhất về chính sách đối ngoại của Trump là sự vắng mặt của Mỹ.

Đại dịch đã khiến nước Mỹ tăng tốc ích kỷ — nước này từ bỏ vai trò lãnh đạo thế giới tự do và cung cấp hàng hóa công cộng* trong hệ thống đa phương. Có lẽ ví dụ nổi bật nhất là chiến lược vaccine của Mỹ. Khác xa với việc điều phối một nỗ lực toàn cầu, hoặc thậm chí khuyến khích các đồng minh tập hợp nguồn lực, chính quyền Trump đơn giản là chỉ tìm cách “giành chiến thắng”, vượt mặt các quốc gia khác trong cuộc đua có vaccine trước. Báo chí Đức đưa tin chính phủ Mỹ đã cung cấp “số tiền lớn” để đảm bảo vaccine của một công ty Đức “chỉ dành cho Mỹ”.⁴⁵ Trong khi đó, các đối tác như Pháp, Brazil và Canada cáo buộc Mỹ đã cuốn các hợp đồng⁴⁶ mua thiết bị y tế quan trọng và trả giá cao hơn, hoặc thậm chí chặn các lô hàng.

Lâu nay nước Mỹ được đảm bảo an toàn trên mặt trận quê nhà, được hai hào đại dương bảo vệ tránh những bất ổn và chiến tranh. Vị trí này đã tạo cho các nhà lãnh đạo Mỹ từ năm 1945 khả năng nhìn xa trông rộng để sử dụng một phần quyền lực và nguồn lực của mình cho lợi ích chung. Hãy xem xét vai trò lãnh đạo của Washington trong việc chống lại các căn bệnh thế kỷ 21. Chính quyền George W. Bush đưa ra sáng kiến chống lại

* Public good: một số ví dụ về hàng hóa công cộng bao gồm thực thi pháp luật, bảo vệ đất nước, hệ thống thoát nước, và công viên công cộng. (Nxb)

căn bệnh thế kỷ AIDS ở châu Phi, đã gánh 85 tỉ đôla cho đại dịch này, cứu sống được 18 triệu người;⁴⁷ chính quyền Obama dẫn dắt cuộc chiến với Ebola, điều phối kinh phí và chuyên môn ngăn chặn thành công loại virus đó. Các quốc gia khác có quyền góp,⁴⁸ nhưng không quốc gia nào khác đóng vai trò trung tâm, tổ chức trên thế giới.

Thật bi kịch, đến giữa năm 2020, với đại dịch hoành hành trên hầu hết năm mươi tiểu bang⁴⁹ — rất lâu sau khi châu Âu và Đông Á bùng dịch — Mỹ không chú ý đến bất cứ gì hoặc bất kỳ ai ngoài chính họ, trừ việc đả kích Bắc Kinh. Nhưng với một người truyền thông điệp như Trump, thông điệp đến với một sự vỡ mộng. Một người bạn suốt đời của nước Mỹ, cựu thủ tướng Australia Kevin Rudd đã viết trên tờ *Foreign Affairs* về nỗi kinh hoàng và thất vọng của ông trước việc nước Mỹ sụp đổ: “Đã từng có cuộc không vận Berlin của Mỹ.⁵⁰ Giờ đây, có hình ảnh tàu sân bay USS *Theodore Roosevelt* bị tê liệt vì virus, các báo cáo về việc chính quyền đang cố gắng độc quyền kiểm soát một loại vaccine đang được phát triển ở Đức, và sự can thiệp của liên bang để ngăn chặn việc bán thiết bị bảo hộ cá nhân cho Canada. Thế giới đã đảo lộn.”

ĐÃ ĐẾN LÚC XÂY LẠI

Tại thời điểm này, khôi phục một trật tự quốc tế do Mỹ thống trị là không thể. Quá nhiều cường quốc mới đang nổi lên, quá nhiều thế lực mới phát tiết sức mạnh không thể thuần hóa, kể cả khi tổng thống Mỹ là người theo chủ nghĩa đa phương nhiệt thành. Trung Quốc đã trở thành một đối thủ và, trong nhiều lĩnh vực, một nước ngang hàng, khó có thể chấp nhận tái khởi

động quyền bá chủ của Mỹ. Phần còn lại của thế giới tiếp tục trôi dạt. Thế giới hiện tràn ngập các nhóm và thể chế mới, nhiều trong số đó có bản chất khu vực. Trung Quốc đã thành lập Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á và giúp cấp vốn cho Ngân hàng Phát triển Mới. Bắc Kinh đã thành lập một loạt các nhóm đa phương⁵¹ ở Mỹ Latinh và Đông Âu xoay quanh họ, cũng như những công trình lớn hơn nhiều, Sáng kiến Vành đai và Con đường, đang giăng cả mạng lưới chuỗi cung ứng, cơ sở hạ tầng và mạng lưới vận chuyển khắp Á-Âu và châu Phi, với Trung Quốc là trung tâm. Nga đã cố gắng thiết lập phạm vi ảnh hưởng của riêng mình, tập hợp các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ trong một hiệp ước quốc phòng⁵² và một “Liên minh Kinh tế Á-Âu” còn non nớt (có thể hiểu hành động của Putin ở Crimea khiến các nước láng giềng của Nga cảnh giác với việc ràng buộc mình vào Mátxcova).⁵³ Các khối khu vực lâu đời hơn như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Liên minh châu Phi đã phát triển tích cực hơn trong những năm gần đây.

Bất chấp mọi dự đoán về sự sụp đổ của nó, châu Âu có thể thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này mạnh mẽ hơn và thống nhất hơn, quyết tâm đóng vai trò độc lập riêng của mình trên thế giới.⁵⁴ Ngay cả Tổng thống Pháp Emmanuel Macron, người đã nhượng bộ chủ nghĩa dân tộc trong bài phát biểu kêu gọi “nền độc lập” của nước Pháp, đã phát tín hiệu rằng ông muốn đất nước mình ngày càng gắn chặt vào chủ nghĩa đa phương của một châu Âu liên bang đủ mạnh để đứng lên và “đối mặt với Trung Quốc, Mỹ, và rối loạn toàn cầu.”⁵⁵ Độc lập có thể là những lời hùng biện hoa mỹ, còn thực tế là phụ thuộc lẫn nhau. Không có khối nào trong số này mạnh bằng siêu cường quốc gia-dân tộc; nhưng tựu trung, chúng phản ánh chòm sao mới

gồm các diễn viên được phân bổ, đa dạng hơn trên sân khấu thế giới. Đó không phải là một thế giới đa cực, mà là một thế giới đa phương — bởi vì các nhà lãnh đạo khôn ngoan biết rằng chỉ một quốc gia đơn độc thì chẳng làm được gì trên phạm vi quốc tế, cho dù quốc gia đó là Mỹ hay Trung Quốc. Mỹ có thể đóng một vai trò quan trọng trong kỷ nguyên mới này: với tư cách là cường quốc hàng đầu, Mỹ vẫn có thể thiết lập chương trình nghị sự, thành lập liên minh và tổ chức hành động phối hợp. Nhưng đó sẽ là một vai trò khác với vai trò bá chủ — và đẳng cấp đế quốc của Washington có thể khiến nước này chối bỏ nhu cầu tham vấn và ngoại giao thực sự.

Sẽ có những lợi thế cho chủ nghĩa đa phương mới này. Nó dựa trên sự tham gia mở rộng cho các quốc gia khác, lớn và nhỏ. Nó công nhận đặc tính toàn cầu thực sự của hệ thống quốc tế, trải dài từ Brazil đến Nam Phi đến Ấn Độ và Indonesia. Nếu hiệu quả, một hệ thống quốc tế mang lại tiếng nói lớn hơn cho nhiều quốc gia hơn sẽ dẫn đến một hệ thống dân chủ sôi động hơn. Hãy cùng làm rõ. Tất cả đều dựa trên đặt cược: rằng những ý tưởng nền về trật tự quốc tế do Mỹ lãnh đạo có thể vẫn tồn tại sau khi kết thúc quyền bá chủ của Mỹ.⁵⁶ Trật tự thay thế, phục hồi quyền bá chủ đó, sẽ không xảy ra. Nhưng có lý do để hy vọng. Động lực cho chủ nghĩa đa phương không thuần là chủ nghĩa lý tưởng. Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và đặc biệt là Trung Quốc đã đạt được lợi ích không thể nào tính xuể từ việc trở thành thành phần của một hệ thống mở và dựa trên quy tắc. Khắp thiên hạ — kể cả Bắc Kinh — sẽ có đủ mọi động cơ để duy trì hệ thống đó hơn là hạ bệ nó. Nga đôi khi lại phá vỡ quy tắc — nhưng quốc gia này mỗi năm mỗi suy giảm sức mạnh và sẽ thấy mình bị cô lập hơn theo thời gian. Ấn Độ và

hầu hết các cường quốc mới nổi khác nên hoan nghênh một hệ thống trong đó Trung Quốc chịu ràng buộc bởi một mạng lưới các thể chế và luật lệ, ngay cả khi những thể chế và luật lệ đó cũng hạn chế họ. Người ta sẽ tìm thấy sự ổn định và thịnh vượng hơn trong một thế giới như vậy.

Trên hết, một hệ thống đa phương có chức năng mang đến cơ hội giải quyết các vấn đề chung. Đại dịch minh họa hoàn hảo những rủi ro và cơ hội của một thế giới liên kết chặt chẽ. Cuộc khủng hoảng này về bản chất là toàn cầu, ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia, giàu và nghèo. Không ai an toàn trừ phi tất cả cùng có được biện pháp an toàn nào đó. Tương tự, các vấn đề môi trường đòi hỏi hành động chung. Không gian mạng là một đấu trường không có biên giới. Tất nhiên, biến đổi khí hậu là ví dụ điển hình nhất về thách thức toàn cầu vì nó đe dọa đến sự tồn vong của loài người và không thể giải quyết được nếu không có hợp tác bền vững của tất cả mọi người, đặc biệt là giữa các bên gây ô nhiễm lớn nhất, Mỹ và Trung Quốc.

Các nhà khoa học khí hậu, những người cảnh báo về sự nguy hiểm trong cách vận hành hiện tại của chúng ta đang vô thức phản chiếu lời cảnh báo về virus của người đoạt giải Nobel Joshua Lederberg từ năm 1989. Cũng như Lederberg, các nhà khoa học khí hậu khuyên chúng ta không nên cho rằng thiên nhiên là một thể lực vô hại không có bất kỳ mối quan tâm đặc biệt nào đến sự sống còn trên trái đất này. Khí hậu không quan tâm đến chúng ta; đơn giản nó là sự tích tụ của các phản ứng hóa học có thể dễ dàng vượt ra khỏi tầm kiểm soát và phá hủy hành tinh và tất cả những ai sống trên đó. Hàng triệu hành tinh khác trong các hệ thiên hà khác có thể đã chịu chung số phận. Hành tinh láng giềng chung hệ mặt trời của chúng ta, gần đây

mô hình máy tính của NASA đưa ra giả thuyết rằng sao Kim có thể đã sinh sống được trong khoảng 2 tỉ năm, sau đó “hiệu ứng khí nhà kính” dẫn đến tình trạng cháy sém và cần cỗi trên sao Kim ngày nay.⁵⁷ Chúng ta có thể giảm thiểu các lực đẩy trái đất đi theo chiều hướng tương tự. Nếu đây mà còn không phải là lý do hợp lý để hợp tác, thì chẳng còn lý do nào khác nữa.

Nếu chúng ta không tìm ra cách để có một khuôn khổ hợp tác nào đó, chúng ta sẽ phải đối mặt với một thế giới cạnh tranh dân tộc chủ nghĩa thả ga. Những nguy cơ của nó đang trở nên gay gắt, nhưng hầu như toàn bị đánh giá thấp. Nguy cơ của một thế giới chủ nghĩa dân tộc cạnh tranh không hạn chế đang ngày càng gay gắt — và toàn bị đánh giá thấp. Nếu Mỹ và Trung Quốc, hai quốc gia năng động nhất và có công nghệ tiên tiến nhất thế giới, rơi vào một cuộc xung đột không giới hạn — từ quân sự hóa không gian đến vũ khí hóa không gian mạng, được tiếp thêm dầu vào lửa bằng cuộc chạy đua vũ trang về trí tuệ nhân tạo — thì kết quả sẽ là thảm họa. Chắc chắn có nghĩa là kết thúc của kiểu thế giới mà chúng ta đang xây dựng — một thế giới mở cho thương mại, du lịch và thông tin liên lạc toàn cầu, với những nỗ lực chung nhằm xóa đói giảm nghèo và chống lại bệnh tật. Chiến tranh Lạnh II có thể tránh được nhưng chỉ có thể bằng cách thông qua quá trình ngoại giao và hợp tác bền vững, lý tưởng là có sự tham gia của các cường quốc khác như Liên minh châu Âu và Ấn Độ. Mỹ và Trung Quốc là hai xã hội rất khác nhau, nhưng cả hai đều có niềm tự hào và yêu nước. Các động lực chính trị trong nước ở cả Washington lẫn Bắc Kinh là thăm dò và hành động chủ chiến. Nguy cơ giao chiến thì mờ hồ và dường như rất xa trong tương lai. Một lần nữa chúng ta lại mộng du đi vào xung đột, giống như năm 1914.

Bất chấp những khó khăn này, bất chấp những căng thẳng và những bước thụt lùi hiện tại, tôi không mất hy vọng. Trong quá khứ chúng ta từng đối mặt với những thách thức còn khó khăn hơn và đã xoay sở giải quyết được hết. Chúng ta đã đạt được những tiến bộ vượt bậc, cho dù nhìn lại nhiều thập kỷ hay nhiều thế kỷ. Khi Tennyson viết bài thơ *Locksley Hall* vào những năm 1830, cuộc xung đột toàn cầu lớn đầu tiên, Chiến tranh Napoléon, đã kết thúc và nhường chỗ cho một kỷ nguyên hòa bình mới mong manh ở châu Âu. Chế độ phong kiến đã được thay thế bằng chủ nghĩa công nghiệp, và các cuộc cách mạng trong thương mại và công nghệ đang kết nối thế giới. Với việc một nữ hoàng Anh mới lên ngôi, bài thơ là biểu tượng của chủ nghĩa lý tưởng thời Victoria ban đầu. Tuy nhiên, gần cuối đời, Tennyson quyết định là mình đã ngây thơ một cách ngu ngốc và viết một bài thơ khác, *Locksley Hall Sixty Years After*. Ông kết luận rằng thế kỷ 19 đã kết thúc bằng chiến tranh, cách mạng, nghèo đói ở đô thị và mất niềm tin. “Thời đại nào đây ập sự đe dọa? Điên cuồng? Những lời dối gian đã được viết ra, được nói ra,” ông tức giận viết.

Ngay sau khi bài thơ được xuất bản, sự bi quan của nó đã bị bác bỏ. Một tiểu luận phi thường đã xuất hiện trên tạp chí định kỳ *The Nineteenth Century*, bảo vệ những thành tựu của thời đại. Con sư tử tự do vĩ đại William Gladstone — ở giữa hai trong bốn nhiệm kỳ thủ tướng — thừa nhận rằng mặc dù một số giấc mơ vĩ đại nhất của những người theo chủ nghĩa lý tưởng đã không thành hiện thực, hãy xem xét những gì đã đạt được. Ông kiểm kê một lượt. Theo lời của nhà sử học Paul Kennedy, “Danh sách này gây chết điếng, nhằm chán đồng thời ấn tượng.”⁵⁸ Tỷ lệ trẻ em đi học đã tăng vọt... quyền của phụ nữ

đã được mở rộng... bộ luật hình sự ghê tởm... đã bị gạt sang một bên... và thương mại đã tăng gấp năm lần, trong khi tội phạm giảm đi rất nhiều.”

Có thể nói tương tự như vậy về trật tự quốc tế tự do của thời đại chúng ta. Nó không hoàn chỉnh và có nhiều lỗi. Nó đã chứng kiến nhiều xung đột, bất hạnh và hành vi đạo đức giả. Nhưng nhìn chung, nó đã cải thiện cuộc sống của nhiều người hơn bất kỳ hệ thống nào trước đây mà con người từng sống. Và nó làm được như vậy bởi vì nó không dựa trên ảo tưởng mơ mộng về một thế giới diệt trừ cái ác và đạo đức lên ngôi. Chủ nghĩa lý tưởng nền tảng của chủ nghĩa tự do đơn giản và thực tiễn. Nếu hợp tác, con người sẽ đạt được kết quả tốt hơn và có các giải pháp lâu dài hơn so với hành động một mình. Nếu các quốc gia có thể tránh được chiến tranh, người dân của họ sẽ sống lâu hơn, giàu có hơn và an toàn hơn. Nếu các quốc gia trở nên liên hệ mật thiết về kinh tế, mọi người sẽ khá giả hơn. Đó là niềm hy vọng cốt lõi của bài thơ trước của Tennyson, bài thơ mà Truman cất giữ trong ví ông. Các phác thảo nhìn xa trông rộng của bài thơ tưởng tượng một thế giới trong đó “cảm nhận chung của hầu hết sẽ giữ một vương quốc cầu kính trong sự tôn thờ / Và trái đất tử tế sẽ ngủ say, chìm trong luật vạn vật.” Niềm tin hợp tác có thể làm thay đổi thế giới không phải là chuyện viễn vông. Đó là lẽ thường tình.

KẾT LUẬN

Không có số phận được định sẵn

LÀ MỘT TRONG NHỮNG khoảnh khắc tuyệt vời nhất của điện ảnh. Trong bộ phim lịch sử có ảnh hưởng sâu rộng *Lawrence of Arabia* (*Lawrence xứ Ả-rập*), nhà thám hiểm ngoại giao trẻ người Anh T. E. Lawrence — qua diễn xuất bất hủ của Peter O'Toole — đã thuyết phục một nhóm các bộ lạc Ả-rập tấn công bất ngờ vào Đế chế Ottoman, để đòi độc lập. Lawrence dẫn đầu toán quân gồm những chiến binh Bedouin băng qua sa mạc, đánh tập hậu cảng Aqaba của Ottoman. Họ băng qua sa mạc trong cái nóng rát, bất chấp bão cát xoáy. Tại một thời điểm, họ phát hiện ra một trong những người lính Ả-rập, Gasim, bị ngã lạc đà. Lawrence lập tức quyết định anh phải quay lại cứu người. Sherif Ali, thủ lĩnh Ả-rập, do Omar Sharif đóng trong phim, phản đối. Một trong những phụ tá của ông ta nói với Lawrence, “Gasim đã tới số. Số phận của anh ta đã được định sẵn.” Lawrence gạt phắt, “Không có số phận được định sẵn nào hết!” Rồi anh quay lại, mạo hiểm, tìm kiếm giữa cát và lốc xoáy, và thấy Gasim đang loạng choạng, sống dở chết dở. Lawrence

đưa Gasim trở về trại và được chào đón như người hùng. Khi Sherif Ali mời nước, Lawrence nhìn ông và trước khi uống cho đã cơn khát, anh bình tĩnh lặp lại, “Không có số phận được định sẵn nào hết.”

Cuốn sách này đã miêu tả thế giới đang được cảnh báo bằng hậu quả của đại dịch Covid-19. Nhưng cuốn sách thực sự miêu tả các lực tác động đang tích tụ. Để hoàn tất câu chuyện này, chúng ta phải thêm vào vai trò của con người. Con người có thể chọn muốn thúc đẩy bản thân, xã hội và thế giới của mình đi theo hướng nào. Thực tế, giờ đây chúng ta có rất nhiều chuyện phải khắc phục. Trong hầu hết các thời đại, lịch sử diễn ra theo một lộ trình đã định và thay đổi lộ trình là rất gian nan. Nhưng virus corona mới đã khiến xã hội đảo lộn. Mọi người mất phương hướng. Mọi thứ đã và đang thay đổi, và trong bầu không khí đó, việc thay đổi hơn nữa trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết.

Hãy nghĩ về những thay đổi mà chúng ta đã chấp nhận trong cuộc sống của chính mình để đối phó với đại dịch. Chúng ta đã đồng ý tự cô lập mình trong thời gian dài. Chúng ta đã làm việc, họp hành, và trò chuyện riêng tư sâu sắc bằng cách nói vào cái máy tính xách tay của mình. Chúng ta đã tham gia các khóa học trực tuyến, sử dụng phương pháp y tế từ xa để thăm khám với bác sĩ và nhà trị liệu. Trong vòng một tháng, các công ty đã thay đổi những chính sách mà thông thường họ sẽ phải mất nhiều năm mới sửa đổi được. Chỉ qua một đêm, các thành phố biến đại lộ thành lối dành cho người đi bộ và vỉa hè thành quán cà phê. Thái độ đối với những con người trước đây bị phớt lờ hoặc bị coi thường đang thay đổi, như có thể thấy trong cụm từ mới du nhập “lao động thiết yếu”. Và các chính phủ đã mở kho bạc của họ theo những cách mà trước đây không thể tưởng

tương được và sẽ dẫn đến sẵn sàng đầu tư nhiều hơn nữa trong tương lai.

Những thay đổi này có thể là khởi đầu của cái gì đó mới, hoặc chỉ là những đốm sáng nhấp nháy nhất thời trên màn hình quan sát. Chúng ta có nhiều tương lai ở phía trước. Chúng ta có thể hướng nội và đi theo chủ nghĩa dân tộc và tư lợi, hoặc chúng ta có thể coi đại dịch toàn cầu này là động lực thúc đẩy hợp tác và hành động toàn cầu. Trước đây chúng ta đã từng đối mặt với một ngã rẽ như vậy. Trong những năm 1920, sau một cuộc thế chiến và một đại dịch, thế giới có thể đã đi theo một trong hai hướng khác nhau. Một số nhà lãnh đạo nổi lên từ cuộc xung đột muốn tạo ra cơ cấu cho nền hòa bình có thể ngăn chặn được một cuộc xung đột khác. Nhưng quốc hội đã bác bỏ kế hoạch của Woodrow Wilson, và Mỹ quay lưng lại với Hội Quốc Liên và những nỗ lực nhằm tạo ra một hệ thống an ninh chung ở châu Âu. Các nhà lãnh đạo châu Âu đã áp đặt các điều khoản trừng phạt nghiêm khắc đối với Đức, đẩy nước này đến chỗ sụp đổ. Những quyết định đó đã dẫn đến một thế giới vô cùng đen tối trong những năm 1930 — lạm phát phi mã, thất nghiệp cùng khắp, chủ nghĩa phát xít và một cuộc chiến tranh thế giới nữa. Một loạt các lựa chọn khác nhau có thể dẫn thế giới đi theo con đường hoàn toàn khác.

Tương tự, vào những năm 1940, Liên Xô của Stalin đã chọn chiến lược thách thức và đối đầu, từ chối đề nghị viện trợ của Mỹ cho Kế hoạch Marshall, và từ chối bất kỳ cuộc đàm phán nào để đặt năng lượng hạt nhân dưới quyền kiểm soát của quốc tế để sử dụng vì mục đích hòa bình. Nikita Khrushchev nói, nếu một nhà lãnh đạo Liên Xô khác nắm quyền vào thời điểm đó, thì Chiến tranh Lạnh có thể đã là một giai đoạn lịch sử đỡ

căng thẳng và đồ đáng sợ hơn nhiều. Thậm chí là có thể không bao giờ xảy ra.

Khi chúng ta nhìn vào thế giới ngày nay, rõ ràng có những xu hướng thúc đẩy đi tới — và nhanh chóng. Tôi đã cố gắng miêu tả một vài trong số những xu hướng đó. Phát triển kinh tế đang tạo ra những rủi ro về khí hậu ngày càng lớn hơn bao giờ hết. Vì lý do nhân khẩu học và nhiều lý do khác, các quốc gia đang phát triển chậm lại. Người giàu ngày càng giàu hơn; cường quốc ngày càng mạnh hơn. Công nghệ phát triển nhanh đến mức lần đầu tiên trong lịch sử, con người có thể mất kiểm soát đối với những thứ do chính mình sáng tạo ra. Toàn cầu hóa sẽ vẫn tồn tại, nhưng sự phản đối nó ngày càng lớn hơn. Các quốc gia đang trở nên cực bộ hơn. Mỹ và Trung Quốc đang tiến vào một cuộc đối đầu gay gắt và kéo dài. Nhưng chúng ta có thể đưa ra lựa chọn để định hình và thay đổi những xu hướng này.

Chúng ta có thể thích nghi với một thế giới tăng trưởng chậm, các hiểm họa tự nhiên ngày càng tăng, và bất bình đẳng gia tăng, và tiếp tục làm ăn như bình thường. Hoặc chúng ta có thể chọn hành động mạnh mẽ, sử dụng năng lực rộng lớn của nhà nước để đầu tư mới khổng lồ nhằm trang bị cho mọi người những kỹ năng và an sinh mà họ cần trong thời đại đầy những thay đổi gây hoang mang. Chúng ta có thể xây dựng cơ sở hạ tầng của thế kỷ 21, đưa công nghệ mới vào những cơ sở hạ tầng bị đe dọa. Chúng ta có thể hạn chế lượng khí thải carbon đơn giản bằng cách đặt một mức giá phản ánh chi phí thực của chúng. Và chúng ta có thể nhận ra rằng đi cùng với năng động và tăng trưởng, chúng ta cần có khả năng phục hồi và an toàn — nếu không thì lần khủng hoảng tiếp theo có thể là lần khủng hoảng cuối cùng. Đối với một số người cấp tiến, các đề

xuất của tôi có thể giống một chương trình cải cách, chứ không phải cách mạng. Đúng vậy. Nhưng chúng ta không cần lật đổ trật tự hiện có để mong cái gì tốt hơn sẽ xảy ra. Chúng ta đã đạt được những thành tựu thực sự, về kinh tế và chính trị. Thế giới là một nơi tốt đẹp hơn so với 50 năm trước, ở hầu hết mọi phương diện. Chúng ta đã nhìn ra những thiếu sót và cách giải quyết chúng. Vấn đề không nằm ở việc đi đến các giải pháp — mà là tìm ra ý chí chính trị để thực hiện chúng. Chúng ta cần cải cách trong nhiều lĩnh vực, và nếu được thực hiện, những cải cách này sẽ tạo thành một cuộc cách mạng. Kể cả khi chỉ một vài trong số những ý tưởng này được thực hiện, 20 năm sau thế giới có thể sẽ rất khác bây giờ.

Các quốc gia có thể thay đổi. Vào năm 1930, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều có nhà nước nhỏ và không coi thúc đẩy phúc lợi chung của người dân là công việc của mình. Đến năm 1950, mọi quốc gia lớn trên thế giới đều xem đó là nhiệm vụ. Chuyện không dễ dàng. Vào ngày 20 tháng 10 năm 1935, Viện Gallup công bố cuộc thăm dò dư luận chính thức đầu tiên của mình.¹ Kết quả thăm dò tiết lộ rằng — giữa lúc Đại Suy thoái và Thập niên 30 Dơ bẩn — 60% người Mỹ tin rằng “chi tiêu của chính phủ để cứu trợ và phục hồi” là quá lớn. Chỉ 9% nói rằng quá ít, trong khi 31% nói thỏa đáng. Điều đó không ngăn cản Franklin Roosevelt bắt đầu chính sách Kinh tế Mới — và tiếp tục nỗ lực giáo dục công chúng Mỹ về sự cần thiết có nhà nước làm một lực lượng ổn định kinh tế và xã hội. Các nhà lãnh đạo vĩ đại như FDR đọc kết quả của các cuộc thăm dò để hiểu bản chất thách thức mà họ phải đương đầu, chứ không phải là cái cớ để không hành động.

Hãy xem Liên minh châu Âu. Lúc đầu, đại dịch khiến các thành viên EU phải đóng cửa. Họ đóng cửa biên giới, tranh

giành cung ứng y tế, và buộc tội nhau là ác ý và mua chuộc. Ở các nước bị ảnh hưởng nặng nề như Ý, công chúng phản đối EU mạnh mẽ.² Nhưng sau cú sốc ban đầu, người châu Âu bắt đầu xem xét cách xử lý tác hại từ Covid-19. Họ nhận ra rằng dịch bệnh này gây căng thẳng chưa từng có trên lục địa, đặc biệt là đối với các thành viên yếu nhất. Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt từ các cường quốc lớn nhất, Pháp và Đức, cũng như từ các quan chức hàng đầu của EU, một hiệp định đã được ký kết³ vào tháng 7 năm 2020 để phát hành trái phiếu châu Âu sẽ cho phép các nước nghèo hơn tiếp cận nguồn vốn mà, trên thực tế, do những nước giàu nhất bảo lãnh. Từ ngữ nghe có vẻ chuyên môn, nhưng chuyện này thể hiện bước tiến đáng kể trong một châu Âu được liên kết sâu sắc hơn. Các nhà lãnh đạo châu Âu đã nhìn ra Covid-19 đang đẩy họ đi theo chiều hướng nào và kháng cự lại. Một đại dịch mà ban đầu khiến các quốc gia rời xa nhau ra không chừng lại là chất xúc tác cho một liên minh chặt chẽ hơn mà người ta tìm kiếm đã lâu.

Khắp thế giới có thể thấy căng thẳng tương tự giữa hội nhập và cô lập. Đại dịch đang khiến các quốc gia phải tự lo thân. Nhưng các nhà lãnh đạo sáng suốt sẽ nhận ra rằng giải pháp thực sự duy nhất cho các vấn đề như đại dịch — và biến đổi khí hậu và chiến tranh mạng — là hướng ra bên ngoài, hướng tới hợp tác nhiều hơn và tốt hơn. Giải pháp cho một Tổ chức Y tế Thế giới yếu kém được tài trợ ềo uột không phải là rút khỏi tổ chức này hòng khiến nó tàn lụi, mà là cung cấp tài chính tốt hơn cho tổ chức đó và trao cho nó nhiều quyền tự chủ hơn để có thể đứng vững trước Trung Quốc — hoặc Mỹ — một khi tình huống khẩn cấp về sức khỏe đòi hỏi. Không quốc gia nào có thể một tay an bài toàn bộ thế giới nữa. Không ai muốn vậy.

Điều đó chỉ dẫn tới khả năng xảy ra hỗn loạn, chiến tranh lạnh, mà muốn không như vậy thì phải hợp tác.

Như các nhà phê bình chỉ trích, đúng là hợp tác quốc tế thực sự đòi hỏi nhiều yếu tố của quá trình ra quyết định chung. Tuy có vẻ nghịch tai một số người, nhưng trên thực tế, đó là điều mà các quốc gia luôn làm. Đó là cơ chế để chúng ta điều chỉnh mọi thứ, từ gọi điện thoại quốc tế đến đi lại bằng đường hàng không đến thương mại và sở hữu trí tuệ, đến phát thải chlorofluorocarbon. Không có một “nhà nước thế giới” toàn cầu, và sẽ không bao giờ có — đó chỉ là cụm từ được đặt ra để dọa cho người ta sợ hãi khi tưởng tượng một đội quân bí mật từ trên những chiếc trực thăng màu đen đổ bộ xuống đầu họ. Những gì thực sự tồn tại, và những gì chúng ta cần nhiều hơn, là nền kỹ trị toàn cầu, thỏa thuận giữa các quốc gia có chủ quyền để cùng nhau giải quyết các vấn đề chung. Sẽ không quá khó. Hợp tác là một trong những đặc điểm cơ bản nhất của con người, mà nhiều nhà sinh vật học tin rằng⁴ là gốc rễ cho sự tồn tại của chúng ta trong nhiều thiên niên kỷ. Nếu con người có thể sinh tồn khỏe mạnh trong tương lai, chắc chắn hợp tác mới giúp ích cho chúng ta chứ không phải là xung đột.

Tất nhiên, xu hướng là quan trọng. Các lực lượng công nghệ, hiện thực kinh tế và nhu cầu sinh học tất thảy sẽ định đoạt giới hạn những gì con người có thể làm. Karl Marx viết: “Con người làm nên lịch sử của chính mình,⁵ nhưng họ không làm theo ý thích; họ không làm nên lịch sử trong những hoàn cảnh tự mình chọn lựa, mà trong những hoàn cảnh đang có, được có và được truyền lại từ quá khứ.” Đó là lý do tại sao các nhà lãnh đạo khôn ngoan nhất cố gắng tìm hiểu lịch sử, đánh giá các tác lực lớn hơn đang vận hành, và xác định con người có thể hành

động được bao nhiêu. Người đàn ông gần như một tay thống nhất nước Đức, Otto von Bismarck, đã miêu tả vai trò của mình bằng những thuật ngữ này: “Nhiệm vụ của chính khách là nghe tiếng chân của Chúa băng xuyên lịch sử và cố gắng nắm lấy vạt áo của Ngài khi Ngài bước qua.”⁶

Đôi khi, ngay cả khi các thế lực thế chế lớn đang di chuyển theo một hướng, các quốc gia vẫn có thể đưa ra quyết định định hình lại con đường của chúng ta. Vào tháng 5 năm 1958, ở đỉnh điểm Chiến tranh Lạnh, có một thời điểm phải lựa chọn, ở Minneapolis, Minnesota. Thứ trưởng Bộ Y tế Liên Xô, tiến sĩ Viktor Zhdanov,⁷ tham dự cuộc họp thường niên của cơ quan chủ quản WHO, Đại hội đồng Y tế Thế giới. Đây là lần đầu tiên một phái đoàn Liên Xô tham dự kể từ khi WHO thành lập một thập kỷ trước đó. Zhdanov kêu gọi tổ chức này tiến hành một chiến dịch toàn cầu để tiêu diệt triệt để bệnh đậu mùa. Trong sự ngưỡng mộ dành cho nước Mỹ, ông đã trích dẫn vào phát biểu của mình một bức thư Thomas Jefferson viết cho Edward Jenner, người đã đi tiên phong trong việc chủng ngừa bệnh đậu mùa. “Các quốc gia trong tương lai sẽ chỉ biết được qua sử sách rằng thứ bệnh đậu mùa đáng ghét này đã từng tồn tại,” Jefferson viết. Đó là một nỗ lực ban đầu nhằm thực hiện kế hoạch “chung sống hòa bình” với phương Tây thời hậu Stalin của Nikita Khrushchev.

Thoạt tiên, Mỹ phản đối, đặc biệt vì nghĩ rằng đề xuất của Liên Xô sẽ thu hút sự chú ý ra khỏi những nỗ lực loại trừ bệnh sốt rét do Mỹ đứng đầu. Tuy nhiên, một khi Washington ủng hộ dự án, sự hợp tác này đã tăng lên trong thời chính quyền Johnson và trở thành trọng tâm của WHO. Hai siêu cường đã tạo điều kiện không chỉ cho việc sản xuất hàng loạt vaccine, mà

còn tạo ra một chương trình tiêm chủng cho mọi người trên khắp Thế giới thứ ba. Đến năm 1980, bệnh đậu mùa đã chính thức được diệt trừ.⁸ Nhà sử học Harvard Erez Manela nói rằng đây “được cho là ví dụ thành công nhất về hợp tác giữa các siêu cường trong lịch sử Chiến tranh Lạnh.” Và đó là bài học mà Bắc Kinh và Washington nên học trong thế giới lưỡng cực, hậu Covid sắp tới.

Trong phim *Lawrence of Arabia*, bài học về số phận và quyền tự quyết của con người trở nên phức tạp hơn. Vào đêm trước cuộc tấn công Aqaba, các bộ lạc Ả-rập nổ ra tranh cãi gay gắt về vụ mâu thuẫn giữa hai thành viên thuộc hai bộ tộc dẫn đến giết người. Là người ngoài cuộc, Lawrence đề nghị xử tử kẻ sát nhân để công lý có thể được thực thi — rồi nhận ra rằng sát nhân là Gasim, người mà anh đã cứu mạng trong sa mạc. Vậy nhưng anh bước tới và bình tĩnh bắn sáu viên đạn vào ngực Gasim. Bài học có lẽ là Gasim đã được định sẵn phải chết. Lawrence có thể cứu anh ta trong sa mạc, và làm như vậy, đã cho anh ta được hoãn tới số. Nhưng, bằng hành động của mình, Gasim đã vứt bỏ cơ hội đó lấy một tương lai khác.

Theo cách riêng của mình, Dwight Eisenhower nói với Walter Cronkite quan điểm tương tự khi họ ngồi nhìn những hàng mộ ở Normandy. Những người lính hy sinh trong Thế chiến II đã cho tất cả chúng ta cơ hội để xây dựng một thế giới hòa bình và tốt đẹp hơn. Vì vậy, trong thời đại của chúng ta, đại dịch hung hiểm này tạo ra khả năng thay đổi và cải cách. Nó mở ra con đường đến một thế giới mới. Năm lấy hay lãng phí cơ hội đó là tùy ở chúng ta. Không có định mệnh đã được an bài nào cả.

Lời cảm tạ

ĐẠI DỊCH ĐÃ tiến triển rất nhanh trong cuộc sống của chúng ta và nó cũng tác động đến việc viết và xuất bản cuốn sách này. Tất cả bắt đầu với một danh sách trên một tờ giấy. Sau khi Covid-19 ập đến, tôi nhận ra rằng nó sẽ có tác động rộng lớn và lâu dài. Tôi bắt đầu liệt kê đại dịch này có thể làm thay đổi thế giới như thế nào và danh sách ban đầu đó khá gần với mười bài học trong sách. Tiếp theo, bắt đầu quá trình nghiên cứu, đọc và viết, việc này tốn nhiều công sức nhưng cũng đầy say mê. Theo một nghĩa nào đó, tôi đã tìm ra cách riêng để đối phó với đại dịch — suy nghĩ, đọc và viết về nó.

Tôi đã nhờ ba cộng sự trẻ xuất sắc giúp tôi bằng cách phê bình và kiểm tra dữ liệu từng bản nháp. Jonathan Esty, Jonah Bader và John Cookson đã bắt tay vào dự án — làm việc nhiều giờ và làm việc đến khuya — và kết quả là một cuộc hội thảo kỹ thuật số nhịp độ nhanh, kích thích tuyệt vời. Họ đã sửa lỗi, góp những ý kiến xuất sắc, và bắt ra những sai sót hợp lý. Jonathan, người dẫn đầu và tổ chức công trình này, làm việc với tôi trong các dự án tại Schmidt Futures, liên doanh từ thiện sáng tạo do Eric và Wendy Schmidt thành lập. Jonah làm việc trong chương trình của tôi tại CNN, sản xuất và biên tập bài bình

luận mở màn, trong số các nhiệm vụ khác. Và John đã làm việc cho chương trình vài năm trước và đã chuyển đến những nơi khác, bao gồm Hội đồng quan hệ đối ngoại Chicago.

Stuart Reid, thư ký tòa soạn *Foreign Affairs*, đã tạm dừng dự án sách của riêng mình và đọc toàn bộ bản thảo và hoàn thiện nó rất nhiều với những đề xuất sáng suốt của anh. Zachary Karabell đã đọc những chương đầu tiên và lái tôi đi theo hướng tốt hơn khi bắt đầu. Eric Schmidt và Jared Cohen đã kiên nhẫn nghe tôi thử nghiệm một vài phiên bản của những ý tưởng này. Không cần phải nói, không ai trong số những cộng sự và bạn bè này chịu trách nhiệm về bất kỳ sai lầm nào của tôi, tôi cũng không có ý ám chỉ rằng họ đồng ý với tất cả những gì tôi đã viết.

Drake McFeely, biên tập viên của tôi tại Norton, ngay lập tức nhiệt tình với cuốn sách này, mặc dù tôi thực sự nợ anh ấy một cuốn sách khác về chủ đề khác. (Tiếp theo, Drake, tôi hứa!) Anh ấy đã là biên tập của tôi trong mười tám năm, qua bốn cuốn sách, và bây giờ là người đồng hành, người bạn và người hướng dẫn không thể thiếu của tôi trong những nỗ lực này. Tôi đã may mắn được làm việc với Stuart Proffitt của Penguin Press một lần trước đây và rất vui khi ông lại ký hợp đồng để xuất bản cuốn sách này ở Anh và Khối thịnh vượng chung. Sự uyên bác và tinh tế của ông đã cải thiện đáng kể bản thảo. Đây là lần đầu tiên tôi làm việc với Andrew Wylie. Không mất chút thời gian nào tôi hiểu ngay vì sao ông là một huyền thoại trong nghề.

Lời cảm ơn xin gửi đến nhóm Norton. Trợ lý của Drake, Bee Holekamp, đã giữ cho dự án đi đúng đường và đúng tiến độ. Avery Hudson đã sao chép bản thảo trong thời gian kỷ lục. Becky Homiski, Julia Druskin và Joe Lops đã dành nhiều giờ đẩy nhanh quá trình xuất bản cuốn sách. Rachel Salzman và

Meredith McGinnis đã xử lý việc tiếp thị và quảng bá với kỹ năng và nhiệt tình tuyệt vời.

Tôi biết ơn Jeff Zucker đã cho tôi sự độc lập và hỗ trợ để thực hiện chương trình của tôi và một loạt phim tài liệu cho CNN. Trong vài năm gần đây, tôi đã chứng kiến Jeff thực hiện công việc của mình — và thực hiện một cách tuyệt vời — dưới áp lực phi thường. Tôi đã học được rất nhiều điều từ ông, với tư cách là sếp mà cũng là một người bạn. Tôi đã may mắn được viết cho Fred Hiatt tại *The Washington Post*, người điều hành trang xã luận tốt nhất trong nước — một trang tiếp tục thể hiện sự đa dạng đủ kiểu và đồng thời đặt ra tiêu chuẩn cao cho sự xuất sắc.

Tôi muốn cảm ơn nhóm của tôi tại CNN. Tôi thực sự biết ơn từng người trong các bạn: Tom Goldstone, điều hành chương trình *GPS*, Melanie Galvin, người xử lý tất cả các dự án khác của tôi, Jessica Gutteridge, Dana Sherne, Caroline Richenberg, Nida Najar, Matthew Kendrick, Kiara Bhagwanjee, Chris Good, Simon Bouvier, Katrina Kaufman, Dan Logan, Jennifer Dargan, Peter Stevenson, Liza McGuirk, Diane Beasley, Tal Trachtman Alroy, Jenny Friedland, Zac Leja, Nicholas Paolo Accinelli và Ingrid Holmquist. Tại *The Washington Post*, tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến Mike Larabee, Ruth Marcus, Christian Caryl, Mili Mitra, Josh Alvarez và Sophie Yarborough.

Làm việc theo lịch trình dày đặc đòi hỏi nhiều ở gia đình và bạn bè. Tình thương vô bờ bến của mẹ luôn là điểm tựa cân bằng cho tôi, kể cả bây giờ khi mẹ không thể hiện được. Tôi biết ơn các con tôi, Omar, Lila, và Sofia, và vợ cũ của tôi, Paula, vì sự ủng hộ và tình cảm của họ. Anh trai tôi Arshad và tôi đã nói chuyện về các vấn đề trong cuốn sách thường xuyên và vợ anh, Ann, một nhà khoa học lỗi lạc, cũng đã dạy tôi một vài vấn

đề trong số đó. Anh trai tôi Mansoor và vợ anh ấy, Rachel, và em gái tôi Tasneem và chồng cô ấy, Vikram, luôn ủng hộ. Cuối cùng, rất cảm ơn Julian, đã chấp nhận khi tôi dành nhiều giờ đồng hồ và ám ảnh về những điều nhỏ nhặt để cuốn sách này *đúng đắn và hoàn thành*.

Tôi đã dành tặng cuốn sách này cho Dan, Joanna và Gideon Rose. Tôi gặp Gideon khi tôi là sinh viên năm nhất đại học và anh ấy là sinh viên năm hai. Kể từ đó đến nay đã ba mươi tám năm, chúng tôi liên lạc với nhau ít nhất hàng tuần, thường là nhiều hơn. Cha mẹ anh ấy, Dan và Joanna, là cha mẹ đỡ đầu không chính thức của tôi và đã dành cho tôi và gia đình tôi tình thương yêu, sự ủng hộ và động viên trong gần bốn thập kỷ. Mỗi lần chúng tôi chia tay sau một buổi tối tuyệt vời với đồ ăn, rượu và trò chuyện, Dan vẫn thường nói: *còn nữa...*

Chú thích

Đề từ

“The Future never spoke—”: Emily Dickinson, *The Poems of Emily Dickinson: Reading Edition*, Ralph W. Franklin biên tập (Cambridge, MA: Belknap Press, 1999).

Giới thiệu: Hiệu ứng dơi

- ¹ Cara Giaimo, “The Spiky Blob Seen Around the World”, *New York Times*, 1 tháng 4 năm 2020, <https://www.nytimes.com/2020/04/01/health/coronavirus-illustration-cdc.html>.
- ² Virus SARS-CoV-2 có kích thước 0,1 micro-mét khi phóng to (100 nanômét): Yinon M. Bar-On, Avi Flamholz, Rob Phillips, và Ron Milo, “SARS-CoV-2 (COVID-19) by the Numbers,” *eLife* 9 (2 tháng 4 năm 2020): e57309, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7224694/>; dấu chấm có kích thước khoảng 100.000.000 nanômét: Shige Abe, “How Small Can Life Be?”, *Astrobiology at NASA*, 9 tháng 7 năm 2001, <https://astrobiology.nasa.gov/news/how-small-can-life-be/>.
- ³ Chi quốc phòng của Mỹ = 732 tỉ đôla năm 2019: Stockholm International Peace Research Institute, “Global Military Expenditure Sees Largest Annual Increase in a Decade”, 27 tháng 4 năm 2020, <https://www.sipri.org/media/press-release/2020/global-military-expenditure-sees-largest-annual-increase-decade-says-sipri-reaching-1917-billion>.
- ⁴ Lawrence Summers, “Covid-19 Looks Like a Hinge in History”, *Financial Times*, 14 tháng 5 năm 2020, <https://www.ft.com/content/de643ae8-9527-11ea-899a-f62a20d54625>.
- ⁵ Micah Zenko, “The United States Will Learn Nothing from the Pandemic”, *Foreign Policy*, 5 tháng 6 năm 2020, <https://foreignpolicy.com/2020/06/05/coronavirus-pandemic-covid-lessons-united-states-9-11/>.

- ⁶ Richard Haass, “The Pandemic Will Accelerate History Rather Than Reshape It”, *Foreign Affairs*, 7 tháng 4 năm 2020.
- ⁷ William Maxwell, *They Came Like Swallows* (1937, Vintage International in lại, 1997), 174.
- ⁸ Katherine Anne Porter, *Pale Horse, Pale Rider* (1939, Houghton Mifflin Harcourt in lại, 1990), 208.
- ⁹ Uri Friedman, “We Were Warned”, *Atlantic*, 18 tháng 3 năm 2020.
- ¹⁰ Tác giả Gabriele de’ Mussi người Genoa. Xem: Mark Wheelis, “Biological Warfare at the 1346 Siege of Caffa”, *Emerging Infectious Diseases* 8, no. 9 (2002): 971-975, <https://dx.doi.org/10.3201/eid0809.010536>.
- ¹¹ Walter Scheidel, *The Great Leveler: Violence and the History of Inequality from the Stone Age to the Twenty-First Century* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 2015), 293.
- ¹² 30-50% dân số châu Âu chết: James W. Wood và cộng sự, “The Temporal Dynamics of the 14th Century Black Death”, *Human Biology* (2003), trích dẫn trong Sharon N. DeWitte, “Age Patterns of Mortality During the Black Death in London, A.D. 1349–1350”, *Journal of Archaeological Science* 37, no. 12 (tháng 12 năm 2010), <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0305440310002803>.
- ¹³ Tổ chức Y tế Thế giới, “Plague”, <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/plague>.
- ¹⁴ Scheidel, *Great Leveler*, Chương 10, “Cái Chết Đen”, 291-313.
- ¹⁵ Barbara W. Tuchman, *A Distant Mirror: The Calamitous Fourteenth Century* (New York: Alfred A. Knopf, 1978). Xem, ví dụ:

Những người sống sót sau bệnh dịch, thấy mình không chết nhưng cũng chẳng khá hơn, không thể khám phá ra mục đích thiêng liêng nào trong nỗi đau mà họ đã phải chịu đựng. Mục đích của Đức Chúa Trời thường bí ẩn, nhưng tai họa này quá khủng khiếp để cứ chấp nhận mà không thắc mắc. Nếu một thảm họa lớn như vậy, thảm họa gây chết người nhiều nhất từng được biết đến, chỉ là một hành động ngẫu nhiên của Đức Chúa Trời hoặc có lẽ hoàn toàn không phải là công việc của Đức Chúa Trời, thì sự tuyệt đối của một trật tự cố định đã bị bung hết neo mối. Tâm trí đã mở ra để thừa nhận những câu hỏi này sẽ không bao giờ có thể đóng lại được nữa. Một khi con người đã lường tượng ra khả năng thay đổi một trật tự cố định, thì sự kết thúc của thời đại phục tùng đã hiện ra; đến lượt lương tâm con người đặt lên trước. Ở chừng mực đó, Cái Chết Đen có thể là sự khởi đầu của con người hiện đại mà người ta không nhận ra thôi. (153-154)

- ¹⁶ Tuy nhiên câu chuyện này và khái niệm “tình trạng trì trệ thời trung cổ”, bị các học giả về thời Phục hưng và các nhà trung cổ học tranh luận gay gắt. Xem: Ada Palmer, “Black Death, COVID, and Why We Keep Telling the Myth of a Renaissance Golden Age and Bad Middle Ages”, *ExUrbe*, 4 tháng 6 năm 2020, <https://www.exurbe.com/black-death-covid-and-why-we-keep-telling-the-myth-of-a-renaissance-golden-age-and-bad-middle-ages/>.
- ¹⁷ William H. McNeill, *Plagues and Peoples* (Garden City, NY: Anchor Press, 1976), Giới thiệu, 23-24; cũng xem Jared Diamond, *Guns, Germs, and Steel: The Fate of Human Societies* (New York: W. W. Norton, 1999).
- ¹⁸ *The Native Population of the Americas in 1492*, in lần thứ 2, William M. Denevan biên tập (Madison: University of Wisconsin Press, 1992), được dẫn trong Alexander Koch và cộng sự, “Earth System Impacts of the European Arrival and Great Dying in the Americas After 1492”, *Quaternary Science Reviews* 207 (1 tháng 3 năm 2019): 13-36, <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0277379118307261>.
- ¹⁹ Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh, Trung tâm quốc gia về các bệnh hệ miễn dịch và đường hô hấp, “Partner Key Messages on the 1918 Influenza Pandemic Commemoration”, 10 tháng 8 năm 2018, <https://www.cdc.gov/flu/pandemic-resources/1918-commemoration/key-messages.htm>.
- ²⁰ 20 triệu người chết trong Thế chiến I: Nadège Mougel, “World War I Casualties”, Julie Gratz dịch (Scy-Chazelles, France: Centre européen Robert Schuman, 2011), <http://www.centre-robert-schuman.org/userfiles/files/REPERES%20%E2%80%93%20module%201-1-1%20-%20explanatory%20notes%20%E2%80%93%20World%20War%20I%20casualties%20%E2%80%93%20EN.pdf>.
- ²¹ Xem John M. Barry, *The Great Influenza: The Story of the Deadliest Plague in History* (New York: Viking, 2004), 171.
- ²² Tìm hiểu thêm về cúm Tây Ban Nha, xem Barry, *The Great Influenza*, đặc biệt các trang 353-358.
- ²³ Bill Gates, “The Next Outbreak? We’re Not Ready”, TED2015, https://www.ted.com/talks/bill_gates_the_next_outbreak_we_re_not_ready/transcript?language=en.
- ²⁴ Bill Gates, Bill & Melinda Gates Foundation, 17 tháng 2 năm 2017, <https://www.gatesfoundation.org/Media-Center/Speeches/2017/05/Bill-Gates-Munich-Security-Conference>.
- ²⁵ Fareed Zakaria, “Global Pandemic Possibility”, *Fareed Zakaria GPS: Global Public Square*, CNN, 25 tháng 6 năm 2017, <http://transcripts.cnn.com/TRANSCRIPTS/1706/25/fzgps.01.html>.

- ²⁶ Đối với việc xem các đại dịch lịch sử là những cú sốc đột ngột dẫn đến thay đổi khôn lường, xem: Guido Alfani, “Pandemics and Asymmetric Shocks: Lessons from the History of Plagues”, *VoxEU*, Center for Economic Policy Research, 9 tháng 4 năm 2020, <https://voxeu.org/article/pandemics-and-asymmetric-shocks>.
- ²⁷ Neta C. Crawford, “United States Budgetary Costs and Obligations of Post-9/11 Wars Through FY2020”, Brown University, 3 tháng 11 năm 2019, <https://watson.brown.edu/costsofwar/files/cow/imce/papers/2019/US%20Budgetary%20Costs%20of%20Wars%20November%202019.pdf>.
- ²⁸ Jon Henley, “How Populism Emerged as an Electoral Force in Europe”, *Guardian*, 20 tháng 11 năm 2018, <https://www.theguardian.com/world/ng-interactive/2018/nov/20/how-populism-emerged-as-electoral-force-in-europe>.
- ²⁹ Charles Riley, “The UK Economy Is Heading for Its Worst Crash in 300 Years”, CNN Business, 7 tháng 5 năm 2020, <https://www.cnn.com/2020/05/07/economy/uk-economy-bank-of-england/index.html>.
- ³⁰ Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ chạm mức 14,7%, mức kỷ lục kể từ thập niên 1930, theo Cục Thống kê Lao động Mỹ, “The Employment Situation—June 2020”, <https://www.bls.gov/news.release/pdf/empst.pdf>. (Tỷ lệ thất nghiệp kỷ lục ở Mỹ là 24,9% vào năm 1933, theo Điều tra dân số Mỹ, *Bicentennial Edition: Historical Statistics of the United States, Colonial Times to 1970*, Chương D: Lao động, dẫn lại trong Gene Smiley, “Recent Unemployment Rate Estimates for the 1920s and 1930s”, *Journal of Economic History* 43, no. 2 [tháng 6 năm 1983]: 487-493, <http://www.jstor.org/stable/2120839>.)
- ³¹ Janet Morrissey, “Credit Default Swaps: The Next Crisis?”, *Time*, 17 tháng 3 năm 2008, <http://content.time.com/time/business/article/0,8599,1723152,00.html>.
- ³² GDP toàn cầu = 63,6 nghìn tỉ đôla năm 2008, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?locations=1W>.
- ³³ Ý tưởng này được phát triển nổi bật trong Edward N. Lorenz, *The Essence of Chaos* (Seattle: University of Washington Press, 1995).
- ³⁴ “Influenza at a Glance”, Quỹ Nieman dành cho khoa báo chí tại Harvard, <https://nieman.harvard.edu/wp-content/uploads/pod-assets/microsites/NiemanGuideToCoveringPandemicFlu/AnIntroduction/InfluenzaAtAGlance.aspx.html>.
- ³⁵ *grippe*: “grippe (n.)”, Etymology Online, <https://www.etymonline.com/word/grippe>.

Bài học 1: Siết dây an toàn

- ¹ Có hàng tá cuốn sách về chủ đề này. Tản kinh điển là cuốn sách của Kenneth N. Waltz, *Man, the State, and War* (New York: Columbia University Press, chỉnh sửa năm 2001, xuất bản lần đầu năm 1959).
- ² Thomas Hobbes, *Leviathan*, Chương XIII, “Of The Naturall Condition Of Mankind”, “The Incommodities Of Such A War.”
- ³ Esteban Ortiz-Ospina và Diana Beltekian, “Trade and Globalization”, Our World in Data, tháng 10 năm 2018, <https://ourworldindata.org/trade-and-globalization>.
- ⁴ “Two Out of Three Ain’t Bad”, *Economist*, 27 tháng 8 năm 2016. Để biết một công thức khác, xem Dani Rodrik, *The Globalization Paradox: Democracy and the Future of the World Economy* (New York: W. W. Norton, 2012).
- ⁵ Liên hiệp quốc, Báo cáo phát triển bền vững: “Nature’s Dangerous Decline”, 6 tháng 5 năm 2019, <https://www.un.org/sustainabledevelopment/blog/2019/05/nature-decline-unprecedented-report/>.
- ⁶ James C. Scott, *Weapons of the Weak: Everyday Forms of Peasant Resistance* (New Haven, CT: Yale University Press, 1985).
- ⁷ Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, “Zoonotic Diseases”, <https://www.cdc.gov/onehealth/basics/zoonotic-diseases.html>.
- ⁸ Jon Hilsenrath, “Global Viral Outbreaks Like Coronavirus, Once Rare, Will Become More Common”, *Wall Street Journal*, 6 tháng 3 năm 2020.
- ⁹ Christian Walzer, “COVID-19: Where It Starts and Stops”, Wildlife Conservation Society, Wildlife Health Program, https://youtu.be/_D_6a56zL_U?t=129.
- ¹⁰ Nita Madhav và cộng sự, “Pandemics: Risks, Impacts, and Mitigation”, Chương 17 trong *Disease Control Priorities: Improving Health and Reducing Poverty*, in lần thứ 3, National Center for Biotechnology Information (National Institutes of Health), 27 tháng 11 năm 2017, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK525302/#pt5.ch17.sec3>.
- ¹¹ Lena H. Sun, “On a Bat’s Wing and a Prayer: Scientists’ Plan to Track Deadly Marburg Virus Is Literally Held Together with Glue”, *Washington Post*, 13 tháng 12 năm 2018.
- ¹² Xem, ví dụ, các hang dơi ở Uganda là lồng ấp virus Marburg, trong sđd.
- ¹³ “batnado”: Carolyn Kormann, “The Changing Climate Inside the World’s Largest Bat Colony”, *New Yorker*, 5 tháng 8 năm 2019.
- ¹⁴ Robert Kessler, “Nipah: The Very Model of a Pandemic”, EcoHealth Alliance, tháng 3 năm 2018, <https://www.ecohealthalliance.org/2018/03/nipah>.

- ¹⁵ Toby Ord, *The Precipice: Existential Risk and the Future of Humanity* (New York: Hachette, 2020), 130-131.
- ¹⁶ “Thông thường, virus corona tìm thấy ở dơi có hoặc cần một vật chủ trung gian trước khi lan sang người, giống như những gì quan sát được với MERS-CoV...” trong Arinjay Banerjee, “Bats and Coronaviruses”, *Viruses*, 9 tháng 1 năm 2019, 11(1): 41, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC6356540/>.
- ¹⁷ Joel Achenbach, “Coronavirus Came from Bats or Possibly Pangolins amid ‘Acceleration’ of New Zoonotic Infections”, *Washington Post*, 7 tháng 2 năm 2020.
- ¹⁸ Peter Daszak, trong thảo luận với Fareed Zakaria, *Fareed Zakaria GPS: Global Public Square*, CNN, 22 tháng 4 năm 2020, <https://www.cnn.com/videos/tv/2020/04/26/exp-gps-0426-daszak-int.cnn>.
- ¹⁹ “Meat Production”, Our World in Data, <https://ourworldindata.org/meat-production>. Cũng xem ước tính 77 tỉ: Tổ chức lương nông của Liên hiệp quốc, <http://www.fao.org/faostat/en/#data/QL>.
- ²⁰ Diễn đàn Kinh tế Thế giới, “New Nature Economy Report II: The Future of Nature and Business”, 39, http://www3.weforum.org/docs/WEF_The_Future_Of_Nature_And_Business_2020.pdf.
- ²¹ Jacy Reese, “US Factory Farming Estimates”, 11 tháng 4 năm 2019, Sentience Institute, <https://www.sentienceinstitute.org/us-factory-farming-estimates>.
- ²² Kelly Witwicki, “Global Farmed & Factory Farmed Animals Estimates”, Sentience Institute, 21 tháng 2 năm 2019, <https://www.sentienceinstitute.org/global-animal-farming-estimates>.
- ²³ Sigal Samuel, “The Meat We Eat Is a Pandemic Risk, Too”, *Vox*, 22 tháng 4 năm 2020, cập nhật ngày 10 tháng 6 năm 2020.
- ²⁴ Rob Wallace, trích dẫn trong sdd.
- ²⁵ Charles W. Schmidt, “Swine CAFOs & Novel H1N1 Flu: Separating Facts from Fears”, *Environmental Health Perspectives* 117, no. 9 (tháng 9 năm 2009): A394–A401, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC2737041/>.
- ²⁶ Fiona Harvey, “Factory Farming in Asia Creating Global Health Risks, Report Warns”, *Guardian*, 14 tháng 8 năm 2017.
- ²⁷ Robert Lawrence, được trích dẫn trong Samuel, “The Meat We Eat.”
- ²⁸ Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, “Antibiotic/Antimicrobial Resistance (AR/AMR)”, <https://www.cdc.gov/drugresistance/index.html>.
- ²⁹ Sigal Samuel, “The Post-Antibiotic Era Is Here”, *Vox*, 14 tháng 11 năm 2019.
- ³⁰ World Bank Group, “Pulling Together to Beat Superbugs”, tháng 11 năm 2019, <http://documents.worldbank.org/curated/en/430051570735014540/pdf/Pulling-Together-to-Beat-Superbugs-Knowledge-and-Implementation-Gaps-in-Addressing-Antimicrobial-Resistance.pdf>.

- ³¹ Jonathan Coppess, “The Conservation Question, Part 2: Lessons Written in Dust”, Gardner Policy Series, Department of Agricultural and Consumer Economics, University of Illinois, 24 tháng 10 năm 2019, <https://farmdocdaily.illinois.edu/2019/10/the-conservation-question-part-2-lessons-written-in-dust.html>.
- ³² Sđd.
- ³³ “National Climate Report—Annual 2014”, National Oceanic and Atmospheric Administration, <https://www.ncdc.noaa.gov/sotc/national/201413>.
- ³⁴ “Drought of 2012 Conjures Up Dust Bowl Memories, Raises Questions for Tomorrow”, CNN, 15 tháng 9 năm 2012.
- ³⁵ Liên hiệp quốc, Các mục tiêu phát triển bền vững, 2020, <https://www.un.org/sustainabledevelopment/biodiversity/>.
- ³⁶ Damian Carrington, “Desertification Is Greatest Threat to Planet, Expert Warns”, *Guardian*, 16 tháng 12 năm 2010.
- ³⁷ Montserrat Núñez và cộng sự, “Assessing Potential Desertification Environmental Impact in Life Cycle Assessment”, *International Journal of Life Cycle Assessment* 15, no. 1 (tháng 1 năm 2010): 67-78, https://www.researchgate.net/publication/226955880_Assessing_potential_desertification_environmental_impact_in_life_cycle_assessment_Part_1_Methodological_aspects.
- ³⁸ Jeremy Frankel, “Crisis on the High Plains: The Loss of America’s Largest Aquifer—the Ogallala”, *University of Denver Water Law Review*, 17 tháng 5 năm 2018.
- ³⁹ Carey Gillam, “Ogallala Aquifer: Could Critical Water Source Run Dry?” Reuters, 27 tháng 8 năm 2013.
- ⁴⁰ Jane Braxton Little, “The Ogallala Aquifer: Saving a Vital U.S. Water Source”, *Scientific American*, 1 tháng 3 năm 2009.
- ⁴¹ Joshua Lederberg, “Viruses and Humankind: Intracellular Symbiosis and Evolutionary Competition”, *Frontline*, 1989, <https://www.pbs.org/wgbh/pages/frontline/aids/virus/humankind.html>.
- ⁴² Ed Yong, “The Next Chapter in a Viral Arms Race”, *Atlantic*, 14 tháng 8 năm 2017.
- ⁴³ Siro Igino Trevisanato, “The ‘Hittite Plague,’ an Epidemic of Tularemia and the First Record of Biological Warfare”, *Medical Hypotheses* 69, no. 6 (2007): 1, 371-374, <https://doi.org/10.1016/j.mehy.2007.03.012>, được trích dẫn trong Ord, *The Precipice*, 130.
- ⁴⁴ Jonathan B. Tucker, “Bioweapons from Russia: Stemming the Flow”, *Issues in Science and Technology* 15, no. 3 (Xuân 1999), https://issues.org/p_tucker/, cũng được nhắc đến trong Ord, *The Precipice*, 132.

- ⁴⁵ Ord, *The Precipice*, 132.
- ⁴⁶ Thomas L. Friedman, “How We Broke the World”, *New York Times*, 30 tháng 5 năm 2020.
- ⁴⁷ Paula vW Dail, *Hard Living in America's Heartland: Rural Poverty in the 21st Century Midwest* (Jefferson, NC: McFarland, 2015), 80.
- ⁴⁸ Larry Brilliant, “Outbreaks Are Inevitable, but Pandemics Are Optional”, Long Now Foundation, YouTube, 6 tháng 3 năm 2020 <https://www.youtube.com/watch?v=nVWoHmURDTQ>.
- ⁴⁹ “Will Wet Markets Be Hung Out to Dry After the Pandemic?”, *Economist*, 26 tháng 5 năm 2020.
- ⁵⁰ John Vidal, “‘Tip of the Iceberg’: Is Our Destruction of Nature Responsible for Covid-19?”, *Guardian*, 18 tháng 3 năm 2020; James Gorman, “Wildlife Trade Spreads Coronaviruses as Animals Get to Market”, *New York Times*, 19 tháng 6 năm 2020.

Bài học 2: Vấn đề không phải là số lượng mà là chất lượng của nhà nước

- ¹ Elizabeth Cameron và cộng sự, “Global Health Security Index: Building Collective Action and Accountability”, Johns Hopkins Bloomberg School of Public Health, tháng 10 năm 2019, <https://www.ghsindex.org/wp-content/uploads/2019/10/2019-Global-Health-Security-Index.pdf>.
- ² “Coronavirus Map: Tracking the Global Outbreak”, *New York Times*, <https://www.nytimes.com/interactive/2020/world/coronavirus-maps.html>, truy cập ngày 13 tháng 7 năm 2020.
- ³ Paul Krugman, đăng Twitter, ngày 13 tháng 7 năm 2020, <https://twitter.com/paulkrugman/status/1282656106762952705/photo/1>, được trích dẫn trong Our World in Data, “Daily New Confirmed COVID-19 Deaths per Million People”, Liên minh châu Âu so với Mỹ, 13 tháng 7 năm 2020.
- ⁴ Jeremy Konyndyk, “Exceptionalism Is Killing Americans: An Insular Political Culture Failed the Test of the Pandemic”, *Foreign Affairs*, 8 tháng 6 năm 2020.
- ⁵ Eric Lipton và cộng sự, “The C.D.C. Waited ‘Its Entire Existence’ for This Moment. What Went Wrong?”, *New York Times*, 3 tháng 6 năm 2020.
- ⁶ Ben Schreckinger, “Mask Mystery: Why Are U.S. Officials Dismissive of Protective Covering?”, *Politico*, 30 tháng 3 năm 2020, <https://www.politico.com/news/2020/03/30/coronavirus-masks-trump-administration-156327>.
- ⁷ Selena Simmons-Duffin, “As States Reopen, Do They Have the Workforce They Need to Stop Coronavirus Outbreaks?”, NPR, 18 tháng 6 năm 2020.

- ⁸ Raymond Zhong và Paul Mozur, “To Tame Coronavirus, Mao-Style Social Control Blankets China”, *New York Times*, 15 tháng 2 năm 2020, <https://www.nytimes.com/2020/02/15/business/china-coronavirus-lockdown.html>.
- ⁹ Lingling Wei, “China’s Coronavirus Response Toughens State Control and Weakens the Private Market”, *Wall Street Journal*, 18 tháng 3 năm 2020.
- ¹⁰ Nectar Gan, Caitlin Hu, và Ivan Watson, “Beijing Tightens Grip over Coronavirus Research, amid US-China Row on Virus Origin”, CNN, 16 tháng 4 năm 2020, <https://www.cnn.com/2020/04/12/asia/china-coronavirus-research-restrictions-intl-hnk/index.html>.
- ¹¹ “Diseases Like Covid-19 Are Deadlier in Non-Democracies”, *Economist*, 18 tháng 2 năm 2020.
- ¹² Amartya Sen, *Development as Freedom* (New York: Anchor, 1999), 16.
- ¹³ Andrew Van Dam, “The U.S. Has Thrown More Than \$6 Trillion at the Coronavirus Crisis. That Number Could Grow”, *Washington Post*, 15 tháng 4 năm 2020, và Chris Edwards, “Crisis May Add \$6 Trillion to Federal Debt”, Cato Institute, 21 tháng 4 năm 2020, <https://www.cato.org/blog/crisis-may-add-6-trillion-federal-debt>.
- ¹⁴ IMF, “Policy Responses to Covid-19”, <https://www.imf.org/en/Topics/imf-and-covid19/Policy-Responses-to-COVID-19>.
- ¹⁵ Faiz Siddiqui và Reed Albergotti, “Ford and General Electric Team Up to Produce Ventilators as Major Manufacturers Shift to Medical Equipment”, *Washington Post*, 30 tháng 3 năm 2020.
- ¹⁶ John Kenneth Galbraith, *The Affluent Society* (Boston: Houghton Mifflin, 1958), 189.
- ¹⁷ Jesse Drucker, “The Tax-Break Bonanza Inside the Economic Rescue Package”, *New York Times*, 24 tháng 4 năm 2020.
- ¹⁸ Brendan Fischer và Kedric Payne, “How Lobbyists Robbed Small Business Relief Loans”, *New York Times*, 30 tháng 4 năm 2020.
- ¹⁹ Lisa Rein, “In Unprecedented Move, Treasury Orders Trump’s Name Printed on Stimulus Checks”, *Washington Post*, 14 tháng 4 năm 2020.
- ²⁰ 120 triệu chi phiếu được gửi tính đến 30 tháng 4, theo Bộ Ngân khố thuộc Kho bạc Mỹ, cập nhật ngày 6 tháng 7 năm 2020, <https://www.fiscal.treasury.gov/files/news/eip-operational-faqs-for-financial-industry.pdf>; Ủy ban Tài chính và Thuế vụ ước tính sẽ cần tổng cộng 171 đến 190 triệu thanh toán, theo “Economic Impact Payments Issued to Date”, 5 tháng 6 năm 2020, <https://waysandmeans.house.gov/sites/democrats.waysandmeans.house.gov/files/documents/2020.06.04%20EIPs%20Issued%20as%20of%20June%204%20FINAL.pdf>.

- ²¹ Erica Werner, “Treasury Sent More Than 1 Million Coronavirus Stimulus Payments to Dead People, Congressional Watchdog Finds”, *Washington Post*, 25 tháng 6 năm 2020.
- ²² Lauren Vogel, “COVID-19: A Timeline of Canada’s First-Wave Response”, *Canadian Medical Association Journal News*, 12 tháng 6 năm 2020, <https://cmajnews.com/2020/06/12/coronavirus-1095847/>.
- ²³ “Germany Offers Cash for Everyone”, *Economist*, 26 tháng 3 năm 2020.
- ²⁴ Heritage Foundation, 2019 Index of Economic Freedom, “Key Findings of the 2019 Index”, <https://www.heritage.org/index/book/chapter-3>.
- ²⁵ Heritage Foundation, 2020 Index of Economic Freedom, “Hong Kong”, <https://www.heritage.org/index/country/hongkong>.
- ²⁶ Heritage Foundation, 2020 Index of Economic Freedom, “France”, <https://www.heritage.org/index/country/france>.
- ²⁷ Cả Hồng Kông và Đài Loan, xem *New York Times*, “Coronavirus Map: Tracking the Global Outbreak”, truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020, <https://www.nytimes.com/interactive/2020/world/coronavirus-maps.html>.
- ²⁸ Tsung-Mei Cheng, “Health Care Spending in the US and Taiwan”, *Health Affairs*, 6 tháng 2 năm 2019.
- ²⁹ Max Weber, *Economy and Society* (Berkeley: University of California Press, 1978).
- ³⁰ Francis Fukuyama, *Political Order and Political Decay: From the Industrial Revolution to the Globalization of Democracy* (New York: Farrar, Straus and Giroux, 2014), 199.
- ³¹ Paul Waldman, “How Our Campaign Finance System Compares to Other Countries”, *American Prospect*, 4 tháng 4 năm 2014.
- ³² Tuy nhiên câu chuyện cũ về một Đế chế Byzantine xơ cứng, suy tàn gần đây đã bị các học giả thách thức. Xem: Judith Herrin, *Byzantium: The Surprising Life of a Medieval Empire* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 2007).
- ³³ Sarah Zhang, “Why Mandarin Doesn’t Come from Chinese”, *Atlantic*, 4 tháng 1 năm 2019.
- ³⁴ Charles Tilly, “Reflections on the History of European State-Making”, trong *The Formation of National States in Western Europe*, Charles Tilly biên tập (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1975), 45.
- ³⁵ John Brewer, *Sinews of Power: War, Money, and the English State, 1688-1783* (London: Unwin Hyman, 1989), 74.
- ³⁶ Frank Snowden, trích dẫn trong Jason Willick, “How Epidemics Change Civilizations”, *Wall Street Journal*, 27 tháng 3 năm 2020.
- ³⁷ T. J. Pempel, “Bureaucracy in Japan”, *PS: Political Science and Politics* 25, no. 1 (tháng 3 năm 1992): 19-24.

- ³⁸ Woodrow Wilson, “The House of Representatives”, trong *The Collected Works of Woodrow Wilson*, Josephus Daniels biên tập.
- ³⁹ Woodrow Wilson, “The Executive”, *Congressional Government* (1885), 283, <https://archive.org/stream/congressionalgov00wilsiala>.
- ⁴⁰ *Washington Post*, “FDR’s Government: The Roots of Today’s Federal Bureaucracy”, 12 tháng 4 năm 1995.
- ⁴¹ Số liệu nhân viên chính phủ liên bang từ Cục Dự trữ Liên bang St. Louis, <https://fred.stlouisfed.org/series/CES9091000001>, tổng số lao động phi nông nghiệp Mỹ, <https://fred.stlouisfed.org/series/PAYEMS>.
- ⁴² Cục Thống kê Dân số Mỹ, “Quickfacts”, <https://www.census.gov/quickfacts/fact/table/US/AGE775219>.
- ⁴³ Dữ liệu từ Cục Dự trữ Liên bang St. Louis, <https://fred.stlouisfed.org/series/GDPCA>.
- ⁴⁴ Thấp hơn xa mức bình quân trong các nước OECD, theo OECD’s “Government at a Glance 2017”, <https://www.oecd.org/gov/government-at-a-glance-2017-highlights-en.pdf>.
- ⁴⁵ Fiona Hill, “Public Service and the Federal Government”, Brookings Institution, 27 tháng 5 năm 2020, <https://www.brookings.edu/policy2020/votervital/public-service-and-the-federal-government/>.
- ⁴⁶ Jeff Spross, “The GOP Plot to Drown Medicaid in the Bathtub”, *Week*, 9 tháng 3 năm 2017.
- ⁴⁷ Philip Rucker và Robert Costa, “Bannon Vows a Daily Fight for ‘Deconstruction of the Administrative State’”, *Washington Post*, 23 tháng 2 năm 2017.
- ⁴⁸ Polly J. Price, “A Coronavirus Quarantine in America Could Be a Giant Legal Mess”, *Atlantic*, 16 tháng 2 năm 2020.
- ⁴⁹ Ban biên tập, “Federalism Explains Varied COVID-19 Responses,” *Columbus Dispatch*, 8 tháng 5 năm 2020, <https://www.dispatch.com/opinion/20200508/editorial-federalism-explains-varied-covid-19-responses>.
- ⁵⁰ Việc báo cáo không đầy đủ về xét nghiệm Covid-19 của Mỹ, xem Sarah Kliff và Margot Sanger-Katz, “Choke Point for U.S. Coronavirus Response: The Fax Machine”, *New York Times*, 13 tháng 7 năm 2020.
- ⁵¹ Về “thẻ y tế” gần-sát-thời-gian-thực: theo dấu dữ liệu bệnh nhân Covid-19, xem Jackie Drees, “What the US Can Learn from Taiwan’s EHR System and COVID-19 Response”, *Becker’s Hospital Review*, 1 tháng 7 năm 2020, <https://www.beckershospitalreview.com/ehrs/what-the-us-can-learn-from-taiwan-s-ehr-system-and-covid-19-response.html>; và Ezekiel Emanuel trong trao đổi với Fareed Zakaria, *Fareed Zakaria GPS: Global Public Square*, CNN, 12 tháng 7 năm 2020, <https://www.cnn.com/videos/tv/2020/07/12/exp-gps-0712-emanuel-on-us-covid-19-response.cnn>.

- ⁵² Duren Banks và cộng sự, “National Sources of Law Enforcement Employment Data”, Bộ Tư pháp Mỹ, 4 tháng 10 năm 2016, <https://www.bjs.gov/content/pub/pdf/nslead.pdf>.
- ⁵³ Michael Bernhard, Christopher Reenock, và Timothy Nordstrom, “The Legacy of Western Overseas Colonialism on Democratic Survival”, *International Studies Quarterly* 48, no. 1 (tháng 3 năm 2004): 225-250, <https://academic.oup.com/isq/article-abstract/48/1/225/2963246>.
- ⁵⁴ Paul Light, “People on People on People: The Continued Thickening of Government”, The Volcker Alliance, tháng 10 năm 2017, https://www.volckeralliance.org/sites/default/files/attachments/Issue%20Paper_People%20on%20People.pdf.
- ⁵⁵ Marc Andreessen, “It’s Time to Build”, Andreessen Horowitz, <https://a16z.com/2020/04/18/its-time-to-build/>.
- ⁵⁶ Marc J. Dunkelman, “This Is Why Your Holiday Travel Is Awful”, *Politico*, 11 tháng 11 năm 2019.
- ⁵⁷ Ezra Klein, *Why We’re Polarized* (New York: Simon & Schuster, 2020).
- ⁵⁸ James Traub, “After the Coronavirus, the Era of Small Government Will Be Over”, *Foreign Policy*, 15 tháng 4 năm 2020.

Bài học 3: Thị trường thôi chưa đủ

- ¹ Trích trong David Kynaston, *The Financial Times: A Centenary History* (New York: Viking, 1988), 17.
- ² Ban biên tập, “Virus Lays Bare the Fragility of the Social Contract”, *Financial Times*, 3 tháng 4 năm 2020.
- ³ Mohamed Younis, “Four in 10 Americans Embrace Some Form of Socialism”, Gallup, 20 tháng 5 năm 2019, <https://news.gallup.com/poll/257639/four-americans-embrace-form-socialism.aspx>.
- ⁴ Pablo D. Fajgelbaum, Pinelopi K. Goldberg, Patrick J. Kennedy, và Amit K. Khandelwal, “The Return to Protectionism”, National Bureau of Economic Research, Tài liệu làm việc số 25638, công bố tháng 3 năm 2019, hiệu chỉnh tháng 10 năm 2019, <https://www.nber.org/papers/w25638>.
- ⁵ Lydia Saad, “Socialism as Popular as Capitalism Among Young Adults in U.S.”, Gallup, 25 tháng 11 năm 2019, <https://news.gallup.com/poll/268766/socialism-popular-capitalism-among-young-adults.aspx>.
- ⁶ Trong nhận xét năm 2018 với Hội đồng bang New England, theo Katie Lannan, đăng Twitter, 16 tháng 7 năm 2018, <https://twitter.com/katielannan/status/1018852303212896257?s=20>.

- ⁷ Donald R. Kinder và Nathan P. Kalmoe, *Neither Liberal nor Conservative: Ideological Innocence in the American Public* (Chicago: University of Chicago Press, 2017).
- ⁸ Tucker Carlson, “Mitt Romney Supports the Status Quo. But for Everyone Else, It’s Infuriating”, Fox News Opinion, 19 tháng 1 năm 2019.
- ⁹ Paul Krugman, “Saving Asia: It’s Time to Get Radical”, *Fortune / CNN Money*, 7 tháng 9 năm 1998.
- ¹⁰ Chris Gaither và Dawn C. Chmielewski, “Fears of Dot-Com Crash, Version 2.0”, *Los Angeles Times*, 16 tháng 7 năm 2006.
- ¹¹ Alex Williams, “2001: When the Internet Was, Um, Over?”, *New York Times*, 8 tháng 10 năm 2018.
- ¹² Martin Wolf, “Seeds of Its Own Destruction: The Scope of Government Is Again Widening and the Era of Free-Wheeling Finance Is Over”, *Financial Times*, 8 tháng 3 năm 2009.
- ¹³ Joe Weisenthal, “Geithner Tells Charlie Rose: Capitalism Will Be Different”, *Business Insider*, 11 tháng 3 năm 2009.
- ¹⁴ Đối với nhận xét yếm thế khác cho rằng điều này sẽ có nghĩa là phá vỡ sự chính thống của thị trường tự do, xem: Lane Kenworthy, “The Pandemic Won’t Usher In an American Welfare State”, *Foreign Affairs*, 1 tháng 5 năm 2020.
- ¹⁵ Francis Fukuyama, *The End of History and the Last Man* (New York: Free Press, 1992).
- ¹⁶ Tổng thống William J. Clinton, “Remarks on Signing the North American Free Trade Agreement Implementation Act”, 8 tháng 12 năm 1993, *Public Papers of the Presidents of the United States: William J. Clinton* (1993, Book II), <https://www.govinfo.gov/content/pkg/PPP-1993-book2/html/PPP-1993-book2-doc-pg2139-3.htm>.
- ¹⁷ Thomas L. Friedman, *The Lexus and the Olive Tree: Understanding Globalization* (New York: Farrar, Straus and Giroux, 1999).
- ¹⁸ Vũ Khảo cứu Quốc hội Mỹ, “China’s Economic Rise: History, Trends, Challenges, and Implications for the United States”, 25 tháng 6 năm 2019, <https://fas.org/sgp/crs/row/RL33534.pdf>.
- ¹⁹ Nicholas Kristof, “China Sees ‘Market-Leninism’ as Way to Future”, *New York Times*, 6 tháng 9 năm 1993.
- ²⁰ Hiệp hội thép thế giới, “World Steel in Figures 2019”, <https://www.worldsteel.org/en/dam/jcr:96d7a585-e6b2-4d63-b943-4cd9ab621a91/World%2520Steel%2520in%2520Figures%25202019.pdf>.
- ²¹ Khảo sát địa chất Mỹ, “Mineral Commodity Summaries”, <https://www.usgs.gov/centers/nmic/mineral-commodity-summaries>.

- ²² Được cho là của nhà báo Michael Kinsley. Xem Jonathan Chait, “The Origins of the Gaffe, Politics’ Idiot-Maker”, *New York, Intelligencer*, 14 tháng 6 năm 2012.
- ²³ Chi tiêu chăm sóc sức khỏe bình quân đầu người của Mỹ là 10.586 đôla, so với mức bình quân của các nước OECD là 5.287 đôla: Thống kê Y tế OECD 2020, <https://www.oecd.org/health/health-data.htm>, trích dẫn trong “How Does the U.S. Healthcare System Compare to Other Countries?”, Peter G. Peterson Foundation, 22 tháng 7 năm 2020, <https://www.pgpf.org/blog/2019/07/how-does-the-us-healthcare-system-compare-to-other-countries>.
- ²⁴ Tim Bontemps, “Adam Silver Lays Out Conditions for NBA’s Return, Mulls Charity Game ‘Diversion’”, ESPN, 18 tháng 3 năm 2020.
- ²⁵ Fareed Zakaria, *The Future of Freedom: Illiberal Democracy at Home and Abroad* (New York: W. W. Norton, 2003), Chapter 6: “The Death of Authority”.
- ²⁶ Robert A. Dahl, “Why All Democratic Societies Have Mixed Economies”, *Nomos* 35 (1993): 259-282, <https://www.jstor.org/stable/pdf/24219491.pdf?refreqid=excelsior%3A41633675a96dd0b062c13fd9eaac3053>.
- ²⁷ Reihan Salam, “Incarceration and Mobility: One Pretty Big Reason We’re Not Denmark”, *National Review*, 23 tháng 11 năm 2011.
- ²⁸ Raj Chetty, “Improving Opportunities for Economic Mobility: New Evidence and Policy Lessons”, Stanford University/Cục Dự trữ Liên bang St. Louis, https://www.stlouisfed.org/~media/files/pdfs/community%20development/econmobilitypapers/section1/econmobility_1-1chetty_508.pdf?d=1&s=tw.
- ²⁹ Éric Grenier, “21.9% of Canadians Are Immigrants, the Highest Share in 85 Years”, CBC News, 25 tháng 10 năm 2015, <https://www.cbc.ca/news/politics/census-2016-immigration-1.4368970>.
- ³⁰ Jynnah Radford, “Key Findings About U.S. Immigrants”, Pew Research Center, 17 tháng 6 năm 2019, <https://www.pewresearch.org/fact-tank/2019/06/17/key-findings-about-u-s-immigrants/>.
- ³¹ Xem, trong số những bài viết khác: Rick Newman, “The American Dream Is Alive and Well—Just Not in America”, *U.S. News & World Report*, 11 tháng 9 năm 2012, <https://www.usnews.com/news/blogs/rick-newman/2012/09/11/the-american-dream-is-alive-and-welljust-not-in-america>; Alison Williams, “The American Dream Is Alive and Well, Outside America”, *Harvard Business Review*, 6 tháng 8 năm 2013, <https://hbr.org/2013/08/the-american-dream-is-alive-and-well>; và Issie Lapowsky, “Data Reveals the American Dream Is Alive and Well—In Canada”, *Wired*, 13 tháng 10 năm 2016, <https://www.wired.com/2016/10/data-reveals-american-dream-alive-well-canada/>.

- ³² Francis Fukuyama, *Political Order and Political Decay: From the Industrial Revolution to the Globalization of Democracy* (New York: Farrar, Straus and Giroux, 2014), Chương 1.
- ³³ Lars Løkke Rasmussen, “Nordic Solutions and Challenges—A Danish Perspective,” Harvard Kennedy School’s Institute of Politics, https://youtu.be/MgrJnXZ_WGo?t=490.
- ³⁴ 2020 Index of Economic Freedom, Heritage Foundation, <https://www.heritage.org/index/ranking>.
- ³⁵ “Denmark: Individual—Other Taxes, Inheritance, Estate, and Gift Taxes”, PwC Denmark, 2 tháng 6 năm 2020, <https://taxsummaries.pwc.com/denmark/individual/other-taxes>.
- ³⁶ “Taxing Inheritances Is Falling out of Favour”, *Economist*, 23 tháng 11 năm 2017.
- ³⁷ Norwegian Tax Administration, “Inheritance Tax Is Abolished”, <https://www.skatteetaten.no/en/person/taxes/get-the-taxes-right/gift-and-inheritance/inheritance-tax-is-abolished/>.
- ³⁸ “Revenue Statistics—OECD Countries: Comparative Tables”, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, <https://stats.oecd.org/Index.aspx?DataSetCode=REV>.
- ³⁹ Thuế VAT bình quân 21% ở EU, 25% ở Đan Mạch: Elle Aksen, “2020 VAT Rates in Europe”, Tax Foundation, 9 tháng 1 năm 2020, <https://taxfoundation.org/european-union-value-added-tax-2020/>.
- ⁴⁰ Bình quân căn cứ trên “State Sales Tax Rates”, Sales Tax Institute, 1 tháng 5 năm 2020, <https://www.salestaxinstitute.com/resources/rates>.
- ⁴¹ Peter Baldwin, “A U.S. More Like Denmark? Be Careful What You Wish For”, *New York Times*, 20 tháng 10 năm 2015, <https://www.nytimes.com/roomfordebate/2015/10/20/can-the-us-become-denmark/a-us-more-like-denmark-be-careful-what-you-wish-for>.
- ⁴² Thu nhập khả dụng đã điều chỉnh bình quân hộ gia đình ở Đan Mạch: 29.606 đôla. Ở Mỹ: 45.284 đôla, theo OECD Better Life Index, <http://www.oecdbetterlifeindex.org/countries/united-states/> và <http://www.oecdbetterlifeindex.org/countries/denmark/>. Định nghĩa của “thu nhập khả dụng đã điều chỉnh bình quân hộ gia đình” được đưa vào trong “How’s Life? 2020: Measuring Wellbeing”, OECD Better Life Index, <https://www.oecd-ilibrary.org/docserver/9870c393-en.pdf>.

Thu nhập khả dụng đã điều chỉnh bình quân hộ gia đình có được bằng cách cộng (tổng) tất cả các dòng thu nhập (lương, thu nhập từ tư doanh và vốn, các khoản chuyển nhượng vãng lai nhận được từ các khu vực khác) được trả cho khu vực hộ gia đình (Hệ thống Tài khoản Quốc

gia) và sau đó trừ đi các khoản chuyển nhượng vãng lai (chẳng hạn thuế đánh vào thu nhập và của cải) do các hộ gia đình trả cho các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Thuật ngữ “được điều chỉnh” trong từ vựng của Tài khoản Quốc gia, biểu thị việc bao gồm các khoản hỗ trợ xã hội bằng hiện vật (chẳng hạn các dịch vụ giáo dục và chăm sóc sức khỏe) mà hộ gia đình nhận được từ chính phủ. Thuộc đo được sử dụng ở đây cũng tính đến số tiền cần thiết để thay thế tài sản vốn của các hộ gia đình (tức là nhà ở và thiết bị của các doanh nghiệp chưa gộp vào), được khấu trừ vào thu nhập của họ. Thu nhập khả dụng đã điều chỉnh bình quân hộ gia đình được thể hiện theo bình quân đầu người và được tính bằng đôla Mỹ (USD) theo sức mua năm 2017 cho tiêu dùng thực tế của cá nhân. Nguồn là cơ sở dữ liệu Thống kê Tài khoản Quốc gia của OECD.

- ⁴³ Đan Mạch chi 0,52% GDP cho đào tạo lao động; Mỹ chi 0,03%. Gary Burtless, “Comments on ‘Employment and Training for Mature Adults: The Current System and Moving Forward,’ by Paul Osterman”, Brookings Institution, 7 tháng 11 năm 2019, <https://www.brookings.edu/blog/up-front/2019/11/07/employment-and-training-for-mature-adults-the-current-system-and-moving-forward/>.
- ⁴⁴ OECD Better Life Index, Đan Mạch và Mỹ.
- ⁵⁵ Fareed Zakaria, “The Politics of the Future: Be Open and Armed”, *Washington Post*, 7 tháng 7 năm 2016, https://www.washingtonpost.com/opinions/the-politics-of-the-future-be-open-and-armed/2016/07/07/fd171ce0-447b-11e6-8856-f26de2537a9d_story.html.

Bài học 4: Lắng nghe chuyên gia — và lắng nghe người dân

- ¹ Eliza Collins, “Trump: I Consult Myself on Foreign Policy,” *Politico*, 16 tháng 3 năm 2016.
- ² Nick Gass, “Trump: ‘The Experts Are Terrible,’” *Politico*, 4 tháng 4 năm 2016.
- ³ Henry Mance, “Britain Has Had Enough of Experts, Says Gove,” *Financial Times*, 3 tháng 6 năm 2016.
- ⁴ Về nhà dịch tễ học Đài Loan Trần Kiến Nhân (Chen Chien-jen), xem: Javier C. Hernández và Chris Horton, “Taiwan’s Weapon Against Coronavirus: An Epidemiologist as Vice President”, *New York Times*, 9 tháng 5 năm 2020.
- ⁵ Thủ tướng Hy Lạp Kyriakos Mitsotakis, trong trao đổi với Fareed Zakaria, *Fareed Zakaria GPS: Global Public Square*, CNN, 14 tháng 6 năm 2020.
- ⁶ Ernesto Londoño, Manuela Andreoni, và Leticia Casado, “President Bolsonaro of Brazil Tests Positive for Coronavirus”, *New York Times*, 7 tháng 7 năm 2020.

- ⁷ León Krauze, "Mexico's President Has Given Up in the Fight Against the Coronavirus", *Washington Post*, 18 tháng 6 năm 2020.
- ⁸ Kevin Liptak, "Trump Tweets Support for Michigan Protesters, Some of Whom Were Armed, as 2020 Stress Mounts", CNN, 1 tháng 5 năm 2020.
- ⁹ Đến ngày 13 tháng 7. Xem: Jonathan Lemire, "Trump Wears Mask in Public for First Time During Pandemic", Associated Press, 13 tháng 7 năm 2020.
- ¹⁰ Nhà sản xuất Lysol (Reckitt Benckiser) cảnh báo khách hàng không uống hoặc chích thuốc tẩy: "Improper Use of Disinfectants", <https://www.rb.com/media/news/2020/april/improper-use-of-disinfectants/>.
- ¹¹ Toluse Olorunnipa, Ariana Eunjung Cha, và Laurie McGinley, "Drug Promoted by Trump as Coronavirus 'Game Changer' Increasingly Linked to Deaths", *Washington Post*, 15 tháng 5 năm 2020.
- ¹² Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ, "FDA Cautions Against Use of Hydroxychloroquine or Chloroquine for COVID-19 Outside of the Hospital Setting or a Clinical Trial Due to Risk of Heart Rhythm Problems", cập nhật ngày 1 tháng 7 năm 2020, <https://www.fda.gov/drugs/drug-safety-and-availability/fda-cautions-against-use-hydroxychloroquine-or-chloroquine-covid-19-outside-hospital-setting-or>.
- ¹³ Donald J. Trump, "Remarks by President Trump, Vice President Pence, and Members of the Coronavirus Task Force in Press Briefing", Nhà Trắng, 20 tháng 3 năm 2020, <https://www.whitehouse.gov/briefings-statements/remarks-president-trump-vice-president-pence-members-c-oronavirus-task-force-press-briefng/>.
- ¹⁴ Stephen Colbert, "The Word: Truthiness", *Colbert Report*, 17 tháng 10 năm 2005, Comedy Central, <http://www.cc.com/video-clips/63ite2/the-colbert-report-the-word---truthiness>. Bản ghi từ Kurt Andersen, "How America Lost Its Mind", *Atlantic*, tháng 9 năm 2017.
- ¹⁵ J. Edward Moreno, "Government Health Agency Official: Coronavirus 'Isn't Something the American Public Need to Worry About'", *Hill*, 26 tháng 1 năm 2020.
- ¹⁶ Alex M. Azar II, "Secretary Azar Delivers Remarks on Declaration of Public Health Emergency for 2019 Novel Coronavirus," Nhà Trắng, 31 tháng 1 năm 2020, <https://www.hhs.gov/about/leadership/secretary/speeches/2020-speeches/secretary-azar-delivers-remarks-on-declaration-of-public-health-emergency-2019-novel-coronavirus.html>.
- ¹⁷ Alice Park và Jeffrey Kluger, "The Coronavirus Pandemic Is Forcing U.S. Doctors to Ration Care for All Patients", *Time*, 22 tháng 4 năm 2020.

- ¹⁸ S. J. Lange, M. D. Ritchey, A. B. Goodman và cộng sự, “Potential Indirect Effects of the COVID-19 Pandemic on Use of Emergency Departments for Acute Life-Threatening Conditions—United States, January–May 2020”, Trung tâm Phòng ngừa và Kiểm soát Dịch bệnh, *MMWR Morb Mortal Weekly Report* 69 (2020):795-800; và Will Feuer, “Doctors Worry the Coronavirus Is Keeping Patients Away from US Hospitals as ER Visits Drop: ‘Heart Attacks Don’t Stop’”, CNBC, 14 tháng 4 năm 2020.
- ¹⁹ Jonathan Ford, “The Battle at the Heart of British Science over Coronavirus”, *Financial Times*, 15 tháng 4 năm 2020; David D. Kirkpatrick, Matt Apuzzo, và Selam Gebrekidan, “Europe Said It Was Pandemic-Ready. Pride Was Its Downfall”, *New York Times*, 20 tháng 7 năm 2020.
- ²⁰ Sđd.
- ²¹ Steven Pinker, “Alan Alda & Steven Pinker: Secrets of Great Communication”, 92nd Street Y, 23 tháng 4 năm 2020.
- ²² Jhag Balla, “This Viral Angela Merkel Clip Explains the Risks of Loosening Social Distancing Too Fast”, *Vox*, 17 tháng 4 năm 2020; và Katrin Bennhold, “Relying on Science and Politics, Merkel Offers a Cautious Virus Re-entry Plan”, *New York Times*, 15 tháng 4 năm 2020.
- ²³ Lili Pike, “Why 15 US States Suddenly Made Masks Mandatory”, *Vox*, 29 tháng 5 năm 2020.
- ²⁴ Một báo cáo cho thấy lẽ ra đã tránh được những sai lầm này như thế nào, xem: Zeynep Tufekci, “Why Telling People They Don’t Need Masks Backfired”, *New York Times*, 15 tháng 3 năm 2020.
- ²⁵ Trên *CBS Face the Nation*. Xem Melissa Quinn, “Surgeon General Says Administration ‘Trying to Correct’ Earlier Guidance Against Wearing Masks”, CBS News, 12 tháng 7 năm 2020, <https://www.cbsnews.com/news/coronavirus-surgeon-general-jerome-adams-wearing-masks-face-the-nation/>.
- ²⁶ Dean Acheson, *Present at the Creation: My Years at the State Department* (New York: W. W. Norton, 1970), 375.
- ²⁷ Richard Fletcher, Antonis Kalogeropoulos, và Rasmus Kleis Nielsen, “Trust in UK Government and News Media COVID-19 Information Down, Concerns over Misinformation from Government and Politicians Up”, University of Oxford, Reuters Institute, 1 tháng 6 năm 2020, <https://reutersinstitute.politics.ox.ac.uk/trust-uk-government-and-news-media-covid-19-information-down-concerns-over-misinformation>.
- ²⁸ Chris Curtis, “One in Five Have Started Breaking Lockdown Rules More Following Cummings Saga”, YouGov, 3 tháng 6 năm 2020, <https://yougov>.

co.uk/topics/health/articles-reports/2020/06/03/one-five-have-started-breaking-lockdown-rules-more.

- ²⁹ Eliot Cohen, *Supreme Command: Soldiers, Statesmen, and Leadership in Wartime* (New York: Free Press, 2002).
- ³⁰ Câu này thường được dẫn bằng tiếng Anh. Nguyên văn tiếng Pháp: “La guerre! C’est une chose trop grave pour la confer à des militaires”. Lưu ý câu nói này được cho là của nhiều chính khách Pháp khác nhau trong Thế chiến I.
- ³¹ Shana Kushner Gadarian, Sara Wallace Goodman, và Tomas B. Pepinsky, “Partisanship, Health Behavior, and Policy Attitudes in the Early Stages of the COVID-19 Pandemic”, *SSRN*, 30 tháng 3 năm 2020, <https://ssrn.com/abstract=3562796>. (Ghi chú: Nghiên cứu này, và những nghiên cứu bởi Painter và Qiu và Allcott và cộng sự bên dưới, chưa được trong giới thẩm định.)
- ³² Marcus Painter và Tian Qiu, “Political Beliefs Affect Compliance with COVID-19 Social Distancing Orders”, *SSRN*, 3 tháng 7 năm 2020, <https://ssrn.com/abstract=3569098>; Hunt Allcott, Levi Boxell, Jacob Conway, Matthew Gentzkow, Michael Taler, và David Y. Yang, “Polarization and Public Health: Partisan Differences in Social Distancing During the Coronavirus Pandemic”, *SSRN*, tháng 6 năm 2020, <https://ssrn.com/abstract=3574415>.
- ³³ Adam Satariano và Davey Alba, “Burning Cell Towers, out of Baseless Fear They Spread the Virus”, *New York Times*, 10 tháng 4 năm 2020.
- ³⁴ Jonathan Haidt, *The Righteous Mind: Why Good People Are Divided by Politics and Religion* (New York: Vintage Books, 2013), 98, 104.
- ³⁵ Ezra Klein, “Why the Most Informed Voters Are Often the Most Badly Misled”, *Vox*, 8 tháng 6 năm 2015.
- ³⁶ Christopher H. Achen and Larry M. Bartels, “It Feels Like We’re Thinking: The Rationalizing Voter and Electoral Democracy”, Annual Meeting of the American Political Science Association, Philadelphia, 28 tháng 8 năm 2006, <https://web.archive.org/web/20160410201427/http://www.princeton.edu/~bartels/thinking.pdf>.
- ³⁷ David Hume, *A Treatise Of Human Nature*, Cuốn III, Phần III, Mục III, “Of The Influencing Motives Of The Will.”
- ³⁸ David Roberts, “Partisanship Is the Strongest Predictor of Coronavirus Response”, *Vox*, 14 tháng 5 năm 2020.
- ³⁹ Cas Mudde, “Populism in the Twenty-First Century: An Illiberal Democratic Response to Undemocratic Liberalism,” Andrea Mitchell Center for the Study of Democracy, University of Pennsylvania, <https://www.sas.upenn.edu/andrea-mitchell-center/cas-mudde-populism-twenty-frst-century>.

- ⁴⁰ Donald J. Trump, “Let Me Ask America a Question”, *Wall Street Journal*, 14 tháng 4 năm 2016.
- ⁴¹ Michael Lewis, *The Fifth Risk* (New York: W. W. Norton, 2018).
- ⁴² Matthew Cappucci và Andrew Freedman, “President Trump Showed a Doctored Hurricane Chart. Was It to Cover Up for ‘Alabama’ Twitter Flub?”, *Washington Post*, 5 tháng 9 năm 2019.
- ⁴³ Christopher Flavelle, “NOAA Chief Violated Ethics Code in Furor over Trump Tweet, Agency Says”, *New York Times*, 15 tháng 6 năm 2020.
- ⁴⁴ Michael Lind, *The New Class War: Saving Democracy from the Managerial Elite* (New York: Portfolio: 2020).
- ⁴⁵ Từ năm 1996 đến 2000, nhà lãnh đạo Lý Đảng Huy (PhD, Cornell): John Trenhaile, “The New Cabinet”, *Taiwan Review*, 1 tháng 8 năm 1996, lưu trữ tại <https://web.archive.org/web/20160915152001/> <http://www.taiwantoday.tw/ct.asp?xItem=54929&ctNode=2198&mp=9>.
- ⁴⁶ 33,4% dân số Mỹ tốt nghiệp đại học tính đến năm 2016: Cục Điều tra dân số Mỹ, “Educational Attainment in the United States: 2016”, <https://www.census.gov/newsroom/press-releases/2017/cb17-51.html>; “31% of 25-64 Year Olds Achieved Tertiary Level Study”, Ủy ban châu Âu, Eurostat, <https://ec.europa.eu/eurostat/web/products-eurostat-news/-/EDN-20181008-1>.
- ⁴⁷ 13,1% có học vị thạc sĩ, giáo sư, hoặc tiến sĩ: Cục Điều tra dân số Mỹ, “Educational Attainment in the United States: 2018”, <https://www.census.gov/library/stories/2019/02/number-of-people-with-masters-and-phd-degrees-double-since-2000.html>.
- ⁴⁸ 2010 Chinese Census, Education at a Glance: OECD Indicators 2016, “People’s Republic of China”, https://gpseducation.oecd.org/Content/EAGCountryNotes/EAG2016_CN_CHN.pdf.
- ⁴⁹ 99,2% thành viên tham dự Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 18 có bằng đại học tính đến năm 2016: Cheng Li, Bảng 4.1, “Percentage of College-Educated Members on the 8th-18th Central Committees”, *Chinese Politics in the Xi Jinping Era: Reassessing Collective Leadership* (Washington, DC: Brookings Institution Press, 2016).
- ⁵⁰ Cục Điều tra dân số Mỹ, “Educational Attainment in the United States: 2018.”
- ⁵¹ Nate Silver, “Education, Not Income, Predicted Who Would Vote for Trump”, FiveThirtyEight, 22 tháng 11 năm 2016, <https://fivethirtyeight.com/features/education-not-income-predicted-who-would-vote-for-trump/>.
- ⁵² Nathaniel Rakich và Dhruvil Mehta, “Trump Is Only Popular in Rural Areas,” FiveThirtyEight, 7 tháng 12 năm 2018, <https://fivethirtyeight.com/features/trump-is-really-popular-in-rural-areas-other-places-not-so-much/>.

- ⁵³ Will Wilkinson, “The Density Divide: Urbanization, Polarization, and Populist Backlash”, Niskanen Center, tháng 6 năm 2019, <https://www.niskanencenter.org/wp-content/uploads/2019/09/Wilkinson-Density-Divide-Final.pdf>.
- ⁵⁴ Anushka Asthana, “People Who Felt Marginalised Drove Brexit Vote, Study Finds”, *Guardian*, 31 tháng 8 năm 2016.
- ⁵⁵ Marie Dupin, “Jeunes, Précaires, Ruraux: Qui Sont Les Gilets Jaunes?”, BFM, 9 tháng 4 năm 2020, https://www.bfmtv.com/economie/economie-social/france/jeunes-precaires-ruraux-qui-sont-les-gilets-jaunes_AN-201904090053.html.
- ⁵⁶ Feargus O’Sullivan, “Why Drivers Are Leading a Protest Movement Across France”, *City Lab*, 19 tháng 11 năm 2018, <https://www.bloomberg.com/news/articles/2018-11-19/-yellow-vests-why-france-is-protesting-new-gas-taxes>.
- ⁵⁷ Christian Franz, Marcel Fratzscher, và Alexander S. Kritikos, “German Right-Wing Party AfD Finds More Support in Rural Areas with Aging Populations,” *DIW Weekly Report* 8, no. 7/8 (2018): 69-79, <http://hdl.handle.net/10419/175453>.
- ⁵⁸ *Daily Sabah*, kết quả bầu cử tổng thống 2018, <https://www.dailysabah.com/election/june-24-2018-election-results>.
- ⁵⁹ “Job Flexibilities and Work Schedules—2017-2018, Data from the American Time Use Survey”, Cục Thống kê Lao động, 24 tháng 9 năm 2019, <https://www.bls.gov/news.release/flex2.nr0.htm>.
- ⁶⁰ Jeanna Smialek, “Poor Americans Hit Hardest by Job Losses amid Lockdowns, Fed Says”, *New York Times*, 14 tháng 5 năm 2020, <https://www.nytimes.com/2020/05/14/business/economy/coronavirus-jobless-unemployment.html>.
- ⁶¹ Richard Hofstadter, *Anti-Intellectualism in American Life* (New York: Alfred A. Knopf, 1963), 34.
- ⁶² Henry Kissinger, “The Sayings of Secretary Henry”, DuPre Jones biên soạn, *New York Times*, 28 tháng 10 năm 1973, trích dẫn trong Jerry Useem, “Power Causes Brain Damage”, *Atlantic*, tháng 7-8 năm 2017: “[Quyền lực] thậm chí có thể làm Henry Kissinger tin mình có sức hấp dẫn tình dục.”
- ⁶³ Dacher Keltner, *The Power Paradox: How We Gain and Lose Influence* (New York: Penguin, 2016), 112-113, 116-118.
- ⁶⁴ Jean Edward Smith, *FDR* (New York: Random House, 2007).
- ⁶⁵ Doris Kearns Goodwin, *No Ordinary Time: Franklin and Eleanor Roosevelt—The Home Front in World War II* (New York: Simon & Schuster, 1994).
- ⁶⁶ Một sự kiện được nhắc tới trong, ví dụ, Ken Burns, *The Roosevelts: An Intimate History*, PBS, 2014.

Bài học 5: Cuộc đời là sống số

- ¹ Niall Johnson và Juergen Mueller, “Updating the Accounts: Global Mortality of the 1918-1920 ‘Spanish’ Influenza Pandemic”, *Bulletin of the History of Medicine* (Xuân 2002), https://www.researchgate.net/publication/11487892_Updating_the_Accounts_Global_Mortality_of_the_1918-1920_Spanish_Influenza_Pandemic.
- ² Lisa Bramen, “October 28, 1919: The Day That Launched a Million Speakeasies”, *Smithsonian Magazine*, 28 tháng 10 năm 2010.
- ³ Đã thấy trong phát biểu năm 1920 của Harding: “Nhu cầu hiện tại của nước Mỹ không phải là người hùng mà là sự chữa lành; không phải thuốc lang băm mà là trạng thái bình thường; không phải cách mạng mà là phục hồi... không phải phẫu thuật mà là sự thanh thản”: Thư viện Quốc hội, Bầu cử Tổng thống 1920, <https://www.loc.gov/collections/world-war-i-and-1920-election-recordings/articles-and-essays/from-war-to-normalcy/presidential-election-of-1920/>.
- ⁴ Máy tính cá nhân sớm nhất được xác định bởi, ví dụ, Bảo tàng Lịch sử Máy tính ở Palo Alto, California: Chris Garcia, “In His Own Words: John Blankenbaker”, CHM Blog, Curatorial Insights, 5 tháng 4 năm 2016, <https://computerhistory.org/blog/in-his-own-words-john-blankenbaker/>.
- ⁵ Brad Stone, *The Everything Store: Jeff Bezos and the Age of Amazon* (New York: Little, Brown, 2013), Chương 2.
- ⁶ Trong quý 1 năm 2020, theo tính toán từ Christopher Rossbach, quản lý danh mục đầu tư của J. Stern & Co. World Stars Global Equity Fund: Irina Ivanova, “Amazon Makes \$10,000 Per Second as Shoppers Shelter in Place”, CBS News, Moneywatch, 1 tháng 5 năm 2020, <https://www.cbsnews.com/news/amazon-q1-earnings-75-billion-10000-per-second/>; cũng xem doanh thu ròng quý 1 của Amazon 75,5 tỉ đôla, 9.709 đôla mỗi giây: “Amazon.Com Announces First Quarter Results”, https://s2.q4cdn.com/299287126/files/doc_financials/2020/Q1/Amazon-Q1-2020-Earnings-Release.pdf.
- ⁷ Cục Thống kê Lao động Mỹ, “Unemployment Rate 9.1 Percent in August 2011”, https://www.bls.gov/opub/ted/2011/ted_20110908.htm?view_full.
- ⁸ Marc Andreessen, “Why Software Is Eating the World”, 20 tháng 8 năm 2011.
- ⁹ Doanh thu ngành công nghiệp video game = 78 tỉ đôla năm 2010, 137 tỉ đôla năm 2019, xem: Will Partin, “The 2010s Were a Banner Decade for Big Money and Tech—and Esports Reaped the Rewards”, *Washington Post*, 28 tháng 1 năm 2020; doanh thu của Hollywood = 42,5 tỉ đôla năm 2019, xem: Pamela McClintock, “2019 Global Box Office Revenue Hit Record \$42.5B Despite

- 4 Percent Dip in U.S.”, *Hollywood Reporter*, 10 tháng 1 năm 2020, <https://www.hollywoodreporter.com/news/2019-global-box-office-hit-record-425b-4-percent-plunge-us-1268600>. Doanh thu ngành công nghiệp âm nhạc Mỹ = 11,1 tỉ đôla năm 2019, xem: Dan Rys, “US Recorded Music Revenue Reaches \$11.1 Billion in 2019, 79% from Streaming: RIAA”, *Billboard*, 25 tháng 2 năm 2020, <https://www.billboard.com/articles/business/8551881/riaa-music-industry-2019-revenue-streaming-vinyl-digital-physical>.
- ¹⁰ Suzanne Kapner và Sarah Nassauer, “Coronavirus Finishes the Retail Reckoning That Amazon Started”, *Wall Street Journal*, 14 tháng 5 năm 2020.
- ¹¹ Carl Benedikt Frey, *The Technology Trap: Capital, Labor, and Power in the Age of Automation* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 2020), 304.
- ¹² “Percentage of Mobile Device Website Traffic Worldwide from 1st Quarter 2015 to 1st Quarter 2020”, Statista, <https://www.statista.com/statistics/277125/share-of-website-traffic-coming-from-mobile-devices>.
- ¹³ Ravi Agrawal, *India Connected: How the Smartphone Is Transforming the World’s Largest Democracy* (New York: Oxford University Press, 2018), 3.
- ¹⁴ McKinsey Global Institute, “Digital India”, 2019, <https://www.mckinsey.com/~media/McKinsey/Business%20Functions/McKinsey%20Digital/Our%20Insights/Digital%20India%20Technology%20to%20transform%20a%20connected%20nation/MGI-Digital-India-Report-April-2019.ashx>.
- ¹⁵ Mukesh Ambani, trong trao đổi với *India Today*, “India is now world’s top mobile data consuming nation: Mukesh Ambani”, 25 tháng 10 năm 2018, <https://www.indiatoday.in/technology/news/story/india-top-mobile-data-consuming-nation-mukesh-ambani-1375253-2018-10-25>.
- ¹⁶ Sđd.
- ¹⁷ McKinsey Global Institute, “Digital India”, 6.
- ¹⁸ Mobis Philipose, “Why Reliance Jio’s Big and Bold 2021 Vision Doesn’t Make Sense”, *LiveMint*, 7 tháng 3 năm 2017.
- ¹⁹ Geeta Anand và Suhasini Raj, “Rumors on WhatsApp Ignite 2 Mob Attacks in India, Killing 7”, *New York Times*, 25 tháng 5 năm 2017.
- ²⁰ “Trong số những người có công ăn việc làm bốn tuần trước đó, 34,1% cho biết họ đi từ nhà đến nơi làm việc và giờ đang làm việc tại nhà”: Erik Brynjolfsson và cộng sự, “COVID-19 and Remote Work: An Early Look at US Data”, MIT Sloan School of Management, <https://mitsloan.mit.edu/shared/ods/documents/?PublicationDocumentID=6322>.
- ²¹ Sonal Khetarpal, “Post-COVID, 75% of 4.5 Lakh TCS Employees to Permanently Work from Home by ’25; from 20%,” *Business Today India*, 30 tháng 4 năm 2020.

- ²² Saunak Chowdhury, "TCS Refutes Claims of 75% Employees Working from Home Post Lock-Down", *Indian Wire*, 28 tháng 4 năm 2020.
- ²³ Tata Consultancy Services, "About Us", <https://www.tcs.com/about-us>.
- ²⁴ Jeff Becker và Arielle Trzcinski, "US Virtual Care Visits to Soar to More Than 1 Billion", Forrester Analytics, 10 tháng 4 năm 2020, <https://go.forrester.com/press-newsroom/us-virtual-care-visits-to-soar-to-more-than-1-billion/>.
- ²⁵ Lizzy Gurdus, "Tim Cook: Apple's Greatest Contribution Will Be 'About Health'", *CNBC Mad Money*, 8 tháng 1 năm 2019.
- ²⁶ "Using Artificial Intelligence to Classify Lung Cancer Types, Predict Mutations", National Cancer Institute, 10 tháng 10 năm 2018, <https://www.cancer.gov/news-events/cancer-currents-blog/2018/artificial-intelligence-lung-cancer-classification>.
- ²⁷ D. Ardila, A. P. Kiraly, S. Bharadwaj và cộng sự, "End-to-End Lung Cancer Screening with Three-Dimensional Deep Learning on Low-Dose Chest Computed Tomography", *Nature Medicine* 25 (2019): 954-961, <https://doi.org/10.1038/s41591-019-0447-x>.
- ²⁸ Kim Martineau, "Marshaling Artificial Intelligence in the Fight Against Covid-19", MIT Quest for Intelligence, *MIT News*, 19 tháng 5 năm 2020, <http://news.mit.edu/2020/mit-marshaling-artificial-intelligence-fight-against-covid-19-0519>.
- ²⁹ Xem, trong số các bài viết khác: Cade Metz, "How A.I. Steered Doctors Toward a Possible Coronavirus Treatment", *New York Times*, 30 tháng 4 năm 2020; và O. Kadioglu, M. Saeed, H. Johannes Greten, và T. Efferth, "Identification of Novel Compounds Against Three Targets of SARS CoV-2 Coronavirus by Combined Virtual Screening and Supervised Machine Learning", [in lại], *Bulletin of the World Health Organization*, E-pub: 21 tháng 3 năm 2020, <http://dx.doi.org/10.2471/BLT.20.255943>.
- ³⁰ Salvatore Babones, "Countries Rolling Out Coronavirus Tracking Apps Show Why They Can't Work", *Foreign Policy*, 12 tháng 5 năm 2020, <https://foreignpolicy.com/2020/05/12/coronavirus-tracking-tracing-apps-cant-work-south-korea-singapore-australia/>.
- ³¹ Goh Yu Chong và Nasrath Hassan, "Factsheet: Tracetogther Programme", Smart Nation, Government of Singapore, 8 tháng 6 năm 2020, <https://www.smartnation.gov.sg/whats-new/press-releases/factsheet--tracetogther-programme>.
- ³² "Covid-19 and the Workforce", *MIT Technology Review* và Faethm, 2020, <https://mittrinsights.s3.amazonaws.com/AIagenda2020/Covid19workforce.pdf>.

- 33 Rachel Premack, “Robots Are Already Working in Fast-Food Restaurants—Here’s Exactly What They’re Doing Right Now”, *Business Insider*, 26 tháng 6 năm 2018, <https://www.businessinsider.com/mcdonalds-kfc-panera-robot-employees-2018-6>.
- 34 “Road Traffic Injuries and Deaths—a Global Problem”, Trung tâm Phòng ngừa và Kiểm soát Dịch bệnh Mỹ, cập nhật mới nhất ngày 18 tháng 12 năm 2019, <https://www.cdc.gov/injury/features/global-road-safety/index.html>.
- 35 “Critical Reasons for Crashes Investigated in the National Motor Vehicle Crash Causation Survey”, Bộ Vận tải Mỹ, tháng 2 năm 2015, <https://crashstats.nhtsa.dot.gov/Api/Public/ViewPublication/812115>.
- 36 Jennifer Cheeseman Day và Andrew W. Haidt, “Number of Truckers at All-Time High”, Cục Thống kê Dân số Mỹ, 6 tháng 6 năm 2019, <https://www.census.gov/library/stories/2019/06/america-keeps-on-trucking.html>.
- 37 Fred Smith, CEO của Federal Express, “Transcript: The Path Forward: Business & the Economy”, *Washington Post Live*, 14 tháng 5 năm 2020.
- 38 Ian McEwan, *Machines Like Me: A Novel* (New York: Knopf Doubleday, 2019).
- 39 Brian Merchant, “When an AI Goes Full Jack Kerouac”, *Atlantic*, 1 tháng 10 năm 2018.
- 40 John Maynard Keynes, “Economic Possibilities for Our Grandchildren” (nguyên tác 1930), in lại trong *Essays in Persuasion* (New York: W. W. Norton, 1963), 358-373.
- 41 “Làm việc ba giờ một ngày, ba ngày mỗi tuần”, theo Sarah Ellison, “Reckitt Turns to Jetsons to Launch Detergent Gels”, *Wall Street Journal*, 13 tháng 1 năm 2003; nhấn một nút bấm, theo HannaBarbera Wiki, “The Jetsons”, https://hanna-barbera.fandom.com/wiki/The_Jetsons.
- 42 Zoe Didali, “As PM Finland’s Marin Could Renew Call for Shorter Work Week”, *New Europe*, 2 tháng 1 năm 2020, <https://www.neweurope.eu/article/finnish-pm-marin-calls-for-4-day-week-and-6-hours-working-day-in-the-country/>.
- 43 David Graeber, *Bullshit Jobs: A Theory* (New York: Simon & Schuster, 2018).
- 44 McEwan, *Machines Like Me*.
- 45 David Silver và Demis Hassabis, “AlphaGo: Mastering the Ancient Game of Go with Machine Learning”, Google DeepMind, 27 tháng 1 năm 2016, <https://ai.googleblog.com/2016/01/alphago-mastering-ancient-game-of-go.html>.
- 46 Kyle Wiggers, “DeepMind’s Agent57 Beats Humans at 57 Classic Atari Games”, *Venture Beat*, 31 tháng 3 năm 2020; Rebecca Jacobson, “Artificial Intelligence Program Teaches Itself to Play Atari Games—And It Can Beat Your High Score”, *PBS NewsHour*, 20 tháng 2 năm 2015.

- ⁴⁷ Stuart Russell, “3 Principles for Creating Safer AI”, TED2017, https://www.ted.com/talks/stuart_russell_3_principles_for_creating_safer_ai/transcript?language=en.
- ⁴⁸ Stuart Russell, trong trò chuyện với Sam Harris, “#53—The Dawn of Artificial Intelligence”, *Making Sense*, 23 tháng 11 năm 2016, <https://samharris.org/podcasts/the-dawn-of-artificial-intelligence1/>.
- ⁴⁹ Nick Bostrom, *Superintelligence: Paths, Dangers, and Strategies* (New York: Oxford University Press, 2014).
- ⁵⁰ Henry Kissinger, “How the Enlightenment Ends”, *Atlantic*, tháng 6 năm 2018, <https://www.theatlantic.com/magazine/archive/2018/06/henry-kissinger-ai-could-mean-the-end-of-human-history/559124/>.
- ⁵¹ Immanuel Kant, “An Answer to the Question: What Is Enlightenment?” (30 tháng 9 năm 1784), Mary C. Smith dịch.
- ⁵² “Thượng Đế hành tung bí ẩn” được diễn dịch lần đầu trong tụng ca năm 1774 của nhà thơ người Anh William Cowper, “Light Shining Out of Darkness”, tuyển tập, chẳng hạn, *The Columbia Anthology of Poetry*, Carl R. Woodring và James Shapiro biên tập (New York: Columbia University Press, 1995), 383.
- ⁵³ Yuval Noah Harari, *Homo Deus: A Brief History of Tomorrow* (London: Harvill Secker, 2016).

Bài học 6: Aristotle nói đúng — Chúng ta là động vật xã hội

- ¹ Từ một loại virus được gọi là SIV, virus gây suy giảm miễn dịch ở loài khỉ. Xem: “Where Did HIV Come From?”, AIDS Institute, <https://www.theaidsinstitute.org/education/aids-101/where-did-hiv-come-0>.
- ² Craig Timberg và Daniel Halperin, *Tinderbox: How the West Sparked the AIDS Epidemic and How the World Can Finally Overcome It* (New York: Penguin, 2012).
- ³ Nicola Decaro và Alessio Lorusso, “Novel Human Coronavirus (SARS-CoV-2): A Lesson from Animal Coronaviruses”, *Veterinary Microbiology* 244 (tháng 5 năm 2020), <https://doi.org/10.1016/j.vetmic.2020.108693>.
- ⁴ Trong trao đổi với Fareed Zakaria, “On GPS: Tracing Pandemics Back to Their Source”, *Fareed Zakaria GPS: Global Public Square*, CNN, 26 tháng 4 năm 2020, <https://www.cnn.com/videos/tv/2020/04/26/exp-gps-0426-daszak-int.cnn>. Để biết thêm từ Daszak, xem: Nurith Aizenman, “Why the U.S. Government Stopped Funding a Research Project on Bats and Coronaviruses”, NPR, 29 tháng 4 năm 2020, <https://www.npr.org/sections/goatsandsoda/2020/04/29/847948272/why-the-u-s-government-stopped-funding-a-research-project-on-bats-and-coronavirus>.

- ⁵ Nặc danh, *Times*, 3 tháng 12 năm 1889, trang 9, trích và dẫn lại trong James Mussell, “Pandemic in Print: The Spread of Influenza in the Fin de Siècle”, <https://doi.org/10.1016/j.endeavour.2007.01.008>.
- ⁶ Alain-Jacques Valleron và cộng sự, “Transmissibility and Geographic Spread of the 1889 Influenza Pandemic”, *Proceedings of the National Academy of Sciences* 107, no. 19 (11 tháng 5 năm 2010): 8778-8781, <https://doi.org/10.1073/pnas.1000886107>.
- ⁷ Benoît Morenne và Vivien Ngo, “Train Drain: How Social Distancing Is Transforming Mass Transit”, *Wall Street Journal*, 22 tháng 6 năm 2020.
- ⁸ Paul Sandle, “No Name, No Pint: New Rules for England’s Pubs After Lockdown”, Reuters, 24 tháng 6 năm 2020.
- ⁹ Aaron Holmes, “Singapore Is Using a High-Tech Surveillance App to Track the Coronavirus, Keeping Schools and Businesses Open. Here’s How It Works”, *Business Insider*, 24 tháng 3 năm 2020.
- ¹⁰ Kevin Quealy, “The Richest Neighborhoods Emptied Out Most as Coronavirus Hit New York City”, *New York Times*, 15 tháng 5 năm 2020.
- ¹¹ Laura Forman, “For Newly Remote Workers, Small Town U.S.A. Will Lose Its Allure Soon Enough”, *Wall Street Journal*, 19 tháng 6 năm 2020.
- ¹² “‘Thank You Parisians, Don’t Bring the Virus’: Plea from Rural France”, *Guardian*, 18 tháng 3 năm 2020.
- ¹³ 68.596, theo ghi nhận của thành phố; xem John S. Morrill, “Great Plague of London”, *Encyclopaedia Britannica*, <https://www.britannica.com/event/Great-Plague-of-London>.
- ¹⁴ Matthew Green, “Lost in the Great Fire: Which London Buildings Disappeared in the 1666 Blaze?”, *Guardian*, 30 tháng 8 năm 2016.
- ¹⁵ Xem, chẳng hạn, “Build Back Better”, We Mean Business Coalition, <https://www.wemeanbusinesscoalition.org/build-back-better/>.
- ¹⁶ Andrew Sullivan, “The Very First Pandemic Blogger”, *New York*, 15 tháng 3 năm 2020.
- ¹⁷ Clay Jenkinson, “Thomas Jefferson, Epidemics and His Vision for American Cities”, *Governing*, 1 tháng 4 năm 2020, <https://www.governing.com/context/Thomas-Jefferson-Epidemics-and-His-Vision-for-American-Cities.html>.
- ¹⁸ Alan Weisman, *The World Without Us* (New York: St. Martin’s Thomas Dunne Books, 2007).
- ¹⁹ Liên hiệp quốc, “World Population Prospects 2018”, Department of Economic and Social Affairs, Population Dynamics, <https://population.un.org/wup/>.
- ²⁰ David Satterthwaite, “The Transition to a Predominantly Urban World and Its Underpinnings”, Human Settlements Discussion Paper Series, “Theme: Urban Change—4” (2007), <https://pubs.iied.org/pdfs/10550IIED.pdf>.

- ²¹ Tất cả dữ liệu trong phần này lấy từ Liên hiệp quốc, *The World's Cities in 2018—Data Booklet*, 2018, https://www.un.org/en/events/citiesday/assets/pdf/the_worlds_cities_in_2018_data_booklet.pdf.
- ²² Edward Glaeser, *Triumph of the City: How Our Greatest Invention Makes Us Richer, Smarter, Greener, Healthier, and Happier* (New York: Penguin, 2011); cũng xem <https://www.scientificamerican.com/article/glaeser-triumph-of-the-city-excerpt/>.
- ²³ “The Destiny of Density”, *Economist*, 11 tháng 6 năm 2020.
- ²⁴ David M. Cutler và Grant Miller, “The Role of Public Health Improvements in Health Advances: The 20th Century United States”, National Bureau of Economic Research, Working Paper No. 10511, tháng 5 năm 2004, <https://www.nber.org/papers/w10511>.
- ²⁵ Frederick Law Olmsted, *Public Parks and the Enlargement of Towns* (New York: American Social Science Association, Riverside Press, 1870).
- ²⁶ Frederick Law Olmsted, “Notes on the plan of Franklin Park and related matters” (1886), trong *The Papers of Frederick Law Olmsted*, do C. E. Beveridge, C. F. Hoffman, và K. Hawkins biên tập, “Supplementary Series 1: Writings on Public Parks, Parkways and Park Systems” (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1997), 460-534.
- ²⁷ Steven Johnson, *The Ghost Map: The Story of London's Most Terrifying Epidemic—and How It Changed Science, Cities, and the Modern World* (New York: Penguin Random House, 2006), 25.
- ²⁸ Sđd., 175, 195-196.
- ²⁹ David M. Cutler và Grant Miller, “The Role of Public Health Improvements”, NBER Working Paper No. 10511, tháng 5 năm 2004, <https://www.nber.org/papers/w10511>.
- ³⁰ Sđd.
- ³¹ Lưu ý rằng mặc dù đề xuất thuế đánh vào nước ngọt có ga của Thị trưởng Bloomberg bị bác ở thành phố New York, nhưng nó đã được thông qua ở các thành phố khác, bao gồm San Francisco, Seattle, Philadelphia và Washington, DC. Xem “State and Local Finance Initiative: Soda Taxes”, Urban Institute, 2011-2020, <https://www.urban.org/policy-centers/cross-center-initiatives/state-and-local-finance-initiative/state-and-local-backgrounders/soda-taxes>.
- ³² Stu Loeser, Samantha Levine, Susan Craig, và Alexandra Waldhorn, “Mayor Bloomberg, Deputy Mayor Gibbs, Health Commissioner Farley Announce New Yorkers Living Longer Than Ever, Outpacing National Trend,” trang web chính thức của thành phố New York, 7 tháng 12 năm 2011, <https://www1.nyc.gov/office-of-the-mayor/news/453-11/mayor-bloomberg-deputy-mayor-gibbs-health-commissioner-farley-new-yorkers-living-longer#/4>.

- 33 Michael Howard Saul, "Life Span in City Exceeds U.S. Average", *Wall Street Journal*, 28 tháng 12 năm 2011, <https://www.wsj.com/articles/SB10001424052970203479104577125151628468014>.
- 34 Liu Zhifeng và cộng sự, "How Much of the World's Land Has Been Urbanized, Really? A Hierarchical Framework for Avoiding Confusion", *Landscape Ecology* 29 (2014): 763-771.
- 35 H. E. S. Mestl, K. Aunan, H. M. Seip và cộng sự, "Urban and Rural Exposure to Indoor Air Pollution from Domestic Biomass and Coal Burning Across China", *Science of the Total Environment* 377, no. 1 (tháng 5 năm 2007): 12-26, <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2007.01.087>.
- 36 "Country Living, Dirty Air: Oil & Gas Pollution in Rural America", Earthworks and Clean Air Taskforce, <https://www.scribd.com/document/383729903/Country-Living-Dirty-Air>; cũng xem, ví dụ, Liz Ruskin, "Alaska Remote Diesel Generators Win Exemption from Pollution Rule", Alaska Public Media, 18 tháng 9 năm 2019, <https://www.alaskapublic.org/2019/09/18/alaska-remote-diesel-generators-win-exemption-from-pollution-rule/>.
- 37 Tristan Baurick, Lylla Younes, và Joan Meiners, "Welcome to 'Cancer Alley,' Where Toxic Air Is About to Get Worse", *Pro-Publica*, 30 tháng 10 năm 2019, <https://www.propublica.org/article/welcome-to-cancer-alley-where-toxic-air-is-about-to-get-worse>.
- 38 Vấn nạn khét tiếng rác trên vỉa hè của thành phố New York là hệ quả của kế hoạch mạng lưới đường sá dày đặc. Không giống như hầu hết các thành phố lớn khác, New York phần lớn được xây dựng từ thế kỷ 19 không có những con hẻm, mà hầu hết các thành phố khác giấu rác vào đó. Xem: Gersh Kuntzman, "Will NYC Finally Get Garbage out of Pedestrians' Way?", *Streetsblog NYC*, 4 tháng 6 năm 2019, <https://nyc.streetsblog.org/2019/06/04/will-nyc-finally-get-garbage-out-of-pedestrians-way/>.
- 39 Một nghiên cứu của Pew cho thấy California đô thị hóa cao (53,4%) và bang Washington (50,1%) có tỷ lệ tái chế cao nhất trong năm 2011; thấp nhất là các bang nông thôn như Oklahoma (3,7%), Alaska (4,5%) và Mississippi (4,8%). Drew DeSilver, "Perceptions and Realities of Recycling Vary Widely from Place to Place", Pew Research Center, 7 tháng 10 năm 2016, <https://www.pewresearch.org/fact-tank/2016/10/07/perceptions-and-realities-of-recycling-vary-widely-from-place-to-place/>.
- 40 Arumugam Sankarasubramanian và cộng sự, "Synthesis of Public Water Supply Use in the U.S.: Spatio-Temporal Patterns and Socio-Economic Controls", *Earth's Future*, 18 tháng 5 năm 2017, <https://doi.org/10.1002/2016EF000511>.
- 41 "Ở hầu hết mọi khu vực đô thị, lượng khí thải carbon đối với những người sống ở các thành phố trung tâm thấp hơn đáng kể so với những người sống

- ở vùng ngoại ô,” trong Edward Glaeser, “Green Cities, Brown Suburbs”, *City Journal*, Đông 2009, <https://www.city-journal.org/html/green-cities-brown-suburbs-13143.html>.
- ⁴² Xem Arcadis Sustainable Cities Index 2018, https://www.arcadis.com/media/1/D/5/%7B1D5AE7E2-A348-4B6E-B1D7-6D94FA7D7567%7DSustainable_Cities_Index_2018_Arcadis.pdf; và Robert Muggah và Parag Khanna, “These 10 Asian Cities Are the Most Prepared for the Future”, Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 5 tháng 9 năm 2018, <https://www.weforum.org/agenda/2018/09/these-asian-cities-are-best-equipped-for-the-future/>.
- ⁴³ Chẳng hạn, dự trữ của Navajo. Xem: Ian Lovett, Dan Frosch, và Paul Overberg, “Covid-19 Stalks Large Families in Rural America”, *Wall Street Journal*, 7 tháng 6 năm 2020.
- ⁴⁴ Ilya Kashnitsky và José Manuel Aburto, “The Pandemic Threatens Aged Rural Regions Most”, Center for Open Science, University of Oxford, và Interdisciplinary Centre on Population Dynamics (CPOP) tại University of Southern Denmark, <https://ideas.repec.org/p/osf/osfxxx/abx7s.html>.
- ⁴⁵ “Density & COVID-19 in New York City”, Citizens Housing & Planning Council, tháng 5 năm 2020, <https://chpcny.org/wp-content/uploads/2020/05/CHPC-Density-COVID19-in-NYC.pdf>.
- ⁴⁶ “Coronavirus Map”, *New York Times*, truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020, <https://www.nytimes.com/interactive/2020/world/coronavirus-maps.html>.
- ⁴⁷ Soutik Biswas, “How Asia’s Biggest Slum Contained the Coronavirus”, BBC, 23 tháng 6 năm 2020, <https://www.bbc.com/news/world-asia-india-53133843>.
- ⁴⁸ Liên hiệp quốc, *The World’s Cities in 2018*, 9.
- ⁴⁹ “A Ride Along Chicago’s Red Line: Life Expectancy Varies by 30 Years from One End to the Other”, *Economist*, 10 tháng 10 năm 2019.
- ⁵⁰ Darrell Bricker và John Ibbitson, *Empty Planet: The Shock of Global Population Decline* (New York: Crown, 2019).
- ⁵¹ Liên hiệp quốc, *The World’s Cities in 2018*, 5.
- ⁵² Liên hiệp quốc, “World Populations Prospects 2019”, <https://population.un.org/wpp/>.
- ⁵³ Sabrina Tavernise và Sarah Mervosh, “America’s Biggest Cities Were Already Losing Their Allure. What Happens Next?”, *New York Times*, 23 tháng 4 năm 2020.
- ⁵⁴ Peter W. Colby, “Public Policy in New York State Today”, trong *New York State Today: Politics, Government, Public Policy* (Albany: State University of New York Press, 1985), Bảng 17: Thay đổi từ 1970 đến 1980 (-10,4%), 228.
- ⁵⁵ William H. Frey, “Even Before Coronavirus, Census Shows U.S. Cities’ Growth

- Was Stagnating”, Brookings, 6 tháng 4 năm 2020, <https://www.brookings.edu/research/even-before-coronavirus-census-shows-u-s-cities-growth-was-stagnating/>.
- ⁵⁶ Joel Kotkin, “What the Census Numbers Tell Us”, 5 tháng 4 năm 2018, <http://joelkotkin.com/what-the-census-numbers-tell-us/>.
- ⁵⁷ Natalie Whittle, “Welcome to the 15-Minute City”, *Financial Times*, 17 tháng 7 năm 2020, <https://www.ft.com/content/c1a53744-90d5-4560-9e3f-17ce06aba69a>; Jennifer Keesmaat, “The Pandemic Does Not Spell the End for Cities”, *Foreign Affairs*, 28 tháng 5 năm 2020.
- ⁵⁸ “What Is Paris Mayor Anne Hidalgo’s Plan for a ‘15-Minute City?’”, Chicago Council on Global Affairs, 24 tháng 2 năm 2020, <https://youtu.be/55VkdnzGzhw>.
- ⁵⁹ Alana Semeuls, “From ‘Not in My Backyard’ to ‘Yes in My Backyard’”, *Atlantic*, 5 tháng 7 năm 2017.
- ⁶⁰ “Hidalgo, thị trưởng từ năm 2014, đã đánh bại ứng cử viên bảo thủ Rachida Dati trong cuộc bầu cử thị trưởng thành phố của Pháp, giành được 50,2% số phiếu bầu so với 32% của Dati. Agnes Buzyn đứng sau với chỉ 16%”: Carlton Reid, “Anne Hidalgo Reelected as Mayor of Paris Vowing to Remove Cars and Boost Bicycling and Walking”, *Forbes*, 28 tháng 6 năm 2020.
- ⁶¹ Feargus O’Sullivan, “What Happens to Public Space When Everything Moves Outside”, *City Lab*, 29 tháng 5 năm 2020, <https://www.bloomberg.com/news/features/2020-06-29/what-happens-to-public-space-when-everything-moves-outside>.
- ⁶² Parag Khanna, “A New Map for America,” 15 tháng 4 năm 2016, dẫn “siêu-khu vực” của Joel Kotkin. Xem bản đồ phiên bản số: <https://www.nytimes.com/2016/04/17/opinion/sunday/a-new-map-for-america.html>.
- ⁶³ Ivo Daalder, “Why Cities Need Their Own Foreign Policies”, *Politico*, 6 tháng 5 năm 2017.
- ⁶⁴ Alina Dizik, “New Residents Are Spending Big in Columbus”, *Wall Street Journal*, 7 tháng 11 năm 2019.
- ⁶⁵ Lấy từ tựa kiệt tác của Jane Jacobs, *The Death and Life of Great American Cities* (New York: Random House, 1961).
- ⁶⁶ William Wordsworth, “Composed Upon Westminster Bridge, September 3, 1802.”
- ⁶⁷ Elwyn Brooks White, *Here Is New York* (1949), 21.
- ⁶⁸ Jane Jacobs, “Can Big Plans Solve the Problem of Renewal?”, trong *Vital Little Plans: The Short Works of Jane Jacobs*, Samuel Zipp và Nathan Storrington biên tập (New York: Random House, 2016).

- ⁶⁹ Jane Jacobs, trích trong Jared Greed, “The Case for Diversity”, *Dirt: Uniting the Built and Natural Environments*, 30 tháng 9 năm 2016, <https://dirt.asla.org/2016/09/30/jane-jacobs-the-case-for-diversity/>.
- ⁷⁰ Tom Simonite, “Remote Work Has Its Perks, Until You Want a Promotion”, *Wired*, 28 tháng 5 năm 2020.
- ⁷¹ E. M. Forster, “The Machine Stops”, *Oxford and Cambridge Review* (tháng 11 năm 1909). Ghi chú: Văn bản gốc của Forster có từ cổ xưa là “Pekin” nghĩa là “Peking” (tức, Beijing: Bắc Kinh).
- ⁷² E. M. Forster, *Howards End* (London: Edward Arnold, 1910).

Bài học 7: Bất bình đẳng sẽ trở nên tồi tệ hơn

- ¹ Adriana Gomez Licon, “Mexican Day of Dead ‘Skeleton Lady’ Spreads Look”, Associated Press, 31 tháng 10 năm 2013.
- ² Simon Ingram, “La Catrina: The Dark History of Day of the Dead’s Immortal Icon”, *National Geographic*, 18 tháng 10 năm 2019.
- ³ José Guadalupe Posada, *La calavera del cólera morbo* (1910), truy cập qua Thư viện Quốc hội, <https://www.loc.gov/pictures/item/99615954/>.
- ⁴ Richard Wike, “The Global Consensus: Inequality Is a Major Problem”, Pew Research, 15 tháng 11 năm 2013, <https://www.pewresearch.org/fact-tank/2013/11/15/the-global-consensus-inequality-is-a-major-problem/>.
- ⁵ *Taking on Inequality: Poverty and Shared Prosperity 2016*, The World Bank Group, 9, 81, <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/25078/9781464809583.pdf>.
- ⁶ “Table 4.1: Trends in the Within-Country Gini Index, 1993–2013”, *Taking on Inequality: Poverty and Shared Prosperity 2016*, The World Bank Group, 86, <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/25078/9781464809583.pdf>.
- ⁷ Sđd, 88.
- ⁸ Sđd.
- ⁹ Facundo Alvaredo, Lucas Chancel, Thomas Piketty, Emmanuel Saez, và Gabriel Zucman, “World Inequality Report 2018”, 46, <https://wir2018.wid.world/files/download/wir2018-full-report-english.pdf>.
- ¹⁰ Markus P. A. Schneider và Daniele Tavani, “Tale of Two Ginis in the United States, 1921–2012”, Levy Institute Working Paper (tháng 1 năm 2015), http://www.levyinstitute.org/pubs/wp_826.pdf; cũng xem Thomas Piketty, Paris School of Economics, trích bảng biểu và số liệu, Bảng 1.1, <http://piketty.pse.ens.fr/files/capital21c/en/Piketty2014FiguresTables.pdf>.

- ¹¹ Barack Obama, “Remarks by the President on Economic Mobility”, Nhà Trắng, Thư ký Báo chí, 4 tháng 12 năm 2013, <https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2013/12/04/remarks-president-economic-mobility>.
- ¹² Liên hiệp quốc, “Millennium Development Goals Report 2015”, 15, [https://www.un.org/millenniumgoals/2015_MDG_Report/pdf/MDG%202015%20rev%20\(July%201\).pdf](https://www.un.org/millenniumgoals/2015_MDG_Report/pdf/MDG%202015%20rev%20(July%201).pdf).
- ¹³ Max Roser và Esteban Ortiz-Ospina, “Global Extreme Poverty”, Our World in Data, 2019, <https://ourworldindata.org/extreme-poverty>.
- ¹⁴ “Under-Five Mortality”, Global Health Observatory (GHO), WHO, https://www.who.int/gho/child_health/mortality/mortality_under_five_text/en/#:~:text=Trends,1%20in%2026%20in%202018.
- ¹⁵ Philip Schellekens và Diego Sourrouille, “Tracking COVID-19 as Cause of Death: Global Estimates of Relative Severity”, Brookings Institution, tháng 5 năm 2020, https://www.brookings.edu/wp-content/uploads/2020/05/Tracking_COVID-19_as_Cause_of_Death-Global_Estimates_of_Severity.pdf.
- ¹⁶ Islam và cộng sự, “Temperature, Humidity, and Wind Speed Are Associated with Lower COVID-19 Incidence”, 2020, <https://doi.org/10.1101/2020.03.27.20045658>, dẫn lại trong: Rapid Expert Consultation on SARS-CoV-2 Survival in Relation to Temperature and Humidity and Potential for Seasonality for the COVID-19 Pandemic (7 tháng 4 năm 2020), National Academies of Science, Engineering, and Medicine, <https://www.nap.edu/read/25771/chapter/1>.
- ¹⁷ “Chinese Tourists Made 169 Million Outbound Trips in 2019: Report”, China Global Television Network, 29 tháng 2 năm 2020, trích dẫn Tổng cục Thống kê Trung Quốc, <https://news.cgtn.com/news/2020-02-29/Chinese-tourists-made-169-million-outbound-trips-in-2019-report-OtIYWzZmOQ/index.html>.
- ¹⁸ “Khu ổ chuột Dharavi có mật độ dân số gần gấp 30 lần so với New York — khoảng 280.000 người trên một km vuông”: Vedika Sud, Helen Regen, và Esha Mitra, Mercury News, trích dẫn CNN, 4 tháng 4 năm 2020, <https://www.mercurynews.com/2020/04/03/doctors-india-must-prepare-for-onslaught-of-coronavirus/>.
- ¹⁹ Theo Leilani Farha, Báo cáo viên đặc biệt của Liên hiệp quốc về nhà ở, đến năm 2019: Paul Wallace và Tope Alake, “Lagos Building Luxury Homes in Face of Affordable Housing Crisis”, Bloomberg, 20 tháng 12 năm 2019.
- ²⁰ World Bank DataBank, “Hospital Beds (Per 1,000 People)—Bangladesh, European Union, United States”, <https://data.worldbank.org/indicator/SH.MED.BEDS.ZS?locations=BD-EU-us>.

- ²¹ Ruth Maclean và Simon Marks, “10 African Countries Have No Ventilators. That’s Only Part of the Problem”, *New York Times*, 18 tháng 4 năm 2020.
- ²² Sđd.
- ²³ “Economy to shrink 5% this year, fiscal stimulus not enough to support growth”, *Economic Times*, 8 tháng 6 năm 2020.
- ²⁴ World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?locations=IN>.
- ²⁵ 706.000 ca tử vong hằng năm do suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi vào năm 2017: Aastha Ahuja, “68 Per Cent of Child Deaths Under Five Years in India Caused by Malnutrition in 2017: Study”, Banega Swasth India, trích dẫn India State-Level Disease Burden Initiative Study, <https://swachhindia.ndtv.com/68-per-cent-of-child-deaths-under-five-years-in-india-caused-by-malnutrition-in-2017-study-39470>.
- ²⁶ Giám đốc IMF Kristalina Georgieva: “bay đến nơi an toàn, rất nhiều vốn đã rời khỏi các nền kinh tế mới nổi, thế giới đang phát triển; gần 90 tỉ đôla đã tháo chạy. Trong khủng hoảng tài chính toàn cầu còn chưa nhiều đến như vậy”: Tổ chức Y tế Thế giới, họp báo trực tuyến về COVID-19, 3 tháng 4 năm 2020, https://www.who.int/docs/default-source/documents/covid-19-virtual-press-conference-transcript-3-april-2020.pdf?sfvrsn=43e2f2f3_6.
- ²⁷ “Slowly Emerging”, *Economist*, 7 tháng 4 năm 2015.
- ²⁸ Xem Daniel Gerszon và cộng sự, Ngân hàng Thế giới, 8 tháng 6 năm 2020, <https://blogs.worldbank.org/opendata/updated-estimates-impact-covid-19-global-poverty>; Andy Sumner, Chris Hoy, và Eduardo Ortiz-Juarez, “Estimates of the Impact of COVID-19 on Global Poverty”, WIDER Working Paper 2020/43. Helsinki: UNUWIDER, <https://www.wider.unu.edu/publication/estimates-impact-covid-19-global-poverty>.
- ²⁹ “New Zealand PM: No Open Borders for ‘a Long Time’”, BBC, 5 tháng 5 năm 2020.
- ³⁰ Sđd.
- ³¹ Jamie Smith, “Pacific Islands Plead to Join Australia-New Zealand Travel Bubble”, *Financial Times*, 7 tháng 6 năm 2020.
- ³² World Travel & Tourism Council, “Economic Impact Reports”, <https://wttc.org/Research/Economic-Impact>.
- ³³ Jason Douglas, Jon Sindreu, và Georgi Kantchev, “The Problem with Innovation: The Biggest Companies Are Hogging All the Gains”, *Wall Street Journal*, 15 tháng 7 năm 2018.
- ³⁴ Morgan Stanley Wealth Management, “The Capex Conundrum and Productivity Paradox”, Global Investment Committee, tháng 11 năm 2017,

<https://advisor.morganstanley.com/sandra-smith-allison-butler/documents/home-office/investing/The-Capex-Conundrum-and-Productivity-Paradox.pdf>.

- ³⁵ J. Clement, “Global Market Share of Search Engines 2010–2020”, Statista, 18 tháng 6 năm 2020, <https://www.statista.com/statistics/216573/worldwide-market-share-of-search-engines/>.
- ³⁶ Peter Thiel, “Competition Is for Losers”, *Wall Street Journal*, 12 tháng 9 năm 2014.
- ³⁷ JP Morgan Chase 2018 Annual Report, <https://www.jpmorganchase.com/corporate/investor-relations/document/line-of-business-ceo-letters-to-shareholders-2018.pdf>.
- ³⁸ Xem infographic từ Ủy ban phi đảng phái và phi lợi nhuận, chuyên giải quyết các vấn đề tài chính và ngân sách liên bang của Mỹ (Committee for a Responsible Budget), chỉ ra rằng mặc dù Đạo luật CARES được thổi phồng là phao cứu sinh cho Main Street, nhưng hầu như đạo luật này sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp lớn và ngành hàng không chứ không phải cho các doanh nghiệp nhỏ (<http://www.crfb.org/blogs/visualization-cares-act>). Ghi chú: Khoản vay doanh nghiệp nhỏ (PPP) về sau được mở rộng tới 700 tỉ đôla, nhưng cần lưu ý rằng không phải tất cả các doanh nghiệp nhỏ được vay PPP đều thực sự là “cửa hàng nhỏ lẻ”. Những doanh nghiệp được nhận bao gồm những siêu chuỗi cửa hàng của thế giới — cũng như công ty quần áo của Kanye West, Soho House, các công ty máy bay tư nhân và Jeff Koons.
- ³⁹ André Dua, Deepa Mahajan, Ingrid Millan, và Shelley Stewart, “COVID-19’s Effect on Minority-Owned Small Businesses in the United States”, McKinsey & Company, Social Sector Practice, 27 tháng 5 năm 2020, <https://www.mckinsey.com/industries/social-sector/our-insights/covid-19s-effect-on-minority-owned-small-businesses-in-the-united-states>.
- ⁴⁰ Gene Ludwig và Sarah Bloom Raskin, “How the Fed’s Rescue Program Is Worsening Inequality”, *Politico*, 28 tháng 5 năm 2020.
- ⁴¹ Ghi công cho Frank Borman, được dẫn lại trong Thomas G. Donlan, “The Benefits of Failure”, *Barrons*, 12 tháng 4 năm 2010.
- ⁴² Joseph Stiglitz, *The Price of Inequality: How Today’s Divided Society Endangers Our Future* (New York: W. W. Norton, 2012).
- ⁴³ Richard G. Wilkinson and Kate Pickett, *The Spirit Level: Why More Equal Societies Almost Always Do Better* (London: Allen Lane, 2009).
- ⁴⁴ Taylor Telford, “Income Inequality in America Is the Highest It’s Been Since Census Bureau Started Tracking It, Data Shows”, *Washington Post*, 26 tháng 9 năm 2019.
- ⁴⁵ Alvaredo và cộng sự, “World Inequality Report 2018”, 6, 8.

- ⁴⁶ “The Unequal States of America: Income Inequality in the United States”, infographic của Viện Chính sách Kinh tế, chuyển thể từ Estelle Sommeiller và Mark Price, “The New Gilded Age: Income Inequality in the U.S. by State, Metropolitan Area, and County”, báo cáo của Viện Chính sách Kinh tế công bố tháng 7 năm 2018, <https://www.epi.org/multimedia/unequal-states-of-america/#/United%20States>.
- ⁴⁷ Moritz Kuhn, Moritz Schularick, và Ulrike I. Steins, “Income and Wealth Inequality in America, 1949– 2016”, Federal Reserve Bank of Minneapolis, Institute Working Paper 9, tháng 6 năm 2018, 21, <https://www.minneapolisfed.org/institute/working-papers-institute/iwp9.pdf>.
- ⁴⁸ Cục Dự trữ Liên bang, “Distribution of Household Wealth in the U.S. Since 1989”, <https://www.federalreserve.gov/releases/z1/dataviz/dfa/distribute/table/>.
- ⁴⁹ Drew Desilver, “Global Inequality: How the U.S. Compares”, FactBank, Pew Research Center, <https://www.pewresearch.org/fact-tank/2013/12/19/global-inequality-how-the-u-s-compares/>; và “Income Distribution Database”, OECD, <https://stats.oecd.org/Index.aspx?DataSetCode=IDD> (chọn đánh giá “Gini (thu nhập khả dụng)”).
- ⁵⁰ World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.GINI?locations=US-DK-BR>.
- ⁵¹ Xem Joe Pinsker, “The Pandemic Will Cleave America in Two”, *Atlantic*, tháng 4 năm 2020.
- ⁵² Larry Buchanan, Jugal K. Patel, Brian M. Rosenthal, và Anjali Singhvi, “A Month of Coronavirus in New York City: See the Hardest-Hit Areas”, *New York Times*, 1 tháng 4 năm 2020.
- ⁵³ “Double Jeopardy: COVID-19 and Behavioral Health Disparities for Black and Latino Communities in the U.S.”, Cơ quan Quản trị Dịch vụ Tâm thần và Lạm dụng thuốc, Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Mỹ, <https://www.samhsa.gov/sites/default/files/covid19-behavioral-health-disparities-black-latino-communities.pdf>.
- ⁵⁴ “The Color of Coronavirus: Covid-19 Deaths by Race and Ethnicity in the U.S.”, APM Research Lab, 8 tháng 7 năm 2020, <https://www.apmresearchlab.org/covid/deaths-by-race>.
- ⁵⁵ Shaun Treweek, Nita G. Forouhi, K. M. Venkat Narayan, và Kamlesh Khunti, “COVID-19 and Ethnicity: Who Will Research Results Apply To?” *Lancet* 395, no. 10242 (27 tháng 6 – 3 tháng 7 năm 2020): 1955–1957, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7292594/>; và Lucinda Platt và Ross Warwick, “Are Some Ethnic Groups More Vulnerable to COVID-19 Than Others?”, *VI Inequality*, 1 tháng 5 năm 2020, <https://www.ifs.org.uk/inequality/chapter/are-some-ethnic-groups-more-vulnerable-to-covid-19-than-others/>.

- ⁵⁶ Amy Goldstein và Emily Guskin, “Almost One-Third of Black Americans Know Someone Who Died of Covid-19, Survey Shows”, *Washington Post*, 26 tháng 6 năm 2020.
- ⁵⁷ Raj Chetty, John N. Friedman, Emmanuel Saez, Nicholas Turner, và Danny Yagan, “Income Segregation and Intergenerational Mobility Across Colleges in the United States”, *Quarterly Journal of Economics* 135, no. 3 (August 2020): 1567-1633, <https://doi.org/10.1093/qje/qjaa005>.
- ⁵⁸ Jacob Hacker và Paul Pierson, *Let Them Eat Tweets: How the Right Rules in an Age of Extreme Inequality* (New York: Liveright, 2020).
- ⁵⁹ Xem, ví dụ, Antigua và Barbuda (<https://cbiu.gov.dm/investment-options/>), hoặc Dominica (<http://www.antiguabarbuda-citizenship.com/>).
- ⁶⁰ Bộ Ngoại giao Mỹ, “Immigrant Investor Visas”, <https://travel.state.gov/content/travel/en/us-visas/immigrate/immigrant-investor-visas.html>.
- ⁶¹ “Investor visa (Tier 1)”, UK Government, <https://www.gov.uk/tier-1-investor>.
- ⁶² Francesco Guarascio, “EU Sees Crime Risks from Malta, Cyprus Passport-for-Sale Schemes: Report”, Reuters, 21 tháng 1 năm 2019.
- ⁶³ “Can People Be Trusted”, General Social Survey, 2018, <https://gssdataexplorer.norc.umd.edu/variables/441/vshow>.
- ⁶⁴ Esteban Ortiz-Ospina và Max Roser, “Trust”, 2016, <https://ourworldindata.org/trust>; cũng xem Paul R. Ward, Loreen Mamerow, và Samantha B. Meyer, “Interpersonal Trust Across Six Asia-Pacific Countries: Testing and Extending the ‘High Trust Society’ and ‘Low Trust Society’ Theory”, *PLoS ONE* 9, no. 4 (23 tháng 4 năm 2014), <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0095555>; và Soo Jui Tan và Siok Kuan Tambyah, “Generalized Trust and Trust in Institutions in Confucian Asia”, *Social Indicators Research* 103, no. 3 (tháng 9 năm 2011): 357-377, <https://www.jstor.org/stable/41476527?seq=1>.
- ⁶⁵ Fabio Pisani và Maria Cristina Scarafie, “Income Inequality and Social Capital: An Empirical Analysis for European Regions”, University of Rome Tor Vergata, Società Italiana degli Economisti (Italian Society of Economists), https://siecon3-607788.cdn77.org/sites/siecon.org/files/media_wysiwyg/160-pisani-scarafie.pdf.
- ⁶⁶ Susan Sontag, “Illness as Metaphor”, *New York Review of Books*, 26 tháng 1 năm 1978, <https://www.nybooks.com/articles/1978/01/26/illness-as-metaphor/>.

Bài học 8: Toàn cầu hóa không chết

- ¹ “The Story of the Pediatrician Who Died of Coronavirus in La Rioja”, Web24 News, 1 tháng 4 năm 2020, <https://www.web24.news/u/2020/04/the-story->

- of-the-pediatrician-who-died-of-coronavirus-in-la-rioja.html; và Ministerio de la Salud de La Rioja, đăng Twitter, 31 tháng 3 năm 2020, <https://twitter.com/Minsaludlrj/status/1244962594496143366>.
- ² Antipode Map, <https://www.antipodesmap.com/#about-antipodes>, “Wuhan, China”, truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2020.
 - ³ Florence Fenwick Miller, ‘The Ladies Column’, *Illustrated London News* 96 (1890), 154-155, dẫn lại trong J. Mussell, “Writing the ‘Great Proteus of Disease’: Influenza, Informatics, and the Body in the Late Nineteenth Century”, trong *Minds, Bodies, Machines, 1790–1920*, D. Coleman và H. Fraser biên tập (Basingstoke, UK: Palgrave Macmillan, 2011), 161-178, <https://core.ac.uk/download/pdf/267268737.pdf>.
 - ⁴ Winston Churchill, “The Influenza, 1890”, National Churchill Museum, <https://www.nationalchurchillmuseum.org/winston-churchill-the-influenza-poem.html>; xuất bản trong báo trường Harrow School, *The Harrovian*, năm 1890, theo tư liệu về Winston Churchill: <https://www.archives.chu.cam.ac.uk/perl/node?a=a;reference=CHUR%202%2F336>.
 - ⁵ Garry White, “Coronavirus Is the Canary in Globalisation’s Coal Mine”, *Telegraph*, 6 tháng 3 năm 2020.
 - ⁶ Zachary Karabell, “Will the Coronavirus Bring the End of Globalization? Don’t Count on It”, *Wall Street Journal*, 20 tháng 3 năm 2020.
 - ⁷ Adam Tooze, “The Death of Globalisation Has Been Announced Many Times. But This Is a Perfect Storm”, *Guardian*, 2 tháng 6 năm 2020.
 - ⁸ Thuật ngữ do Harold Wilson sáng chế trong một phát biểu năm 1956, trong cơn lăm phát ở Anh thập niên 1960: “Why Are Swiss Bankers Called Gnomes?”, BBC News, 25 tháng 2 năm 2010, http://news.bbc.co.uk/2/hi/uk_news/magazine/8534936.stm.
 - ⁹ Xem Jagdish Bhagwati, trong một tranh luận trên đài BBC với một thị trường Pháp tức giận vì nhà máy địa phương chuyển sang nước Anh: “Khi nó đến thành phố của bạn, bạn vỗ tay. Giờ người ta đi chỗ khác, bạn nổi giận. Bạn đâu thể có cả hai.” Dẫn trong Jagdish Bhagwati, *In Defense of Globalization* (Oxford: Oxford University Press, 2007), lời bạt.
 - ¹⁰ 1,674 tỉ hành khách hàng không năm 2000, 1,655 tỉ năm 2001, 1,889 tỉ năm 2004, 4,233 tỉ năm 2018: “Air Transport, Passengers Carried”, Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế, Thống kê hàng không dân dụng, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/IS.AIR.PSGR>.
 - ¹¹ Giảm 9,9% thương mại toàn cầu, giảm 9% trong đầu tư năm 2009: World Bank Report, “A Decade After the Global Recession: Lessons and Challenges for Emerging and Developed Economies”, M. Ayhan Kose và Franziska Ohnsorge

biên tập, Chương 3, “Phân tích kinh tế vĩ mô” <http://pubdocs.worldbank.org/en/799211574200483232/Recession-Chapter-3.pdf>.

- ¹² Tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm 4,1% hằng năm từ sau 2011, so với 76% từ 2002 đến 2007: Sđd.
- ¹³ Thương mại = 30,7% GDP toàn cầu năm 2008, 30,1% năm 2018: “Exports of Goods and Services (% of GDP)”, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/NE.EXP.GNFS.ZS>.
- ¹⁴ Dòng vốn toàn cầu = 22% GDP toàn cầu năm 2007, 6,9% năm 2017: Hội nghị về Thương mại và Phát triển của Liên hiệp quốc, Báo cáo đầu tư toàn cầu 2018, Bảng biểu 1.1, “Global Capital Flows, 2002–2017 (Percent of GDP)”, 11, https://unctad.org/en/PublicationsLibrary/wir2018_en.pdf.
- ¹⁵ FDI thế giới: 3,7 nghìn tỉ đôla năm 2007, 2,2 nghìn tỉ đôla năm 2015, 970 tỉ đôla năm 2018: “Foreign Direct Investment, Net Outflows”, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/BM.KLT.DINV.CD.WD>.
- ¹⁶ Xem, chẳng hạn, Lawrence H. Summers, “The Inequality Puzzle”, *Democracy: A Journal of Ideas*, no. 3 (Hè 2014).
- ¹⁷ Xem Ruchir Sharma, “Our Irrational Anxiety About ‘Slow’ Growth”, *New York Times*, 17 tháng 8 năm 2019.
- ¹⁸ So sánh vận chuyển hàng không tháng 4 năm 2020 với tháng 4 năm 2019: “After April Passenger Demand Trough, First Signals of Uptick”, IATA (International Air Transport Association, hiệp hội bao gồm 290 hãng hàng không và 82% lượng vận chuyển hàng không toàn cầu), Thông cáo báo chí #49, 3 tháng 6 năm 2020, <https://www.iata.org/en/pressroom/pr/2020-06-03-01/>.
- ¹⁹ “Passenger Car Registrations”, European Automobile Manufacturers’ Association, 19 tháng 5 năm 2020, <https://www.acea.be/press-releases/article/passenger-car-registrations-38.5-four-months-into-2020-76.3-in-april>.
- ²⁰ Trích dẫn và số liệu tỷ lệ thất nghiệp 14,7% từ Nelson D. Schwartz, Ben Casselman, và Ella Koeze, “How Bad Is Unemployment? ‘Literally off the Charts’”, *New York Times*, 8 tháng 5 năm 2020.
- ²¹ Priyali Sur, “The Coronavirus Exposed the US’ Reliance on India for Generic Drugs. But That Supply Chain Is Ultimately Controlled by China”, CNN Business, 16 tháng 5 năm 2020, <https://www.cnn.com/2020/05/16/business-india/india-pharma-us-china-supply-china-intl-hnk/index.html>.
- ²² Keith Bradsher và Ana Swanson, “The U.S. Needs China’s Masks, as Acrimony Grows”, *New York Times*, 23 tháng 3 năm 2020.
- ²³ Xem, chẳng hạn, Ủy ban châu Âu, “Coronavirus: Commission Issues Guidelines to Protect Critical European Assets and Technology in Current Crisis”, 25 tháng 3 năm 2020, <https://trade.ec.europa.eu/doclib/press/index.cfm?id=2124>;

- Nhật Bản: Walter Sim, “Coronavirus: Japan PM Shinzo Abe Calls on Firms to Cut Supply Chain Reliance on China”, *Straits Times*, 16 tháng 4 năm 2020; và Ấn Độ: Bill Spindle và Rajesh Roy, “India’s Coronavirus Crisis Spurs a New Look at Self-Reliance”, *Wall Street Journal*, 17 tháng 5 năm 2020.
- ²⁴ Emmanuel Macron, “Adresse aux Français”, 14 tháng 6 năm 2020, <https://www.elysee.fr/emmanuel-macron/2020/06/14/adresse-aux-francais-14-juin-2020>.
- ²⁵ “The Biden Plan to Ensure the Future Is “Made in All of America” by All of America’s Workers”, Joe Biden for President, <https://joebiden.com/madeinamerica/>.
- ²⁶ “Exports of Goods and Services (% of GDP)”, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/NE.EXP.GNFS.ZS>.
- ²⁷ “Foreign Direct Investment, Net Inflows”, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/BX.KLT.DINV.CD.WD>.
- ²⁸ Khoảng 2,7 nghìn tỉ đôla: “Aviation Benefits Report 2019”, Industry High Level Group / International Coordinating Council of Aerospace Industries Associations, 17, <https://www.icao.int/sustainability/Documents/AVIATION-BENEFITS-2019-web.pdf>.
- ²⁹ “Globalization over 5 Centuries”, Our World in Data, “Globalization over 5 Centuries, World”, Our World in Data, <https://ourworldindata.org/grapher/globalization-over-5-centuries?time=1945..2016>. Số liệu từ Mariko J. Klasing và P. Milonis, “Quantifying the Evolution of World Trade, 1870–1949”, *Journal of International Economics* 92, no. 1 (2014): 185–197; A. Estevadeordal, B. Frantz, và A. Taylor, “The Rise and Fall of World Trade, 1870–1939”, *Quarterly Journal of Economics* 118, no. 2 (2003): 359–407, lấy lại từ <http://www.jstor.org/stable/25053910>; World Bank—World Development Indicators, <http://data.worldbank.org/data-catalog/world-development-indicators>; Robert C. Feenstra, Robert Inklaar, và Marcel P. Timmer, “The Next Generation of the Penn World Table”, *American Economic Review* 105, no. 10 (2015): 3150–3182, có sẵn để tải về tại www.ggdc.net/pwt.
- ³⁰ Thuế quan của Trump sẽ làm giảm thu nhập trung bình của hộ gia đình ở Mỹ xuống 1.277 đôla vào năm 2020, theo một nghiên cứu của Văn phòng Ngân sách Quốc hội: “The Budget and Economic Outlook, 2020 to 2030”, “Trade Policies”, Congressional Budget Office, tháng 1 năm 2020, <https://www.cbo.gov/publication/56073>.
- ³¹ Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), “Tariff Escalation & Environment” (Paris, 1996), 15, trích dẫn UNCTAD (1968), “The Kennedy Round: Estimated Effects on Tariff Barriers”, TD/6/Rev. 1, United Nations,

New York, [http://www.oecd.org/officialdocuments/publicdisplaydocumentpdf/?cote=OCDE/GD\(96\)171&docLanguage=En](http://www.oecd.org/officialdocuments/publicdisplaydocumentpdf/?cote=OCDE/GD(96)171&docLanguage=En).

- ³² Thuế quan bình quân toàn cầu năm 2017 = 2,59%: “Tariff Rate, Applied, Weighted Mean, All Products (%)”, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/TM.TAX.MRCH.WM.AR.ZS>.
- ³³ Mỹ: “Chúng ta không bao giờ còn phải phụ thuộc vào phần còn lại của thế giới về các loại thuốc thiết yếu và các biện pháp đối phó nữa,” Peter Navarro, cố vấn kinh tế của Tổng thống Trump nói.”; Priyali Sur, “Nhưng chuỗi cung ứng đồ cuối cùng vẫn do Trung Quốc kiểm soát”; Ấn Độ: Vindu Goel, “As Coronavirus Disrupts Factories, India Curbs Exports of Key Drugs”, *New York Times*, 6 tháng 3 năm 2020; và Pháp: Rym Momtaz, “Macron Urges Massive Increase in Local Production of Medical Equipment”, *Politico*, 31 tháng 3 năm 2020.
- ³⁴ Ở Mỹ, xem: Farhad Manjoo, “How the World’s Richest Country Ran Out of a 75-Cent Face Mask”, *New York Times*, 25 tháng 3 năm 2020; K Oanh Ha, “The Global Mask Shortage May Get Much Worse”, Bloomberg, 10 tháng 3 năm 2020.
- ³⁵ Viswanath Pill, “Rising Inventory, Falling Prices Spook PPEs, Sanitizer Makers Who Jumped into COVID-19 Bandwagon”, Moneycontrol.com, trích dẫn Hiệp hội Công nghiệp Thiết bị Y tế Ấn Độ (AiMeD), <https://www.moneycontrol.com/news/business/companies/rising-inventory-falling-prices-spook-ppes-sanitizer-makers-who-jumped-into-covid-19-bandwagon-5547681.html>.
- ³⁶ Heather Mowbray, “Trending in China: Wholesale Mask Prices Fall over 90% and Raw Materials Fall to Fraction of Peak Price”, *Caixin Global*, 15 tháng 7 năm 2020.
- ³⁷ Sarah Fitzpatrick, “Why the Strategic National Stockpile Isn’t Meant to Solve a Crisis Like Coronavirus”, NBC News, 28 tháng 3 năm 2020.
- ³⁸ “Made In China?”, *Economist*, 12 tháng 3 năm 2015.
- ³⁹ EU: Flavia Rotondi, Piotr Skolimowski, Jeannette Neumann, và Joao Lima, “Europe Finds It’s Not So Easy to Say Goodbye to Low-Cost China”, Bloomberg, 29 tháng 6 năm 2020; Nhật Bản: Isabel Reynolds và Emi Urabe, “Japan to Fund Firms to Shift Production out of China”, Bloomberg, 8 tháng 4 năm 2020.
- ⁴⁰ “Companies Get Leniency in Made-in-America Export Tax Break”, Bloomberg, 4 tháng 3 năm 2019.
- ⁴¹ Xem Ngân hàng Dự trữ liên bang St. Louis cho dữ liệu của Mỹ, <https://www.stlouisfed.org/on-the-economy/2017/april/us-manufacturing-really-declining>; và giảm từ 1960 đối với các nước phát triển khác: Our World in Data, <https://ourworldindata.org/grapher/share-of-manufacturing-employment-in-high-income-countries-1960-2011>.

- ⁴² Dana Varinsky, “Here’s What 5 of Your Favorite Products Would Cost if They Were Made in the US”, *Business Insider*, 27 tháng 11 năm 2016, <https://www.businessinsider.com/how-much-products-would-cost-if-made-in-us-2016-11#jeans-2>.
- ⁴³ Chad P. Bown và Eva (Yiwen) Zhang, “Trump’s 2019 Protection Could Push China Back to Smoot-Hawley Tariff Levels”, Peterson Institute of International Economics, 14 tháng 5 năm 2019, <https://www.piie.com/blogs/trade-and-investment-policy-watch/trumps-2019-protection-could-push-china-back-smoot-hawley>.
- ⁴⁴ Loại trừ những biến động đột ngột xung quanh Covid-19, việc làm trong lĩnh vực sản xuất đã tăng nửa triệu dưới thời Trump. Xét về tỷ trọng trong tổng số việc làm, đồ thị biểu diễn số lượng việc làm này vẫn đi ngang — bắt đầu ở mức 8,49% vào tháng 1 năm 2017, đạt đỉnh 8,55% vào tháng 2 năm 2019, giảm xuống 8,44% vào tháng 1 năm 2020. Để so sánh, thị phần sản xuất giảm 3,5 điểm dưới thời George W. Bush. Dữ liệu từ: US Bureau of Labor Statistics, All Employees, Manufacturing [MANEMP], lấy lại từ FRED, Federal Reserve Bank of St. Louis; <https://fred.stlouisfed.org/series/MANEMP>, 15 tháng 7 năm 2020.

Tham khảo lịch sử, Ngân hàng dự trữ liên bang St. Louis cho thấy:

1980 = 19 triệu việc làm trong lĩnh vực sản xuất

2000 = 17 triệu

2010 = 11,5 triệu

Tháng 1 năm 2020 = 12,8 triệu

Tháng 5 năm 2020 = 11,7 triệu

Ronnie Polidoro, “Apple CEO Tim Cook Announces Plans to Manufacture Mac Computers in USA”, NBC News, 6 tháng 12 năm 2012.

- ⁴⁵ CEO của Brooks Brothers Claudio Del Vecchio, trong phỏng vấn với *New York Times*: Vanessa Friedman và Sapna Maheshwari, “Brooks Bros., ‘Made in America’ Since 1818, May Soon Need a New Calling Card”, *New York Times*, 5 tháng 6 năm 2020.
- ⁴⁶ Jack Nicas, “A Tiny Screw Shows Why iPhones Won’t Be ‘Assembled in U.S.A.’”, *New York Times*, 28 tháng 1 năm 2019.
- ⁴⁷ Sđd.
- ⁴⁸ Yoko Kubota và Tripp Mickle, “Apple Explores Moving Some Production out of China”, *Wall Street Journal*, 20 tháng 6 năm 2019; và Ấn Độ: Kim Lyons, “Apple Starts Making First Flagship iPhone in India”, *Verge*, 25 tháng 7 năm 2020.
- ⁴⁹ 70,4% tính đến quý 4 năm 2019. US Bureau of Economic Analysis, “Value Added by Private Services-Producing Industries as a Percentage of GDP”, lấy

lại từ FRED, Federal Reserve Bank of St. Louis, 18 tháng 6 năm 2020, <https://fred.stlouisfed.org/series/VAPGDPSPI>.

- ⁵⁰ 80,2% việc làm ở Mỹ là trong lĩnh vực dịch vụ: US Bureau of Labor Statistics, “Employment by Major Industry Sector”, Table 2.1, 4 tháng 9 năm 2019, <https://www.bls.gov/emp/tables/employment-by-major-industry-sector.htm>.
- ⁵¹ 69,3% GDP của Đức là từ lĩnh vực dịch vụ: Bruttoinlandsprodukt für Deutschland 2019 (Gross Domestic Product for Germany 2019), Federal Statistical Office of Germany (Statistisches Bundesamt), 11, https://www.destatis.de/DE/Presse/Pressekonferenzen/2020/BIP2019/pressebroschuere-bip.pdf?__blob=publicationFile.
- ⁵² 74,5% việc làm ở Đức là trong lĩnh vực dịch vụ: “Persons in Employment and Employees by Sectors of Economic Activity”, Federal Statistical Office of Germany (Statistisches Bundesamt), 19 tháng 5 năm 2020, <https://www.destatis.de/EN/Themes/Labour/Labour-Market/Employment/Tables/persons-employment-sectors-economic.html>.
- ⁵³ “Manufacturing, Value Added (% of GDP)—France”, World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/NV.IND.MANF.ZS?locations=FR>. Lưu ý rằng định nghĩa của Ngân hàng Thế giới về sản xuất không bao gồm xây dựng. Tính cả xây dựng, tất cả các ngành công nghiệp cung cấp gần 17% GDP của Pháp, lần nữa theo dữ liệu của Ngân hàng Thế giới, <http://wdi.worldbank.org/table/4.2>.
- ⁵⁴ Christine Lagarde, “Creating a Better Global Trade System”, IMF, 14 tháng 5 năm 2018, <https://www.imf.org/en/News/Articles/2018/05/14/sp-lagarde-creating-a-better-global-trade-system>. Cũng xem McKinsey: Luồng dữ liệu xuyên biên giới đã tăng 150 lần từ năm 2005 đến năm 2017. McKinsey Global Institute, “Globalization in Transition: The Future of Trade and Value Chains”, tháng 1 năm 2019, 72, <https://www.mckinsey.com/~media/mckinsey/featured%20insights/innovation/globalization%20in%20transition%20the%20future%20of%20trade%20and%20value%20chains/mgi-globalization%20in%20transition-the-future-of-trade-and-value-chains-full-report.ashx>.
- ⁵⁵ Susan Lund và Laura Tyson, “Globalization Is Not in Retreat: Digital Technology and the Future of Trade”, *Foreign Affairs*, tháng 5-6 năm 2018.
- ⁵⁶ Báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD): “Perspectives on Global Development 2019: Rethinking Development Strategies”, tháng 11 năm 2018, Bảng số liệu 4.9, 164, http://obela.org/system/files/persp_glob_dev-2019-en.pdf.
- ⁵⁷ Benn Steil và Benjamin Della Rocca, “Belt and Road Tracker”, Council on Foreign Relations, Greenberg Center for Geoeconomic Studies, 8 tháng 5 năm

- 2019, truy cập ngày 13 tháng 7 năm 2020, <https://www.cfr.org/article/belt-and-road-tracker>.
- ⁵⁸ “Overview and Benefits of the CPTPP”, Government of Canada, 11 tháng 2 năm 2019, <https://www.international.gc.ca/trade-commerce/trade-agreements-accords-commerciaux/agr-acc/cptpp-ptpgp/overview-apercu.aspx>.
- ⁵⁹ Cassandra Love, “In Their Footsteps: Human Migration out of Africa”, *National Geographic*, 18 tháng 1 năm 2019, <https://www.nationalgeographic.org/article/their-footsteps-human-migration-out-africa/>.
- ⁶⁰ Một công trình gần đây đề cập đến toàn cầu hóa về cơ bản sớm hơn hầu hết các báo cáo (toàn cầu hóa chủ yếu trong Thế giới cũ của châu Phi-Âu Á, nhưng bao gồm các cuộc thám hiểm của người Bắc Âu đến Iceland, Greenland và Canada), xem: Valerie Hansen, *The Year 1000: When Explorers Connected the World and Globalization Began* (New York: Scribner, 2020).
- ⁶¹ Adam Smith, *The Wealth of Nations*, Volume II, Chap. VII, Part III, “Of the Advantages which Europe has derived From the Discovery of America, and from that of a Passage to the East Indies by the Cape of Good Hope”, được liên hệ trong Kevin H. O'Rourke và Jeffrey G. Williamson, “When Did Globalization Begin?”, *European Review of Economic History* 6, no. 1 (tháng 4 năm 2002): 23-50, <https://doi.org/10.1017/S1361491602000023>, nền tảng tác phẩm của J. D. Tracy (1990), phần “Giới thiệu” trong *The Rise of Merchant Empires*, J. D. Tracy biên tập (Cambridge: Cambridge University Press, 1990), 3.
- ⁶² Smith, *Wealth of Nations*, “Of the Advantages which Europe has derived.”
- ⁶³ O'Rourke và Williamson, “When Did Globalization Begin?”
- ⁶⁴ Sdd., “IV. The Second Era: 19th Century Transport Revolutions and Commodity Price Convergence.”
- ⁶⁵ Eric Hobsbawm, *Age of Empire: 1875–1914* (New York: Vintage Books, 1987), 350, dẫn trong Mulhall, *Dictionary of Statistics* (London, 1881) và *League of Nations International Statistical Yearbook 1913*, Bảng 76.
- ⁶⁶ Our World in Data, “GDP Per Capita, 1870 to 1914,” <https://ourworldindata.org/grapher/average-real-gdp-per-capita-across-countries-and-regions?time=1870..1914>. Đối với các khu vực toàn cầu hóa nhất, Tây Âu và “các nước vượt trội phương Tây” (“Western Offshoots”: gồm Mỹ, Canada, Australia, New Zealand), hãy lưu ý GDP bình quân đầu người tăng hơn gấp đôi trong thời kỳ của làn sóng toàn cầu hóa đầu tiên. Dữ liệu từ: Maddison Project Database, phiên bản 2018. Jutta Bolt, Robert Inklaar, Herman de Jong, và Jan Luiten van Zanden, “Rebasing ‘Maddison’: New Income Comparisons and the Shape of Long-Run Economic Development”, Maddison Project Working Paper 10 (2018).

- ⁶⁷ UNESCO, “Outbound Internationally Mobile Students by Host Region”, truy cập ngày 18 tháng 6 năm 2020, <http://data.uis.unesco.org/Index.aspx?queryid=172>.
- ⁶⁸ Ủy ban các vấn đề Kinh tế-Xã hội Liên hiệp quốc, “The Number of International Migrants Reaches 272 Million, Continuing an Upward Trend in All World Regions”, <https://www.un.org/development/desa/en/news/population/international-migrant-stock-2019.html>.
- ⁶⁹ Tổ chức Du lịch thế giới của Liên hiệp quốc, “World Tourism Barometer”, tháng 1 năm 2020, <https://www.unwto.org/world-tourism-barometer-n18-january-2020>.
- ⁷⁰ John Maynard Keynes, *The Economic Consequences of the Peace* (1920), Chapter II: “Europe Before the War.”
- ⁷¹ Maurice Obstfeld, “Globalization and Nationalism: Retrospect and Prospect”, University of California, Berkeley; Peterson Institute; CEPR; và NBER Italian Economic Association Annual Meeting, Palermo, Italy, 24 tháng 10 năm 2019, <https://conferences.wcfia.harvard.edu/files/peif/files/globalizationandnationalism.pdf>.
- ⁷² Lord James Bryce, The Romanes Lecture, 7 tháng 6 năm 1902, Oxford University. (Bài giảng có tiêu đề đáng chú ý, “The Relations of the Advanced and the Backward Races of Mankind” [tạm dịch: “Mối quan hệ của các chủng tộc tiên tiến và lạc hậu của loài người”].)
- ⁷³ Norman Angell, *The Great Illusion: A Study of the Relation of Military Power in Nations to Their Economic and Social Advantage*, tái bản lần thứ 3, 1911, <https://archive.org/details/greatillusion00angeiala>.
- ⁷⁴ Obstfeld, “Globalization and Nationalism.”
- ⁷⁵ Xem Thucydides, “It was the rise of Athens and the fear that this inspired in Sparta that made war inevitable”, được trích dẫn trong Graham Allison, *Destined for War: Can America and China Escape Thucydides’s Trap?* (London: Scribe, 2017).

Bài học 9: Thế giới đang trở thành lưỡng cực

- ¹ George Packer, “We Are Living in a Failed State”, *Atlantic*, tháng 6 năm 2020.
- ² Lawrence H. Summers, “Reflections on Secular Stagnation”, 19 tháng 2 năm 2015, nhận xét tại Trung tâm Julis-Rabinowitz về Tài chính và Chính sách công của Princeton University.
- ³ Xem, trong số nhiều tư liệu khác, Thomas Piketty, *Capital in the Twenty-First Century* (Cambridge, MA: Harvard University Press, 2013).

- ⁴ Anne Case và Angus Deaton, *Deaths of Despair and the Future of Capitalism* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 2020).
- ⁵ Fintan O'Toole, "Donald Trump Has Destroyed the Country He Promised to Make Great Again", *Irish Times*, 25 tháng 4 năm 2020. Chuyên mục của O'Toole đã thu hút sự chú ý của các tác giả khác và được một số người trích dẫn, trong đó có Maureen Dowd trong "Double, Double, Trump's Toil, Our Trouble", *New York Times*, 1 tháng 8 năm 2020.
- ⁶ James Griffiths và Amy Woodyatt, "780 Million People in China Are Living Under Travel Restrictions Due to the Coronavirus Outbreak", CNN, 17 tháng 2 năm 2020.
- ⁷ Samuel P. Huntington, "The U.S.—Decline or Renewal?", *Foreign Affairs*, Đông 1988-1989.
- ⁸ Correlli Barnett, *The Collapse of British Power* (Amherst, NY: Prometheus Books, 1986).
- ⁹ "Firearms:GlobalMortalityfromFirearms,1990–2016",GlobalBurdenofDisease 2016InjuryCollaborators,*JAMA*320,no.8(2018):792-814,<https://jamanetwork.com/journals/jama/fullarticle/2698492>; Eurostat, "Prison Statistics", https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Prison_statistics; và Drew Kann, "5 Facts Behind America's High Incarceration Rate", CNN, 21 tháng 4 năm 2019.
- ¹⁰ Năm 2010, tỷ trọng GDP của Mỹ trong GDP thế giới = 22,7%; năm 2018 là 24%: World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD>.
- ¹¹ 2016 Global Manufacturing Competitiveness Index, Deloitte, <https://www2.deloitte.com/global/en/pages/manufacturing/articles/global-manufacturing-competitiveness-index.html>.
- ¹² 88% giao dịch ngoại hối bằng đồng đôla Mỹ trong tháng 4 năm 2019: "Foreign Exchange Turnover in April 2019", Triennial Central Bank Survey, Bank for International Settlements, https://www.bis.org/statistics/rpfx19_fx.htm; và 85% giao dịch ngoại hối bằng đồng đôla Mỹ đến tháng 6 năm 2020: Committee on the Global Financial System, Paper #65: "US Dollar Funding: An International Perspective", 3, <https://www.bis.org/publ/cgfs65.pdf>.
- ¹³ Ruchir Sharma, "The Comeback Nation: U.S. Economic Supremacy Has Repeatedly Proved Declinists Wrong", *Foreign Affairs*, 31 tháng 3 năm 2020.
- ¹⁴ Chi quân sự của Mỹ năm 2019 = 732 tỉ đôla, bằng tổng cộng chi cho quân sự của 10 nước kế tiếp (Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập Saudi, Pháp, Đức, Anh, Nhật, Hàn Quốc, Brazil) = 725,8 tỉ đôla: "Trends in World Military Expenditure,

2019", Table 1, Stockholm International Peace Research Institute, https://www.sipri.org/sites/default/files/2020-04/fs_2020_04_milex_0_0.pdf.

- ¹⁵ Thuật ngữ do Joseph S. Nye đưa ra, *Bound to Lead* (New York: Basic Books, 1990).
- ¹⁶ "The evidence is clear. Donald Trump's presidency has eroded America's soft power": Joseph S. Nye, "Donald Trump and the Decline of US Soft Power", *Project Syndicate*, 6 tháng 2 năm 2018.
- ¹⁷ Richard Wike, Bruce Stokes, Jacob Poushter, và Janell Fetterolf, "U.S. Image Suffers as Publics Around World Question Trump's Leadership", Pew Research, 26 tháng 6 năm 2017, <https://www.pewresearch.org/global/2017/06/26/u-s-image-suffers-as-publics-around-world-question-trumps-leadership/>.
- ¹⁸ Richard Wike, Jacob Poushter, Janell Fetterolf, và Shannon Schumacher, "Trump Ratings Remain Low Around Globe, While Views of U.S. Stay Mostly Favorable", Pew Research, 8 tháng 1 năm 2020, <https://www.pewresearch.org/global/2020/01/08/trump-ratings-remain-low-around-globe-while-views-of-u-s-stay-mostly-favorable/>.
- ¹⁹ Xem Fareed Zakaria, *The Post-American World* (New York: W. W. Norton, 2008).
- ²⁰ World Bank DataBank, GDP của Thổ Nhĩ kỳ từ 1990: <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?locations=TR>.
- ²¹ World Bank DataBank, GDP bình quân đầu người của Thổ Nhĩ Kỳ từ 1990: <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD?locations=TR>.
- ²² World Bank DataBank, GDP của Trung Quốc và thế giới, từ năm 1990 đến 2019, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD?locations=CN-1W>.
- ²³ Tính đến năm 2013; xem "China Eclipses U.S. as Biggest Trading Nation", *Bloomberg News*, 9 tháng 2 năm 2013, <https://www.bloomberg.com/news/articles/2013-02-09/china-passes-u-s-to-become-the-world-s-biggest-trading-nation>.
- ²⁴ Năm 1980, tỷ trọng GDP của Mỹ trong GDP thế giới = 25,4%; năm 2018, là 23,9%. "GDP (current US\$)—United States" và "World GDP (current US\$)", World Bank DataBank, <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.CD>.
- ²⁵ Mikkel Barslund và Daniel Gros, "Europe's Place in the Global Economy—What Does the Last Half Century Suggest for the Future?", "Figure 5: Regional GDP Shares in US\$, 1965–2030", trong "50 Years of European Integration", *Intereconomics* 51, no. 1 (2016): 5-11 (ZBW—Leibniz Information Centre for Economics and CEPS—Centre for European Policy Studies), <https://www>.

- intereconomics.eu/contents/year/2016/number/1/article/europes-place-in-the-global-economy-what-does-the-last-half-century-suggest-for-the-future.html.
- ²⁶ Để biết một thảo luận chi tiết về khác biệt giữa lưỡng cực Mỹ-Liên Xô và lưỡng cực Mỹ-Trung Quốc, xem: Øystein Tunsjø, *The Return of Bipolarity in World Politics: China, the United States, and Geostructural Realism* (New York: Columbia University Press, 2018).
- ²⁷ Xem, ví dụ, Graham Allison, *Destined for War*.
- ²⁸ Xem sdd, và Harvard Belfer Center, “Thucydides’s Trap Case File”, <https://www.belfercenter.org/thucydides-trap/case-file>.
- ²⁹ Niall Ferguson trong thảo luận với Nathan Gardeis, “Niall Ferguson: Is U.S.-China Economic Marriage on the Rocks?”, *HuffPost* blog, 25 tháng 5 năm 2011, https://www.huffpost.com/entry/niall-ferguson-is-us-chin_b_245470.
- ³⁰ John Rutwich, “Timeline—The Rise of Chinese Leader Xi Jinping”, Reuters, 16 tháng 3 năm 2018, <https://www.reuters.com/article/us-china-parliament-xi-timeline/timeline-the-rise-of-chinese-leader-xi-jinping-idUSKCN1GS0ZA>.
- ³¹ Ben Westcott và Steven Jiang, “China Is Embracing a New Brand of Foreign Policy. Here’s What Wolf Warrior Diplomacy Means”, CNN, 22 tháng 5 năm 2020.
- ³² Bộ Ngoại giao Mỹ trích dẫn 2,4 tỉ đôla trong phân bổ của quốc hội “để hỗ trợ các hệ thống y tế, hỗ trợ nhân đạo, và các nỗ lực kinh tế, an ninh và ổn định trên toàn thế giới”: Bộ Ngoại giao Mỹ, “Foreign Assistance for Coronavirus (COVID-19)”, <https://www.state.gov/foreign-assistance-for-coronavirus-covid-19/>.
- ³³ Một cuộc khảo sát toàn cầu với 124.000 người ở 53 quốc gia vào mùa xuân năm 2020 cho thấy chỉ có hai quốc gia cho rằng Mỹ đã làm tốt hơn Trung Quốc trong việc ứng phó với đại dịch Covid. Hai quốc gia đó, một là Mỹ và một là đối thủ lâu đời của Trung Quốc, Nhật Bản. Xem: “Nearly all countries say that China’s response to the COVID-19 is better than the US’s”, trong Democracy Perception Index—2020, <https://daliaresearch.com/blog/democracy-perception-index-2020>.
- ³⁴ Peter Baker, “Trump Abandons Trans-Pacific Partnership, Obama’s Signature Trade Deal”, *New York Times*, 23 tháng 1 năm 2017.
- ³⁵ CGTN America, “Full Text of Xi Jinping Keynote at the World Economic Forum”, 17 tháng 1 năm 2017, <https://america.cgtn.com/2017/01/17/full-text-of-xi-jinping-keynote-at-the-world-economic-forum>.
- ³⁶ Orville Schell, “The Death of Engagement”, *The Wire—China*, 7 tháng 6 năm 2020, <https://www.thewirechina.com/2020/06/07/the-birth-life-and-death-of-engagement/>.

- 37 Ông Tập gọi là “kỷ nguyên chứng kiến Trung Quốc tiến gần hơn đến giai đoạn trung tâm và đóng góp nhiều hơn cho nhân loại”: Xi Jinping, “Secure a Decisive Victory in Building a Moderately Prosperous Society in All Respects and Strive for the Great Success of Socialism with Chinese Characteristics for a New Era”, phát biểu tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 19, 18 tháng 10 năm 2017, *China Daily*, http://www.chinadaily.com.cn/china/19thcpnationalcongress/2017-11/04/content_34115212.htm.
- 38 Nếu người ta tin vào lời kể của cựu cố vấn an ninh quốc gia John Bolton, Trump đã tích cực kêu gọi sự hỗ trợ bầu cử của Trung Quốc ở vùng Trung Tây nông nghiệp. John Bolton, *The Room Where It Happened: A White House Memoir* (New York: Simon & Schuster, 2020), trích dẫn trên *Wall Street Journal*, <https://www.wsj.com/articles/john-bolton-the-scandal-of-trumps-china-policy-11592419564>:
- 39 “As America Gets Tired, China Gets Busy”, *Economist*, 18 tháng 6 năm 2020.
- 40 “Who Runs the World?”, *Economist*, 18 tháng 6 năm 2020.
- 41 Xem, chẳng hạn, Stefan Link và Noam Maggor, “The United States as a Developing Nation: Revisiting the Peculiarities of American History”, *Past & Present* 246, no. 1 (tháng 2 năm 2020): 269-306, <https://doi.org/10.1093/pastj/gtz032>.
- 42 Tỷ trọng của các nền kinh tế hàng đầu trong GDP thế giới năm 1820: #1 Trung Quốc (38,7%), #2 Ấn Độ (16%), #3 Pháp (5,4%), #4 Anh (5,2%), #5 Nga (4,5%)... #9 Mỹ (1,8%), từ Angus Maddison, *Monitoring the World Economy, 1820-1992* (Paris: OECD, 1995), 30, Vincent Ferraro tổng hợp, Mount Holyoke College, <https://www.mtholyoke.edu/acad/intrel/ipe/topten.htm>.
- 43 Christopher C. Clark, *The Sleepwalkers: How Europe Went to War in 1914* (London: Allen Lane, 2012).
- 44 Jeffrey Gettleman, Hari Kumar, và Sameer Yasir, “Worst Clash in Decades on Disputed India-China Border Kills 20 Indian Troops”, *New York Times*, 16 tháng 6 năm 2020.
- 45 “U.S. Security Cooperation with Vietnam”, US Department of State Bureau of Political-Military Affairs, Fact Sheet, 21 tháng 5 năm 2019, <https://www.state.gov/u-s-security-cooperation-with-vietnam-2/>.
- 46 Để biết thêm về các hệ thống lưỡng cực ổn định, xem Kenneth Waltz, *Theory of International Politics* (Long Grove, IL: Waveland Press, 1979).
- 47 Các ước tính về thương vong của Liên Xô trong Thế chiến II rất khác nhau — “Không có số liệu đáng tin cậy,” theo *Britannica*. Với con số ước tính là 25 triệu bao gồm cả tử vong trong trận chiến và tử vong của dân thường (nhưng không bao

gồm thiệt hại về dân số từ những người lẽ đã được sinh ra, nhưng vì chiến tranh mà không được sinh ra), xem: Warren W. Eason, “The Soviet Population Today: An Analysis of the First Results of the 1959 Census”, *Foreign Affairs*, tháng 7 năm 1959, [https://www.foreignaffairs.com/articles/russian-federation/1959-07-01/soviet-population-today#:~:text=\(1\).](https://www.foreignaffairs.com/articles/russian-federation/1959-07-01/soviet-population-today#:~:text=(1).)

- ⁴⁸ Kristof, “China Sees ‘Market-Leninism’ as Way to Future.”
- ⁴⁹ Xem Cục Điều tra Dân số Mỹ, “Trade in Goods with the USSR, Years 1985–1990”, <https://www.census.gov/foreign-trade/balance/c4610.html>.
- ⁵⁰ 737,1 tỉ đôla thương mại hàng hóa và dịch vụ năm 2018, 2,02 tỉ đôla một ngày. Số liệu 737,1 tỉ đôla từ: Office of the US Trade Representative, “The People’s Republic of China: U.S.-China Trade Facts”, <https://ustr.gov/countries-regions/china-mongolia-taiwan/peoples-republic-china>.
- ⁵¹ Woodrow Wilson, trong trao đổi với Đại sứ Anh Walter Hines Page: vào tháng 8 năm 1916 Wilson “nói về việc nước Anh có trái đất và nước Đức muốn lấy nó,” được ghi lại trong nhật ký của Page. Dẫn trong Adam Tooze, *The Deluge: The Great War, America and the Remaking of the Global Order, 1916–1931* (New York: Penguin/Viking Press, 2014), Chương 1, chú thích 39, tổng hợp trong *The Papers of Woodrow Wilson*, 69 vols., A. S. Link và cộng sự biên tập (Princeton, NJ: Princeton University Press, 1966–1994), 36:120.
- ⁵² Markus Brunnermeier, Rush Doshi, và Harold James, “Beijing’s Bismarckian Ghosts: How Great Powers Compete Economically”, *Washington Quarterly* 41, no. 3 (Thu 2018): 161–176, <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/0163660X.2018.1520571>.
- ⁵³ John Ikenberry, *After Victory: Institutions, Strategic Restraint, and the Rebuilding of Order After Major Wars* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 2001, ấn bản mới 2019), Dẫn nhập.

Bài học 10: Những người theo chủ nghĩa hiện thực vĩ đại nhất lại là những nhà lý tưởng

- ¹ Mu Lu, “Mastering Advanced Tech Protects National Security”, *Global Times*, 18 tháng 3 năm 2020.
- ² Pamela Boykoff, Clare Sebastian, và Valentina Di Donato, “In the Race to Secure Medical Supplies, Countries Ban or Restrict Exports”, CNN Business, 27 tháng 3 năm 2020.
- ³ Ari Altstedter, “India to Spend \$1.3 Billion to Boost Pharmaceutical Production”, Bloomberg, 22 tháng 3 năm 2020.

- ⁴ Devjyot Ghoshal và Sachin Ravikumar, “Health Experts Cast Doubt on India’s Timeline for COVID Vaccine”, Reuters, 3 tháng 7 năm 2020.
- ⁵ “Tôi thấy mọi người đang nghĩ đến *kaash* (hy vọng) chúng tôi tự chủ trong thiết bị y tế, tôi ước chúng tôi tự chủ trong việc sản xuất bộ thiết bị bảo hộ cá nhân.... Tôi hy vọng chúng ta tự chủ trong việc sản xuất tất cả những gì chúng ta mua hoặc tiêu dùng.... Giải pháp cho tất cả điều này chỉ có thể đến từ *atma nirbhar Bharat* (Ấn Độ tự cường),” Narendra Modi phát biểu khai mạc phiên họp toàn thể thường niên lần thứ 95 của Phòng Thương mại Ấn Độ: *Deccan Chronicle*, “Turn Crisis into Opportunity, Says PM Modi; Reiterates Self-Reliance”, 11 tháng 6 năm 2020.
- ⁶ Dựa trên những ước tính được thống nhất phổ biến nhất về số người chết do những nguyên nhân tàn bạo từ 1914-1945: 20 triệu trong Thế chiến I; khoảng 50 triệu do cúm Tây Ban Nha (và có thể lên đến 100 triệu); khoảng 80 triệu người trong Thế chiến II, bao gồm những người đã chết vì diệt chủng Holocaust và những nạn nhân khác trong các trại tử thần của Đức Quốc xã.
- ⁷ Theo BBC, “WW1: Why Was the First Day of the Somme Such a Disaster?”, <https://www.bbc.co.uk/teach/why-was-the-first-day-of-the-somme-such-a-disaster/zn3hwtty>.
- ⁸ Alfred, Lord Tennyson, “Locksley Hall”, *Poems* (1842). Bài thơ này nổi tiếng vì đã cung cấp tựa đề cho cuốn sách về lịch sử Liên hiệp quốc của Paul Kennedy, *The Parliament of Man*.
- ⁹ John Hersey, *New Yorker*, 7 tháng 4 năm 1951, <https://archives.newyorker.com/newyorker/1951-04-07/flipbook/050/>.
- ¹⁰ “Caught in the Middle”, *Economist*, 13 tháng 7 năm 2006.
- ¹¹ “Eisenhower Recalls the Ordeal of D-Day Assault 20 Years Ago”, *New York Times*, 6 tháng 6 năm 1964.
- ¹² Dwight D. Eisenhower, “April 16, 1953: Chance for Peace”, University of Virginia Miller Center, <https://millercenter.org/the-presidency/presidential-speeches/april-16-1953-chance-peace>.
- ¹³ “Speech of Sir Winston Churchill, Zurich, 19th September 1946”, Council of Europe, Parliamentary Assembly, https://archive.is/20130218054245/http://assembly.coe.int/Main.asp?link=/AboutUs/zurich_e.htm#selection-653.1-661.27.
- ¹⁴ Donald J. Trump, “Remarks by President Trump to the 72nd Session of the United Nations General Assembly”, Nhà Trắng, 19 tháng 9 năm 2017, <https://www.whitehouse.gov/briefings-statements/remarks-president-trump-72nd-session-united-nations-general-assembly/>.
- ¹⁵ Ikenberry, *After Victory*.

- ¹⁶ David E. Sanger, “For Trump, a New Crisis and a Familiar Response: It’s China’s Fault, and Europe’s”, *New York Times*, 12 tháng 3 năm 2020.
- ¹⁷ “It’s a Great Service to the Nation’: PM Modi Urges People to Go Vocal About Local”, *Hindustan Times*, 28 tháng 6 năm 2020.
- ¹⁸ Giulio Sabbati và Costica Dumbrava, “The Impact of Coronavirus on Schengen Borders”, European Parliament, Members’ Research Service PE 649.347, tháng 4 năm 2020, [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2020/649347/EPRS_BRI\(2020\)649347_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2020/649347/EPRS_BRI(2020)649347_EN.pdf).
- ¹⁹ Kathy Gilsinan, “How China Deceived the WHO”, *Atlantic*, 12 tháng 4 năm 2020; về sự cả tin của WHO với những tuyên bố của Trung Quốc, xem: World Health Organization, “Novel Coronavirus—Thailand (ex-China)”, cập nhật lần cuối 14 tháng 1 năm 2020, <https://www.who.int/csr/don/14-january-2020-novel-coronavirus-thailand-ex-china/en/>.
- ²⁰ World Health Organization, “WHO Timeline—Covid-19”, cập nhật lần cuối 27 tháng 4 năm 2020, <https://www.who.int/news-room/detail/27-04-2020-who-timeline---covid-19>.
- ²¹ 4,4 triệu đôla năm 2018-2019, WHO, “Programme Budget 2020–21”, 7, <https://www.who.int/about/finances-accountability/budget/WHOPB-PRP-19.pdf?ua=1>.
- ²² Lưu ý rằng trong đại dịch SARS năm 2003, khi Trung Quốc về cơ bản chưa giàu và ít ảnh hưởng hơn, WHO đã thực sự khiến Bắc Kinh phải xấu hổ về cách ứng phó với dịch bệnh: Joseph Kahn, “China Discovers Secrecy Is Expensive”, *New York Times*, 13 tháng 4 năm 2003; xem thêm “China’s failure to admit the true extent of the SARS outbreak drew severe criticism from governments and from WHO’s Director-General Gro Harlem Brundtland”, Isabel de Bertodano, *Bulletin of the World Health Organization* 2003, 81 (8), <https://www.who.int/bulletin/volumes/81/8/News0803.pdf>.
- ²³ Alexandra Stevenson, Nicholas Kulish, và David Gelles, “Frantic for Coronavirus Gear, Americans in Need Turn to China’s Elite”, *New York Times*, 24 tháng 4 năm 2020.
- ²⁴ “Strategic Preparedness and Response Plan: Data as of 22 April 2020,” WHO, https://www.who.int/docs/default-source/coronaviruse/covid-19-exr-srp-infographic-.pdf?sfvrsn=6f7a7e58_11.
- ²⁵ Trước đại dịch, Đài Loan có 5.700 chuyến bay hàng tháng từ Trung Quốc, so với khoảng 1.300 chuyến bay đến Mỹ. Hàn Quốc đã đón khoảng 480.000 du khách Trung Quốc vào tháng 1 năm 2020. Dữ liệu chuyến bay của Đài Loan: NPR, “With Odds Against It, Taiwan Keeps Coronavirus Corralled”, 13 tháng 3 năm 2020; dữ liệu chuyến bay của Mỹ: Lin Yang, “China Flights Increasing,

- but American Carriers Still Left Out”, *Voice of America*, 12 tháng 6 năm 2020; dữ liệu du lịch của Hàn Quốc: Korea Tourism Organization, “Monthly Arrivals”, tháng 1 năm 2020: Trung Quốc, <http://kto.visitkorea.or.kr/eng/tourismStatics/keyFacts/KoreaMonthlyStatistics/eng/inout/inout.kto>.
- ²⁶ “*le saint empire romain n’était en aucune manière ni saint, ni romain, ni empire*”: François Marie Arouet de Voltaire, *Essai sur l’histoire générale et sur les mœurs et l’esprit des nations* (Essay on Universal History and the Manners and Spirit of Nations) (1756), Chapter 70.
- ²⁷ Về sự đóng góp của Grotius vào nguồn gốc của luật pháp quốc tế và nền tảng của một trật tự toàn cầu hòa bình hơn, xem: Oona A. Hathaway và Scott J. Shapiro, *The Internationalists: How a Radical Plan to Outlaw War Remade the World* (New York: Simon & Schuster, 2017).
- ²⁸ Trong “Perpetual Peace: A Philosophical Sketch” 1795.
- ²⁹ William E. Gladstone, “Third Midlothian Speech, West Calder, 27 November 1879”, *English Historical Documents, 1874–1914*, W. D. Hancock và David Charles Douglas biên tập, trích dẫn *Political Speeches in Scotland* (1880), 1:115–17.
- ³⁰ Chẳng hạn như với hệ thống “Ưu đãi Liên hiệp Anh” về việc giảm thuế quan giữa Vương quốc Anh và các thuộc địa. Xem: Brian Varian, “Britain’s Post-Brexit Trade: Learning from the Edwardian Origins of Imperial Preference”, *VoxEU*, Center for Economic Policy Research, 23 tháng 6 năm 2018, <https://voxeu.org/article/what-imperial-preference-can-teach-us-about-post-brexit-trade-deals>.
- ³¹ Đáng chú ý là các Công ước La Haye năm 1899 và 1907.
- ³² Lindsey A. O’Rourke, “The U.S. Tried to Change Other Countries’ Governments 72 Times During the Cold War”, *Washington Post*, 23 tháng 12 năm 2016.
- ³³ A. T. Kearney Foreign Direct Investment Confidence Index, 2020, <https://www.kearney.com/foreign-direct-investment-confidence-index/2020-full-report>.
- ³⁴ Michael O’Sullivan và Krithika Subramanian, “The End of Globalization or a More Multipolar World?”, Credit Suisse Report, tháng 9 năm 2015, <https://www.credit-suisse.com/media/assets/corporate/docs/about-us/research/publications/the-end-of-globalization-or-a-more-multipolar-world-report.pdf>.
- ³⁵ Nicholas R. Lardy, *The State Strikes Back: The End of Economic Reform in China?* (Washington, DC: Peterson Institute for International Economics, 2019), 31.
- ³⁶ Theo Cục trưởng Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, Ning Jizhe: “China’s Per Capita GDP Crosses USD 10,000-Mark for the First Time,” *Economic*

- Times*, 17 tháng 1 năm 2020, <https://economictimes.indiatimes.com/news/international/business/chinas-per-capita-gdp-crosses-usd-10000-mark-for-the-first-time/articleshow/73329871.cms>.
- ³⁷ Mark W. Zacher, “The Territorial Integrity Norm: International Boundaries and the Use of Force”, *International Organization* 55, no. 2 (Spring 2001): 218, “Table 1: Interstate Wars by Historical Era, 1648–2000”, <https://www.jstor.org/stable/3078631>.
- ³⁸ Mỹ và các đồng minh được liệt kê của Mỹ chiếm 57,7% GDP thế giới: 50,6 nghìn tỉ USD trong tổng 87,7 nghìn tỉ USD GDP thế giới, theo dữ liệu của Ngân hàng Thế giới tính đến năm 2019.
- ³⁹ Xem Ikenberry, *After Victory*, lời nói đầu của ấn bản 2019.
- ⁴⁰ Xem Ivo H. Daalder và James M. Lindsay, *The Empty Throne: America's Abdication of Global Leadership* (New York: PublicAffairs, 2018).
- ⁴¹ Walter Russell Mead, “The Jacksonian Revolt: American Populism and the Liberal Order”, *Foreign Affairs*, 20 tháng 1 năm 2017.
- ⁴² Daniel W. Drezner, “This Time Is Different: Why U.S. Foreign Policy Will Never Recover”, *Foreign Affairs*, tháng 5-6 năm 2019.
- ⁴³ “Donald Trump's Baffling Proposal to Withdraw Troops from Germany”, *Economist*, 27 tháng 6 năm 2020.
- ⁴⁴ Một báo cáo có phần lạc quan hơn về căng thẳng xuyên Đại Tây Dương, xem: Karen Donfried và Wolfgang Ischinger, “The Pandemic and the Toll of Transatlantic Discord”, *Foreign Affairs*, 18 tháng 4 năm 2020.
- ⁴⁵ Aitor Hernández-Morales, “Germany Confirms That Trump Tried to Buy Firm Working on Coronavirus Vaccine”, *Politico*, 15 tháng 3 năm 2020, trích dẫn Jan Dams, “Diese Erfahrung wird Europa so schnell nicht vergessen”, *Die Welt*, 15 tháng 3 năm 2020, <https://www.welt.de/wirtschaft/plus206563595/Trump-will-deutsche-Impfstoff-Firma-CureVac-Traumatische-Erfahrung.html>.
- ⁴⁶ Richard Lough và Andreas Rinke, “U.S. Coronavirus Supply Spree Sparks Outrage Among Allies”, Reuters, 3 tháng 4 năm 2020.
- ⁴⁷ Theo Bộ Ngoại giao: “The United States President's Emergency Plan for AIDS Relief”, Bộ Ngoại giao Mỹ, <https://www.state.gov/pepfar/>; cũng xem Anthony S. Fauci và Robert W. Eisenger, “PEPFAR—15 Years and Counting the Lives Saved”, *New England Journal of Medicine* 378 (25 tháng 1 năm 2018): 314–316, <https://www.nejm.org/doi/10.1056/NEJMp1714773>; và “The U.S. President's Emergency Plan for AIDS Relief (PEPFAR)”, Kaiser Family Foundation, 27 tháng 5 năm 2020, <https://www.kff.org/global-health-policy/fact-sheet/the-u-s-presidents-emergency-plan-for-aids-relief-pepfar/>. Ước tính thậm chí ít

kịch tính hơn là ở khu vực lân cận có 3 triệu người được cứu sống: xem Dylan Matthews, “George W. Bush Was a Much Better President Than Liberals Like to Admit”, *Vox*, 8 tháng 7 năm 2015.

- 48 Châu Âu thực sự cung cấp một lượng lớn viện trợ phát triển nước ngoài, nhiều hơn nhiều so với Mỹ theo một số đánh giá. Theo số liệu của OECD, tính đến năm 2016, Mỹ đã cấp khoảng 30 tỉ USD mỗi năm, trong khi các tổ chức của EU cùng với Pháp, Anh và Đức đóng góp khoảng 60 tỉ USD, theo số liệu của OECD: <http://www.oecd.org/dac/stats/ODA-2015-detailed-summary.pdf>.
- 49 Mỹ đạt mức cao nhất mọi thời đại mới về số ca nhiễm Covid-19 hằng ngày (hơn 75.000) vào ngày 16 tháng 7: Lisa Shumaker, “U.S. Shatters Coronavirus Record with over 77,000 Cases in a Day”, Reuters, 16 tháng 7 năm 2020.
- 50 Kevin Rudd, “The Coming Post-Covid Anarchy”, *Foreign Affairs*, 6 tháng 5 năm 2020.
- 51 Tại Mỹ Latinh, sự tham gia với Cộng đồng các quốc gia Mỹ Latinh và Caribê (CELAC) thông qua Diễn đàn Trung Quốc-CELAC từ năm 2015 (http://www.chinacelacforum.org/eng/ltjj_1/P020161207421177845816.pdf), ở Trung và Đông Âu với “Visegrad Group”, và cái gọi là công thức 17+1 (Albania, Bosnia and Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Cộng hòa Czech, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Macedonia, Montenegro, Ba Lan, Romania, Serbia, Slovakia, và Slovenia, với sự tham gia của Hy Lạp năm 2019): Emilian Kavalski, “China’s ‘16+1’ Is Dead? Long Live the ‘17+1’”, *Diplomat*, 29 tháng 3 năm 2019.
- 52 Tổ chức Hiệp ước An ninh chung (The Collective Security Treaty Organization - CSTO), còn gọi là Hiệp ước Tashkent, từ năm 1992, ban đầu gồm Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Nga, Tajikistan, và Uzbekistan, năm 1993 thêm Azerbaijan, Belarus, và Gruzia. CSTO, “From the Treaty to the Organization”, <https://en.odkb-csto.org/25years/>.
- 53 “The crisis over Ukraine became the E[urasian] E[conomic] U[nion]’s birth trauma.” Evgeny Troitskiy, “The Eurasian Economic Union at Five: Great Expectations and Hard Times”, Wilson Center, 14 tháng 1 năm 2020, <https://www.wilsoncenter.org/blog-post/eurasian-economic-union-five-great-expectations-and-hard-times>.
- 54 Ivan Krastev và Mark Leonard, “Europe’s Pandemic Politics: How the Virus Has Changed the Public’s Worldview”, European Council on Foreign Relations, Policy Brief, 23 tháng 6 năm 2020, https://www.ecfr.eu/publications/summary/europes_pandemic_politics_how_the_virus_has_changed_the_publics_worldview.

- ⁵⁵ Emmanuel Macron, “Adresse aux Français”, <https://www.elysee.fr/emmanuel-macron/2020/06/14/adresse-aux-francais-14-juin-2020>.
- ⁵⁶ Để biết thêm ý tưởng về trật tự do Mỹ tạo ra tồn tại lâu dài hơn quyền lực của đất nước đã tạo ra nó, xem Ikenberry, lời nói đầu cho *After Victory* ấn bản 2019.
- ⁵⁷ Michael Cabbage và Leslie McCarthy, “NASA Climate Modeling Suggests Venus May Have Been Habitable”, NASA Goddard Institute for Space Studies, <https://climate.nasa.gov/news/2475/nasa-climate-modeling-suggests-venus-may-have-been-habitable/>.

Từ lâu các nhà khoa học đã đưa ra giả thuyết rằng sao Kim hình thành từ các thành phần tương tự như Trái đất, nhưng đi theo một con đường tiến hóa khác. Các đo đạc của sứ mệnh Tiên phong của NASA tới Sao Kim vào những năm 1980 lần đầu tiên cho thấy Sao Kim ban đầu có thể đã có đại dương. Tuy nhiên, sao Kim gần mặt trời hơn Trái đất và nhận được nhiều ánh sáng mặt trời hơn. Kết quả là, đại dương ban đầu của hành tinh này bốc hơi, các phân tử hơi nước bị bức xạ tia cực tím phá vỡ, và hydro thoát ra ngoài không gian. Không còn nước trên bề mặt, carbon dioxide tích tụ trong khí quyển, dẫn đến cái gọi là hiệu ứng nhà kính xảy ra rất nhanh đã tạo ra các điều kiện hiện nay.

- ⁵⁸ Paul Kennedy, *The Parliament of Man: The Past, Present, and Future of the United Nations* (New York: Random House, 2006), 283.

Kết luận: Không có số phận được định sẵn

- ¹ Frank Newport, “75 Years Ago, the First Gallup Poll”, Gallup, 20 tháng 10 năm 2010, <https://news.gallup.com/opinion/polling-matters/169682/years-ago-first-gallup-poll.aspx>.
- ² “Một cuộc thăm dò dư luận vào cuối tháng 3 cho thấy 72% cho rằng EU đã không đóng góp ‘chút nào’ vào việc giải quyết đại dịch và lòng tin vào EU đã giảm xuống 25% từ 34% trước khi đại dịch xảy ra.” Luigi Scazzieri, “Trouble for the EU Is Brewing in Coronavirus-Hit Italy”, Centre for European Reform, 2 tháng 4 năm 2020, <https://www.cer.eu/insights/trouble-eu-brewing-coronavirus-hit-italy>, trích dẫn ADN Kronos, “Il sondaggio: fiducia in Ue crolla anche fra europeisti”, https://www.adnkronos.com/fatti/cronaca/2020/03/29/sondaggio-fiducia-crolla-anche-fra-europeisti_4SqDLxMTeNlPrJsz9jEwzK.html.
- ³ Jan Strupczewski, John Chalmers, và Robin Emmott, “EU Reaches Historic Deal on Pandemic Recovery After Fractious Summit”, Reuters, 20 tháng 7 năm 2020.

- ⁴ Chẳng hạn, Robert Boyd và Peter J. Richerson, “Culture and the Evolution of Human Cooperation”, *Philosophical Transactions of the Royal Society of London, Series B, Biological Sciences* 364, no. 1533 (12 tháng 11 năm 2009): 3281-3288, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC2781880/>; một lý thuyết được đại chúng hóa gần đây trong *Humankind: A Hopeful History* của Rutger Breman (New York: Little, Brown, 2020), Erica Moore và Elizabeth Manton dịch.
- ⁵ Karl Marx, *The Eighteenth Brumaire of Louis Bonaparte*, Saul K. Padover dịch (1852), Chương 1.
- ⁶ Henry Kissinger đưa ra công thức hơi khác một chút về chính sách kiểu Bismarck này trong “Otto von Bismarck: Master Statesman”, *New York Times*, 31 tháng 3 năm 2011.
- ⁷ Tường thuật về sự hợp tác giữa Mỹ và Liên Xô nhằm giải quyết bệnh đậu mùa đến từ nhà sử học Harvard Erez Manela, với tài năng xuất sắc và uy tín của ông “A Pox on Your Narrative: Writing Disease Control into Cold War History”, *Diplomatic History* 34, no. 2 (tháng 4 năm 2010), <https://scholar.harvard.edu/files/manela/files/manela-pox-dh.pdf>. Ông trích dẫn thư của Thomas Jefferson gửi Edward Jenner, 14 tháng 5 năm 1806, The Thomas Jefferson Papers, Series 1, General Correspondence, Library of Congress, Washington, DC.
- ⁸ “Smallpox”, Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Mỹ, thăm định cuối cùng ngày 12 tháng 7 năm 2017, <https://www.cdc.gov/smallpox/index.html>.

Ghi nhận quyền tác giả

Các phần của “Bài học 9: Thế giới đang trở thành lương cục” và “Bài học 10: Những người theo chủ nghĩa hiện thực vĩ đại nhất lại là những nhà lý tưởng” lấy từ “Sự tự hủy diệt của quyền lực Mỹ”. In lại với sự cho phép của *Foreign Affairs*, tháng 7-8 năm 2019. Bản quyền 2019 của Council on Foreign Relations, Inc. www.ForeignAffairs.com.

Một phần của “Bài học 9: Thế giới đang trở thành lương cục” lấy từ “Nỗi sợ một Trung Quốc mới”. In lại với sự cho phép của *Foreign Affairs*, tháng 1-2 năm 2020. Bản quyền 2020 của Council on Foreign Relations, Inc. www.ForeignAffairs.com.

Cuốn sách này dựa trên các tác phẩm đã xuất bản trước đây của tác giả, đặc biệt là chuyên trang của ông trên *The Washington Post*, tất cả đều có tại <https://www.washingtonpost.com/people/fareed-zakaria/>.

BÀI THƠ CỦA EMILY DICKINSON: BẢN ĐỌC, Ralph W. Franklin biên tập, Cambridge, Mass.: The Belknap Press of Harvard University Press, Copyright © 1998, 1999 1998, 1999 của President and Fellows of Harvard College. Copyright © 1951, 1955 của President and Fellows of Harvard College. Copyright © gia hạn 1979, 1983 của President and Fellows of Harvard College. Copyright © 1914, 1918, 1919, 1924, 1929, 1930, 1932, 1935, 1937, 1942 của Martha Dickinson Bianchi. Copyright © 1952, 1957, 1958, 1963, 1965 của Mary L. Hampson.

Biểu đồ trang 185 trích từ “Globalization over 5 centuries, World” [tạm dịch: “Toàn cầu hóa hơn năm thế kỷ, Thế giới”], Esteban Ortiz-Ospina và Diana Beltekian, Our World in Data, xuất bản năm 2014, hiệu chỉnh tháng 10 năm 2018, <https://ourworldindata.org/grapher/globalization-over-5-centuries?time=1945..2016>. Số liệu từ Mariko J. Klasing và P. Milonis, “Quantifying the Evolution of World Trade, 1870–1949” [tạm dịch: “Định lượng sự tiến hóa của thương mại thế giới, 1870–1949”], *Journal of International Economics* 92, no. 1 (2014): 185-197; A.

Estevadeordal, B. Frantz, và A. Taylor, “The Rise and Fall of World Trade, 1870–1939” [tạm dịch: “Sự trỗi dậy và sụp đổ của Thương mại Thế giới, 1870–1939”], *Quarterly Journal of Economics* 118, no. 2 (2003): 359–407, truy cập từ <http://www.jstor.org/stable/25053910>; World Bank—World Development Indicators, <http://data.worldbank.org/data-catalog/world-development-indicators>; Robert C. Feenstra, Robert Inklaar, và Marcel P. Timmer, “The Next Generation of the Penn World Table”, *American Economic Review* 105, no. 10 (2015): 3150–3182, có sẵn để tải về tại www.ggdc.net/pwt.PWTV9.1.

10 BÀI HỌC CHO THẾ GIỚI HẬU ĐẠI DỊCH

FAREED ZAKARIA

HUY MINH dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc PHAN THỊ THU HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập NGUYỄN THÀNH NAM
Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN THỊ MỘNG XUÂN
Bìa: NGUYỄN LÊ DUY
Trình bày: NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (028) 38437450
E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đám Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (024) 37734544 - Fax: (024) 35123395
E-mail: chinhanhhanoi@nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 280D Trưng Nữ Vương,
Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Điện thoại: (023) 63539885
E-mail: chinhanhdanang@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM
ĐT: (028) 35261001 - Fax: (028) 38437450
Email: info@ybook.vn - Website: www.ybook.vn

Khổ: 15,5 x 23 cm, số: 1572-2021/CXBIPH/05-89/Tre
Quyết định xuất bản số 798/QĐA-NXBT, ngày 06 tháng 10 năm 2021
In 1.500 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2021
ISBN: 978-604-1-19010-8